ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH TRUNG A-HÀM
TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH
TRUNG A-HÀM

TẬP IV

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2005

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
THỰC HIỆN

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH, CHỈ ĐẠO,
PHIÊN DỊCH VÀ ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

CHỨNG MINH: *Hoà thượng* THÍCH TRÍ TỊNH

- Chủ tịch	:	*Hoà thượng* THÍCH MINH CHÂU
- Phó Chủ tịch	:	*Hoà thượng* THÍCH THANH TỪ
- Phó Chủ tịch	:	*Hoà thượng* THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Phó Chủ tịch	:	*Hoà thượng* THÍCH ĐỒNG MINH
- Phó Chủ tịch	:	*Hoà thượng* THÍCH TRÍ QUẢNG
- Phó Chủ tịch	:	*Thượng toạ* THÍCH GIÁC TOÀN (kiêm TB. In ấn)
- Phó Chủ tịch	:	*Giáo sư* MINH CHI
- Phó Chủ tịch	:	*Giáo sư* LÊ MẠNH THÁT (kiêmTB. Thư ký)
-TB. Tài chánh	:	*Thượng toạ* THÍCH TỪ GIANG
-Phó Thư ký	:	*Đại đức* THÍCH TÂM ĐỨC
-Phó Thư ký	:	*Đại đức* THÍCH NHẬT TỪ
-Thủ quỹ	:	*Sư cô* TN HUỆ HẠNH

Bản dịch từ Phạn ra Hán:

ĐỜI ĐÔNG TẤN NGÀI TAM TẠNG CÙ-ĐÀM
TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ, NƯỚC KẾ TÂN
ĐẠO TỔ chấp bút

Bản dịch từ Hán ra Việt:

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC NHA TRANG

Hiệu đính bản Việt dịch:

Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU

XIV. PHẨM TÂM

172. Kinh Tâm.
173. Kinh Phù-di.
174. Kinh Thọ Pháp (A).
175. Kinh Thọ Pháp (B).
176. Kinh Hành Thiền.
177. Kinh Thuyết.
178. Kinh Lạp Sư.
179. Kinh Ngũ Chi Vật Chủ.
180. Kinh Cù-đàm-di.
181. Kinh Đa Giới.

172. KINH TÂM

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo sống một mình ở nơi yên tĩnh, Thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: "Cái gì dẫn thế gian đi, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tại ?"

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, thầy Tỳ-kheo ấy từ Thiền tọa đứng dậy, đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con sống một mình ở nơi yên tĩnh, Thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm:

"Cái gì dẫn thế gian đi, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tại ?"

Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện; đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Cái gì dẫn thế gian đi, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tại ?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của Thầy có phải vậy chăng ?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm nhiễm trước, tâm khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, chính nó dẫn thế gian đi, chính nó nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không tùy tâm tự tại mà tâm tùy theo Đa văn Thánh đệ tử.

Thầy Tỳ-kheo bạch:

— Lành thay ! Lành thay ! Bạch Thế Tôn, con đã thấu hiểu.

Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp:

— Bạch Thế Tôn, Đa văn Tỳ-kheo, được gọi là Đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đa văn Tỳ-kheo ? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo ?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, Đa văn Tỳ-kheo, được gọi là Đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đa văn Tỳ-kheo ? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo ?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của Thầy có phải vậy chăng ?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Tỳ-kheo, những điều được Ta thuyết giảng rất nhiều: Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Này Tỳ-kheo, nếu có Thiện nam tử

chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ mà biết nghĩa, biết pháp, tùy pháp, hành pháp, thuận theo Phạm hạnh, thì này Tỳ-kheo, nói Đa văn Tỳ-kheo là chỉ nói như vậy, chứ không hơn nữa. Này Tỳ-kheo, như vậy là Đa văn Tỳ-kheo. Như Lai tuyên bố như vậy là Đa văn Tỳ-kheo.

Thầy Tỳ-kheo bạch:

— Lành thay ! Lành thay ! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.

Thầy Tỳ-kheo ấy, sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành. Rồi lại hỏi tiếp:

— Bạch Thế Tôn, Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt, được gọi là Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt ? Thế nào để được tuyên bố là Đa văn Tỳ-kheo trí tuệ minh đạt ?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, Đa văn Tỳ-kheo trí tuệ minh đạt được gọi là Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào là Đa văn Tỳ-kheo có trí

tuệ minh đạt ? Thế nào để được tuyên bố Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt ?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của Thầy có phải vậy chăng ?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nghe rằng "Đây là Khổ" tức thì, với trí tuệ mà chân chánh thấy khổ đúng như thật, nghe "Khổ tập", "Khổ diệt", "Khổ diệt đạo", tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy Khổ, Diệt, Đạo, đúng như thật. Này Tỳ-kheo, như vậy là Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bố, như vậy là Đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt.

Thầy Tỳ-kheo bạch:

— Lành thay ! Lành thay ! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.

Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp:

— Bạch Thế Tôn, thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ, được gọi là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ ? Thế

nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ ?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ ? Thế nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ ?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của Thầy có phải vậy chăng ?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Nếu Tỳ-kheo không có niệm tự hại, không có niệm hại người, cũng không có niệm hại cả hai; Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân, và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong muốn cho Trời, Người được lợi ích, phước lành, được an ổn khoái lạc. Này Tỳ-kheo, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Như Lai tuyên bố, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ.

Thầy Tỳ-kheo bạch:

— Lành thay ! Lành thay ! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.

Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, khéo tụng tập, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ Thầy Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời dạy của đức Thế Tôn, sống một mình ở nơi yên tĩnh, xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Thầy Tỳ-kheo ấy sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến mục đích mà một Thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vị Tôn giả ấy đã biết pháp rồi cho đến chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

173. KINH PHÙ-DI

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Phù-di cũng ở tại thành Vương Xá, trong Thiền thất vô sự. Lúc bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Phù-di khoác y, ôm bát, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Phù-di suy nghĩ rằng: "Hãy khoan vào thành Vương Xá khất thực, ta nên đến nhà vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử."

Rồi, Tôn giả Phù-di đi đến nhà vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử từ xa trông thấy Tôn giả Phù-di đến, liền từ chỗ

ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di và nói như vầy:

— Kính chào Tôn giả Phù-di. Tôn giả Phù-di từ lâu không đến đây. Xin mời ngồi trên giường nầy.

Tôn giả Phù-di ngồi xuống. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na Đồng tử cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả Phù-di, rồi ngồi sang một bên và thưa:

— Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng ?

Tôn giả Phù-di đáp:

— Này Vương Đồng tử, muốn hỏi điều gì xin tùy ý. Tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ.

Vương đồng tử liền hỏi:

— Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng: "Này Vương Đồng tử, người nào có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả." Đấng

Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có lập thuyết gì chăng ?

Tôn giả Phù-di nói:

— Này Vương Đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe đức Thế Tôn nói, cũng chưa được nghe các vị Phạm hạnh nói lại. Nhưng này Vương Đồng tử, có thể đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người nào có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả."

Vương Đồng tử thưa:

— Nếu đấng Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, lập thuyết như vậy, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời trong thế gian nầy, Ngài quả là bậc tối thượng. Thưa Tôn giả Phù-di, xin mời Ngài thọ trai tại đây luôn.

Tôn giả Phù-di im lặng nhận lời. Sau khi biết Tôn giả Phù-di đã nhận lời rồi, Vương Đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn ngon, sạch, mỹ diệu với đủ

loại nhai, thức nuốt, tự tay hầu hạ khiến Tôn giả thọ dụng no đủ. Khi Tôn giả ăn xong, Vương Đồng tử thu dọn chén bát, múc nước rửa, rồi lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Tôn giả Phù-di thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, đến chỗ đức Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên và đem những điều đã bàn luận với Vương Đồng tử thuật lại hết với đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói:

— Này Phù-di, sao Thầy không đem bốn ví dụ nói cho Vương Đồng tử rõ ?

Tôn giả Phù-di hỏi:

— Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì ?

Đức Thế Tôn nói:

— Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu họ không có ước nguyện,

hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò, thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy ? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, nên chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước

nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa, cho trâu ăn uống no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn lấy sữa, cho trâu ăn uống no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao ? Vì tìm cầu sữa một cách chơn chánh, nghĩa là vắt nơi vú trâu. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã, rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã, rồi khấy đều lên, thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao ? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, nghĩa là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn

không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc, rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn được tô. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc, rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn có được tô. Vì sao ? Vì tìm cầu tô một cách chơn chánh, nghĩa là khuấy lạc. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước

nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, thì chắc chắn không có được dầu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có dầu lại đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống thì chắc chắn không có được dầu. Vì sao ? Vì tìm cầu dầu một cách tà vạy, nghĩa là ép cát. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách

tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, thì chắc chắn có được dầu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, thì chắc chắn có được dầu. Vì sao ? Vì tìm cầu dầu một

cách chơn chánh, nghĩa là ép hạt mè. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, bèn lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt làm dùi, thì chắc chắn không có được lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước

nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có lửa mà lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi, thì chắc chắn không có được lửa. Vì sao ? Vì tìm cầu lửa một cách tà vạy, nghĩa là dùng củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không được chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, bèn lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô

mà dùi, thì chắc chắn có được lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có lửa, lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi, thì chắc chắn có được lửa. Vì sao ? Vì tìm cầu lửa một cách chơn chánh, nghĩa là dùi củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chơn chánh, thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao ? Vì tìm cầu quả vị một cách chơn chánh, nghĩa là đúng đường lối.

Này Phù-di, nếu Thầy nói cho Vương Đồng tử nghe bốn ví dụ nầy; Vương Đồng tử nghe xong, chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường Thầy suốt đời, như áo chăn, uống ăn, ngọa cụ, thuốc thang, và đủ các thứ nhu dụng khác cho đời sống.

Tôn giả Phù-di thưa:

— Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng

được nghe bốn ví dụ nầy, thì lấy đâu để nói lại ? Duy chỉ hôm nay mới được nghe Thế Tôn nói mà thôi.

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Tôn giả Phù-di và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

174. KINH THỌ PHÁP (A)

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp. Những gì là bốn ? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ; hoặc thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc; hoặc có thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ; hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc.

Thế nào là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ ? Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí ham thích vui đùa cùng với người con gái đẹp

và tuyên bố: "Sa-môn, Phạm chí nầy, đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai, mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục ? Vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng !". Vị ấy cùng với người nữ nầy cùng nhau vui đùa, du hí trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy: "Sa-môn, Phạm chí kia, đối với dục, thấy những sợ hãi và những tai họa nầy trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên nơi dục cho nên mới lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy." Cũng như vào tháng cuối mùa xuân, ban ngày rất nóng, hạt giống của dây leo, tên là chích bì bình, rớt xuống gốc cây sa-la. Bấy giờ thần cây sa-la nhơn đó, sinh ra sợ sệt. Bấy giờ các vị thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ cây lúa, cây cỏ vốn là bà con, bằng hữu của thần cây kia, đối với hạt giống, vì thấy tương lai có sự sợ hãi, có đủ tai họa như vậy, liền đi đến chỗ thần cây mà an ủi rằng: "Thần cây chớ sợ ! Thần cây chớ sợ ! Hạt giống nầy đây hoặc là bị nai ăn hoặc chim khổng

tước ăn, hoặc bị gió thổi đi, hoặc bị lửa xóm đốt đi, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, Ông được an ổn." Nhưng hạt giống nầy không bị nai ăn, chim khổng tước ăn, gió thổi đi, lửa xóm đốt, không bị lửa đồng thiêu, cũng không bị hư hoại, thì không phải chẳng thành hạt giống; hạt giống nầy chẳng khuyết, chẳng sâu, không bị vỡ, không bị mưa, gió, nắng làm tổn thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liền nẩy sanh nhanh chóng. Thần cây kia liền suy nghĩ như vầy: "Vì những lý do gì mà các thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuốc, vốn là thân bằng quyến thuộc và bạn hữu, đối với hạt giống, thấy tương lai có sự sợ hãi nào, tai hoạn gì, lại sang an ủi ta và nói: "Thần cây chớ sợ ! Thần cây chớ sợ ! Này Thần cây, hạt giống nầy hoặc bị nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc bị gió thổi đi, hoặc bị lửa xóm thiêu, lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, Ông được an ổn" ? Nhưng hạt giống nầy không bị nai ăn, không bị chim khổng tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bị lửa đồng đốt, cũng không bị hư hoại không thành hạt giống, hạt giống nầy chẳng khuyết chẳng sâu, không bị vỡ, chẳng bị mưa, gió, nắng làm tổn

thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt liền nẩy mầm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mềm mại, thành đốt sờ đến thích thú. Thân, cành, lá mềm mại, thành đốt nẩy sờ đến thích thú, xúc chạm vui sướng. Nhờ duyên nẩy cây thành cành lá to lớn, quấn lấy thân kia, che phủ ở trên." Sau khi bị che phủ ở trên rồi, vị thần cây kia mới suy nghĩ như vầy: "Các thần cây chung quanh kia, nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuốc; các thần cây thân quyến bằng hữu đối với hạt giống nẩy, thấy trong tương lai có sự sợ hãi và tai họa nẩy mà đến an ủi ta rằng: "Thần cây chớ sợ ! Hạt giống nẩy hoặc bị nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc gió thổi đi, hoặc lửa xóm thiêu, hoặc lửa đồng đốt hoặc hư hại chẳng thành hạt giống. Như vậy, này Thần cây, Ông được an ổn." Nhưng hạt giống nẩy không bị nai ăn, không bị chim khổng tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bị lửa đồng đốt cũng không bị hư hoại chẳng thành hạt giống. Hạt giống nẩy chẳng khuyết, chẳng sâu, cũng chẳng bị vỡ bể, không bị mưa, gió, nắng làm thương tổn, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liền nẩy sanh mầm nhanh chóng. Nhơn vì hạt giống, duyên vì hạt giống mà ta chịu sự khổ cùng cực nẩy, sự khổ trọng đại nẩy."

Cũng vậy, hoặc có Sa-môn, Phạm chí ham

thích vui đùa cùng người con gái đẹp và nói như vầy: "Sa-môn, Phạm chí nầy đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai mà phải đoạn trừ dục, bày ra phương pháp đoạn dục ? Vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng !". Vị ấy cùng với người nữ nầy cùng nhau vui đùa, du hý. Người đó thọ pháp lạc đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy: "Sa-môn, Phạm chí kia, đối với dục, thấy những sự sợ hãi và những tai họa nầy trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên với dục, cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, trọng đại như vậy !". Đó gọi là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ.

Sao gọi là pháp thọ hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc ? Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục, nặng đắm nhuế, nặng đắm si, thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu, sầu, tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu, sầu. Người ấy vì khổ vì ưu mà trọn suốt cuộc sống tu hành Phạm hạnh, cho đến khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp nầy đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung,

tất sanh đến chỗ lành, sanh vào cõi trời. Đó là thọ pháp hiện tại khổ tương lai thọ quả báo lạc.

Sao gọi là pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ ? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu báu làm y phục, hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng chén, không ăn những đồ ăn giựt ra từ đao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý, không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dơ, không uống gì cả, học hạnh không uống, học ăn một miếng và cho một miếng là đủ, học ăn hai miếng, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho là đủ, hoặc một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ, hoặc ăn một ngày một lần và cho một lần ăn là đủ, hoặc hai, ba, bốn, cho đến suốt bảy ngày, nửa tháng hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ, hoặc ăn rau cải, hoặc ăn hạt đắng, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn lúa tạp huỳnh, hoặc ăn đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn của nai ăn, hoặc đến chỗ

vô sự, nương ở chỗ vô sự, hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rớt xuống, hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc toàn da, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc áo da toàn xoi lỗ, hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng, không hề ngồi, hoặc đi chồng hổng, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trên cỏ, lấy cỏ làm giường, hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc, hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên, hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng tôn hựu đại đức, ngày đêm chấp tay hướng về. Những sự thọ khổ như vậy không thể lường hết, học hạnh nóng bức. Vị ấy thọ pháp nầy đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung, tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là thọ pháp hiện tại khổ tương lai cũng thọ quả báo khổ vậy.

Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc ? Hoặc có người bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế, không nặng đắm ngu si. Vị ấy không thường theo tâm dục mà thọ khổ, sầu, lo, không theo tâm sân nhuế mà thọ khổ, sầu, lo, và không theo tâm ngu si mà thọ

khổ, sầu, lo. Vị ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành Phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan duyệt. Vị ấy thọ pháp nầy đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kiết dứt sạch, thì hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi nầy. Đó là pháp thọ hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc.

Thế gian thật sự có bốn thứ thọ pháp như vậy, do đó mà Ta giảng thuyết.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

175. KINH THỌ PHÁP (B)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở tại đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Thế gian nầy có ước muốn như vầy, hy vọng như vầy, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và khởi ý như vầy: "Mong sao các pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt; còn pháp hỷ, ái, xứng ý sinh ra." Họ ước muốn như vậy, hy vọng như vậy, yêu thích như vậy, vui sướng như vậy và ý tưởng như vậy. Song pháp chẳng hỷ, chẳng ái, không xứng ý lại sanh; còn pháp có hỷ, có ái, có xứng ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Pháp của Ta

rất sâu xa, khó trông thấy, khó hiểu, khó thông đạt. Pháp của Ta sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thông đạt là như vầy: Pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt, còn pháp có hỷ, có ái, xứng ý được sanh. Đó là pháp không ngu si.

Thế gian nầy quả thật có bốn thứ thọ pháp. Những gì là bốn ? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc.

Thế nào là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ ? Hoặc có người tự mình vui thích, tự mình vui thích trong việc sát sanh, do nhơn sát sanh mà sinh lạc, sinh hỷ. Người đó tự mình vui thích trong việc trộm cắp, tự mình vui thích trong việc tà dâm, nói láo cho đến tà kiến, nhơn nơi tà kiến mà sinh lạc, sinh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện từ bất thiện mà sinh ra, không đi đến trí, không đi đến giác ngộ, không đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ.

Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai

thọ quả báo lạc ? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu trong việc đoạn trừ sát sanh, do sự đoạn trừ sát sanh mà sanh khổ, sanh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu trong việc đoạn trừ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn trừ tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; thiện từ thiện mà sanh, đi đến trí, đi đến giác, đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc.

Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ ? Hoặc có người tự khổ, tự ưu trong việc sát sanh, do sát sanh mà khổ, sinh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu, trong việc trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến, do tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; bất thiện từ bất thiện mà sanh, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ lấy quả báo khổ.

Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc ? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sinh lạc, sinh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc đoạn trừ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho

đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc và tâm lạc; thiện từ thiện mà sanh, dẫn đến trí, dẫn đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Nhưng người kia do ngu si, chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc, nhưng tương lai chịu lấy khổ báo. Khi không biết như thật, nên tập hành chứ không đoạn trừ; do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, xứng ý diệt. Cũng như vị thuốc a-ma-ni, một phần có sắc đẹp và mùi thơm nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống thì sắc đẹp và hương vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc. Như vậy là thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai phải chịu lấy quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành, không đoạn trừ; do tập hành, không đoạn trừ; pháp không ái, không hỷ, không xứng ý sanh; pháp ái, pháp hỷ, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai chịu quả báo lạc. Nhưng người ấy ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo lạc. Khi đã không biết như thật, người kia liền không tập hành mà đoạn trừ; không tập hành mà đoạn trừ;pháp không hỷ, không xứng ý, không ái sanh;pháp ái, pháp hỷ, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Nhưng người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại khổ tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, người kia liền tập hành, không đoạn trừ. Khi đã tập hành, không đoạn trừ, pháp không ái, không hỷ, không xứng ý sanh pháp ái, pháp hỷ, pháp xứng ý diệt. Cũng như đại tiểu tiện lại trộn lẫn độc, hoặc có người bị bệnh cho nên uống, khi uống thì nhơ nhớp, hôi thúi, không có mùi vị, không ngon miệng, mà lại tổn thương cuống họng, uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Như vậy, pháp thọ nầy hiện tại khổ tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại khổ tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, bèn tập hành, không đoạn trừ; do tập hành, không đoạn trừ; pháp

không ái, không hỷ, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc tương lai cũng thọ quả báo lạc. Nhưng người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc. Khi đã không biết như thật nên người kia không tập hành mà đoạn trừ; do không tập hành mà đoạn trừ, pháp không ái, không hỷ, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào nên tập hành, và không biết như thật pháp nào không nên tập hành, nên pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên hành lại không tập hành. Do tập hành pháp không nên tập hành, và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp có hỷ, có ái, xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Khi đã biết như thật, nên vị ấy không tập hành, nhưng đoạn trừ; do không tập hành nhưng đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái, có xứng ý sanh; pháp

không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ.

Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại khổ nhưng tương lai thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; do tập hành chứ không đoạn trừ; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như đại tiểu tiện có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống sắc xấu, hôi thúi, không mùi vị, không ngon miệng mà lại hại cho cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp nầy hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc; do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ.

Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Người có trí tuệ biết như thật rằng, thọ pháp nầy hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Khi đã biết như thật, vị ấy không tập hành, nhưng đoạn trừ; do không tập

hành nhưng đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, pháp không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ..

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng, thọ pháp nầy hiện tại lạc tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; do tập hành chứ không đoạn trừ; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng; uống vào bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết một cách như thật rằng thọ pháp nầy hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; do tập hành chứ không đoạn trừ; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Người đó biết như thật rằng đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Khi biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vị ấy tập hành pháp nên tập hành,

không tập hành pháp không nên tập hành; do tập hành pháp nên tập hành, và không tập hành pháp không nên tập hành; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, pháp không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ.

Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng thuyết.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

176. KINH HÀNH THIỀN

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

— Trong thế gian quả thật có bốn loại người hành Thiền. Những gì là bốn ? Hoặc có người hành Thiền xí thạnh mà gọi là suy thối, hoặc có người hành Thiền suy thối mà gọi là xí thạnh, hoặc có người hành Thiền suy thối thì biết như thật là suy thối, hoặc có người hành Thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Thế nào gọi là người hành Thiền xí thạnh mà cho là suy thối ? Người hành Thiền kia ly dục, ly

pháp ác bất thiện, có giác có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Tâm người đó tu tập chánh tư duy, thì từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành Thiền đó lại nghĩ rằng: "Tâm ta lìa bốn tướng, mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh, thù thắng." Vị ấy do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thối chuyển ý, bèn mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền, giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do định, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ rằng: "Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ hai và diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh

thù thắng." Vị ấy do không biết như thật đối với sự như thật mà thối chuyển ý, liền mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền ly hỷ và dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm chánh trí, thân có cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành Thiền đó lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba và diệt mất định." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ nơi Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật đối với sự như thật mà thối chuyển ý, liền mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu vốn có cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành Thiện ấy lại

nghĩ: "Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ tư và diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật đối với sự như thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu an trú nơi Vô lượng không xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành Thiền ấy lại nghĩ rằng: "Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ và diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật đối với sự thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an

trú Vô lượng thức xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, nên mất Vô lượng thức xứ, diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ nơi thức vô lượng hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng". Vị ấy không biết như thật đối với sự thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Vô sở hữu xứ, diệt mất định." Vị hành Thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, từ chỗ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật đối với sự thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thối.

Thế nào là hành Thiền suy thối mà cho là xí thạnh ?

Người hành Thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ hai. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Thiền thứ nhất, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ hai. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ ba. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai, hướng đến Thiền thứ ba, đó là tịch tịnh

thù thắng. Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng, có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ hai, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ ba. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ tư. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng, có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ tư. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng diệt, không khổ, không lạc,

xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Người hành thiền ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng không xứ. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng không xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng thức xứ. Nhưng người hành Thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô lượng

không xứ, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng thức xứ. Vị ấy không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức xứ, chứng Vô lượng thức xứ ấy, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ. Nhưng người hành Thiền ấy nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng, có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Vô lượng thức xứ, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Nhưng người hành Thiền ấy

lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành Thiền ấy không biết như thật rằng, có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy nên mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối mà cho là xí thạnh.

Thế nào là người hành Thiền suy thối thì biết như thật là suy thối ?

Người hành Thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ ấy, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô sở hữu xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối, thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng thức xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng không xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với

đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc sắc mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ ba mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ tư, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ ba mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ nhất mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ hai, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Lại nữa, người hành Thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc dục mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ nhất, diệt mất định." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành Thiền như vậy là suy thối thì biết như thật là suy thối.

Thế nào là người hành Thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh ?

Người hành Thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền với giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ hai thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền với lạc diệt, khổ

diệt, hỷ, ưu vốn có cũng diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức

xứ ấy, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ, hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Lại nữa, người hành Thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành Thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ra tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành Thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

Thế gian quả thật có bốn loại người hành Thiền như vậy, vì vậy mà Ta giảng thuyết.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

177. KINH THUYẾT

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

— Ta sẽ thuyết pháp cho các Thầy nghe, vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; đó là kinh Tứ Chủng Thuyết. Sau đây ta sẽ phân biệt nghĩa lý của kinh Tứ Chủng Thuyết. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe ! Hãy khéo tư niệm, Ta sẽ giảng.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe.

Đức Phật nói:

— Thế nào gọi là phân biệt nghĩa lý của kinh Tứ Chủng Thuyết ?

Nếu có Tỳ-kheo, với sở hành, đối tượng, và tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với dục lạc, với sự thối thuyển, thì Tỳ-kheo ấy phải nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trụ, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đó định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú; và vị ấy thọ lãnh sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, khiến an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ hai, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ hai." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, với vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm tởm, như vậy không bao lâu nữa, sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu

đích giác, quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ nhất, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do vậy, định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích giác, quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Và vị ấy chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp này nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích giác, quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc

Thiền thứ hai, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa, sẽ chứng đắc Thiền thứ ba." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích giác quán, đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa, sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cấu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba,

thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đó định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Và vị ấy chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba,

thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ tư, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ tư." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc

Thiền thứ tư, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đó định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Và vị ấy chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng,

tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô lượng không xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa, sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành

niệm tưởng tương ưng với ái lạc sắc, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đó định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ. Và vị ấy chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự

thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sánh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô lượng thức xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta

sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đó định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Và vị ấy chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ: nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô sở hữu xứ, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô sở hữu xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự thối chuyển, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta bị thối chuyển, do đố định nầy của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Và vị ấy

chấp thọ sở hành nầy, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được an trú, do đó định nầy của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với sự thăng tiến, thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán; vì ta sanh pháp nầy nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ; nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành nầy, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích nầy, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với sự nhàm chán, với sự vô dục, thì

Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp nầy mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến; vì ta sanh pháp nầy nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Có tưởng và có thọ được biết ngang đến mức ấy, cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ là hành nghiệp lưu dư cao hơn hết trong sự hữu. Tỳ-kheo hành Thiền hãy phát khởi theo như vậy, hãy thuyết giảng lại cho người khác biết.

Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

178. KINH LẠP SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Người thợ săn khi bẫy mồi nai, không có tâm như vầy: "Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu." Nhưng người thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vầy: "Bẫy mồi là chỉ muốn chúng đến gần để ăn, đã đến gần để ăn thì sẽ buông lung phóng dật, đã buông lung phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Người thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vậy.

Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung, phóng dật, rồi do buông lung, phóng dật, nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung, phóng dật; rồi do buông lung, phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được chăng ?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng, an toàn, ăn cỏ, uống nước. Đến tháng cuối mùa xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới

của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, do không kiêu xa, phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật, rồi do không buông lung, phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Đàn nai thứ ba nầy khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh ! Vì sao ? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài, sau khi bủa lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba nầy." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất,

thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, không buông lung, phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, nương ở chỗ ấy rồi liền ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật, rồi do không buông lung, phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ tư nầy tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh ! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư nầy." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Này Tỳ-kheo, Ta nói dụ nầy là muốn các Thầy hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói những điều nầy, các

Thầy hãy quán sát nghĩa lý của chúng. Đồ mồi của thợ săn, nên biết đó là năm đặc tính dục, sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, và xúc được biết bởi thân. Đồ mồi của thợ săn, nên biết đó chính là năm đặc tính của dục. Người thợ săn, nên biết đó chính là ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn, nên biết đó chính là quyến thuộc của ma vương. Còn đàn nai, nên biết đó chính là Sa-môn, Phạm chí vậy.

Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần đồ mồi của ma vương, là đồ mồi của thế gian tín thí; những vị ấy sau khi đến gần để ăn, bèn sanh buông lung, phóng dật; rồi do buông lung, phóng dật nên bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của ma vương. Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung, phóng dật; rồi do buông lung, phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các Thầy hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí kia cũng giống như vậy.

Sa-môn, Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ: "Sa-

môn, Phạm chí thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của ma vương, đồ mồi của thế gian tín thí; những vị ấy sau khi đến gần để ăn, bèn sanh buông lung, phóng dật; rồi do buông lung, phóng dật nên bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của ma vương và quyến thuộc của ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thế gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ đồ mồi của thế gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây. Đến tháng cuối xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vị ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn. Vì khí lực hao mòn nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn; tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trở lại bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của ma vương và quyến thuộc của ma vương. Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buôn lung, phóng dật; rồi do buông lung, phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai

thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được chăng ?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước. Đến tháng cuối xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các Thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy.

Sa-môn, Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới ma vương và quyến thuộc ma vương. Nay ta hãy tránh xa ma vương và quyến thuộc ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, không buông lung, phóng dật thì không bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa ma vương và quyến thuộc ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi

của thế gian tín thí mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật, rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Nhưng còn chấp thủ hai kiến: hữu kiến và vô kiến; những vị ấy do chấp thủ hai kiến nầy nên rồi cũng bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới ma vương và quyến thuộc ma vương. Ví như đàn nai thứ ba suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, không buông lung, phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật; rồi do không buông lung, phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Đàn nai thứ ba

nầy khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh ! Vì sao vậy ? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài, sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba nầy." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài, và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết đó chính là vô kiến. Các Thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy.

Sa-môn, Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của ma vương và quyến thuộc ma vương. Nay ta hãy nương ở một nơi mà ma vương và quyến thuộc của ma vương không thể đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, không buông lung, phóng dật thì không bị tùy thuộc vào ma vương và quyến thuộc ma vương" Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ tư nầy liền nương ở một nơi mà ma vương và quyến thuộc ma vương không thể

đến được, sau đó ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật, rồi do không buông lung, phóng dật nên không bị tùy thuộc ma vương và quyến thuộc ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của ma vương và quyến thuộc của ma vương. Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn, và quyến thuộc thợ săn không đến được, sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung, phóng dật, không buông lung, phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung, phóng dật, rồi do không buông lung, phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ tư nầy tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh ! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những

con nai khác sẽ kinh sợ, bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư nầy." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các Thầy hãy quán rằng, Sa-môn, Phạm chí thứ tư cũng giống như vậy.

Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy để khiến ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được. Chỗ nào mà ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được ? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là chỗ ma vương, và quyến thuộc của ma vương không thể đến được.

Lại nữa, chỗ nào mà ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được ? Đó là Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng như vậy đối với bi và hỷ, tâm đi đôi với xả, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn

hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Đó gọi là chỗ ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được.

Lại nữa, chỗ nào mà ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được ? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến thành tựu và an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đó gọi là chỗ ma vương không thể đến được.

Lại nữa, chỗ nào của ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được ? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhập Tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiến mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được. Này Tỳ-kheo, chỗ ở, đường lui tới như vậy khiến ma vương và quyến thuộc ma vương không thể đến được. Các Thầy phải nên học như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Ngũ Chi Vật Chủ, vào buổi sáng sớm, rời khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật để cúng dường, lễ bái. Ngũ Chi Vật Chủ suy nghĩ: "Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang Thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến vườn kẻ dị học Nhất-sa-la-mạt-lợi." Rồi Ngũ Chi Vật Chủ bèn đến chỗ du hí hoan lạc gần hàng cây Cân-đầu-a-lê, đi đến vườn kẻ dị học Nhất-sa-la-mạt-lợi. Bấy giờ, trong vườn kẻ dị học Nhất-sa-la-mạt-lợi có một dị học Sa-môn tên là Văn-kỳ Tử, là đại tông chủ của chúng dị học, là Tôn sư của mọi người, được mọi

người kính trọng, thống lãnh một đại chúng gần năm trăm dị học, đang ở giữa đám đồ chúng ồn ào, cao giọng, luận bàn đủ mọi chuyện như bàn chuyện bao nhiêu loại súc sanh, bàn chuyện vua, chuyện giặc, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện áo chăn, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ, chuyện dâm nữ, chuyện thế gian, chuyện tà đạo, chuyện trong biển; tất cả những chuyện chào xáo như thế đều được tập hội luận bàn tại đây. Dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử trông thấy Ngũ Chi Vật Chủ từ xa tiến đến, liền ra lệnh hội chúng của mình im lặng và bảo: "Các Người hãy im lặng, đừng nói nữa, hãy tự thu liễm. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Ngũ Chi Vật Chủ sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ nầy, không ai hơn được Ngũ Chi Vật Chủ. Vì sao vậy ? Vì ông ấy ưa thích sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm."

Bấy giờ, dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử bảo hội chúng im lặng, rồi tự mình cũng im lặng. Khi ấy, Ngũ Chi Vật Chủ đi đến chỗ dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử nói:

"— Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự, ta chủ trương rằng, người ấy thành tựu thiện, đệ nhất

thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn ? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống bằng tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự nầy, ta chủ trương rằng, người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực."

Ngũ Chi Vật Chủ nghe dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy bước đi với ý niệm: "Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến Thế Tôn thưa hỏi nghĩa nầy." Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và đem những điều đã bàn với dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử thuật lại hết với đức Phật.

Đức Thế Tôn nghe xong, nói:

"Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử nói, nếu quả thật như vậy, thì trẻ sơ sanh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng về thân hướng nữa là tạo nghiệp về ác thân, duy chỉ có thể động đậy thân hình. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không

có suy tưởng về niệm, huống nữa là nói ác, duy chỉ biết khóc. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng về mạng, huống nữa là sống tà mạng, duy chỉ biết bập bẹ. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng về niệm, huống nữa là niệm ác, duy chỉ nghĩ đến sữa mẹ. Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ Tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự, ta chủ trương rằng, người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn ? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống tà mạng và không suy niệm niệm ác.

Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự nầy, Ta chủ trương rằng, người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta chủ trương đó là giới. Này Vật Chủ, niệm, Ta chủ trương đó là tâm sở hữu đi theo với tâm. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết giới bất thiện, nên biết giới bất thiện phát sinh từ đâu,

nên biết giới bất thiện bị diệt trừ, không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào, nên biết Hiền Thánh đệ tử làm thế nào cho diệt trừ giới bất thiện ? Này Vật Chủ, ta nói nên biết giới thiện, nên biết giới thiện phát sinh từ đâu, nên biết giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào, nên biết Hiền Thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện ? Này Vật Chủ, Ta nói nên biết niệm bất thiện, nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu, nên biết niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào, nên biết Hiền Thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện ? Này Vật Chủ, Ta nói nên biết niệm thiện, nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu, nên biết niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào, nên biết HiềnThánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm thiện ?

Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới bất thiện ? Thân hành bất thiện, khẩu, ý hành bất thiện; đó gọi là giới bất thiện. Này Vật Chủ, giới bất thiện nầy phát sanh từ đâu ? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm ? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si,

nên biết giới bất thiện phát sanh từ nơi tâm nầy. Này Vật Chủ, giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàng chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng chỗ nào ? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân, xả bỏ nghiệp bất thiện về khẩu, ý, tu tập nghiệp thiện về khẩu, ý; đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng. Này Vật Chủ, Hiền Thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ giới bất thiện ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện.

Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới thiện ? Thân nghiệp thiện, khẩu, ý nghiệp thiện; đó gọi là giới thiện. Này Vật Chủ, giới thiện nầy phát sanh từ đâu ? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm ? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ nơi tâm nầy. Này Vật Chủ giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới, mà không đắm trước nơi giới; đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư

tàng. Này Vật Chủ, Hiền Thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ giới thiện ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện.

Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm bất thiện ? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; đó gọi là niệm bất thiện. Này Vật Chủ, niệm bất thiện nầy phát sanh từ đâu ? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng ? Ta nói hành trang của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong dục giới mà sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới, nếu có tưởng, thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong nhuế, hại giới cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế và hại giới; nếu có tưởng, thì do nhơn nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới, đó là niệm bất thiện phát sanh từ nơi tưởng nầy. Này Vật Chủ, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có

giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất thành tựu và an trú; đây là niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng. Này Vật Chủ, Hiền Thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm bất thiện ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện.

Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm thiện ? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại; đó gọi là niệm thiện. Này Vật Chủ, niệm thiện phát sanh từ đâu ? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng ? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tưởng, vô nhuế tưởng, vô hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong cõi vô dục cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới, nếu có tưởng, thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới; nếu có tưởng, thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới; đó là niệm thiện phát sanh từ nơi tưởng nầy. Này Vật

Chủ, niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàng ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàng ở chỗ nào ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu và an trú; đây là niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng. Này Vật Chủ, Hiền Thánh đệ tử tu hành thế nào để trừ niệm thiện ? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm pháp như pháp. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện.

Này Vật Chủ, nếu Đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát biết đúng như thật giới bất thiện, biết đúng như thật giới bất thiện sanh từ đâu, biết đúng như thật giới bất thiện nầy đã bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện nầy đã bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng; do tuệ mà quán sát đúng như thật. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy diệt trừ giới thiện; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm bất thiện, biết đúng

như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm bất thiện nầy đã bị diệt trừ không còn dư tàng, bị bại hoại không còn dư tàng; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện nầy đã bị diệt trừ không còn dư tàng; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền Thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Vì sao vậy ? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh chí, nhân chánh chí nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh phương tiện, nhân chánh phương tiện nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền Thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si. Này Vật Chủ, Hiền Thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Đó gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi, và A-la-hán lậu tận, đã thành tựu mười chi. Này Vật Chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi ? Đó là

học chánh kiến cho đến chánh định; như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi. Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi ? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí; như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi lậu tận A-la-hán. Này Vật Chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

Đức Phật thuyết như vậy, Ngũ Chi Vật chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa Thích-ky-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ, Ma-ha-ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di đem một chiếc y mới, sắc vàng dệt bằng kim tuyến đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên rồi thưa:

— Bạch Thế Tôn, chiếc y mới, sắc vàng, dệt bằng kim tuyến nầy, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Cù-đàm-di, hãy đem y nầy dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo

tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng.

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di vẫn thưa:

— Bạch Thế Tôn, chiếc y mới, sắc vàng, dệt bằng kim tuyến nầy, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho.

Lần thứ hai, rồi thứ ba, đức Thế Tôn vẫn nói:

— Này Cù-đàm-di, hãy đem y nầy dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng phía sau đức Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật, liền thưa:

— Bạch Thế Tôn, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Thế Tôn sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời.

Đức Thế Tôn nói:

— Này A-nan, thật sự như vậy. Này A-nan, thật sự như vậy. Đại Sanh chủ Cù-đàm-di thật đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhiều lợi ích.

Vì sao vậy ? Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhờ Ta mà được qui y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý, và Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được qui y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý và Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nối dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu thì người nầy cúng dường lại người kia cho đến suốt đời, nào là ăn uống, áo chăn, giường chõng, thuốc thang, và đủ các thứ vật dụng cho đời sống, chẳng lẽ lại không được đền ơn ?

Lại nữa, này A-nạn, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng và có mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

Này A-nan, thế nào gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo ? Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn khi Phật còn tại thế, Phật là vị cầm đầu, mà bố thí cho Phật và chúng Tỳ-kheo,

như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng: bố thí cho chúng Tỳ-kheo, bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni, đi vào tinh xá Tỳ-kheo và bạch với chúng rằng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí"; đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni và bạch với chúng rằng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí". Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Này A-nan, trong tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn. Vị ấy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì nương nơi chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhơn nơi chúng. Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng, không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc, huống nữa là bố thí cho các Tỳ-kheo hiện nay là những vị thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyến, thành tựu cả chất trực và nhu nhuyến, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn

và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du, thành tựu cả oai nghi và hành lai du, thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu tín, giới, đa văn, thí, tuệ ư ? Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo ? Là Thiện nam tử, hay Thiện nữ nhơn bố thí cho đức Như Lai, bố thí cho Duyên Giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhơn, ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sanh.

Này A-nan, bố thí cho súc sanh được phước trăm lần hơn, bố thí cho người không tinh tấn được

phước ngàn lần hơn, bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn, bố thí cho Tiên nhơn, ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn, bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng, bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng, bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng, bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng, bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng, bố thí cho vị đắc A-na-hàm được phước vô lượng, bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng, bố thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng, huống nữa là bố thí cho đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác ư ? Đây là mười bốn loại bốn thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh. Những gì là bốn ? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ; có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh cũng không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh không phải do người thọ nhận ? Là

thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy, nên nói như vậy: "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy: "Không có sự bố thí, không quả báo của sự bố thí". Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh không phải do người thọ nhận.

Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ ? Là thí chủ thì không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy được như vậy nên nói như vậy: "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh cũng không phải do người thọ nhận ? Là thí chủ thì không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy:

"Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh cũng không phải do người thọ nhận.

Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy ? Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy: "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vậy: "Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ:

Người tinh tấn thí người không tinh tấn,
Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ,
Vì tin có nghiệp và quả báo,
Loại thí nầy, thí chủ thanh tịnh.

Không tinh tấn thí người tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ,

Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí nầy, người nhận thanh tịnh.

Người giải đãi thí không tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ,
Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí nầy không được quảng báo.

Người tinh tấn thí người tinh tấn,
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ,
Vì tin có nghiệp và quả báo,
Loại thí nầy đạt được quảng báo.

Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng,
Hoan hỷ tự mình làm bố thí,
Vì tin có nghiệp có quả báo,
Bố thí như vậy, thiện nhơn khen.

Khéo léo giữ gìn cả thân miệng,
Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp,
Người ly dục thí người ly dục,
Đó chính là tài trí đệ nhất.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

181. KINH ĐA GIỚI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ nầy: "Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chớ không từ trí tuệ. Những ai vấp ngã tại hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không phải từ trí tuệ".

Rồi Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong

tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ nầy: "Những ai có sợ hãi, tất cả người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vấp ngã tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ."

Đức Thế Tôn nói:

— Thật vậy A-nan, thật vậy A-nan ! Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lầu gác, cung điện, nhà cửa. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ; những ai vấp ngã tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không từ trí tuệ.

Này A-nan, trong quá khứ, nếu những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ; những ai vấp ngã, tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không phải từ trí tuệ.

Này A-nan, trong thời vị lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh

chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vấp ngã, tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không phải từ trí tuệ.

Này A-nan, trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ; những ai vấp ngã, tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ.

Này A-Nan, nghĩa là, ngu si có sợ hãi; trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vấp ngã, tai hoạn, ưu não; trí tuệ không có vấp ngã, tai hoạn, ưu não.

Này A-nan, những ai có sợ hãi, vấp ngã, tai hoạn, ưu não, tất cả những người ấy có thể tìm thấy nơi ngu si chứ không phải nơi trí tuệ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan buồn rầu, khóc lóc, nước mắt chảy, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ.

Đức Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhơn duyên, không thị xứ, phi xứ. Này A-nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ; nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si ?

Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ, phi xứ. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si; nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới ?

Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỉ giới, hương giới tỉ thức giới; thiệt giới, vị giới thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. A-nan, thấy và biết mười tám giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới,

không giới, thức giới. A-nan, thấy và biết sáu giới nầy một cách như thật.

Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới: thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. Này A-nan, thấy và biết bốn giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: quá khứ giới, vị lai giới, hiện tại giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật ba giới:

diệu giới, bất diệu giới, trung giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới: học giới, vô học giới, phi học phi vô học giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới: hữu lậu giới, vô lậu giới. Này A-nan, thấy và biết hai giới nầy một cách như thật.

Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới: hữu vi giới, vô vi giới. Này A-nan, thấy và biết hai giới nầy một cách như thật.

Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới nầy. Này A-nan, Tỳ-kheo biết giới như vậy.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy; nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ ?

Thế Tôn đáp:

— Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về

mười hai xứ: nhãn xứ, sắc xứ; nhĩ xứ, thanh xứ; tỉ xứ, hương xứ; thiệt xứ, vị xứ; thân xứ, xúc xứ; ý xứ, pháp xứ. A-nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ nầy. Này A-nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết xứ như vậy; nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên ?

Thế Tôn đáp:

— Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp khởi từ nhân duyên rằng: " Do cái nầy có nên cái kia có; cái nầy không nên cái kia không; cái nầy sanh nên cái kia sanh; cái nầy diệt nên cái kia diệt." Tức là duyên vô minh có hành, cho đến duyên sanh có già, chết. Nếu vô minh diệt, thì hành diệt, cho đến sanh diệt, thì già, chết diệt. Này A-nan, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy; nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ ?

Thế Tôn đáp:

— Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ.

Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu trong đời một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp nầy tất có. Này A-nan, nếu trong đời có hai đức Như Lai, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu trong đời nầy có một đức Như Lai, trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà còn cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm đối với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp nầy tất có xảy ra. A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp nầy tất có. Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo nầy, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo nầy, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp nầy tất có. Này A-nan,

nếu một người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác nói như vầy: "Các Ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết", trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác nói rằng: "Các Ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết", trường hợp nầy tất có. Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp nầy tất có. Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn theo các Sa-môn, Phạm chí khác bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não, không chơn thật, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não, thấy chơn thật, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu người thấy đế lý mà phát sanh sự cực khổ, hết sức khổ, không thể ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo nầy, cầu cứu ở ngoại đạo, hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, "Mong giải trừ sự khổ đau cho tôi", đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ, mà nói là dứt khổ, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu một

người phàm phu xả ly nội đạo nầy mà cầu cứu ngoại đạo, hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, "Mong giải trừ sự khổ cho tôi", đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ, mà nói là dứt khổ, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu người thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu tái sanh lần thứ tám, trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên nầy, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên nầy, thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do nhân duyên nầy, thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên nầy, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ lạc báo, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ khổ báo, trường hợp nầy tất có.

A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo, trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, mà có thể an trú tâm vững vàng trên bốn Niệm xứ, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, mà muốn tu bảy Giác chi, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, mà tu bảy Giác chi, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, không tu bảy Giác chi, mà muốn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, tu bảy Giác chi,

chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, trường hợp nầy tất có. A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, không tu bảy Giác ý, không chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, mà đoạn tận khổ biên, trường hợp nầy hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an trú vững vàng trên bốn Niệm xứ, tu bảy Giác chi, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, đoạn tận khổ biên, trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, như vậy là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ.

Tôn giả A-nan bạch:

— Bạch Thế Tôn, như vậy là Tỳ-kheo biết thị xứ và phi xứ.

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay bạch Phật.

— Bạch Thế Tôn, kinh nầy tên gọi là gì ? Nên phụng trì như thế nào ?

Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, hãy trọ trì pháp nầy, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ, là

pháp kính, là tứ phẩm. Do đó, kinh nầy được gọi là Đa Giới.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

XV. PHẨM SONG

(phần trên)

182. Kinh Mã Ấp (A)
183. Kinh Mã Ấp (B)
184. Kinh Nguu Giác Sa-la Lâm (A)
185. Kinh Nguu Giác Sa-la Lâm (B)
186. Kinh Cầu Giải

182. KINH MÃ ẤP (A)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ương-kỳ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng đại Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã Lâm tự.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

—Người ta thấy các Thầy, những vị Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các Thầy, những vị Sa-môn, thì các Thầy có tự xưng là Sa-môn chăng ?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

— Bạch Thế Tôn, có.

Đức Phật lại nói:

— Cho nên, các Thầy chính vì lẽ đó, chính vì

là Sa-môn, phải học pháp như thật Sa-môn, và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chính, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang và các thứ sinh hoạt khác, những người cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các Thầy nên học như vậy.

Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí ? Thân hành thanh tịnh hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhơn nơi thân hành thanh tịnh nầy mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta thân hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh, lại phải làm những gì ? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhơn

nơi khẩu hành thanh tịnh nầy mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì ? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhơn nơi ý hành thanh tịnh nầy mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì ? Phải học mạng hành thanh tịnh, hướng lên

trên sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhơn nơi mạng hành thanh tịnh nầy mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì ? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, thường muốn khởi ý nghĩ: khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng không đắm sắc vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ nhãn căn trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, và để thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân. Khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta

thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì ? Tỳ-kheo phải học biết rõ ràng sự ra vào, khéo quán sát, phân biệt sự co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp tăng-già-lê và các y bát, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng đều biết rõ ràng. Nếu các Thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, biết rõ ràng sự ra vào, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo", Ta nói cho các Thầy biết, không để các Thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ ràng sự ra vào, lại phải làm những gì ? Tỳ-kheo phải học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, nơi gốc cây, những nơi

không nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc nơi gốc cây, những nơi vắng vẻ, thanh nhàn, yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sanh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn về mình; vị ấy đối với sự tham lam tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thùy miên, trạo hối. Đoạn nghi, trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự; vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm huệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu an trú.

Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động, thú hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng đây là Khổ, đây là khổ Tập, đây là khổ Diệt, biết như thật đây là khổ diệt Đạo; cũng biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi

liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Thế nào gọi là Sa-môn ? Là người dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhơn của khổ báo, của sanh, lão, bịnh, tử. Đó gọi là Sa-môn.

Thế nào gọi là Phạm chí ? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhơn của khổ báo, của sanh, lão, bịnh, tử. Đó gọi là Phạm chí.

Thế nào gọi là Thánh ? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhơn của khổ báo, của sanh, lão, bịnh, tử. Đó gọi là Thánh.

Thế nào gọi là Tịnh dục ? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhơn của khổ báo, của sanh, lão, bịnh, tử. Đó là Tịnh dục.

Chính vì vậy nên gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MÃ ẤP (B)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Ương-kỳ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã Lâm tự.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

— Người ta thấy các Thầy, những vị Sa-môn là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các Thầy, những vị Sa-môn, thì các Thầy có tự xưng là Sa-môn chăng ?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

— Bạch Thế Tôn, có.

Đức Phật lại nói:

— Cho nên các Thầy chính vì lẽ đó, chính vì

Sa-môn, phải học đạo hạnh của Sa-môn, đừng không phải là Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chính, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang và các thứ sinh hoạt khác, thì những người cung cấp mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các Thầy nên học như vậy.

Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải Sa-môn ? Có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kiết oán, không bỏ kiết oán; có bỏn sẻn, không bỏ bỏn sẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến. Sa-môn đó là loại Sa-môn ô uế, là Sa-môn du siểm, là Sa-môn trá ngụy, là Sa-môn bất chính; họ sẽ sanh đến chỗ ác, chưa học hết bổn phận, không phải là đạo hạnh Sa-môn, không phải là Sa-môn.

Cũng như cái búa mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, bỏ trong tăng-già-lê, Ta nói những người ngu

si học đạo kia cũng vậy. Nghĩa là, có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kiết oán, không bỏ kiết oán; có bỏn sẻn, không bỏ bỏn sẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến. Dù họ khoác tăng-già-lê, Ta không nói họ là Sa-môn. Nếu ai đắp tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có giận dữ thì bỏ giận dữ, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kiết oán thì bỏ kiết oán, có bỏn sẻn thì bỏ bỏn sẻn, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến. Bạn bè thân thiết của người ấy nên đến nói với người ấy rằng: "Này chú, chú hãy học cách đắp tăng-già-lê. Này chú, nếu chú học cách đắp tăng-già-lê, thì có tham lam, sẽ bỏ tham lam; có giận dữ, sẽ bỏ giận dữ; có sân hận, sẽ bỏ sân hận; có oán hờn, sẽ bỏ oán hờn; có kiết oán, sẽ bỏ kiết oán; có bỏn sẻn, bỏ bỏn sẻn; có tật đố bỏ tật đố, có dua

nịnh, bỏ dua nịnh; có tật không biết xấu, bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, bỏ ác dục; có tà kiến, bỏ tà kiến." Bởi vì Ta thấy người đắp tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, giận dữ, sân hận, oán hờn, kiết oán, bỏn sẻn, tật đố, dua nịnh, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiến, cho nên người đắp tăng-già-lê ấy, Ta không nói là Sa-môn. Cũng như vậy, lõa hình, bện tóc, đứng thẳng, ăn một bữa, thường tung nước, tắm nước. Những Sa-môn có hạnh như vậy, Ta cũng không chấp nhận là Sa-môn. Nếu Sa-môn do tắm nước mà có tham lam, bỏ tham lam; có giận dữ, bỏ giận dữ; có sân hận, bỏ sân hận; có oán hờn bỏ oán hờn, có kiết oán bỏ kiết oán, có bỏn sẻn, bỏ bỏn sẻn; có tật đố, bỏ tật đố; có dua nịnh, bỏ dua nịnh; có tật không biết xấu, bỏ tật không biết xấu; có tật không biết thẹn, bỏ tật không biết thẹn; có ác dục, bỏ ác dục; có tà kiến, bỏ tà kiến; thì bạn bè thân thiết của người ấy nên đến bảo với người ấy rằng: "Này chú, chú nên tắm nước. Vì do tắm nước mà có tham lam, sẽ bỏ tham lam; có giận dữ, sẽ bỏ giận dữ; có sân hận, sẽ bỏ sân hận; có oán hờn, bỏ oán hờn; có kiết oán, bỏ kiết oán; có bỏn sẻn, bỏ bỏn sẻn; có tật đố, bỏ tật đố; có dua nịnh, bỏ dua nịnh; có tật không biết xấu, bỏ

tật không biết xấu; có tật không biết thẹn, bỏ tật không biết thẹn; có ác dục, bỏ ác dục; có tà kiến, bỏ tà kiến." Bởi vì Ta thấy có người tắm nước mà vẫn có tham lam, giận dữ, sân hận, oán hờn, kiết oán, bỏ sẻn, tật đố, dua nịnh, không biết xấu, không biết thẹn, có ác dục, có tà kiến; cho nên người tắm nước ấy Ta không chấp nhận là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

Thế nào gọi là đạo hạnh của Sa-môn, chẳng phải chẳng là Sa-môn ? Nếu có tham lam, bỏ tham lam; có giận dữ, bỏ giận dữ; có sân hận, bỏ sân hận; có oán hờn, bỏ oán hờn; có kiết oán bỏ kiết oán; có bỏn sẻn bỏ bỏn sẻn; có tật đố bỏ tật đố; có dua nịnh, bỏ dua nịnh; có tật không biết xấu, bỏ tật không biết xấu; có tật không biết thẹn, bỏ tật không biết thẹn; có ác dục, bỏ ác dục; có tà kiến, bỏ tà kiến. Sự tật đố ấy của Sa-môn, sự dua nịnh của Sa-môn, sự trá ngụy của Sa-môn, sự tà kiến của Sa-môn đưa đến chỗ dữ đều đã bị dứt sạch, rồi học đạo hạnh của Sa-môn. Vị ấy như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn. Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế; không có

thụy miên, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi, trừ hoặc, chánh niệm, chánh trí, không ngu si. Tâm vị ấy đi đôi với từ biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàn, khắp tất cả, tâm của vị ấy đi đôi với từ, không kiết không oán, không giận không tranh, rất rộng lớn, tu vô lượng thiện, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ đi đôi với xả, không kiết không oán, không giận không tranh, rất rộng rất lớn, tu vô lượng thiện, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Vị ấy tự nghĩ: "Có thô, có diệu, có tưởng, đến trên, xuất yếu, biết như thật." Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; sau khi đã giải thoát, vị ấy biết mình đã giải thoát: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vị ấy biết đúng như thật.

Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc

cũng vậy. Giả sử có một người từ các phương đó đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một Thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Vị nầy nội tâm tĩnh chỉ. Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục. Cũng vậy, một Thiện nam tử dòng Phạm chí, Cư sĩ, Công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Vị nào mà nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Thế nào gọi là Sa-môn ? Là người dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhơn của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn.

Thế nào gọi là Phạm chí ? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các pháp ô uế, chúng là gốc của hữu trong tương lai, là nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí.

Thế nào gọi là Thánh ? Là người xa lìa các

pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc của hữu trong tương lai, là nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh.

Thế nào gọi là Tịnh dục ? Là người đã rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc của hữu trong tương lai, là nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tịnh dục.

Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu giác Sa-la, cùng với số đông các Tỳ-kheo thượng tôn tri thức, đại đệ tử, như Tôn giả Xá-lợi Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo đại đệ tử, là những vị thượng tôn tri thức như vậy, cũng cùng đi đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu giác Sa-la, ở gần bên tịnh thất lá của Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm,

đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi Tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc thượng tôn đã đi, liền bạch:

— Hiền giả Ly-việt-đa nên biết các Tôn giả như Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Xá-lợi Tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi Tử, hoặc giả có thể nhơn cơ hội nầy mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lợi Tử.

Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, cùng đi đến chỗ Xá-lợi Tử. Tôn giả Xá-lợi Tử từ xa thấy các bậc thượng tôn đã đến, Tôn giả Xá-lợi Tử nhơn thấy các bậc thượng tôn ấy nên nói:

— Kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan ! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Khả ái thay, rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa

trời. Hiền giả A-nan, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu, đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tập luyện đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, thấy rõ, hiểu sâu; vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi Tử , vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

— Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả Ly-việt-đa, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ?

Tôn giả Ly-việt-đa đáp:

— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa Thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa ở chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi:

— Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả A-na-luật-đà, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới; với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nống; với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế

giới; với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi:

— Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả Ca-chiên-diên, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp:

—Tôn giả Xá-lợi Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận; những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi:

— Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Tôn giả Đại Ca-diếp, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các

cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

— Hiền giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự, tự mình thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục, tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc, tự mình thích sống cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích sống cô độc viễn ly, tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí, tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch, tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi:

— Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả Mục-kiền-liên, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả

Mục-kiền-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một có thể biết, có thể thấy, xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, vị ấy đưa tay sờ được; thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi:

— Tôn giả Xá-lợi Tử, tôi và các bậc thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Tôn giả Xá-lợi Tử, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời.

Tôn giả Xá-lợi Tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Tôn giả Xá-lợi Tử đáp:

— Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều thì vị ấy an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ; nếu họ muốn mặc thứ nào buổi sáng, liền lấy mặc vào; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú, trú định vào buổi sáng, vị ấy an trú, trú định ấy vào buổi sáng; nếu muốn an trú, trú định nào vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú, trú định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi Tử bảo:

— Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi

đến chỗ Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói đúng.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay có hiền giả Mục-kiền-liên, hiền giả Đại Ca-diếp, hiền giả Ca-chiên-diên, hiền giả A-na-luật-đà, hiền giả Ly-việt-đa, hiền giả A-nan; vào buổi sáng sớm, tất cả đều đi đến chỗ con. Con thấy chư Hiền đến, nhơn đó mới nói rằng:

— Kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan. Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩ của Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi.

Lúc ấy con hỏi Hiền giả A-nan rằng:

"— Khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những

hạng Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?

Hiền giả A-nan liền đáp lại con rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo nào học rộng nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều; với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu, đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng nghe nhiều, luyện tập đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, hiểu sâu; vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi Tử , vị Tỳ-kheo như vậy có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo đã nói. Vì sao ? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi hiền giả Ly-việt-đa:

"— Hiền giả A-nan đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bấy giờ tôi hỏi: Hiền giả Ly-việt-đa, khả

ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Hiền giả Ly-việt-đa liền đáp lại con rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa tĩnh tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa Thiền, thành tựu pháp quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao ? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa thích tọa Thiền.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế Tôn, hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi hiền giả A-na-luật-đà.

"— Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả A-na-luật-đà, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm

ngát, ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, những hạng Tỳ-kheo nào đã làm sáng rực khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Hiền giả A-na-luật-đà liền đáp lại con rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống, có một ngàn gò nổng, với một ít phương tiện, trong chốc lát cũng có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong ngàn thế giới, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao ? Vì A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã thành tựu thiên nhãn.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế Tôn, hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi hiền giả Ca-chiên-diên:

"— Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả Ca-chiên-diên, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm, những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận; những lời giải đáp thì thông suốt; sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao ? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là phân biệt Pháp sư.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

"— Hiền giả Ca-chiên-diên đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Tôn giả Đại Ca-diếp,

khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Tôn giả Đại Ca-diếp liền đáp lại con rằng:

"— Hiền giả Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi vô sự, khen ngợi vô sự, tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục, tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc, tự mình thích ở chỗ cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích ở chỗ cô độc viễn ly, tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi chánh niệm chánh trí, tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình dứt sạch các lậu, khen ngợi sự dứt sạch các lậu, tự mình có lòng khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi lòng khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao ? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh vô sự.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi:

"— Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi: Hiền giả Mục-kiền-liên, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la nầy ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Mục-kiền-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, nếu Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, có thể biết có thể thấy, có thể xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; nay đối với mặt trời và mặt trăng nầy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, vị ấy đưa tay sờ được; thân cao đến cõi

trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Xá-lợi Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao ? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có đại như ý túc.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trệch áo một bên, chấp tay và bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, liền thưa Tôn giả Xá-lợi Tử rằng:

"— Tôn giả Xá-lợi Tử, tôi và chư Tôn giả, mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi xin hỏi: Tôn giả Xá-lợi Tử, khả ái thay khu rừng Ngưu giác Sa-la ! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi Tử, những hạng Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la ?"

Tôn giả Xá-lợi Tử liền đáp lại con rằng:

"— Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải không tùy tâm, nếu muốn an trú, trú định nào vào buổi sáng, vị ấy liền an trú nơi trú định ấy vào buổi sáng; nếu muốn an trú, trú định nào vào buổi trưa hay buổi chiều,

vị ấy liền an trú nơi trú định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều, đủ màu sắc rực rỡ; nếu họ muốn mặc buổi sáng, liền lấy mặc vào; nếu họ muốn mặc vào buổi trưa, buổi chiều liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú, trú định nào vào buổi sáng, vị ấy liền an trứ nơi trú định ấy vào buổi sáng; nếu muốn an trú, trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú nơi trú định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu-giác Sa-la."

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lợi Tử đã nói. Vì sao ? Vì Xá-lợi Tử Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo một bên, chấp tay và bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, con và chư hiền nói như vậy rồi, con bảo rằng: "Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy

cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật, để biết trong những điều vừa tranh luận ấy, vị nào nói đúng." Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai nói đúng ?

Thế Tôn đáp:

— Này Xá-lợi Tử, tất cả đều đúng. Vì sao ? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lợi Tử, hãy nghe Ta nói. Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la. Này Xá-lợi Tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, qua khỏi đêm, vào buổi sáng sớm, vị ấy mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm; vị ấy sau khi khất thực xong, sau giờ ngọ, thâu xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ vô sự, hoặc nơi gốc cây hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết-già, ngồi luôn cho đến chứng lậu tận mới giải kiết-già. Vị ấy không giải kiết-già cho đến khi nào chứng được lậu tận. Này Xá-lợi Tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác Sa-la.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa đến Na-ma-đề-sấu, ở tại tinh xá Kiền-kỳ. Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, cầm bát vào Na-ma-đề để khất thực. Sau khi ăn xong, vào buổi chiều, Ngài đi đến khu rừng Ngưu-giác-sa-la. Lúc ấy có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong rừng, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la.

Ba Tôn giả ấy làm như vầy: Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa, nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn, nếu còn dư thì cho vào đồ chứa đậy kín cất, ăn xong, cất bình bát, rửa tay chân lấy

tọa cụ vắt lên vai, vào nhà ngồi tĩnh tọa. Nếu ai khất thực về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn, nếu không đủ thì lấy đồ dư của người trước đem ăn cho đủ, nếu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa lau thật sạch, rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, rồi cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào nhà tĩnh tọa cho đến chiều. Trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước, thì phải đi lấy, nếu xách nổi thì xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vị ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng như các bậc Thánh.

Bấy giờ, người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến, đón lại quở trách và nói:

— Này Sa-môn, chớ có vào khu rừng nầy. Vì sao ? Hiện nay trong khu rừng nầy có ba người con dòng quý tộc ở, là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy Ông, chắc họ không vui lòng.

Đức Phật bảo:

— Này Người giữ rừng, nếu họ thấy Ta, thì không có gì là không vui lòng.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quở người giữ rừng:

— Này Người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn. Này Người giữ rừng, chớ có quở trách đức Thiện Thệ. Vì sao ? Vì đó là đấng Tôn quý của tôi đến, là đấng Thiện Thệ của tôi đến.

Rồi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước Thế Tôn, đón lấy y bát; Tôn giả Nan-đề trải giường ngồi; Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước. Bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Ngồi xong, Ngài hỏi:

— Này A-na-luật-đà, Thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

— Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-na-luật-đà, vì sao Thầy được an ổn, không có gì thiếu thốn ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

— Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, con nhờ có thiện lợi, có đại công đức; vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh nầy để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các hiền giả nầy." Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các hiền giả nầy. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.

Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la:

— Thầy có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng ?

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch:

— Bạch Thế Tôn, con thường an ổn không có gì thiếu thốn.

Đức Phật lại hỏi:

— Này Kim-tỳ-la, vì sao Thầy thường được an ổn, không có gì thiếu thốn ?

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch:

— Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh nầy để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Nay ta hãy bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các vị hiền giả nầy." Rồi con xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các hiền giả nầy. Con chưa từng có một việc không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này A-na-luật-đà, các Thầy thường cùng nhau hòa hiệp, an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa. Thế nhưng, có chứng đắc pháp Thượng nhơn sai biệt, an lạc, trú định chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

— Bạch Thế Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như

nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhơn, nhưng có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con xa lìa dục vọng, xa lìa pháp ác bất thiện, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hợp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này A-na-luật-đà, hãy bỏ trú định nầy, lướt qua, vượt qua trú định nầy, có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhơn khác hơn, có sai biệt, an lạc,trú định chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định nầy, lướt qua, vượt qua trú định nầy; còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, tâm của con cùng đi đôi với từ biến khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi đôi với từ biến khắp tất cả phương thứ hai phương thứ ba, phương thứ tư, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kiết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng

thiện, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm đi đôi với xả, không kiết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định nầy, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhơn có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! A-na-luật-đà, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, còn có pháp nào khác của bậc Thượng nhơn có sai biệt, an lạc trú định chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định nầy, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt tất cả cõi sắc tưởng, đạt đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Bạch Thế Tôn, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc và trú định.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này A-na-luật-đà,

bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, còn có pháp nào khác của Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc và trú định chăng ? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

— Bạch Thế Tôn, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, lại có pháp khác nữa của Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc và trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con đắc như ý túc, thiên nhĩ trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, các lậu đã hết được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời nầy, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa." Bạch Thế Tôn, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này A-na-luật-đà, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, còn có pháp nào khác của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật :

— Bạch Thế Tôn, bỏ trú định nầy, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhơn, có sai biệt, an lạc, trú định.

Bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ như vầy: "Chỗ an trú của người con dòng họ quí tộc nầy an ổn khoái lạc. Hôm nay ta hãy thuyết pháp cho họ nghe." Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy đi về.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng, rồi trở lại chỗ ở. Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

— Lành thay ! Lành thay ! Tôn giả A-na-luật-đà, chúng tôi trước đây không nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy: "Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy." Nhưng nay Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn.

Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la rằng:

— Lành thay ! Lành thay ! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe chư Hiền nói Tôn giả

có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhưng một thời gian dài với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả; Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy.

Bấy giờ có vị Trời Trường Quỷ hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, rồi lui đứng một bên và bạch Thế Tôn:

— Bạch Đại Tiên nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích, vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Các địa thần nghe vị Trời Trường Quỷ nói, làm cho âm thanh vang lớn ra: "Bạch Đại Tiên nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích, vì có Thế Tôn và ba người con thuộc dòng dõi quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la." Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư không , Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên n[illegible], dân chúng

nước Bạt-kỳ được đại lợi ích, vì có Thế Tôn và ba người con thuộc dòng dõi quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la."

Thế Tôn bảo:

— Đúng như vậy, này Trường Quỷ thiên, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Này Trường Quỷ thiên, các địa thần nghe tiếng nói của Ông rồi, liền làm vang lớn âm thanh: "Bạch Đại Tiên nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích, vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la." Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên trong khoảnh khắc cũng đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la." Này Trường Quỷ thiên, nếu ba gia đình quý tộc kia có ba người con quí tộc nầy, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình,

xuất gia học đạo, thì ba gia đình quí tộc ấy sẽ nhớ lại nhơn duyên và công hạnh của ba người con, họ sẽ được lợi ích lớn, an ổn khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ Người đến Trời mà nhớ nghĩ đến nhơn duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi quý tộc ấy, họ sẽ được đại lợi ích, an ổn khoái lạc lâu dài. Này Trường Quỷ thiên, vì ba người con dòng dõi quí tộc ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, ba người con dòng quí tộc và Trường Quỷ thiên sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

186. KINH CÂU GIẢI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, thì không thể biết được sự giác ngộ chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu Như Lai ?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là căn bản của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có, ngưỡng mong Ngài thuyết giảng cho, chúng con nghe được rồi, sẽ thấu rõ nghĩa lý.

Đức Phật liền bảo:

— Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe rõ và khéo suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các Thầy nghe.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe.

Thế Tôn dạy:

— Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là thanh được nghe bởi tai: "Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy ?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu nữa: "Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ấy ?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, phải tìm hiểu thêm nữa: "Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có hay không có nơi Tôn giả ấy ?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm nữa: "Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời ?" Nếu khi tìm hiểu,

biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa: "Tôn giả ấy nhập vào Thiền nầy vì danh dự, vì lợi lộc hay không vì danh dự và lợi lộc ?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào Thiền nầy không phải vì tai hoạn.

Nếu có người nói như vầy: "Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận", thì nên hỏi người ấy rằng: "Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chơn chánh rằng: "Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi; ly dục, không thực hành theo dục vọng, vì dục đã diệt tận" ?" Nếu người ấy trả lời như vầy: "Tôi không biết tâm trí của vị ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết, nhưng vị Tôn giả ấy, hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập hội, nơi đó hoặc có Thiện Thệ hay những người thọ hóa bởi Thiện Thệ, hoặc là bậc Tông chủ, hoặc được thấy bởi vật thực. Này Hiền giả, tôi không tự mình hiểu biết vị ấy. Tôi nghe từ chính Tôn giả ấy mà trực tiếp ghi nhận như vầy: "Ta thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly

dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận." Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tôi tự mình nhận xét chơn chánh mà nói rằng: "Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận.""

Trong trường hợp nầy, lại cần phải hỏi thêm nữa: "Trong pháp ấy của Như Lai, nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng ? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng ? Nếu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng ?" Như Lai bèn trả lời: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp nầy bị diệt tận, vô dư. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp nầy bị diệt tận, vô dư. Nếu pháp có ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tận gố rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh, thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu chánh pháp luật nầy."

Có một tín đệ tử đến thăm viếng Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai, và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch, nghe như vậy, như vậy rồi, vị ấy vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác."

Ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng: "Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác"?" Vị ấy sẽ trả lời như vầy: "Này Hiền giả, tôi không biết tâm trí của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Này Hiền giả, đúng như những điều mà Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy, như vậy. Sau khi Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao

siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch, và tôi nghe như vậy, như vậy rồi, vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác." Này Hiền giả, tôi do hành như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác vậy.""

Nếu ai có hành nầy, lực nầy, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã vững, thì được gọi là tín căn dựa trên kiến, không hủy hoại, tương ưng với trí Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các hàng thế gian khác không thể tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết chánh đáng về Như Lai.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

XVI. PHẨM SONG

(phần dưới)

187. Kinh Thuyết Trí
188. Kinh A-di-na
189. Kinh Thánh Đạo
190. Kinh Tiểu Không
191. Kinh Đại Không

187. KINH THUYẾT TRÍ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu có Tỳ-kheo nào đến trước các Thầy, nói lên trí mà họ đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh." Các Thầy nghe rồi, nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thạnh ấm: sắc thạnh ấm, thọ, tưởng, hành và thức thạnh

ấm. Này Hiền giả, biết và thấy năm thạnh ấm nầy như thế nào để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp lại như vầy:

"— Này chư Hiền, sắc thạnh ấm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thạnh ấm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử nầy, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành, và thức thạnh ấm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, là không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thạnh ấm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc, thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử nầy, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thạnh ấm, tôi biết như vậy, thấy như vậy, nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát."

Tỳ-kheo nào đã dứt sạch các lậu, được biết là Phạm hạnh đã vững thì nên đáp như vậy. Và các Thầy sau khi nghe rồi, nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy hỏi Tỳ-kheo ấy như như vầy:

"— Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói bốn loại thực, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng. Những gì là bốn ? Một là đoạn thực, có thô và tế; hai là xúc thực; ba là ý niệm thực và bốn là thức thực. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại thực nầy như thế nào để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết rõ được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy:

"— Này chư Hiền, đối với đoạn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực, thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không

nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy, nên đối với bốn loại thực nầy, rõ biết là không còn chấp thủ, đã diệt sạch các lậu, tâm giải thoát."

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết rõ được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các Thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết. Những gì là bốn ? Thấy thì nói là thấy; nghe thì nói là nghe; nhận thấy thì nói nhận thấy; biết rõ thì nói biết rõ. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại tuyên thuyết nầy như thế nào để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết rõ được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy:

"— Này chư Hiền, đối với sự thấy, nói thấy; tôi không coi trọng, không coi rẽ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải

thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Cũng như vậy, nghe thì nói nghe, nhận thấy thì nói nhận thấy, biết rõ thì nói biết rõ, không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn loại tuyên thuyết nầy, tôi biết rõ mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thu, tâm được giải thoát."

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết rõ được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy.

Các Thầy khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói pháp sáu nội xứ: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, biết và thấy sáu nội xứ nầy như thế nào để biết rõ là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy:

"— Này chư Hiền, đối với mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, cả hai, tôi biết rõ hai pháp ấy. Đã biết rõ hai pháp ấy rồi, này chư Hiền, nếu mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, mà ái lạc đã dứt sạch; do nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, ý thức biết pháp, cả hai, tôi đã biết rõ hai pháp ấy. Này chư Hiền, nếu ý và ý thức, ý thức biết pháp, mà ái lạc đã dứt sạch; nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội xứ được biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát."

Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả; đức Thế Tôn nói về lục giới, địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới

và thức giới. Này Hiền giả, biết và thấy lục giới nầy như thế nào để rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết được mình Phạm hạnh đã vững, sẽ đáp như vầy:

"— Này chư Hiền, tôi không thấy rằng: "Địa giới là sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của địa giới; địa giới chẳng phải là ngã". Nhưng hai thọ nương địa giới mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy: "Thủy, hỏa, phong, không và thức giới, chẳng phải sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của thức giới; thức giới chẳng phải là ngã." Nhưng hai thọ nương nơi thức mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với lục giới ấy, biết mình đã dứt các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát."

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các Thầy sau khi nghe rồi nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ

phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả, biết và thấy bên trong thân nầy cùng với thức và tất cả các tướng bên ngoài như thế nào để có đoạn biến tri về tự ngã, về tự ngã như là tác giả, và mạng kiết sử nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa ?"

Vị Tỳ-kheo đã dứt các lậu biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy:

"— Này chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo, đã nhàm chán sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn nầy. Này chư Hiền, sau khi đã nhàm chán ghê sợ, tôi quán sát: "Tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao. Xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi, bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích quấn chặt, không thể trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo." Này chư Hiền, sau đó tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống

không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền, sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải, họ hàng, rồi thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ giới Biệt giải thoát; tôi lại cẩn thận, thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhiệm cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng; đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trừ.

Tôi từ bỏ lấy của không cho, đoạn trừ lấy của không cho, chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không luyến tiếc, không mong sự đáp lại; đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ dâm dục; đối với tâm phi Phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói láo, đoạn trừ nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự thật không sai trái, tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm nói láo,

tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người nầy đem nói với người kia để phá hoại người nầy, không nghe lời người kia đem nói với ngươi nầy để phá hoại người kia, người ly gián tôi làm cho hòa hợp; người đã sống hòa hợp tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng; đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, nếu có lời nói, giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng nghịch tai, người nghe không ưa, không mến, khiến họ khổ não, không định tâm, tôi đoạn trừ lời nói như vậy; nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy; đối với tâm nói lời thô ác, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng; đối với tâm nói thêu dệt tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ nghề cân lường và đấu hộc, cũng

không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người; đối với sự sanh hoạt buôn bán, tâm tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi đã từ bỏ sự nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ; đối với tâm nhận đàn bà góa, con gái thơ, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ, đối với tâm nhận nô tỳ tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận voi, ngựa, trâu, dê, tránh xa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm nhận voi, ngựa, trâu, dê, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận gà, heo, tránh xa việc nhận gà, heo; đối với tâm nhận gà, heo, tâm tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận ruộng, nương, hàng quán, tránh xa việc nhận ruộng, nương, hàng quán; đối với tâm nhận ruộng, nương, hàng quán, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; đối với tâm nhận lúa giống, lúa mạch đậu, tâm tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ rượu, tránh xa rượu; đối với tâm uống rượu, tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi từ bỏ dùng giường cao, rộng lớn, tránh xa giường cao, rộng lớn; đối với tâm dùng

giường cao, rộng lớn, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương liệu, dầu thoa, tránh xa trang sức vòng hoa, ngọc ngà, hương thoa, phấn sáp; đối với tâm trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ ca, múa, xướng hát và đi xem nghe, tránh xa sự ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe; đối với tâm ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận vàng bạc, tránh xa nhận vàng bạc; đối với tâm nhận vàng bạc, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá ngọ, ăn đúng ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời; đối với tâm ăn quá ngọ, tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới nầy, thân lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào là mang theo y, bát, không có luyến tiếc. Ví như chim nhạn cùng với hai cánh bay liệng trong hư không, tôi cũng như vậy.

Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân nầy, và rất tri túc, lại chế ngự các căn, thường tâm niệm khép kín các căn, niệm mong cầu sự minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng tự

khởi ý: Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ các căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu, và các pháp ác bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ các căn. Cũng như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp nhưng không chấp thủ tướng cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ các căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu, và các pháp ác bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ các căn. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân nầy rất tri túc, thánh thủ hộ các căn, chơn chính biết sự ra vào, khéo quán sát các cử chỉ co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung đĩnh đạc, khéo đắp tăng-già-lê và mang y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, tôi đều chơn chánh nhận biết.

Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân nầy rất tri túc và cũng thành tựu thánh thủ hộ các căn, chơn chánh biết sự ra vào, rồi sống riêng một mình tại một nơi xa vắng, trong rừng vắng hoặc đến nơi gốc cây, nơi tĩnh mịch, vô sự, an nhàn, hoặc chỗ núi rừng, hang đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng hoặc ở giữa gò mã. Này chư Hiền, tôi đã ở nơi rừng vắng hoặc dưới gốc cây, nơi yên tĩnh,

trải tọa cụ ngồi kiết-già, thân ngay thẳng, chánh nguyện phản niệm vào trong, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải và dụng cụ sanh hoạt của người khác, không khởi lòng tham lam, muốn được về mình; đối với tâm tham lam tôi đã tịnh trừ. Cũng như vậy, đối với tâm sân nhuế, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc; đối với các thiện pháp, tôi không còn do dự; đối với tâm nghi hoặc, tôi đã tịnh trừ.

Này chư Hiền, tôi đã đoạn từ năm triền cái, chúng làm tâm ô uế làm tuệ yếu kém, xa lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú.

Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, an trú vững vàng, được bất động tâm, hướng đến chứng ngộ trí lậu tận thông.

Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng: "Đây là Khổ", biết như thật "đây là khổ Tập", biết như thật "đây là khổ Diệt" và biết như thật "đây là khổ diệt Đạo"; biết như thật "đây là lậu" "đây là lậu tập", "đây là lậu diệt", và "đây là lậu diệt đạo", biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; khi đã giải thoát, liền biết

mình đã giải thoát, và biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh." Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với thân có thức bên trong và các tướng bên ngoài để có đoạn biến tri về tự ngã, tất cả của ta, ta và tự ngã là như tác giả và mạn kiết sử, nhổ tuyệt gốc rễ của chúng, không còn tái sinh nữa. Vị Tỳ-kheo lậu đã dứt sạch và tự biết Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các Thầy sau khi nghe rồi nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các Thầy nên nói với vị Tỳ-kheo ấy như vầy:

"— Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ, và ứng đối biện tài, vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

188. KINH A-DI-NA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú tại Đông Viên, Lộc Tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe.

Lúc ấy, dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, từ xa thấy đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các

Tỳ-kheo nghe. Dị học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu, đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi:

— Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "ta có tri kiến toàn triệt", nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng tự nhận là lầm lẫn ?

Dị học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp:

— Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "ta có tri kiến toàn triệt", nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng phải tự nhận là lầm lẫn.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Này A-di-na, thế nào là Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "ta có tri kiến toàn triệt", nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy tự nhận là lầm lẫn ?

Dị học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp;

— Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu nói như vầy: "Nếu khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi

ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày thì vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruỗi nhanh, lính bại trận, con trai chạy, con gái chạy, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu hung, chó dại, hoặc ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên trâu đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc vào thôn ấp phải hỏi tên, hỏi đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ, hỏi tên, hoặc nhìn lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi, được hỏi rằng: "Ông ở đâu đến ?" Ta đáp rằng: "Này chư Hiền, tôi đi lộn đường.""Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu, đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy, và nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho rằng: "Ta có tri kiến toàn triệt", nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy.

Rồi đức Thế Tôn đi kinh hành đến cuối đường, dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo:

— Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các Thầy có thọ trì chăng ?

Các Tỳ-kheo im lặng, không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần:

— Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các Thầy có thọ trì chăng ?

Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng đến Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc; bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc, nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, thì các Tỳ-kheo, sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ thọ trì cẩn thận.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy niệm kỹ, Ta sẽ phân tích cặn kẽ cho các Thầy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch:

— Chúng con kính vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

— Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp ? Nói lời phi pháp, và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy cầm đầu trong chúng phi pháp, theo những điều họ đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật và

hiển thị, phân biệt, thiết định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được; đối với trong Chánh pháp luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết, nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp tự cho là: "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả." Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

Sao gọi là chúng pháp ? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp, và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng, mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, thiết định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chánh pháp luật, có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp tự cho là: "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả." Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

Cho nên, các Thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi

pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các Thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật.

Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chư Hiền nên biết, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa nầy, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: "Các Thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các Thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật."" Họ lại nghĩ rằng: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt ?" Họ lại nghĩ rằng: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt. Chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan mà yêu cầu nói ý nghĩa nầy. Nếu được Tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ trì."

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và thưa:

— Thưa Tôn giả A-nan, xin biết cho, đức Thế

Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa nầy, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: "Các Thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các Thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật." Chúng tôi lại nghĩ: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt ?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả A-nan là thị giả Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt." Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho.

Tôn giả A-nan trả lời:

— Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ thì hiểu rõ ý nghĩa.

Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây; vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa, và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang còn đó sao chư Hiền lại bỏ đi mà tìm đến

tôi để hỏi ý nghĩa nầy ! Vì sao vậy ? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là bậc có mắt, là trí, là nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là bậc nói nghĩa Chơn đế, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa nầy: "Bạch Thế Tôn, điều nầy là thế nào? Điều nầy có ý nghĩa gì ?" Đúng theo những lời Thế Tôn nói, chư Hiền hãy khéo léo thọ trì.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa:

— Thưa Tôn giả A-nan, vâng. Đức Thế Tôn là bậc có mắt, là trí, là nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là bậc nói nghĩa Chơn đế, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Thưa Tôn giả A-nan, Tôn giả có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rải cho.

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

— Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói.

Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu nhơn bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện; đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhơn

bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện; đó gọi là nghĩa. Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhơn bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện; đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhơn bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện; đó gọi là nghĩa.

Này chư Hiền, sự kiện đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa nầy, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vào tịnh thất tĩnh tọa: "Cho nên các Thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các Thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật." Ý nghĩa mà đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt, chứ không phân biệt rộng rãi nầy, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đúng như ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói, thì chư Hiền hãy thọ trì.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng rồi đi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, vừa rồi, Thế Tôn chỉ nói

vắn tắt ý nghĩa nầy, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy ? Vì Tôn sư nói ý nghĩa nầy cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi; đệ tử ấy bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đúng như những gì A-nan nói, các Thầy hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy ? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu, đô ấp Kiếm-ma-sắc-đàm - câu-lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, dứt hết thống khổ, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi. Thế nào là ở nơi Thánh chánh định nói tập, nói trợ, và có cụ gồm bảy phần ? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi nầy mà có tập, có trợ và có cụ khéo hướng đến, tâm được chuyên

nhất; đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy ? Vì chánh kiến mà sanh ra chánh chí; chánh chí sanh ra chánh mạng; chánh mạng sanh ra chánh phương tiện; chánh phương tiện sanh ra chánh niệm; nhờ chánh niệm sanh ra chánh định. Hiền Thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."

Trong các chi ấy chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó đúng là chánh kiến; nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó đúng là chánh kiến.

Thế nào là tà kiến ? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện nghiệp, ác nghiệp; không có thiện báo, ác báo; không có đời nầy, đời sau, không có cha không có mẹ, trên đời không có bậc chơn nhơn đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi nầy, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời nầy hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là tà kiến.

Thế nào gọi là chánh kiến ? Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện nghiệp,

ác nghiệp, thiện báo, ác báo; có đời nầy đời sau, có cha, có mẹ, ở đời bậc chơn nhơn đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi nầy, khéo hướng đến cõi kia, đời nầy hay đời sau, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là chánh kiến.

Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến, đó là chánh kiến, thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi nầy đi theo chánh kiến, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí; cũng thế, nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó là chánh chí. Thế nào gọi là tà chí ? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí. Thế nào gọi là chánh chí ? Đó là không niệm dục, không niệm nhuế, không niệm hại, được gọi đó là chánh chí. Thấy rõ tà chí là tà chí thì đó là chánh chí; thấy rõ chánh chí là chánh chí thì đó là chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn

trừ tà chí thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh niệm. Tất cả ba chi nầy đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo là chánh kiến đứng hàng đầu.

Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ thì đó là chánh ngữ; nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng chính là chánh ngữ. Sao gọi là tà ngữ ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt; đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ ? Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói thêu dệt; đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, chánh ngữ là chánh ngữ, gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ; đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi nầy đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng chính là chánh nghiệp. Thế nào gọi là tà nghiệp ? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp ? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm gọi là chánh nghiệp; đó

gọi là thấy tà nghiệp là tà nghiệp, gọi là chánh nghiệp; chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Nếu biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi nầy đi theo chánh nghiệp, do kiến làm phương tiện. Vì thế nên nói chánh nghiệp, do kiến làm phương tiện. Vì thế nên nói là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà mạng là tà mạng, đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng cũng gọi là chánh mạng. Thế nào là tà mạng ? Nếu có mong cầu mà không biết đủ, dùng các loại chú thuật súc sanh, sống theo lối tà mạng, sống không đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuốc thang và các đồ nhu yếu sinh sống, dùng phi pháp như thế nên gọi là tà mạng. Thế nào là chánh mạng ? Nếu sự mong cầu biết đủ, không dùng các loại chú thuật súc sanh, không sống theo lối tà mạng, cầu y thực đúng pháp, giường chõng thuốc thang, các thứ nhu yếu để sống, dùng đúng pháp, như thế gọi là chánh mạng. Đó gọi là thấy tà mạng là tà mạng, đó là chánh mạng. Thấy chánh mạng là chánh mạng cũng gọi là chánh mạng. Nếu biết như thế rồi liền cầu

học, muốn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, gọi là chánh niệm. Ba điều nầy đi theo chánh mạng, do kiến làm phương tiện, nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

Thế nào là chánh phương tiện ? Tỳ-kheo đã sanh ác pháp vì để đoạn trừ, nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt. Pháp ác chưa sanh, vì để nó không sanh, nên phát khởi ý dục tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt. Thiện pháp chưa sanh, vì để sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt. Thiện pháp đã sanh, vì để tồn tại không mất, không lui sụt, để tăng trưởng phát triển, tu tập đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ mà tâm tiêu diệt. Thế gọi là chánh phương tiện.

Thế nào là chánh niệm ? Tỳ-kheo quán nội thân như thân cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp, đó gọi là chánh niệm.

Thế nào là chánh định ? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú, đó gọi là chánh định.

Thế nào là chánh giải thoát ? Tỳ-kheo tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si, gọi là chánh giải thoát.

Thế nào là chánh chí ? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si, gọi là chánh chí.

Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi, lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

Thế nào là hữu học thành tựu tám chi ? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi ? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh chí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao như vậy ? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhơn tà kiến mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhơn chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh chí đoạn trừ tà chí. Nếu nhơn tà chí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh chí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn. Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Đó là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể

chận đứng được, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác. Đối với bốn mươi đại pháp phẩm màTa tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy không một ai có thể chận đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Những gì là mười ?

Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, ấy mà, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

Hoặc chê bai, cho đến chánh chí, khen ngợi tà chí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà chí, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm màTa tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác; ấy mà có Sa-môn

Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác mà phi bác.

Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm, sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp, nghĩa là đối với thiện, ác được tạo tác bởi người nầy hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây; những người ấy, đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai chận đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

190. KINH TIỂU KHÔNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông Viên, Lộc Tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ Tôn giả A-nan, vào lúc xế trưa, từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp. Lúc ấy con được nghe Thế Tôn nói nghĩa như vầy: "Này A-nan, Ta phần nhiều an trú nơi không". Bạch Thế Tôn có phải là con biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ không ?

Bấy giờ Thế Tôn đáp:

— Này A-nan, những lời của Ta nói, Thầy thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao ? Vì từ trước đến nay, Ta phần nhiều an trú nơi không.

Này A-nan, như giảng đường Lộc Tử Mẫu nầy trống không, không có voi, ngựa, trâu, dê, tài vật, lúa, thóc, nô tỳ, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu những gì không có ở trong giảng đường nầy, thì vì thế mà Ta thấy là không; nếu những thứ khác mà có, thì Ta thấy thật sự là có. Này A-nan, đấy gọi là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào nếu muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về xóm làng, đừng suy niệm đến ý tưởng về người, mà thường suy niệm đến một ý tưởng thuần nhất về rừng vắng. Vị ấy nhận biết như vầy: Trống không ý tưởng về xóm làng, trống không ý tưởng về người, nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về rừng vắng. Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về xóm làng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về rừng vắng". Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy

thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về người, đừng suy niệm đến ý tưởng rừng vắng, mà thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất nầy có cao, có thấp, có ổ rắn, có bụi gai, có cát, có đá, núi lởm chởm, sông sâu, thì chớ có suy niệm đến. Nếu thấy đất nầy bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường suy niệm đến. Này A-nan, ví như da trâu, lấy một trăm cây đinh mà căng ra, sau khi căng ra rất thẳng, không nhăn, không rút lại. Nếu thấy chỗ đất nầy có cao, có thấp, có ổ rắn, có bụi gai, có cát, có đá, núi lởm chởm, sông sâu, thì đừng suy niệm đến. Nếu thấy chỗ đất nầy bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường suy niệm. Vị ấy biết như vậy, biết rằng: "Trống không ý tưởng về người, trống không ý tưởng về rừng vắng; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về đất." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về rừng vắng,

thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về đất." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, đừng suy niệm đến ý tưởng về đất, mà thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về rừng vắng, trống không ý tưởng về đất; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về rừng vắng, thì ở đây ta không có sự đó. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất, thì ta không có sự đó. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm

đến ý tưởng về đất, đừng suy niệm về ý tưởng Vô lượng không xứ, hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về đất, trống không ý tưởng về Vô lượng không xứ, nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có một cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng không xứ, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng thức xứ, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng không xứ, trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ."

Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu xứ." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng thức xứ, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô sở hữu xứ, mà hãy thường suy niệm thuần nhất về Vô lượng tâm định. Vị ấy nhân biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về Vô sở hữu xứ, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ thuần nhất vô tưởng tâm định." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do thuần nhất Vô tưởng tâm định." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật

có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo.

Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Vô tưởng tâm định mà ta đã có đây, vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu vốn có là sở hành, vốn là sở tư, thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không nên an trú trên nó." Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vị ấy biết như vầy: "Trống không dục lậu, trống không hữu lậu, trống không vô minh lậu, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có thân nầy của ta với sáu xứ cho mạng tồn tại." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do dục lậu, thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do hữu lậu và vô minh lậu, thì ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do nơi thân nầy của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại." Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chơn thật có. Này A-nan, đó là an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong quá khứ, nếu có các đức Như

Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, các vị ấy đều an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo nầy, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong vị lai, nếu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, các vị ấy đều an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo nầy, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú chơn thật tánh Không, không điên đảo nầy; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

191. KINH ĐẠI KHÔNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy-la-vệ, rừng Ni-câu-loại.

Bấy giờ đức Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Ca-la-sai-ma-thích. Lúc bấy giờ, tại tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích đi ra, đến tinh xá Ca-già-la-thích. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già-la-thích đang làm y, Tôn giả A-nan từ xa trông thấy Phật sắp đến, liền ra nghinh tiếp,

cầm y bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân. Phật rửa chân rồi, ngồi trên chỗ ngồi mà Tôn giả A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la-thích và nói:

— Này A-nan, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường. Có nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng ?

Tôn giả A-nan bạch:

— Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường, và có rất nhiều Tỳ-kheo đang trú nghỉ trong đó. Vì sao ? Vì chúng con hôm nay đang làm y.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

— Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy, nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc

của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử; đối với những hoan lạc ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp nầy không thể xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoạn lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy, nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử; đối với những hoan lạc nầy vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp nầy tất có xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc nơi xa vắng; Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người,

hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống ở nơi cô độc xa vắng; nếu vị ấy chứng đắc thời ái, tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp nầy hoàn toàn không xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp nầy tất có xảy ra. Vì sao vậy ? Này A-nan, Ta không thấy có một sắc nào khiến ta ham muốn, hoan lạc; và khi sắc ấy bại hoại, biến dịch, đổi khác thì sanh ra sầu bi, khóc lóc, ưu, khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trú nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác; đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trú nơi ngoại không. Này A-nan, Ta an trú nơi trú xứ nầy rồi, phát sanh sự hoan duyệt; sự hoan duyệt nầy Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm, chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định; định nầy Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm chánh trí. Này A-nan,

nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di nào tìm đến Ta,Ta sẽ vì họ mà an trú tâm như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục; Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn thường an trú trong Không tánh, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi không giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, không khiến được chuyên nhất và định", thì này A-nan, nên biết vị ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc. Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an trú tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định ? Tỳ-kheo đối với thân nầy có hỷ lạc do ly dục phát sanh thấm ướt khắp tất cả, thấm nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, bỏ bột tắm trong đồ đựng, rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt, thấm nhuần khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín đáo không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân nầy có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt

một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn.

Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trú, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về ngoại không.

Vị ấy sau khi suy niệm về ngoại không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với ngoại không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về nội ngoại không.

Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không

được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội ngoại không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về sự không di động.

Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát, biết rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự không di động; Tỳ-kheo ấy có tâm như thế nầy hay thế khác, bằng định như thế nầy hay thế khác mà điều phục, liên tục điều phục, tu tập, liên tục tu tập, làm nhu nhuyến rồi nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly. Nếu vị ấy có tâm như thế nầy hay thế khác, bằng định như thế nầy hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly rồi, hãy bằng nội không mà thành tựu an trú. Vị ấy sau khi nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội không. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội không thành tựu an trú, tâm không

di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội không; đó là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán, biết ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng nội ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi nội ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, hãy bằng bất di động thành tựu an trú. Vị ấy sau khi bằng bất di động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động. Này A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán, biết bất di

động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trên trú xứ nầy; nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ Thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của Thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Sau khi kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trú trên trú xứ nầy; nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Sau khi ngồi vững vàng như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trú trong trú xứ nầy; nếu muốn có suy niệm, Tỳ-kheo ấy đối với ba sự suy niệm về ác bất thiện nầy, là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; đừng suy niệm đến ba suy niệm ác bất thiện ấy. Đối với ba suy niệm thiện nầy, là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ấy. Sau khi suy niệm

như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo ấy, với tâm an trú trong trú xứ nầy, nếu muốn luận bàn, Tỳ-kheo ấy luận bàn những gì không phải là Thánh luận, không tương ưng với lợi ích cứu cánh tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, đạo tặc, đấu tranh, ẩm thực, áo chăn, đàn bà, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, trong biển; vị ấy không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nếu có những vấn đề thuộc Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy, tức là vấn đề thí, giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tụ hội, thiểu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi. Sau khi luận bàn những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Lại nữa, này A-nan, có năm diệu dục, khả lạc, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú, quán năm diệu dục nầy, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm. Vì sao vậy ? Không trước,

không sau, năm diệu dục nầy tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết năm diệu dục nầy, tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Tỳ-kheo ấy với diệu dục nầy hay diệu dục kia, quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán xả ly. Nếu năm diệu dục nầy có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết năm diệu dục nầy có dục và bị nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi; đó gọi là chánh tri.

Lại nữa, này A-nan, có năm thạnh ấm, sắc thạnh ấm, thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Tỳ-kheo như vậy mà quán sự hưng suy, quán sát rằng: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, và thức; đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu năm thạnh ấm nầy có ngã mạng, nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết trong năm thạnh ấm, ngã mạng đã bị diệt rồi; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, pháp nầy tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, vô thủ, mà không đến gần được, ác không thể đến gần được; các pháp ác bất thiện ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu

trong tương lai, là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật nầy. Vì sao vậy ? Nhân không phóng dật mà Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ; nhơn gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đến các trợ đạo phẩm. Cho nên, này A-nan, Thầy phải học như vầy: "Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dật." Hãy học như vậy.

Này A-nan, do nghĩa lợi nào mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn và phụng sự cho đến trọn đời ?

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

— Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó. Con nay, sau khi nghe xong, sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy.

Đức Phật bèn nói:

— Này A-nan, hãy lặng nghe, hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho Thầy nghe.

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Này A-nan, không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế

Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Nhưng này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp nầy, tụng tập đến cả ngàn lần, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề nầy là Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bố thí, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tụ hội, thiểu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi; những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó; do ý nghĩa nầy mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh.

Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư ? Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế, có sách lự tư duy, an trú nơi chỗ sách lự tư duy mà quán sát các loại phàm nhơn, có biện tài; vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, lánh xa, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư

sĩ, phong ấp, quốc nhơn. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về, với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho Tôn sư, và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, già, bệnh, chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư.

Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử ? Đệ tử của vị Tôn sư ấy, học sự viễn ly của vị ấy; vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, trên sườn non, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử, và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, nhơn của phiền nhiệt, khổ báo, là sanh, già, bệnh, chết; đó là phiền lụy cho đệ tử.

Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh ? Ở đây, đức Như Lai xuất thế, Ngài là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh

Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, Ngài sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

Này A-nan, đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa ?

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn:

— Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp chủ, pháp do Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy, con nay sau khi nghe xong, được biết rộng nghĩa ấy.

Đức Phật bèn nói:

— Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy tư niệm. Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho Thầy nghe.

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Này A-nan, Như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu

hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa: một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình, hai là từ mẫn đối với những người đời sau. Hoặc giả, đời sau người người noi theo Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi nầy mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Như Lai sau khi được học viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, cùng các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Như Lai sau khi cùng các vị Phạm

hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi, không tự cao mà không về nhà. Này A-nan, nếu vị ấy chứng ngộ bất động tâm giải thoát, thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc bốn tăng thượng tâm, sống an lạc trong hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thời ở đây hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đệ tử.

Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, theo các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh, và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác, bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhơn của sanh, già, bệnh, chết; đó gọi là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh.

Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các vị Phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ái, khả niệm. Cho nên, này A-nan, các Thầy hãy hành sự từ hòa đối với Ta, đừng gây sự oán hận.

Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa ? Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử, mà phát khởi từ bi tâm, nói rằng: "Đây là điều hữu ích; đây là sự an lạc; đây là sự hữu ích an lạc." Nếu đệ tử ấy không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ lãnh chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định; đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa. Này A-nan, thế nào đệ tử đối với Tôn sư hành sự từ hòa, không gây sự oán hận ? Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, thương yêu lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử, phát khởi tâm từ bi và nói rằng: "Đây là điều hữu ích; đây là sự an lạc; đây là sự hữu ích an lạc." Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp

tùy pháp hành, thọ lãnh chánh pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định. Vị đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận.

Cho nên, này A-nan, các Thầy đối với Ta hãy hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Vì sao vậy ? Này A-nan, Ta không nói như vầy: "Như người thợ gốm làm đồ gốm." Nhưng, này A-nan, Ta nói: "Nghiêm khắc, khắc khổ." Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

XVII. PHẨM ĐẠI

192. Kinh Ca-lâu-ô-đà-di.
193. Kinh Mâu-lê-phá-quần-na.
194. Kinh Bạt-đà-hòa-lợi.
195. Kinh A-thấp-bối.
196. Kinh Châu-na
197. Kinh Ưu-ba-ly.
198. Kinh Điều Ngự Địa
199. Kinh Si Tuệ Địa
200. Kinh A-lê-tra
201. Kinh Trà-đế.

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa trong nước Ương-già, cùng với chúng đại Tỳ-kheo đông đủ, đến A-hòa-na, ở tại tịnh xá Kiền-nhã.

Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, cầm bát đi vào A-hòa-na khất thực. ăn xong, sau buổi trưa, Ngài cất y, cất bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, đi đến một khu rừng để nghỉ. Tôn giả Ô-đà-di cũng sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát, đi vào A-hòa-na khất thực. Khi ăn xong, sau buổi trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, lấy toạn cụ vắt lên vai, đi theo hầu sau Phật và nghĩ như vầy: "Nếu Thế Tôn nay đi nghỉ ở đâu, ta cũng đến nghỉ ở đó."

Rồi Thế Tôn vào trong rừng, đến nơi một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Tôn giả Ô-đà-di cũng đi vào khu rừng ấy, cách Phật không xa, đến nơi một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết-già.

Bấy giờ Tôn giả Ô-đà-di một mình ngồi tĩnh tọa ở chỗ thanh vắng và tư duy, trong tâm nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta; đức Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ được các pháp khổ, làm tăng thêm pháp lợi ích, an lạc cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện vi diệu cho chúng ta."

Vào lúc xế trưa, Tôn giả Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:

— Này Ô-đà-di, Thầy không mệt mỏi, được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường chăng ?

Tôn giả Ô-đà-di bạch:

— Bạch Thế Tôn, con không có gì mệt mỏi, vẫn an ổn, khoái lạc, khí lực như thường.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Ô-đà-di, tại sao Thầy không mệt mỏi, thường được an ổn, khoái lạc và khí lực bình thường ?

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

— Bạch Thế Tôn, con một mình ngồi tĩnh tọa ở chỗ thanh vắng và tư duy, trong tâm suy nghĩ: "Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta; bậc Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ các pháp khổ, làm tăng trưởng pháp lợi ích, an lạc cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ vô lượng pháp ác, bất thiện, làm tăng trưởng vô lượng pháp thiện, vi diệu cho chúng ta." Bạch Thế Tôn, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: "Hãy dứt trừ việc ăn quá ngọ." Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi nhưng không kham, không nhẫn, không muốn, không ưa và nghĩ rằng: "Nếu có Phạm chí, Cư sĩ có tín tâm đi đến chúng viên bố thí rộng rãi, tạo phước, thì chúng ta tự tay nhận lấy đồ ăn. Nhưng Thế Tôn hôm nay dạy chúng ta từ bỏ điều nầy; đức Thiện Thệ dạy chúng ta dứt tuyệt điều nầy." Chúng con lại nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Nhưng chúng con đối với oai thần, diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bất kham, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn sau giờ ngọ.

Lại nữa, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo

rằng: "Các Thầy hãy dứt trừ việc ăn tối." Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi nhưng không kham, không nhẫn, không muốn, không ưa, chúng con nghĩ rằng: "Trong khi bữa ăn rất tối thượng, tối diệu, tối thắng, tối mỹ mà Thế Tôn nay dạy chúng ta chấm dứt cả; Thiện Thệ dạy chúng ta dứt tuyệt cả." Chúng con lại nói: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn."

Bạch Thế Tôn, khi xưa có một cư sĩ mang rất nhiều các thứ đồ ăn, thức uống ngon lành trở về nhà và bảo người nhà rằng: "Các Người hãy lấy đồ nầy đem cất một chỗ. Ta sẽ tụ họp mọi người để ăn ban đêm, không ăn buổi sáng và buổi trưa." Bạch Thế Tôn, "Nếu các nhà bày soạn các món ăn rất ngon lành thượng diệu, chỉ ăn trong ban đêm mà ta thì ăn buổi sáng và buổi trưa, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ điều nầy; đức Thiện Thệ dạy ta dứt trừ điều nầy." Chúng con lại nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Nhưng chúng con đối với oai thần, diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bất kham, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn ban đêm.

Bạch Thế Tôn, con lại nghĩ rằng: "Nếu có Tỳ-kheo phi thời đi vào thôn ấp để khất thực, hoặc có thể gặp kẻ đạo tặc đang hành sự hay chưa hành sự,

hoặc gặp cọp, gặp nai, hoặc gặp cả cọp và nai, hoặc gặp beo, hoặc gặp gấu, hoặc gặp cả beo và gấu, hoặc qua những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dại, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc té vào mương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc cỡi lên trâu đang nằm, hoặc lọt xuống hầm sâu, hoặc vướng vào bụi gai, xem xét thấy nhà trống mà bước vào nhà như vậy, khi vào trong đó rồi người con gái thấy rủ rê làm việc bất tịnh, hạnh xấu xa."

Bạch Thế Tôn, xưa có một Tỳ-kheo trong đêm tăm tối, trời mưa lâm râm, chớp lóe như lửa xẹt mà phi thời đi vào nhà người ta để khất thực. Bấy giờ người đàn bà đi ra ngoài rửa chén bát. Khi ấy người đàn bà nầy trong cơn chớp lóe trông xa thấy Tỳ-kheo tưởng là quỷ. Thấy rồi, bà ta kinh hãi, lông tóc dựng ngược, thất thanh la lớn, tức thì ngã xuống, miệng nói rằng: "Ông là quỷ ! Ông là quỷ !" Tỳ-kheo nói với người đà bà đó rằng: "Này Cô em, tôi không phải quỷ đâu, tôi là Sa-môn đến khất thực." Bấy giờ người đàn bà ấy giận và mắng vị Tỳ-kheo rất nhức nhối, rất dữ dằn: "Sa-môn hãy chết gấp đi ! Bố mẹ Sa-môn hãy chết gấp đi ! Dòng họ Sa-môn hãy tuyệt diệt đi ! Sa-môn hãy lòi ruột đi ! Sa-môn trọc đầu, đen thui, tuyệt tự, không con cái !

Hãy cầm dao bén mà tự mổ bụng đi, chứ đừng đi khất thực phi thời ban đêm. Ôi chao ! Tại Sa-môn nầy mà tôi bị té !" Bạch Thế Tôn con nhớ vị ấy rồi, tâm sanh hân hoan. Bạch Thế Tôn, con nhờ sự hân hoan nầy mà sung mãn châu thân, chánh niệm chánh trí, phát sanh hỷ, khinh an, lạc, định. Bạch Thế Tôn, con nhờ định nầy, sung mãn châu thân và được chánh niệm chánh trí. Như vậy, bạch Thế Tôn, con không mệt mỏi, thường được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Ô-đà-di, Thầy nay không phải như kẻ mê mờ kia. Khi Ta nói với những kẻ mê mờ ấy rằng "Các Thầy hãy từ bỏ điều nầy" thì họ nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng nay Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ việc ấy; Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt việc ấy." Và họ cũng nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ không từ bỏ. Không phải chỉ với Ta mà họ không vừa ý, không nhẫn thọ; đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận họ cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, những kẻ mê mờ kia bị trói buộc rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không được giải thoát.

Này Ô-đà-di, ví như có con ruồi bị dính dưới bả nước mũi; nó ở trong đó hoặc khổ hoặc chết. Này Ô-đà-di, hoặc có người nói như vầy: "Con ruồi kia tuy bị dính mà không cứng, không chặt, không càng lúc cành gắt gao, nên có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát." Nói như vậy có đúng không ?

Ô-đà-di bạch:

— Không đúng, bạch Thế Tôn, vì sao ? Vì con ruồi đã bị dính dưới bả nước mũi; nó ở trong đó hoặc khổ, hoặc bị chết. Thế nên, bạch Thế Tôn, con ruồi kia bị dính rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

Này Ô-đà-di, những người mê mờ kia, Ta khuyên vị ấy rằng: "Các Thầy hãy từ bỏ điều nầy" thì họ nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ, nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải từ bỏ việc ấy; Thiện Thệ muốn ta từ bỏ việc ấy." Và cũng nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ không từ bỏ. Họ không chỉ không vừa ý, không nhẫn thọ đối với ta, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận; họ cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

Này Ô-đà-di, nếu có một Thiện nam tử nghe Ta nói rằng: "Các người hãy từ bỏ điều nầy." Họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ nó, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta từ bỏ việc ấy." Và họ cũng không nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ từ bỏ. Họ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ, và đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới hạnh, cũng không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, Thiện nam tử ấy, bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.

Này Ô-đà-di, ví như con voi chúa to lớn sống đến sáu mươi năm, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân sức tráng kiệt. Nó bị trói chặt, nhưng nếu nỗ lực chuyển mình, sự trói chặt kia liền bị bứt và nó trở về chỗ cũ. Này Ô-đà-di, nếu có người nói như vầy: "Con voi chúa to lớn kia sống đến sáu mươi năm, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân sức tráng kiện; nó bị trói chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không được giải thoát." Nói như vậy có đúng chăng ?

Tôn giả Ô-đà-di bạch:

— Không đúng, bạch Thế Tôn, vì sao ? Vì con voi chúa to lớn kia sống đến sáu mươi năm, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân cốt tráng kiện, bị trói chặt; nhưng nếu nó nỗ lực cựa mình, sự trói buộc kia liền bị bứt và nó trở về chỗ cũ. Bạch Thế Tôn, cho nên con voi chúa to lớn kia sống đến sáu mươi năm, đã thành một ma-ha-năng-già kiêu ngạo, gân sức tráng kiện, sự trói buộc kia cũng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.

— Cũng như vậy, này Ô-đà-di, với Thiện nam tử kia, Ta khuyên rằng:"Các Người hãy từ bỏ điều nầy" thì họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta từ bỏ." Và họ cũng không nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Và họ liền từ bỏ. Không chỉ đối với Ta vị ấy không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, họ cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, Thiện nam tử ấy bị trói không chặt, không cứng, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, với người mê mờ mà Ta khuyên dạy rằng:"Các người hãy từ bỏ điều nầy" thì họ bèn nói

như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta từ bỏ." Và họ cũng nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta họ sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ giới hạnh cẩn thận, họ cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát.

Này Ô-đà-di, ví như người nghèo cùng, không có của cải, cũng không có thế lực. Người ấy có một người vợ cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở được; lại có một cái giường bị gãy sụp, không thể nằm, có một cái bình bị lủng, không dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch tay chân, trải cụ tọa ngồi nơi một gốc cây mát mẻ, điều hòa và tu tập tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy, trong tâm nghĩ rằng: "Sa-môn thật là khoái lạc. Sa-môn như Niết-bàn. Còn ta xấu xa, vô đức. Vì sao ? Vì ta có một người vợ, cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể lìa bỏ được; có một cái nhà lại bị đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở nhưng không

thể bỏ; có một cái giường lại bị gãy sập, không thể nằm nhưng không thể bỏ; có một cái bình bị lủng nhưng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ; ta lại ưa thích như Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo." Này Ô-đà-di, nếu có người nói như vầy: "Người nghèo cùng kia không có tiền của, cũng không có thế lực, mà bị trói buộc không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát." Nói như vậy có đúng chăng ?

— Không đúng, bạch Thế Tôn, vì sao ? Vì người nghèo cùng kia, không có tiền của, cũng không có thế lực, có một người vợ mù, xấu xí, không khả ái, mà lại không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở, mà không thể bỏ; có một cái giường bị gãy sập không nằm được mà không thể bỏ; chỉ có một cái bình lủng, không dùng được mà cũng không thể bỏ; dù người ấy ưa thích như vị Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, cho nên người nghèo cùng kia, không có tiền của, cũng không có thế lực, bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, cũng không thể giải thoát được.

— Cũng vậy, này Ô-đà-di, nếu có người mê mờ mà Ta khuyên rằng: "Người hãy từ bỏ điều ấy" thì người ấy lại nói: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt." Và người ấy cũng nói: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi người ấy không đoạn trừ; người ấy không chỉ đối với Ta sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, người ấy cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát. Này Ô-đà-di, nếu Thiện nam tử mà Ta khuyên họ rằng: "Các Người hãy từ bỏ điều nầy." Họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ; nhưng Thế Tôn nay dạy ta nên đoạn trừ; Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt." Và họ cũng không nói: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Họ liền đoạn trừ, đối với Ta, họ không sanh tâm không thích, không chấp nhận và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, họ cũng không sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên Thiện nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

Này Ô-đà-di, ví như cư sĩ, con cư sĩ rất giàu sang, sung sướng, rất nhiều tiền của; sản nghiệp súc mục không thể tính được; phong hộ, thực ấp, lúa gạo bao nhiêu những thứ dùng sinh sống đều rất đầy đủ; nô tỳ, voi ngựa nhiều không kể xiết. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ ngồi nơi một gốc cây mát mẻ, điều hòa và tu tập tăng thượng tâm. Thấy vậy, người ấy nghĩ rằng: "Sa-môn thật là khoái lạc; Sa-môn như Niết-bàn. Ta nên từ bỏ sự giàu sang, sung sướng, vàng bạc châu báu, voi ngựa nô tỳ, hâm mộ làm tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo." Này Ô-đà-di, có người lại nghĩ rằng: "Người cư sĩ, con người cư sĩ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát." Nói như vậy có đúng chăng ?

Tôn giả Ô-đà-di bạch:

— Không đúng, bạch Thế Tôn. Vì sao ? Vì người cư sĩ, hay con người cư sĩ kia có thể xa lìa, vứt bỏ sự giàu sang, phú quý, vàng bạc, châu báu, lúa, voi, ngựa, nô tỳ để theo thầy Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, cho nên người cư sĩ, hay con người cư sĩ kia bị trói

không cứng, không chặt, càng lúc càng không gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể được giải thoát.

— Cũng như vậy, này Ô-đà-di, nếu Thiện nam tử mà ta khuyên rằng "Các Người hãy từ bỏ điều nầy" thì họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải đoạn trừ, nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải đoạn trừ; Thiện Thệ muốn ta chấm dứt." Và họ cũng không nói rằng: "Vị Đại Sa-môn nầy cũng không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ liền đoạn trừ. Đối với Ta họ không sanh tâm không thích, không chấp nhận, và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh thanh tịnh họ cũng không sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên Thiện nam tử kia bị trói mà không cứng, không chặt, không càng lúc cành gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể được giải thoát.

Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy tu hạnh xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy ham thích nó, không đoạn, không trú, không vứt bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao ? Vì các kiết sử bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kiết sử bất thiện cho nên Ta nói trói buộc, không nói là giải thoát.

Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy tu

hạnh xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy không ham thích nó, mà đoạn, trú, vứt bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói cũng là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kiết sử bất thiện. Này Ô-đà-di vì kiết sử bất thiện, cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát.

Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy tu hạnh xả rồi, thỉnh thoảng lãng quên, đi đôi với suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm nên bị diệt mau. Này Ô-đà-di, ví như hòn sắt hay lưỡi cày sắt trọn ngày bị lửa đốt, nếu có người nhỏ lên đó hai hoặc ba giọt nước, nhỏ chậm, không liên tục, nước bèn tiêu tan mau chóng. Này Ô-đà-di, cũng vậy, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy tu hạnh xả rồi, thỉnh thoảng lãng quên, đi đôi với suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc, sự quán chậm nên bị diệt mau. Này Ô-đà-di, Ta nói như thế là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao ? Vì các kiết sử bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kiết sử bất thiện cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát.

Này Ô-đà-di, cũng ở nơi góc rễ của khổ, mà du hành không sanh tử, ở nơi vô thượng ái tận mà thiện tâm giải thoát. Này Ô-đà-di, Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc. Vì sao ? Vì các kiết sử đã

chấm dứt. Này Ô-đà-di, vì các kiết sử đã chấm dứt cho nên Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc.

Này Ô-đà-di, có thứ lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, là gốc rễ của tên đâm, có nhân duyên, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập.

Này Ô-đà-di, có thứ lạc gọi là Thánh lạc, là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc thanh tịnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

Này Ô-đà-di, thế nào gọi là thứ lạc không phải là Thánh lạc, mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, là gốc rễ của tên đâm, có nhân duyên, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển; Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập.

Nếu nhơn nơi ngủ dục mà sanh lạc, sanh hỷ, đó là sự lạc không phải Thánh lạc, mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, là gốc rễ của tên đâm, có nhân duyên, có sanh tử,

không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển; Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập.

Này Ô-đà-di, thế nào là có thứ lạc được gọi là Thánh lạc ? Là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tĩnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển; Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

Này Ô-đà-di, nếu có Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là thứ lạc được gọi là Thánh lạc, là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển; Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Bậc Thánh nói đó là di động. Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động ? Trong đó có giác, có quán, bậc Thánh nói là di động.

Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán đã trừ, nội tâm tĩnh chỉ, nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai thành

tựu và an trú. Đó là điều mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động ? Hỷ lạc được chứng đắc nầy mà bậc Thánh nói là di động.

Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly hỷ dục, trú xả, vô cấu, an trú chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, mà bậc Thánh gọi là "Thánh xả niệm lạc trú không", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Đó là điều mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà bậcThánh gọi là di động ? Nếu đây nói di động tức là tâm lạc. Đó là điều mà bậc Thánh nói là di động.

Trong đó những gì mà bậc Thánh nói không di động ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu và an trú. Đó là điều mà bậc Thánh nói là không di động.

Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất thành tựu và an trú. Này Ô-đà-di, Ta nói ở đây chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Trong đó có những gì

là vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, đạt đến Thiền thứ hai thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói ở đây cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì đã vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "Thánh xả niệm lạc trú thất", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói ở đây cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ và ưu vốn có cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói, đó cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là sự vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó

cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng đắc Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là sự vượt qua ? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tự và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, không đạt đến sự vượt qua. Này Ô-đà-di, có chăng một kiết sử hoặc nhiều hoặc ít tồn tại lâu dài mà Ta nói chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua, nghĩa là Ta nói không đoạn trừ ?

Tôn giả Ô-đà-di bạch:

— Không có, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Ô-đà-di, Thầy không phải như người mê mờ kia. Người mê mờ kia, Ta khuyên rằng "Các Thầy hãy từ bỏ điều nầy" thì họ lại nói rằng: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ, nhưng Thế Tôn nay bảo ta nên từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt." Và họ cũng nói rằng: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta, họ sanh tâm không thích, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, người ấy cũng sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát.

Này Ô-đà-di, nếu có Thiện nam tử nào mà Ta khuyên rằng: "Các người hãy từ bỏ điều nầy." Họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ, nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ; Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt." Và họ cũng không nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn nầy không tiêu hóa nổi đồ ăn." Rồi họ liền từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không thích, không chấp nhận, và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận cũng không sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này

Ô-đà-di, cho nên Thiện nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ hội với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na mà nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thì thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na, thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy, liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Một số đông các Tỳ-kheo nghe vậy liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, ngồi qua một bên và thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-

quần-na thường tụ tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thì thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na, thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy, liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã.

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một vị Tỳ-kheo:

— Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na và nói: "Đức Thế Tôn cho gọi Thầy."

Vị Tỳ-kheo ấy nghe bảo bèn nói:

— Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Rồi vị ấy đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh ba vòng và ra đi.

Vị Tỳ-kheo đó đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói:

— Đức Thế Tôn gọi Thầy.

Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nghe vậy, liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn nói:

— Này Mâu-lê-phá-quần-na, có thật Thầy thường tụ hội cùng với các Tỳ-kheo-ni ? Và nếu có

vị nào trước mặt thầy mà nói xấu các Tỳ-kheo-ni, Thầy nghe vậy, liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã; hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo-ni mà nói xấu Thầy, thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Này Quần-na, có thật vậy không ?

Tỳ-kheo Quần-na thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, điều đó có thật.

Đức Thế Tôn liền hỏi:

— Này Phá-quần-na, Thầy không phải là chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo ?

Phá-quần-na đáp:

— Phải như vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Phá-quần-na, như vậy, người chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phải học như thế nầy: Nếu có dục, có niệm nương trên thế tục, thì phải đoạn trừ chúng. Nếu có dục, có niệm nương trên vô dục, thì hãy tu tập điều nầy, hãy phát triển điều nầy. Này Phá-quần-na, Thầy hãy học như vậy.

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy có phải chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo chăng ?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

— Thưa phải, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

— Các Thầy chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, thì hãy học như thế nầy: Nếu có dục, có niệm nương trên thế tục, thì hãy đoạn trừ chúng. Nếu có dục, có niệm nương trên vô dục, thì hãy tu tập điều nầy, hãy quảng bá điều nầy. Các Thầy hãy học như vậy.

Một thời, Ta đã từng nói với vác Tỳ-kheo:

"Này các Thầy, hoặc có Tỳ-kheo được nhiều người biết đến, hoặc có Tỳ-kheo ít được biết đến, tất cả các Thầy hãy học điều nhứt tọa thực, học nhứt tọa thực rồi, vô vi, vô cầu, không bịnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, sảng khoái."

Các Tỳ-kheo ấy hoặc được biết đến nhiều, hoặc ít được biết đến, tất cả đều học theo điều nhất tọa thực. Sau khi học theo điều nhất tọa thực, họ được vô vi, vô cầu, không tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng,

khí lực dồi dào, an ổn, sảng khoái. Những Tỳ-kheo ấy hài lòng Ta. Và Ta cũng không phải khuyến giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhơn đó mà sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành. Cũng như người điều khiển chiếc xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi, nó theo tám con đường mà đi, muốn đến nơi nào cũng được. Các Tỳ-kheo như vậy rất hài lòng Ta, và Ta cũng không phải khuyến giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành.

Cũng như khoảng đất tốt có rừng cây sa-la. Người săn sóc rừng kia thông minh, sáng suốt không biếng nhác, tùy lúc săn sóc gốc rễ cây sa-la, thường cào bừa những rác rưới và luôn luôn tưới nước, san bằng chỗ cao, lấp đầy chỗ thấp; nếu cỏ dại mọc đầy hai bên thì nhổ bỏ đi; nếu cây nào cong queo, xấu xí, không ngay thẳng, thì nhổ gốc bỏ ra ngoài; nếu có nhánh nào đâm ngang và cong, thì chặt xuống hay uốn lại; nếu bên cạnh có mọc thêm cây nào đều đặn, ngay thẳng, thì tùy lúc mà sửa soạn, thường cào bừa đi những rác rưới, và tưới nước. Như vậy, trên khu đất tốt kia, rừng cây sa-la càng ngày càng sầm uất. Cũng vậy, các Tỳ-kheo làm hài lòng Ta và Ta cũng khỏi phải khuyến giáo, khiển trách nhiều.

Ta không nói các Tỳ-kheo là thiện ngữ, cung thuận do các nhu dụng sinh sống, y bát, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang. Vì sao vậy ? Tỳ-kheo ấy nếu không nhận được các thứ ấy thì trả lại bằng sự không thiện ngữ, cung thuận, thành tựu cái tính không thiện ngữ, cung thuận. Nếu có Tỳ-kheo là vị viễn ly, nương trên viễn ly, sống trong sự viễn ly, là vị thiện ngữ, cung thuận, thành tựu tính thiện ngữ, cung thuận; Ta nói vị ấy thật sự là thiện ngữ, cung thuận. Vì sao vậy ? Ở đây, một Tỳ-kheo thủ hộ cẩn thận mà sống, trong trường hợp gặp người khác không nói thô ác. Nếu người khác nói thô ác cũng không phẫn nộ, cũng không thù ghét, cũng không ưu sầu oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo kia sau khi thấy vậy, bèn nghĩ rằng: "Hiền giả đó thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh." Nếu người khác nói thô ác mà vị ấy giận dữ, thù ghét, ưu phiền, ôm hận, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ: "Hiền giả nầy ngoan cố, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tịnh." Vì sao vậy ?

Này Tỳ-kheo, có một nữ cư sĩ tên là Bệ-đà-đề, rất giàu sang, sung sướng, có nhiều tiền tài, sản nghiệp súc mục không thể kể xiết, phong hộ thực

ấp, lúa gạo dẫy đầy, và nhiều nhu dụng sinh sống khác. Bấy giờ nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh."

Bấy giờ nữ cư sĩ Bệ-đà-đề có một nữ tỳ tên là Hắc Bổn, hầu hạ, ăn nói dịu dàng, ít nhiều hành thiện. Nữ tỳ Hắc Bổn nghĩ rằng: "Chủ nhân ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy: "Nữ cư sĩ Bệ đà-đề là người nhu thuận, nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh." Nay ta hãy thử xem chủ nhân nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân."

Rồi nữ tỳ Hắc Bổn nằm ngủ, không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy: "Hắc tỳ, sao Ngươi không dậy sớm ?" Hắc tỳ nghe vậy bèn nghĩ rằng: "Chủ nhân ta nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, sự thật có sân, chứ không phải không sân. Nhưng vì ta giỏi lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, khiến cho chủ ta nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được vang danh với tiếng tốt như vầy: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh." Nay ta hãy thử thách hơn nữa, xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân."

Rồi Hắc tỳ ngủ không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy: "Hắc tỳ, sao Ngươi dậy quá trễ vậy ?" Hắc tỳ nghe vậy, bèn suy nghĩ: "Chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân, chứ không phải không sân. Nhưng vì ta khéo lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, nên chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề mới có được vang danh với tiếng tốt như vầy: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh." Nay ta lại thử thách thật lớn, xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không sân."

Rồi Hắc tỳ ngủ đến xế trưa mới dậy. Phu nhân gọi nó: "Hắc tỳ, sao Ngươi ngủ đến xế trưa mới dậy ? Ngươi đã không chịu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Con Hắc tỳ nầy không nghe ta dạy ! Con Hắc tỳ nầy khinh mạn ta !" Phu nhân thịnh nộ, hằn học, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy đánh vào đầu nữ tỳ, vỡ đầu chảy máu. Rồi Hắc tỳ, với cái đầu vỡ, máu chảy, chạy qua nói với hàng xóm, lớn tiếng phân bua, nói xấu đủ điều rằng: "Này các Ngài, hãy xem, việc làm của người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh, làm như vậy chăng ? Người ấy mắng chửi tôi rằng: "Con Hắc tỳ

nầy, sao Ngươi ngủ đến xế trưa mới dậy ? Ngươi đã không chịu làm, cũng không bảo người khác làm. Con Hắc tỳ nầy không nghe lời ta dạy; con Hắc tỳ nầy khinh mạn ta." Bà thịnh nộ, hằn học, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đi đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy đánh vào đầu tôi, vỡ đầu chảy máu." Bấy giờ nữ cư sĩ Bệ-đà-đề được đồn xa khắp nơi với tiếng xấu như vầy: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không tự chế, không định tĩnh, không tịch tịnh." Cũng vậy, ở đây một người khéo thủ hộ, khéo đi, khéo đến, là do người khác không nói lời thô ác. Khi người khác không nói lời thô ác, thì vị ấy không phẫn nộ, không thù ghét, không ưu phiền oán hận, không giận dữ, thù nghịch, không lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ rằng: "Hiền giả nầy là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, khéo tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh." Nếu khi người khác nói lời thô ác, vị ấy bèn phẫn nộ, thù ghét, ưu phiền, oán hận, giận dữ, thù nghịch, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ rằng: "Hiền giả nầy hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tịnh."

Lại nữa, có năm cách nói: hoặc nói đúng thời hay phi thời, hoặc nói chân thật hay không chân

thật, hoặc nói dịu dàng hay cứng nhắc, hoặc nói từ hòa hay sân nhuế, hoặc nói có nghĩa hay không nghĩa. Với năm cách nói nầy, các Thầy, nếu khi người khác nói mà tâm bị biến đổi, có thể miệng phát ra lời nói thô ác. Ta nói, các Thầy sẽ do đó mà bị suy thối.

Các Thầy hãy học năm cách nói nầy, khi người khác nói, mà tâm không biến đổi, miệng không phát lời thô ác, hãy hướng đến kẻ thù nghịch, hãy duyên nơi kẻ thù nghịch mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn, phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Cũng như một người cầm một cái cuốc rất lớn, đi đến và nói: "Tôi có thể làm cho cả mặt đất nầy trở thành không phải đất." Người ấy bèn đào chỗ nầy, đào chỗ kia rồi nhổ nước miếng, nước tiểu để làm dơ bẩn, và nói lời thô ác như vầy: "Mong cả

mặt đất nầy không phải là đất." Các Thầy nghĩ sao, người ấy do phương tiện ấy có thể làm cho đám đất lớn nầy trở thành không phải đất được chăng ?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Không thể được, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Vì cõi đất nầy rất sâu, rất rộng không thể lường được. Cho nên, người kia với phương tiện ấy không thể làm cho cõi đất nầy trở thành không phải đất. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.

— Cũng vậy, với năm cách nói nầy mà người khác nói, đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng nhắc, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không nghĩa; các Thầy đối với năm cách nói nầy, khi người khác nói mà tâm biến đổi, hay miệng phát ra lời nói thô ác. Ta nói các Thầy do đó mà phải suy thối. Các Thầy hãy học, với năm cách nói nầy, khi người khác nói, mà tâm không biến đổi, miệng không phát lời thô ác, hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy, mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như mặt đất, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Cũng như một người cầm một cây đuốc bằng cỏ rất lớn và nói như vầy: "Tôi với cây đuốc bằng cỏ nầy, sẽ đun nóng sông Hằng cho sôi sục lên." Các Thầy nghĩ sao, người đó bằng phương tiện như vậy có thể làm cho sông Hằng nóng sôi lên chăng ?

Các Tỳ-kheo trả lời:

— Không thể được, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Vì sông Hằng rất sâu, rất rộng, không thể đo lường được, cho nên người ấy với phương tiện như thế không thể làm cho sông Hằng nóng và sôi sục lên được. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.

— Cũng vậy, với năm cách nói nầy, nếu người khác nói đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng nhắc, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không nghĩa, các Thầy đối với năm cách nói nầy mà khi người khác nói, hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác; Ta nói các Thầy do đó tất bị suy thối. Các Thầy hãy học năm cách nói nầy, nếu khi người khác nói, tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác, thì hãy hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy, khởi tâm từ mẫn, tâm hành như sông Hằng, không kết, không oán, không

nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn, tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Cũng như thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ cầm đến đủ các loại màu, và nói như vầy: "Ở nơi hư không nầy, tôi vẽ lên các hình tượng." Rồi người đó tô lên các loại màu. Các Thầy nghĩ sao ? Thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ấy, bằng phương tiện như thế có thể vẽ lên hư không các hình tượng, rồi tô lên các loại màu chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Không thể, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, hư không nầy không phải là vật sắc, không thể thấy, không có đối ngại; do đó, thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ấy bằng phương tiện như vậy không thể vẽ lên hư không các hình tượng, rồi tô lên các loại màu. Thợ vẽ và đệ tử thợ vẽ ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi.

— Cũng vậy, bằng năm cách nói nầy mà người khác nói, hoặc đúng thời hay không đúng thời, hoặc chân thật hay không chân thật, hoặc dịu dàng hay cứng nhắc, hoặc từ hòa hay san nhuế, hoặc có nghĩa hay không có nghĩa, các Thầy, với năm cách nói nầy mà khi người khác nói, tâm không biến đổi, miệng

không phát ra lời thô ác, thì hãy hướng đến người nói, duyên nơi người nói mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như hư không, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Cũng như một cái túi bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm mại, làm hết tiếng xì xọp, không còn tiếng xì xọp, và có một người hoặc nắm tay đấm, hoặc lấy đá chọi, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy dao chém, hoặc đập xuống đất. Các Thầy nghĩ sao, cái túi da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm mại, làm hết tiếng xì xọp, không còn tiếng xì xọp, bấy giờ lại phát ra tiếng kêu xì xọp nữa chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Không thể được, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, cái túi bằng da mèo ấy đã được thuộc mềm, rất mềm mại, làm hết tiếng xì xọp, không còn tiếng xì xọp; cho nên nó không còn phát ra tiếng xì xọp nữa.

— Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu người khác nắm tay đấm, hoặc lấy đá chọi, gậy đánh, dao chém các Thầy. Nếu khi bị người khác nắm tay đấm, đá chọi, gậy đánh, dao chém, mà tâm các Thầy biến

đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác; Ta nói các Thầy nhân đó tất bị suy thối. Các Thầy hãy học như vầy: nếu bị người khác lấy tay đấm, đá chọi, gậy đánh, dao chém, tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người đánh đập, duyên nơi người đánh đập mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như cái túi da mèo, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Nếu có giặc cướp đến, lấy lưỡi cưa bén, cắt xẻ tay chân, chi tiết các Thầy; nếu khi có giặc cướp đến, lấy lưỡi cưa bén mà cưa xẻ tay chân chi tiết mà các Thầy, hoặc tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời thô ác, Ta nói các Thầy nhân đó tất suy thối. Các Thầy hãy học như vầy: Nếu giặc cướp đến, lấy lưỡi cưa bén cưa xẻ tay chân, chi tiết, mà tâm không biến đổi, miệng không phát ta lời thô ác, hướng đến người cắt xẻ ấy, duyên nơi người cắt xẻ ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

Cũng vậy, bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các Thầy hãy học như vậy.

Bấy giờ đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn của Sa-môn. Các Thầy sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, các Thầy lại còn thấy rằng: "Người kia nói lời thô ác, không khả ái đối với ta; sau khi ta nghe, không thể chịu đựng nổi" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Không vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn lại tán thán các Tỳ-kheo:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn. Sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn, các Thầy nếu đi đến ở phương Đông, chắc chắn được an lạc, không có các khổ hoạn. Nếu đi đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, cũng chắc chắn được an lạc, không có các khổ hoạn.

Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn. Các Thầy sau khi suy niệm về lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, Ta còn không nói đối với các pháp thiện mà các Thầy đã an trú, huống nữa là nói đến sự suy thối. Chỉ còn sự tăng trưởng thiện pháp ngày đêm, chứ không còn sự suy thối nữa.

Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn. Các Thầy sau khi luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, trong hai quả chắc chắn được một, hoặc ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh trí, hoặc chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư y.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc, cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Ta ăn chỉ trong một lần ngồi. Do chỉ ăn trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bịnh, thân thể nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc. Các Thầy cũng nên học ăn chỉ trong một lần ngồi, Do ăn chỉ trong một lần ngồi, các Thầy sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bịnh, thân thể nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ở trong đại chúng. Rồi Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy ? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi, thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy áo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời, Thầy cũng đi theo Ta. Và nếu Ta chấp thuận cho Thầy mang đi đồ ăn được mời ấy, nhưng ăn chỉ trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành.

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi lại bạch:

— Bạch Thế Tôn, dù vậy, con cũng không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy ? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi, chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy áo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.

Đức Thế Tôn ba lần nói với các Tỳ-kheo:

— Ta ăn chỉ trong một lần ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bịnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc. Các Thầy cũng nên học ăn chỉ trong một lần ngồi. Do chỉ ăn trong một lần ngồi, các Thầy sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bịnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc.

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ba lần từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy ? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy áo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.

Đức Thế Tôn cũng ba lần dạy:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời; Thầy cũng đi theo. Và nếu Ta chấp thuận cho Thầy mang đi đồ ăn được mời ấy, nhưng ăn chỉ trong một lần ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành.

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ba lần bạch:

— Bạch Thế Tôn, mặc dù như vậy, con cũng không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy ? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy áo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi.

Bấy giờ đức Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ trừ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi tuyên bố là không thể kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy ? Vì Tôn giả không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi suốt trong một mùa mưa ấy lánh mình không gặp đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Vì Tôn giả không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

Vào một lúc, các Tỳ-kheo làm y cho đức Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, y được khâu vá xong, đức Thế Tôn sẽ thu xếp y, ôm bát và du hành trong nhân gian. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi được nghe: "Các Tỳ-kheo đang làm y cho đức Phật, để sau ba tháng an cư màu mưa tại nước

Xá-vệ, y được khâu vá xong, đức Thế Tôn sẽ thu xếp y, ôm bát và du hành nhân gian." Sau khi nghe như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đang đi đến, bèn nói như vầy:

— Hiền giả Bạt-đà-hòa lợi, nên biết, ở đây chúng tôi đang làm y cho Thế Tôn, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, y được khâu vá xong, đức Thế Tôn sẽ thu xếp y, ôm bát và du hành trong nhân gian. Này Bạt-đạt-hòa-lợi, hãy khéo tự gìn giữ trong trường hợp nầy, đừng để về sau xảy ra nhiều sự phiền nhọc.

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe những lời ấy xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con thật có lỗi ! Con thật có lỗi ! Con như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy ? Vì Thế Tôn thiết lập giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không thể kham nổi và từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy ? Vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không biết rằng một số đông các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị ấy biết Ta, thấy Ta và biết: "Có Tỳ-kheo tên Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn." Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không biết có sự kiện như vậy chăng ?

Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không biết rằng một số đông các Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di tại nước Xá-vệ, những người nầy biết Ta, thấy Ta và biết: "Có Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn." Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bất giờ Thầy không biết có sự kiện như vậy chăng ?

Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không biết rằng một số đông các Sa-môn, Phạm chí dị học đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị nầy biết Ta, thấy Ta, và biết: "Có Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, một bậc danh đức, nhưng không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn." Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không biết có sự kiện như vậy chăng ?

Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu có Tỳ-kheo chứng câu giải thoát mà Ta nói với vị ấy rằng: "Ông hãy xuống vũng bùn." Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý Thầy nghĩ sao, Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo há nên đứng im hay tránh đi chỗ khác chăng ?

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi thưa:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, giả sử không phải là Tỳ-kheo câu giải thoát, nhưng là Tỳ-kheo tuệ giải thoát; hoặc giả sử không phải là tuệ giải thoát nhưng là thân chứng, hoặc giả sử không phải là thân chứng nhưng là kiến đáo, hoặc giả sử không phải là kiến đáo nhưng là tín giải thoát, hoặc giả không phải là tín giải thoát nhưng là tùy pháp hành, hoặc giả không phải là tùy pháp hành nhưng là tùy tín hành mà Ta nói với vị ấy rằng: "Ông hãy xuống vũng bùn." Này Bạt-đà-hòa-lợi, Thầy nghĩ sao, Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo ấy há có nên đứng im hay tránh đi nơi khác chăng ?

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, Thầy nghĩ sao, lúc bấy giờ Thầy đã chứng đắc tùy tín hành, tùy pháp hành, tín giải thoát, kiến đáo thân chứng, tuệ giải thoát hay câu giải thoát chăng ?

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

— Bạch Thế Tôn, không phải vậy.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ Thầy không phải là như căn nhà trống chăng ?

Lúc ấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi, trước mặt, ngay vào mặt rồi, lại muốn làm cho được hoan hỷ, bèn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, Thầy lúc bấy giờ đối với Ta mà không có sự tịch tịnh của tín pháp, không có sự tịch tịnh của ái pháp, không có sự tịch tịnh của tĩnh pháp. Vì sao vậy ? Trong lúc Ta thiết lập học giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn thì chỉ riêng Thầy tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ

đi. Vì sao vậy ? Vì Thầy không học theo giới cụ túc, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch:

— Quả thật như vậy. Vì sao vậy ? Vì trong lúc Thế Tôn thiết lập học giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo đều vâng giữ, học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy ? Vì con không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Cúi mong Thế tôn nhân sự hối lỗi của con. Con đã thấy lỗi lầm, sẽ tự mình ăn năn hối cải, từ nay trở đi con sẽ giữ gìn không tái phạm nữa.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy, Thầy thật sự như mê mờ, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy ? Vì trong lúc Ta thiết lập học giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ Thầy tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy ? Vì Thầy không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu Thầy có lỗi lầm, đã

thấy và tự hối, từ nay về sau nên giữ gìn, không để tái phạm, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy ở trong Thánh pháp luật có ích lợi, chứ không tổn hại. Nếu Thầy có lỗi lầm, đã thấy và tự hối, từ nay về sau nên giữ gìn, không còn tái phạm nữa, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, Thầy nghĩ sao ? Nếu có Tỳ-kheo không học theo giới cụ túc, vị ấy sống trong rừng vắng, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn núi cao, vắng bặt, không tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận và tĩnh tọa; vị ấy sau khi sống tại một nơi xa vắng, tu hành tinh cần, chứng đắc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú; nhưng vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn, khoái lạc như vậy mà xuyên tạc, chê bai học giới của Thế Tôn, xuyên tạc, chê bai chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc, chê bai học giới của chính mình. Vị ấy sau khi xuyên tạc học giới của Thế Tôn, xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc học giới của chính mình rồi, liền không sanh tâm hoan duyệt, do không sanh tâm hoan duyệt nên không sanh hỷ, do không sanh hỷ nên thân không khinh an, do thân không khinh an nên không cảm thọ lạc, do không cảm thọ lạc nên tâm bất định. Này Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử sau khi tâm bất định rồi, không thể thấy như thật, biết như thật.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, Thầy nghĩ sao ? Nếu có Tỳ-kheo học giới cụ túc, sống trong rừng vắng, nơi gốc cây, ở trên sườn núi cao, vắng bặt, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, chứng đắc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Vị ấy sau khi sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn khoái lạc rồi, không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình rồi, bèn sanh hoan duyệt, do sanh hoan duyệt nên hỷ, do sanh hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên tâm định. Này Bạt-đà-hòa-lợi, Hiền Thánh đệ tử tâm định rồi, bèn thấy như thật, biết như thật. Sau khi thấy như thật, biết như thật, vị ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ nhất, ngay trong đời hiện tại, được sống an lạc, dễ được, chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái

lạc và thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy, giác quán tịch tịnh, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ hai, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được, chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái lạc và thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ ba, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được, chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái lạc và thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy lạc diệt, khổ di diệt, ưu và hỷ vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ tư, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được, chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái lạc và thăng tiến đến Niết-bàn.

Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyến, an

trú vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc Túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm nghìn đời sống đã trải qua, một đời, hai đời, trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp; chúng sanh ấy có tên như vậy, mà vị ấy xưa kia đã từng trải, biết rằng: "Ta đã từng sanh làm người ấy, với họ như vậy, tên như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, mạng chung như vậy, chết ở đây sanh chỗ kia, chết chỗ kia sanh ở đây; ta sanh tại chỗ nầy với họ như vậy, tên như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vậy." Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ nhất nầy, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, cho đến vô trí diệt mà trí tuệ phát sanh, bóng tối biến mất mà ánh sáng hiện thành, vô minh diệt mà minh phát sanh, tức là chứng ngộ minh đạt Ức túc mạng trí.

Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền nhu nhuyến, an trú vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng Sanh tử trí thông. Vị ấy với thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, thấy chúng sanh nầy lúc

chết lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, diệu hay bất diệu, qua lại thiện xứ và bất thiện xứ, đều tùy theo tác nghiệp đã làm của chúng sanh nầy, và thấy đúng như vậy. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân ác hành, khẩu và ý ác hành, phỉ báng Thánh nhơn, tà kiến, thành tựu tà kiến; chúng sanh ấy do nhân duyên nầy, khi thân hoại mạng chung, tất sanh đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, không phỉ báng Thánh nhơn, chánh kiến, thành tựu chánh định; chúng sanh ấy do nhân duyên nầy, khi thân hoại mạng chung, tất đi lên thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ hai, do trước kia không phóng dật, ưa sống ở nơi xa vắng, tu hành tinh cần, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng ngộ minh đạt Sanh tử trí.

Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng đây là Khổ; đây là Khổ tập; đây là Khổ diệt; biết như thật rằng đây là Khổ diệt đạo; biết như thật rằng đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như

thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu, đã giải thoát liền biết giải thoát, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt thứ ba, do trước không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, vô trí diệt, trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng đắc minh đạt Lậu tận trí.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, khi các Tỳ-kheo cùng phạm giới, nhưng có trường hợp khổ trị, có trường hợp không khổ trị.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo thường phạm giới; do bởi thường hay phạm giới cho nên bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các đồng phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe, hay từ

người khác mà nghi ngờ, bèn nói quanh co nầy kia, lãng sang vấn đề khác, sân hận, thù nghịch, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạng chúng Tăng và nói như vầy: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ và hài lòng" và có ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nhưng Hiền giả nầy thường hay phạm giới; và do bởi thường hay phạm giới bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị nầy sau khi bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói quanh co nầy kia, lãng sang vấn đề khác, sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng khinh mạng chúng Tăng và nói như vầy: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ và hài lòng."" Sau khi thấy vậy, các Tỳ-kheo bèn nói rằng: "Này các Hiền giả, hãy quán sát khiến để kéo dài một thời gian." Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy các Tỳ-kheo quán sát khiến để kéo dài một thời gian.

Hoặc có Tỳ-kheo thường hay phạm giới; do thường hay phạm giới cho nên bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những

điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói quanh co nầy kia, lãng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, không sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn, không xúc nhiễu chúng Tăng, không khinh mạng chúng Tăng và không nói như vầy: "Tôi phải làm gì để Tăng chúng hoan hỷ và hài lòng", và không có ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nhưng Hiền giả nầy thường hay phạm giới; do bởi thường hay phạm giới, bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói quanh co nầy kia, lãng sang vấn đề khác, không sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn, không xúc nhiễu chúng Tăng, không khinh mạng chúng Tăng, và không nói như vầy: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ và hài lòng."" Sau khi thấy như vậy, các Tỳ-kheo bèn nói rằng: "Này các Hiền giả, hãy quán sát khiến cho diệt sớm." Trường hợp phạm các cấm giới nhẹ cũng vậy.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo có tín, có ái, có tĩnh. "Nay Tỳ-kheo nầy còn có tín, có ái, có tĩnh, nếu chúng ta khổ trị hiền giả nầy, thì hiền giả

nầy sẽ do đây mà dứt mất ái, tín và tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau cẩn thận gìn giữ giùm cho hiền giả nầy." Rồi các Tỳ-kheo bèn cùng nhau gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như một người kia chỉ có một con mắt, bà con quyến thuộc vì thương tưởng, yêu mến, mong cầu cho được sự thiện lợi và hữu ích, sự an ổn, khoái lạc, nên cùng nhau cẩn thận gìn giữ hộ, không để cho người nầy bị lạnh, nóng, đói, khát, đau yếu, ưu sầu, vừa đau yếu, vừa ưu sầu, không để cho phải bụi, không để cho phải khói, không để cho phải bụi và khói. Vì sao vậy ? Vì sợ người ấy mất luôn một con mắt nữa, cho nên thân thuộc cẩn thận gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, với Tỳ-kheo chỉ còn một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nay Tỳ-kheo nầy chỉ còn một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh; nếu chúng ta khổ trị hiền giả nầy, thì hiền giả nầy sẽ do đây mà dứt mất một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau gìn giữ hộ cho hiền giả nầy." Vì vậy, các Tỳ-kheo cùng nhau gìn giữ hộ, cũng như thân thuộc gìn giữ người còn một mắt vậy.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật, và bạch:

— Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, ngày

xưa ít có thiết lập học giới, nhưng được nhiều Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì ? Và do nhân gì, duyên gì, bạch Thế Tôn, ngày nay thiết lập nhiều học giới, nhưng ít có Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không được thịnh lợi, mọi người không có sự ham thích những điều tốt đẹp; nhưng khi chúng Tỳ-kheo được thịnh lợi, mọi người mới sanh tâm ham thích những điều tốt đẹp. Vì sự ham thích những điều tốt đẹp đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ sự ham thích những điều tốt đẹp đó, bèn thiết lập học giới cho đệ tử. Cũng vậy, khi chúng Tỳ-kheo được tán thán, được lớn mạnh, có những bậc thượng tôn được vương giả biết đến, phước đức lớn, học vấn nhiều.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không có những người thông thái, mọi người không sanh tâm ham thích những điều tốt đẹp. Nhưng khi chúng Tỳ-kheo có người thông thái, mọi người bèn sanh tâm ham thích những điều tốt đẹp. Vì sự ham thích những điều tốt đẹp đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ sự ham thích những điều tốt đẹp ấy, cho nên thiết lập học giới cho các đệ tử.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, không chỉ vì để đoạn trừ

hữu lậu trong hiện tại mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử, Ta cũng vì để đoạn trừ hữu lậu ở đời sau nên Ta thiết lập học giới cho đệ tử.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, vì vậy, Ta vì để đoạn trừ hữu lậu nên thiết lập học giới cho đệ tử, khi đến vâng lãnh lời dạy của Ta.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, trước kia Ta đã từng nói thí dụ về ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo. Ở trong đó, do nhân gì, duyên gì, Thầy có nhớ chăng ?

Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch:

— Bạch Thế Tôn, trong ấy có nguyên nhân. Vì sao vậy ? Thế Tôn thiết lập học giới nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng lãnh học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vì không học theo giới cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó gọi là trong ấy có nguyên nhân.

Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi:

— Trong đó không phải chỉ có nguyên nhân như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nói thí dụ về loài ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo, thì Thầy hẳn là không nhất tâm, không khéo cung kính,

không tư niệm mà nghe. Này Bạt-đà-hòa-lợi, đó gọi là trong ấy lại còn có nguyên nhân khác nữa vậy.

Lúc bấy giờ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc ! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc ! Nếu Thế Tôn nói thí dụ về con ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo; các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ cẩn thận ghi nhớ.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như người biết cách huấn luyện ngựa, được con ngựa tốt thuần giống. Người giỏi huấn luyện ấy trước hết trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động muốn hay không muốn. Vì sao vậy ? Vì nó chưa từng được trị. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần thục tuân theo cách trị của người huấn luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dàm mõm, cùm chân; cùm chân, dàm mõm, nhưng khiến cho nó sải, đi, cần phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gì hơn; trị các chi

thể khác, thảy đều huấn luyện cho thành tựu. Tất nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy ? Vì nó bị sửa trị nhiều lần. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huấn luyện, được sửa trị nhiều lần cho đến mức thành tựu. Lúc bấy giờ nó là con ngựa thuần thục, khéo thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi sung vào cho vua cỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua.

Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, nếu bấy giờ một người hiền minh, có trí, thành tựu mười pháp vô học, vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí; người ấy lúc bấy giờ là một người thuần thục, khéo thuần thục, vô thượng thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng tĩnh chỉ, đệ nhất tĩnh chỉ, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt trừ tất cả siểm nịnh, lắng đọng mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trước, không còn gì để bị dính trước, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

195. KINH A-THẤP-BỐI

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa tại nước Ca-thi, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

— Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không cầu mong gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các Thầy nên biết, một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, nên không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo

mà thi thiết giới, một ngày chỉ ăn một lần. Các vị Tỳ-kheo đều phụng theo học giới nầy, và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn.

Sau đó đức Thế Tôn dời đến Ba-la-nại, trú ở phía Bắc thôn Ca-la-lại, rừng Thi-nhiếp-hòa.

Lúc ấy tại Ca-la-lại có hai vị Tỳ-kheo, một vị tên là A-thấp-bối, một vị tên là Phất-na-bà-tu. Hai vị nầy là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị nầy sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá ngọ cũng ăn; sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ cũng ăn, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Một số đông Tỳ-kheo nghe vậy, liền đến chỗ hai vị Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu và nói với hai vị ấy:

— Này A-thấp-bối, và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn du hóa tại nước Ca-thi cùng chúng đại Tỳ-kheo, trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: "Ta một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể

nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc". Bấy giờ đức Thế Tôn thi thiết giới cho chúng Tỳ-kheo một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng theo học giới nầy và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Này A-thấp-bối, và Phất-na-bà-tu, các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các Thầy chớ trái nghịch với đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền nói:

— Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn; sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ cũng ăn, xong rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi về sau ?

Hai vị ấy nói như thế ba lần. Chúng Tỳ-kheo nầy không thể làm cho A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu trừ bỏ các tà kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên và thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, hai vị Tỳ-kheo ở Ca-la-lại nầy: một người tên là A-thấp-bối và một người

tên là Phất-na-bà-tu, là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị ấy sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá ngọ cũng ăn. Họ sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Bạch đức Thế Tôn, chúng con nghe như vậy, liền đến chỗ hai vị Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu và nói thế nầy:

— "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn đang du hóa tại nước Ca-thi, cùng chúng Tỳ-kheo, trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: "Ta một ngày chỉ ăn một lần, một ngày ăn một lần rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc". Bấy giờ đức Thế Tôn thi thiết giới một ngày chỉ ăn một lần cho chúng Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đều nghe theo học giới nầy và trong cảnh giới của đức Thế Tôn cùng với các pháp vi diệu. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ

nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các Thầy chớ trái nghịch với Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo."

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền nói như thế nầy với chúng con:

— "Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn. Chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi về sau ?"

Hai vị ấy nói như vậy ba lần. Bạch đức Thế Tôn, như vậy chúng con không thể làm cho A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu trừ bỏ ác tà kiến nầy, nên chúng con từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

Đức Thế Tôn nghe xong liền bảo một vị Tỳ-kheo:

— Thầy đến chỗ A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nói như thế nầy: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn gọi hai Thầy đó !"

Vị Tỳ-kheo nghe dạy vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Vị Tỳ-kheo ấy đến nơi hai Tỳ-kheo

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu và nói: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn gọi hai Thầy đó!"

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, chúng Tỳ-kheo thật có nói với các Thầy thế nầy: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn đang du hóa tại nước Ca-thi cùng chúng đại Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: "Ta một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, thân thể nhẹ nhàng, không bệnh, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc". Lúc đó đức Thế Tôn thi thiết giới ngày chỉ ăn một lần cho chúng Tỳ-kheo. Các vị Tỳ-kheo đều phụng trì học giới nầy, trong cảnh giới của đức Thế Tôn cùng các pháp vi diệu. Này A-thấp bối và Phất-na-bà-tu, các Thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần, một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các Thầy chớ trái

nghịch với Thế Tôn, và chúng Tỳ-kheo." Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, các Thầy nghe rồi nói lại với chúng Tỳ-kheo rằng: "Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn. Chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn, xong rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Chúng tôi vì do duyên gì mà bỏ hiện tại, phải chờ về sau ?" Hai Thầy nói như vậy ba lần. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, rồi các Tỳ-kheo không thể làm hai Thầy từ bỏ ác tà kiến, nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Thật có vậy không ?

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, thật có vậy.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, các Thầy có hiểu biết pháp Ta nói như vầy: "Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ lạc và khi người ấy cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, thì các pháp ác, bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện lại giảm ? Nếu ai cảm thọ về cảm thọ khổ và khi cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp ác, bất thiện giảm và các pháp thiện sanh trưởng" chăng ?

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa:

— Quả vậy, bạch Thế Tôn, chúng con biết đức Thế Tôn có nói pháp như vậy: "Nếu ai cảm thọ và cảm thọ về lạc, và khi đã cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, pháp bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ khổ và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng."

Đức Thế Tôn quở Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu:

— Các Thầy là người si mê. Do đâu mà các Thầy biết Ta nói pháp như vậy ? Các Thầy là người si mê. Từ miệng ai mà các Thầy nghe biết Ta nói pháp như vậy ? Các Thầy là người si mê. Ta không nói một chiều mà các Thầy lại thọ trì một chiều. Các Thầy là người si mê. Khi nào được các chúng Tỳ-kheo hỏi, các Thầy phải đáp đúng như pháp rằng: "Chúng tôi chưa biết, sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo."

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các Thầy cũng có hiểu biết pháp Ta nói như vậy: "Nếu ai cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi đã cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, pháp bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ khổ, và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ

rồi, pháp bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng" chăng ? Chúng Tỳ-kheo đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, không phải vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

— Các Thầy hiểu biết pháp Ta nói như thế nào ?

Chúng Tỳ-kheo đáp:

— Bạch đức Thế Tôn, chúng con hiểu biết đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên ác bất thiện pháp tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, pháp ác bất thiện lại tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng." Bạch đức Thế Tôn, chúng con hiểu biết đức Thế Tôn nói pháp như vậy.

Đức Thế Tôn nghe như thế, tán thán các vị Tỳ-kheo:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy: "Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm.

Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng.

Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng." Vì sao ? Ta cũng nói như vầy: Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, nên pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng.

Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm", thì Ta không nói về sự đoạn trừ cảm thọ lạc.

Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện tăng trưởng", thì Ta không nói về sự tu tập cảm thọ lạc.

Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu giải, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm", thì Ta không nói về sự đoạn trừ cảm thọ khổ.

Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu giải, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng", thì Ta không nói về tu tập cảm thọ khổ.

Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm" cho nên Ta nói đoạn trừ cảm thọ lạc.

Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng", cho nên Ta nói tu tập về cảm thọ lạc.

Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm", cho nên Ta nói đoạn trừ cảm thọ khổ.

Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc cảm thọ khổ

mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng", cho nên Ta nói tu cảm thọ khổ. Vì sao ? Vì Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc. Ta không nói tu tất cả về thân khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả về thân khổ. Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm lạc. Ta không nói tu tập tất cả về tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ.

Thế nào là thân lạc mà ta nói không nên tu tập ? Nếu tu tập thân lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng; pháp thiện lại giảm, thì thân lạc như vậy, Ta nói không nên tu tập. Thế nào là thân lạc mà ta nói phải tu tập ? Nếu tu tập thân lạc mà pháp ác bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng, thì thân lạc như vậy, Ta nói phải tu tập. Thế nào là thân khổ mà Ta nói không nên tu tập ? Nếu tu tập thân khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thì thân khổ như vậy, Ta nói không nên tu tập. Thế nào là thân khổ mà Ta nói phải tu tập ? Nếu tu tập thân khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng, thì thân khổ như vậy, Ta nói phải tu tập. Thế nào là tâm lạc mà ta nói không nên tu tập ? Nếu tu tập tâm lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm thì tâm lạc như

vậy, Ta nói không nên tu tập. Thế nào là tâm lạc mà Ta nói phải tu tập ? Nếu tu tập tâm lạc mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng; tâm lạc như vậy, Ta nói phải tu tập. Thế nào là tâm khổ mà Ta nói không tu tập ? Nếu tu tập tâm khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm; tâm khổ như vậy Ta nói không tu tập. Thế nào là tâm khổ mà Ta nói phải tu tập ? Nếu tu tập tâm khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng; tâm khổ như vậy, Ta nói phải tu tập.

Người kia đối với pháp nên tu tập thì biết đúng như thật, đối với pháp không nên tu tập cũng biết đúng như thật. Và khi đã biết đúng như thật về pháp nên tu tập và pháp không nên tu tập, người ấy liền không tu tập pháp không nên tu tập, và tu pháp nên tu tập. Sau khi đã không tu tập pháp không nên tu tập và tu tập pháp nên tu tập rồi, pháp ác pháp bất thiện liền giảm, pháp thiện tăng trưởng.

Ta không nói tất cả các Tỳ-kheo đều thực hành sự không phóng dật, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo đều không thực hành sự không phóng dật.

Thế nào là Tỳ-kheo mà Ta nói là không thực hành sự không phóng dật ? Đó là khi có vị Tỳ-kheo

nào chứng câu giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát ? Nếu có Tỳ-kheo đối với tâm giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiến mà diệt tận các lậu, đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vị Tỳ-kheo nầy Ta nói không thực hành sự không phóng dật. Vì sao ? Vì hiền giả nầy vốn đã thực hành sự không phóng dật. Nếu hiền giả nầy vốn có phóng dật, thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói, vị Tỳ-kheo nầy không thực hành sự không phóng dật.

Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát ? Đó là khi có Tỳ-kheo đối với bát giải thoát mà thân không chứng, thành tựu an trú, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo nầy Ta nói không thực hành sự không phóng dật. Vì sao ? Vì hiền giả nầy vốn đã thực hành sự không phóng dật. Nếu hiền giả nầy vốn có phóng dật, thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói, vị Tỳ-kheo nầy không thực hành sự không phóng dật.

Hai hạng Tỳ-kheo nầy, Ta nói không thực hành sự không phóng dật. Này các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thực hành không phóng dật ? Hoặc có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ

giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng ? Đó là khi có Tỳ-kheo đối với bát giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trú, không do tuệ kiến mà diệt tận các lậu đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo nầy Ta nói có thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật ? Ở đây, vị Tỳ-kheo nầy tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, các lậu đã tận diệt, đắc được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú và biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật.

Hoặc có vị Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không thân chứng, nhưng lại có kiến đáo. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo ? Đó là khi Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát, kiên định đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe rồi do tuệ tăng thượng mà quán tăng thượng nhơn. Như thế vị Tỳ-kheo nầy có kiến đáo.

Vị Tỳ-kheo nầy, Ta nói không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật ? Đó là khi có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, các lậu đã tận diệt, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa". Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật có quả như vậy; cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo nầy thực hành không phóng dật.

Có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, không phải thân chứng, cũng không phải kiến đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tín giải thoát ? Đó là khi Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán nhận, không như kiến đáo. Như vậy vị Tỳ-kheo nầy có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo nầy Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật ? Đó là khi có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập

theo các vị thiện trí thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, các lậu đã tận diệt, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật, vì có quả như vậy; cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật.

Có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, cũng không có tín giải thoát, nhưng lại có pháp hành. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp hành ? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi dọ tuệ tăng thượng mà quán tăng thượng nhẫn. Như vậy, Tỳ-kheo nầy có pháp hành. Vị Tỳ-kheo nầy Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật ? Đó là khi có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện trí thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, đối với trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một: hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy hành

không phóng dật có quả như vậy; cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật.

Có Tỳ-kheo, không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, không có tín giải thoát, không có pháp hành nhưng lại có tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tín hành ? Nếu vị Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán nhẫn, không như pháp hành. Như vậy Tỳ-kheo nầy có tín hành. Vị Tỳ-kheo nầy, Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật ? Đó là khi có vị Tỳ-kheo nào tìm các chế ngự các căn, học tập theo thiện trí thức, sống bằng sự an trú, tùy thuận, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một: hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật, có quả như vậy, nên Ta nói vị Tỳ-kheo nầy hành không phóng dật. Các Tỳ-kheo nầy Ta nói hành không phóng dật. Ta không nói tất cả Tỳ-kheo được cứu cánh trí, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo vừa mới được cứu cánh trí, song dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn, chịu khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới

được cứu cánh trí, các Tỳ-kheo nầy sở đắc cứu cánh trí.

Thế nào là dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được cứu cánh trí, các Tỳ-kheo nầy sở đắc cứu cánh trí ? Đó là khi có tín giả nào liền tìm đến, tìm đến rồi liền phụng tập, phụng tập rồi liền nhất tâm nghe pháp, nhất tâm nghe pháp rồi liền thọ trì pháp, thọ trì pháp rồi liền tư duy về pháp, tư duy về pháp rồi liền bình lượng, bình lượng rồi liền quán sát về pháp, đệ tử Hiền Thánh quán sát pháp rồi thời tự thân tác chứng chơn đế, và quán sát bằng tuệ tăng thượng. Vị ấy liền nghĩ" "Chơn đế nầy, tự thân ta chưa từng tác chứng cũng không phải được quán sát bằng tuệ tăng thượng. Chơn đế nầy được tự thân tác chứng, được quán sát do tuệ tăng thượng." Như vậy, dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, rồi sau đó, các Tỳ-kheo mới đắc cứu cánh trí, các Tỳ-kheo nầy sở đắc cứu cánh trí.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

— Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, có pháp được gọi là tứ cú, Ta muốn nói cho các Thầy nghe. Các Thầy có muốn biết chăng ?

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, chúng con là hạng người nào và do đâu hiểu được pháp ?

Bấy giờ đức Thế Tôn lại nghĩ: "Hạng người mê mờ nầy vượt quá sự chỉ dạy của Ta. Đối với pháp luật chân chánh nầy, còn cách biệt quá lâu dài. Nếu có vị thầy pháp luật nào tham trước việc ăn uống, không xả ly việc ăn uống thì đệ tử của vị ấy còn không nên dục tốc, phóng dật; huống chi Ta lại là người không tham trước việc ăn uống, viễn ly sự ăn uống. Do đó, tín đệ tử của Ta nên nói như vầy: "Đức Thế Tôn là bậc Thầy của ta. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp cho ta nghe. Đức Thiên Thệ nói pháp cho ta nghe, mong cho ta được thiện lợi, hữu ích, được an ổn khoái lạc lâu dài." Tín đệ tử kia, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, y chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn, nếu đi đến ở phương Đông chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn, nếu đi đến ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn. Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Thế Tôn mà có nhiều điều phải làm,

đối với cảnh giới của Thế Tôn được nhiều điều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới Thế Tôn, y chỉ cảnh giới Thế Tôn. Tín đệ tử ấy, đối với pháp thiện đã trú, Ta không còn nói, huống chi nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vẫn tăng trưởng các pháp thiện, chứ không suy thoái. Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của đức Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của đức Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của đức Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới Thế Tôn, y chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn, trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một: hoặc hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, chứng được A-na-hàm."

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

196. KINH CHÂU-NA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Bạt-kỳ, thôn Xá-di.

Bấy giờ sa-di Châu-na kiết hạ ở Ba-hòa. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử chia rẻ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẻ và phá hoại nhau; họ đấu tranh, kiện tụng, cột trói nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau: "Ta biết pháp nầy, Ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn Ngươi không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn Ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước Ngươi nói sau. Điều đáng nói sau Ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn Ngươi không bằng.

Ta hỏi việc Ngươi, Ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục, Ngươi còn hỏi nữa. Nếu Ngươi động thủ, ta sẽ cột trói Ngươi lại." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiền Thân Tử thấy vậy, họ đều chán nản và tránh xa các đệ tử nầy của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy ? Bởi vì những điều họ nói đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi để nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác.

Lúc bấy giờ Sa-di Châu-na đã qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa vá lại y áo, rồi mang y, cất bát đến thôn Xá-di, rồi qua phía Bắc thôn Xá-di, đến ở trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Sa-di Châu-na đi đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi đến, đảnh lễ sát chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi qua một bên.

Tôn giả A-nan hỏi:

— Này Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây và an cư mùa mưa ở đâu ?

Sa-di Châu-na đáp:

— Thưa Tôn giả A-nan, con từ Bà-hòa đến, và an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Thưa Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đó, Thân Tử mới qua đời không bao lâu, thì đệ tử của Ni-kiền Thân Tử đã chia rẻ và phá hoại, nói những lời chia rẻ và phá hoại nhau, thù nghịch nhau. Họ đấu tranh, kiện tụng, cột trói lẫn nhau, tranh luận với nhau rằng: "Ta biết pháp nầy, Ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn Ngươi không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn Ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước Ngươi nói sau. Điều đáng nói sau Ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn Ngươi không bằng. Ta hỏi việc Ngươi, Ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục, Ngươi còn hỏi nữa. Nếu Ngươi động thủ, ta sẽ cột trói Ngươi lại." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiền Thân Tử thấy vậy, họ đều chán nản và tránh xa các đệ tử nầy của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy ? Bởi vì những điều họ nói đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi để nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì

bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tôn giả A-nan nghe xong, nói:

— Này Hiền giả Châu-na, nhân dịp nầy, chúng ta có thể đến yết kiến đức Thế Tôn đem sự việc nầy trình lên Ngài. Này Hiền giả Châu-na, bây giờ chúng ta cùng đi đến đức Phật, đem tất cả sự việc nầy trình bày lại cho đức Thế Tôn; thảng hoặc, có thể nhân đó mà chúng ta được nghe pháp khác nữa từ nơi đức Thế Tôn.

Rồi Tôn giả A-nan và sa-di Châu-na cùng nhau đến chỗ đức Phật, chấp tay cúi đầu, đảnh lễ sát dưới chân Ngài. Xong rồi, Tôn giả A-nan đứng qua một bên và Châu-na ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan bạch với đức Thế Tôn:

— Bạch đức Thế Tôn, hôm nay Sa-di Châu-na đi đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ sát chân con, rồi ngồi qua một bên. Và con hỏi: "Này Hiền giả Châu-na, từ nơi nào đến đây, và an cư mùa mưa ở đâu ?" Sa-di Châu-na liền trả lời con: "Thưa Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến, an cư mùa mưa ở ba-hòa. Thưa Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, Thân Tử mới qua đời không bao lâu, thì các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử đã chia rẽ

và phá hoại nhau; họ đấu tranh, kiện tụng, cột trói lẫn nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng: "Ta biết pháp nầy, Ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn Ngươi không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn Ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, Ngươi nói sau. Điều đáng nói sau Ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn Ngươi không bằng. Ta hỏi việc Ngươi, Ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục, Ngươi còn hỏi nữa. Nếu Ngươi động thủ, ta sẽ cột trói Ngươi." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiền Thân Tử thấy vậy, họ đều chán nản và tránh xa các đệ tử nầy của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy ? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi để nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác." Bạch đức Thế Tôn, con nghe rồi kinh sợ hãi hùng, toàn thân lông tóc dựng đứng, Mong sao, sau khi Thế Tôn nhập diệt, đừng có một vị Tỳ-kheo nào ở trong chúng mà

gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc; cho đến loài Trời và loài Người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn. Bạch đức Thế Tôn, khi con thấy một vị Tỳ-kheo ngồi trước Thế Tôn, chí tâm kính trọng đức Thế Tôn, khéo bảo vệ đấng Thiện Thệ, bạch Thế Tôn, con thấy như vậy rồi, liền nghĩ: "Nếu sau nầy khi đức Thế Tôn nhập diệt mà vị Tỳ-kheo ấy ở trong chúng, gây ra sự đấu tranh, thì sự đấu tranh ấy không giúp gì được cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài Trời, loài Người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn.

Bấy giờ đức Thế Tôn hỏi:

— Này A-nan, Thầy thấy những điều nào khiến họ đấu tranh; sự đấu tranh ấy không giúp ích gì được cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài Trời, loài Người cũng phải chịu khổ đau và tai hoạn ?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch đức Thế Tôn, đó là do tăng thượng

giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán mà phát sanh sự đấu tranh ở trong chúng. Bạch Thế Tôn, và sự đấu tranh ấy không giúp ích gì được cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là hữu ích, không phải là an ổn khoái lạc, cho đến loài Trời, loài Người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn.

Đức Thế Tôn dạy:

— Này A-nan, nếu đấu tranh do bởi giới tăng thượng, tâm tăng thượng, quán tăng thượng, thì sự đấu tranh ấy quá nhỏ nhặt. Này A-nan, nếu có sự đấu tranh khởi lên trong chúng do đạo và đạo tích thì này A-nan, sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn, khoái lạc. Này A-nan, khi Thầy thấy ở trong đấy có hai vị Tỳ-kheo và mỗi người có mỗi ý kiến khác nhau, gây ra cuộc đấu tranh và nói rằng: "Điều nầy là pháp, điều nầy là phi pháp; điều nầy là luật, điều nầy không phải luật; điều nầy là phạm, điều nầy không phải là phạm; điều nầy là nhẹ, điều nầy là nặng; có thể sám hối, không thể sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; hữu dư, vô dư; thối, bất thối"; thì này A-nan, ý Thầy nghĩ sao, đối với pháp Bốn chánh đoạn tụ, của Ta được tự tri, tự giác, tự

thân chứng đắc, gồm Bốn niệm xứ, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo ? Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật chẳng phải là bậc nhất thiết trí mà tự xưng là nhất thiết trí. Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử biết tất cả, thấy tất cả, thì vị ấy đã vì đệ tử mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh. Điều đáng được nghe, nhưng Ni-kiền Thân Tử lại không giảng !

Bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về đức Phật, và bạch:

— Bạch đức Thế Tôn, nay thật là đúng lúc. Bạch đức Thiện Thệ, nay thật là hợp thời, nếu đức Thế Tôn dạy về sáu gốc rễ của sự đấu tranh cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy, sẽ khéo thọ trì.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, hãy nghe kỹ, hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì Thầy mà phân biệt đầy đủ.

Tôn giả A-nan đáp:

— Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

— Này A-nan, ở đây có một người bị kiết sử phẫn và hận quấn chặt. Này A-nan, người ấy bị kiết

sử phẩn và hận quấn chặt cho nên người đó không cung kính Tôn sư, không thấy được Pháp, không giữ gìn Giới luật. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy được Pháp, không giữ gìn Giới luật rồi, ở trong chúng người ấy gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn, khoái lạc; cho đến Trời, Người phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không chấm dứt hết được; vậy, vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, Thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện, để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không dứt hết được; vậy, vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, Thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn đừng để thối thất. Này A-nan, sự đấu tranh cũng như vậy, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong và bên ngoài chấm dứt được, Thầy phải hết sức thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn

luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Thầy phải đoạn trừ gốc rễ của đấu tranh ấy như vậy. Cũng giống như vậy, với các kiết sử phú tàng, bỏn xẻn, tật đố, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý, ác dục, tà kiến và ác tánh, không biết phục thiện.

Này A-nan, nếu có một người nào có ác dục, tà kiến, ác tánh, không thấy được Pháp, không giữ gìn Giới luật; người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy được Pháp, không giữ gìn Giới luật rồi, ở trong chúng người ấy gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải là thiện lợi, không phải là hữu ích, không phải là an ổn và khoái lạc; cho đến Trời, Người cũng phải chịu đau khổ và tai hoạn. Này A-nan, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay ở bên ngoài mà không chấm dứt được; vậy, vì để ngăn chận sự đấu tranh ấy, Thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn đừng để thoái thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không chấm dứt được; vậy,

vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, Thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thoái thất. Này A-nan, nếu Thầy thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong và ở bên ngoài, mà chấm dứt được, Thầy phải hết sức thủ độ cái tâm kia hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chận sự đấu tranh ấy. Thầy phải đoạn trừ gốc rễ của sự đấu tranh ấy như vậy.

Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp diệt trừ đấu tranh. Một, ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật. Hai, ưng dữ ức chỉ tránh luật. Ba, ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Bốn, ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Năm, ưng dữ quân chỉ tránh luật. Sáu, ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật. Bảy, ưng dữ như khí phấn tảo tránh luật.

Này A-nan, thế nào là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh nầy ? Tức là luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người, mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với Tăng chúng mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được

hoan hỷ. Hai người đối với hai người mà khuyên giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư chỉ dạy với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với nhiều người, hai người đối với Tăng chúng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với Tăng chúng, nhiều người đối với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Tăng chúng đối với Tăng chúng mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Tăng chúng đối với một người, Tăng chúng đối với hai người, Tăng chúng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện.

Này A-nan, thế nào là ưng dữ ức chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh nầy ? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự nhớ lại. Này A-nan, nếu có một người nào phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm; các Tỳ-kheo thấy vậy, liền nói với vị ấy rằng: "Thầy đã phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm. Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật ức niệm." Này A-nan, nếu ở một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hiệp mà nhóm họp; vị Tỳ-kheo kia phải đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, chấp tay quỳ xuống mà bạch với các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn: "Bạch chư Tôn, mong các Ngài nghe cho, con đã từng phạm giới mà không nhớ. Nay con từ nơi Tăng chúng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp, ban cho con luật ức niệm." Này A-nan, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp lại để ban cho vị Tỳ-kheo nầy luật ức niệm bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ ức chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự nhớ lại.

Này A-nan, thế nào là ưng dữ bất si chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy ? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không si cuồng. Này A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo; người ấy phát cuồng mà tâm điên đảo, nên có quá nhiều bất tịnh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hạnh và nói vi phạm. Người ấy, sau khi trở lại tâm trạng như trước, gặp các Tỳ-kheo và được bảo rằng: "Thầy đã phát cuồng và tâm điên đảo, do phát cuồng và tâm điên đảo nên có quá nhiều bất tịnh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hạnh mà còn nói vi phạm. Này Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, Hiền giả có thể đến nơi Tăng chúng cầu xin luật bất si. Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật bất si." Này A-nan, nếu một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hợp mà nhóm họp, vị Tỳ-kheo ấy nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, chấp tay quỳ xuống và bạch với các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn: "Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo. Do con đã phát cuồng và tâm điên đảo nên có quá nhiều bất tịnh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy

thuận theo pháp hạnh mà còn nói vi phạm. Về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi Tăng chúng cầu xin luật bất si. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho luật bất si." Này A-nan, Tăng chúng cùng hòa hợp và nhóm hội, ban cho vị Tỳ-kheo ấy luật bất si, bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, đó gọi là ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không cuồng si."

Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật ? Sự đấu tranh làm thế nào để đoạn trừ ? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận. Này A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra; hoặc có nhớ hay không nhớ. Này A-nan, nếu tại nơi nào đó có Tăng chúng đang hòa hợp và nhóm hội, vị Tỳ-kheo kia nên đến đó trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, chấp tay quỳ xuống và bạch: "Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con phạm giới đó, con nay hướng về các bậc Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trình bày rõ, không dám che dấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì, không

tái phạm." Này A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng: "Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm không ?" Vị Tỳ-kheo ấy đáp: "Con thật sự có thấy điều con phạm." Đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng: "Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn, đừng tái phạm." Này A-nan, đó gọi là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận.

Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy ? Tức do luật chấm đấu tranh bằng chính đương nhân. Này A-nan, nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bị người khác nghi ngờ là ác dục. Người ấy đã phạm giới rồi, nói là mình biết ở một nơi, thấy ở một nơi; sau khi nói mình biết ở một nơi, lại nói mình thấy ở một nơi; sau khi nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi; ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói mình biết ở một nơi; nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi. Này A-nan, vì vị Tỳ-kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp mà ban cho luật đương nhân và nói rằng: "Thầy

không đạo lý, Thầy ác bất thiện. Vì sao ? Vì Thầy đã phạm giới, lại nói mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi, nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi; ở trong Tăng chúng mà nói mình biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói mình thấy ở một nơi; nói mình biết ở một nơi, rồi nói mình thấy ở một nơi, nói mình thấy ở một nơi, rồi lại nói mình biết ở một nơi." Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân.

Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy ? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến. Này A-nan, ở đâu, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra sự đấu tranh như vầy: "Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây không phải là luật; đây là phạm, đây không phải là phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; điều nầy nên nói, điều nầy không nên nói; điều nầy đáng thủ hộ, điều nầy không đáng thủ hộ; điều nầy còn dư, điều nầy không còn dư; điều nầy có thể sám hối, điều nầy không thể sám hối." Này A-nan, vị Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vả ấy mà chấm dứt đấu tranh. Nếu

ngay tại chỗ cãi vả mà chấm dứt đấu tranh, thì sự đấu tranh nầy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay tại chỗ cãi vả mà không chấm dứt, có thể đưa sự đấu tranh ra, bạch với Tăng chúng. Nếu ở trong Tăng chúng mà chấm dứt, thì sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu trong chúng không chấm dứt, thì này A-nan, ở gần đó, trong đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận; các Tỳ-kheo kia cùng đến vị nầy thưa việc đấu tranh ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt, thì sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem sự đấu tranh ấy nói trước Tăng chúng. Nếu ở trước Tăng chúng mà chấm dứt sự đấu tranh ấy, được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ở tại Tăng chúng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu có nhiều trợ bạn, giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì này A-nan, các vị Tỳ-kheo nầy phải chấm dứt sự đấu tranh bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến.

Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật ? Làm thế nào để đoạn trừ sự

đấu tranh ấy ? Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách. Này A-nan, nếu các vị Tỳ-kheo cùng ở chung một chỗ, tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vả nhau; này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm có bậc Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn, hay dưới trưởng lão một bậc, hoặc có người làm tông chủ hay nhỏ hơn tông chủ một bậc. Này A-nan, vị Tỳ-kheo nầy nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng: "Này chư Hiền, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý; chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy ? Vì chúng ta đối với pháp và luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vả nhau. Này chư Hiền, do sự đấu tranh nầy mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội thâu-lan-giá và ngoại trừ tội tương ưng với hàng tại gia. Tôi vì chính mình mà cũng vì chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói và trình bày rõ ràng, không dám che dấu, lại cẩn thận giữ gìn, sau không tái phạm nữa."

Này A-nan, nếu ở trong nhóm nầy mà không có vị Tỳ-kheo nào ứng theo, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đến nơi rồi, cúi đầu đảnh lễ các bậc Tỳ-kheo thượng tôn trưởng lão, chấp

tay quỳ mọp và thưa rằng: "Thưa chư Tôn, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao ? Vì chúng ta đối với pháp và luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vả nhau. Này chư Hiền, do sự đấu tranh nầy mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội thâu-lan-giá, và ngoại trừ tội tương đương với hàng tại gia. Tôi vì chính mình mà cũng vì chính chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền, chí tâm phát lồ, tự nói và trình bày rõ ràng, không dám che dấu, lại cẩn thận giữ gìn, sau không tái phạm nữa." Này A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo nầy như vầy: "Này Hiền giả, Thầy tự thấy mình phạm giới chăng ?" Vị Tỳ-kheo kia nên đáp: "Quả thật tôi tự thấy đã phạm." Vị Tỳ-kheo kia nên nói: "Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái phạm." Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật, sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ dẻ rách.

Này A-nan, nay Ta nói cho Thầy sáu pháp ủy lạo hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ kỹ.

Tôn giả A-nan bạch:

— Kính vâng, con xin vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

— Thế nào gọi là sáu ? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng Phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lạo, đó là pháp khả ái, là pháp khả lạc, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, có lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy mang chia xẻ cho các vị đồng Phạm hạnh, pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như mặt đất, được bậc Thánh khen ngợi, đầy đủ, thọ trì cẩn thận; với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng Phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lạo, là

pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Nếu có kiến giải của bậc Thánh, có sự xuất yếu, có sự thấy rõ, có sự thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiết phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng Phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Này A-nan, Ta vừa nói sáu pháp ủy lạo; vì vậy mà Ta giảng giải. Này A-nan, nếu các Thầy đối với sáu gốc rễ của đấu tranh mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp chấm dứt đấu tranh, khi trong Tăng chúng khởi lên đấu tranh, thì chấm dứt bằng luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ dẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lạo ấy, thì này A-nan, như vậy sau khi Ta diệt độ, các Thầy sống cộng đồng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo

pháp, hòa hợp như nước với sữa, an lạc du hành như lúc Ta còn tại thế.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

197. KINH UU-BA-LY

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật du hóa tại Chiêm-ba, trú tại bờ ao Hằng-già.

Bấy giờ, vào một buổi chiều, Tôn giả Ưu-ba-ly từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng nhau hòa hiệp mà tác biệt kiết-ma, thuyết biệt kiết-ma; đó có phải là kiết-ma đúng pháp đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền, nhưng lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm, lại ban cho luật diện tiền; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm, lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật ức niệm; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ, lại ban cho luật bất si; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn dạy:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ, lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân, lại ban cho luật tự phát lồ; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật quân, lại khiển trách, cần khiển trách, lại ban cho luật quân; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, cần khiển trách lại dùng hạ trí, cần hạ

trí, lại dùng khiển trách; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hạ trí, lại dùng cử tội, cần cử tội, lại dùng hạ trí; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần cử tội, lại diệt tẩn, cần diệt tẩn, lại cử tội; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trường hợp cần diệt tẩn, lại ban cho ức

niệm, cần ban cho ức niệm, lại diệt tẫn; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho ức niệm, lại do căn bản trị, cần phải do căn bản trị, lại ban cho ức niệm; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần phải do căn bản trị, lại khu xuất, cần khu xuất, lại do căn bản trị; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần khu xuất, lại hành bất mạn, cần hành bất mạn, lại khu xuất; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần phải hành bất mạn, lại trị, cần đến trị, lại hành bất mạn; đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-ba-ly, không đúng vậy.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp mà tác biệt kiết-ma, thuyết biệt kiết-ma; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền, nhưng lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm, lại ban cho luật diện tiền; đó không phải

là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm, nhưng lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật ức niệm; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si, nhưng lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ, lại ban cho luật bất si; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ, nhưng lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân, lại ban cho luật tự phát lồ; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật quân, nhưng lại khiển trách, cần khiển trách, lại ban cho luật quân; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần khiển trách, lại dùng hạ trí, cần hạ trí, lại khiển trách; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hạ trí, nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội, lại dùng hạ trí; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần cử tội, lại diệt tẩn, cần diệt tẩn, lại cử tội; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần diệt tẩn, nhưng lại ban cho ức niệm, cần ban cho ức niệm, lại diệt tẩn; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm, nhưng lại do căn bản trị, cần do căn bản trị, lại ban cho luật ức niệm; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần do căn bản trị, nhưng lại xuất khu, cần khu xuất, lại do căn bản trị; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần phải khu xuất, nhưng lại hành bất mạn, cần phải hành bất mạn, nhưng lại xuất khu; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hành bất mạn, nhưng lại trị, cần trị, lại hành bất mạn; đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, tùy theo loại kiết-ma nào mà thuyết kiết-ma đó; đó là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng không có tội.

Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền, liền ban cho luật diện tiền; cần ban cho luật ức niệm, liền ban cho luật ức niệm; cần ban cho luật bất si, liền ban cho luật bất si; cần ban cho luật tự

phát lồ, liền ban cho luật tự phát lồ; cần ban cho luật quân, liền ban cho luật quân; cần khiển trách, liền khiển trách; cần hạ trí, liền hạ trí; cần cử tội, liền cử tội; cần diệt tẩn, liền diệt tẩn; cần ức niệm, liền ức niệm; cần dùng căn bản trị, liền dùng căn bản trị; cần khu xuất, liền dùng khu xuất; cần hành bất mạn, liền hành bất mạn; cần trị, liền trị đó là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật; Tăng chúng cũng không có tội.

Này Ưu-ba-ly, Thầy nên học tùy theo loại kiết-ma nào mà thuyết kiết-ma đó; cần bản cho luật diện tiền, liền ban cho luật diện tiền; cần ban cho luật ức niệm, liền ban cho luật ức niệm; cần ban cho luật bất si, liền ban cho luật bất si; cần ban cho luật tự phát lồ, liền ban cho luật tự phát lồ; cần bản cho luật quân, liền ban cho luật quân; cần khiển trách, liền khiển trách; cần hạ trí, liền hạ trí; cần cử tội, liền cử tội; cần diệt tẩn, liền diệt tẩn; cần ức niệm, liền ức niệm; cần dùng căn bản trị, liền dùng căn bản trị; cần khu xuất, liền khu xuất; cần hành bất mạn, liền hành bất mạn; cần trị, liền trị; Này Ưu-ba-ly, Thầy nên học như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ưu-ba-ly và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà.

Bấy giờ Sa-di A-di-na-hòa-đề cũng ở thành Vương Xá, tại một Thiền thất, trong khu rừng vắng.

Lúc bấy giờ, Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sau giờ trưa, thong dong đi đến Sa-di A-di-na-hòa-đề, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và nói:

— Hiền giả A-kỳ-xá-na, tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng ?

Sa-di A-di-na-hòa-đề nói:

— Này Hiền Vương đồng tử, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe rồi, sẽ suy nghĩ.

Vương đồng tử hỏi:

— A-kỳ-xá-na, phải chăng thật sự Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm ?

Sa-di đáp:

— Hiền Vương tử, thật sự như vậy, Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm.

Vương đồng tử lại hỏi:

— Hiền giả A-kỳ-xá-na, mong Hiền giả theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho tôi rõ, như Tỳ-kheo ở trong pháp nầy không phóng dật, tu hành tinh cần đạt đến nhất tâm.

Sa-di đáp:

— Hiền Vương đồng tử, tôi không đủ sức để theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần đạt đến nhất tâm. Hiền Vương tử, nếu tôi theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm thì e rằng Hiền

Vương tử không thể hiểu được. Như vậy thì tôi nhọc công vô ích.

Vương đồng tử nói với sa-di:

— Hiền giả A-kỳ-xá-na, Hiền giả chưa bị người khác nhiếp phục, vì ý gì mà đã tự mình rút lui ? Hiền giả A-kỳ-xá-na, mong Hiền giả cứ theo những điều đã nghe, đã tụng tập, có thể nói lại hết cho tôi, như Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm. Nếu tôi hiểu được, thì hay lắm; nhưng nếu tôi không hiểu, sẽ không hỏi thêm về các pháp nữa.

Rồi Sa-di A-di-na-hòa-đề theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại cho Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na, như Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm. Bấy giờ Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na nói:

— Hiền giả A-kỳ-xá-na, nếu Tỳ-kheo ở trong pháp luật nầy không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm; không bao giờ có trường hợp nầy.

Nói xong, Vương đồng tử bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, không nói lời từ giã, mà bỏ đi. Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na đi chưa bao lâu, sa-di A-di-na-hòa-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, ngồi sang một bên và đem những điều đã thảo luận với Vương đồng tử

Kỳ-ba-tiên-na kể hết lại cho đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói với Sa-di:

— A-kỳ-xá-na, thôi đủ rồi, làm sao có thể biết được, khi Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy, đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có bậc vô dục mới biết, vô dục mới thấy, vô dục mới chứng giác, tình trạng ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp nầy. Vì sao ? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

Này A-kỳ-xá-na, cũng như trong bốn trường hợp điều ngự voi, điều ngự ngựa, điều ngự bò, điều ngự người; trong đó có hai trường hợp điều ngự không có thể điều ngự và hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự. Này A-kỳ-xá-na, ý Ông nghĩ sao ? Nếu trong hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự ấy, ở đây chưa điều phục tình trạng chưa điều phục, chưa được huấn luyện mà tiếp nhận sự huấn luyện; trường hợp nầy không thể có. Nếu trong hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự nầy, ở đây điều phục tình trạng chưa điều phục, huấn luyện để tiếp nhận sự huấn luyện; trường hợp nầy có thể có. Cũng vậy, này A-kỳ-xá-na, thôi đủ rồi, làm sao

có thể biết được, khi Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy; đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có vô dục mới biết, vô dục mới thấy, vô dục mới chứng giác ? Tình trạng ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp nầy. Vì sao ? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy.

Này A-kỳ-xá-na, cũng như cách xóm không xa, có một hòn núi đá lớn, không sứt, không thủng, không trống, bền chặt, không lung lay, hợp thành không duy nhất. Giả sử có hai người đang muốn nhìn ngắm, trong đó, một người leo nhanh lên núi, người thứ hai đứng lại dưới chân núi. Người đứng trên núi đá nhìn thấy bên kia núi đá có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn. Người trên núi sau khi thấy, bèn nói với người dưới núi rằng:

"— Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, ao hoa, suối trong, sông dài, nước lớn chăng ?"

Người dưới núi đáp:

"— Nếu nói rằng, tôi thấy hòn núi nầy với bên kia có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn; trường hợp nầy không thể có."

Rồi người trên núi leo nhanh xuống, nắm người dưới núi dẫn lên trên hòn núi đá, đến nơi rồi hỏi:

"— Bạn có thể thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn chăng ?"

Người kia đáp:

"— Bây giờ tôi mới thấy."

Lại hỏi người kia:

"— Vừa rồi bạn nói rằng không thể có trường hợp nầy, nay lại nói là thấy có, thế nghĩa là sao ?"

Người kia đáp:

"— Vừa rồi tôi vì bị hòn núi che khuất nên không thấy."

Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, thôi đủ rồi, làm sao có thể biết được khi Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy; đối với sự đoạn

trừ dục, đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, tình trạng mà chỉ có vô dục mới biết, vô dục mới thấy, vô dục mới chứng giác. Tình trạng ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, trường hợp nầy không thể có. Vì sao ? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng vậy.

Này A-kỳ-xá-na, thời xưa, vua Sát-lợi Đảnh sanh có một người thợ săn voi. Vua nói: "Này thợ săn voi, hãy bắt voi rừng về đây cho ta. Nếu bắt được rồi, hãy báo cho ta hay." Bấy giờ thợ săn voi sau khi lãnh mạng của vua, bèn cỡi con vương tượng đi đến một khu rừng già. Ở trong khu rừng già nầy, người thợ săn voi trông thấy một con voi rừng rất lớn. Sau khi thấy, bèn bắt và cột cổ con vương tượng. Lúc bấy giờ con vương tượng dẫn voi rừng ra ngoài khoảng đất trống, còn người thợ săn voi thì đi đến vua Sát-lợi Đảnh sanh và thưa:

"— Tâu Thiên vương, đã bắt được con voi rừng, cột ở khoảng đất trống, xin tùy ý Thiên vương."

Vua Sát-lợi Đảnh sanh nghe tâu, liền bảo:

"— Này Nài voi giỏi, bây giờ Ngươi lại huấn luyện nhanh chóng con voi rừng đó, khiến cho nó khuất phục, khiến nó thành con voi được huấn

luyện kỹ. Nếu huấn luyện đã hoàn hảo rồi, hãy trở về báo cho ta biết."

Rồi người huấn luyện voi giỏi sau khi vâng mạng vua, vác cây gậy lớn trên vai phải đi đến chỗ con voi rừng. Người ấy cắm cây gậy xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng của nó, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến cho nó vui thích thôn ấp, quen thói yêu nhân gian. Người huấn luyện voi giỏi trước hết cho nó ăn uống. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng bắt đầu nghe theo thợ huấn luyện voi giỏi mà chịu ăn uống, người luyện voi giỏi bèn nghĩ rằng: "Bây giờ con voi rừng nầy có thể sống được rồi. Vì sao ? Vì con voi rừng to lớn nầy bắt đầu chịu ăn uống." Khi voi rừng bắt đầu nghe lời người luyện voi mà chịu ăn uống, người luyện voi mới nói với nó bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra. Khi người luyện voi nói với voi rừng bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra, thì voi rừng làm y theo lời dạy của người luyện voi như vậy. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng nghe theo lời dạy của người luyện voi, bấy giờ người luyện voi mới buộc hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông,

đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà và buộc cả vòi nó lại, rồi sai người cầm móc câu ngồi lên đầu nó, khiến một số đông người cầm dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, đứng phía trước, người luyện voi thì tay cầm một cây mâu nhọn đứng ngay trước voi rừng mà nói: "Bây giờ ta trị Ngươi, khiến Ngươi không di động. Ta trị Ngươi, chớ có di động." Khi voi rừng nghe theo người luyện voi sửa trị không di động, nó không giở chân trước cũng không động đậy chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà và vòi, tất cả thảy đều không động đậy. Voi rừng nghe theo người luyện voi đứng im bất động như vậy. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng nghe theo người luyện voi mà không di động, lúc bấy giờ nó nhẫn chịu những dao, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán, to tiếng, hoặc gào thét, hoặc thổi tù và, đánh trống, động chuông, có thể nhẫn được tất cả. Khi voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi điều ngự, tối thượng điều ngự, tối thượng nhanh nhẹn, có thể vào cho vua cỡi, ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, nếu khi Như Lai xuất hiện thế gian là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật,

Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian nầy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí từ Người đến Trời, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trú; Vị ấy thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu, phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; pháp được vị ấy nói, khi con nhà cư sĩ nghe được và sau khi nghe thì có tín tâm nơi pháp được Như Lai nói; người nầy sau khi có tín tâm, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. A-kỳ-xá-na, đó là lúc Thánh đệ tử ra nơi khoảng đất trống. Cũng như vương tượng dẫn voi rừng ra. Và cũng như voi rừng còn tham luyến, ái dục, ái lạc nơi đời sống trong núi rừng. A-kỳ-xá-na, cũng vậy, chư Thiên và Nhân loại tham luyến dục lạc ở nơi ngủ dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc. Như Lai bắt đầu điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: "Người hãy thủ hộ thân và mạng thanh tịnh, hãy thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh." Khi Thánh đệ tử thủ hộ thân và mạng thanh tịnh, thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh, Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp." Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến thọ, tâm, pháp như pháp, thì Bốn niệm xứ nầy, ở trong

tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm của vị ấy lại, chế ngự tâm ý vui say theo thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt trừ sự mệt nhọc thế tục, khiến cho vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới. A-kỳ-xá-na, cũng như người luyện voi, sau khi vâng mạng vua Sát-lợi Đảnh sanh rồi, vác cây gậy rất lớn trên vai phải, đi đến chỗ voi rừng, cắm gậy xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến vui với thôn ấp, quen yêu thích nhân gian. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na Bốn niệm xứ nầy ở trong tâm của Hiền Thánh đệ tử, buộc trói tâm ấy lại, chế ngự tâm ý vui say thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt bỏ sự mệt nhọc thế tục, khiến vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới. Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp, Như Lai lại điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy quán nội thân như thân, đừng suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp." Vị Thánh đệ tử quán nội thân như thân, không suy niệm những tư niệm tương ứng với dục, cho đến quán thọ, tâm pháp như pháp; đó là không suy niệm

những tư niệm tương ưng với phi pháp. Vị Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người luyện voi, bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra; voi rừng tuân theo lời dạy của người luyện voi như vậy. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, không suy niệm tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm tương ưng với phi pháp; Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy. Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai, Như Lai điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy ly dục, ly ác pháp bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú." Như vậy Thánh đệ tử vâng theo Như Lai, an trú không di động. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng vâng theo sự sửa trị của người luyện voi, không di động, không giở hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, tai, ngà và vòi, thảy đều không di động; voi rừng nghe theo người luyện voi, đứng im, không di động như vậy. Cũng vậy A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ắc bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Như vậy Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không di động. Khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú

không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, nóng, lạnh, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách, tiếng dữ, gậy đánh cũng có thể kham nhẫn; thân gặp phải bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, tất cả đều có thể kham nhẫn. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người luyện voi đứng im không di động, nó lúc bấy giờ nhẫn chịu được dao, thuẩn, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, thổi tù và, đánh trống, dộng chuông, thảy đều có thể kham nhẫn. Cũng vậy, A-kỳ-xá-ná, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không di động; vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, lạnh, nóng, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách, tiếng dữ, gậy đánh, cũng có thể kham nhẫn; thân gặp những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc; thảy đều có thể kham nhẫn. A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn; vị ấy lúc bấy giờ là vị điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tịnh, tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm nịnh; thanh tịnh lắng đọng trần lao, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và

Nhân loại. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng đã có thể kham nhẫn, lúc bấy giờ nó là con voi điều ngự, thiện điều ngự được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể xung vào cho vua cỡi, được ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, A-tỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn; vị ấy lúc bấy giờ được gọi là điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tịnh, tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm khúc; thanh tịnh lắng đọng các trần lao, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

Này A-kỳ-xá-na, con voi rừng còn nhỏ, không được điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. Con voi rừng trung niên không được điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. A-kỳ-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu không được điều ngự mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự,. Thánh đệ tử trung niên không được điều ngự mà mạng chung, thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự.

A-kỳ-xá-na, con voi rừng còn nhỏ được thiện

điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết thiện điều ngự. Con voi rừng trung niên được thiện điều ngự mà chết, thì đó gọi là cái chết được thiện điều ngự. A-kỳ-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu được thiện điều ngự mà mạng chung, thì gọi là mạng chung thiện điều ngự. Thánh đệ tử trung niên được thiện điều ngự mà mạng chung, thì gọi là mạng chung thiện điều ngự.

Đức Phật thuyết như vậy, Sa-di A-di-na-hòa-đề và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

199. KINH SI TUỆ ĐỊA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nay Ta sẽ nói cho các Thầy nghe về pháp ngu si và pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

— Thế nào là pháp ngu si ? Người ngu si có ba sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si, tức là người thành tựu sự ngu si thì được nói là ngu si.

Những gì là ba ? Người ngu si suy tư bằng tư

niệm ác, nói bằng lời ác nói, làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác và không làm việc làm ác, như vậy thì làm sao người ngu si được gọi là ngu si ? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được gọi là người ngu si.

Người ngu si kia ngay trong đời hiện tại, thân tâm phải cảm thọ ba điều sầu khổ. Thế nào là thân tâm người ngu si phải cảm thọ ba điều sầu khổ ? Người ngu si có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc nơi đường cái, đường hẻm, hoặc nơi chợ, quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những sự việc thích hợp với người ngu si. Người ngu si mà làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, và thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện khác, và đã thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện rồi, khi người khác thấy được bèn nói sự ác của người ngu si kia; người ngu si kia nghe rồi bèn tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, khi người ta thấy được bèn nói sự ác của người đó. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện, nếu có kẻ khác biết được, cũng sẽ nói điều ác của ta." Đây là điều sầu khổ thứ nhất mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si kia thấy người của vua bắt trói kẻ có tội, trị bằng các thứ hình phạt đau đớn, như chặt tay, chặt chân, chặt tay lẫn chân, xẻo tai, xẻo mũi, xẻo tai lẫn mũi, hoặc vắt từng miếng thịt, nhổ tóc, bứt tóc, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc nhốt trong củi, trùm trong áo rồi đốt, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào trong chảo đồng, hoặc đặt trong chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc lấy mũi nhọn đâm, hoặc dùng móc câu móc, hoặc đặt nằm trên giường sắt, lấy dầu sôi nhểu xuống, hoặc ngồi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc lấy roi đánh, hoặc dùng gậy phang, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đem chém bêu đầu. Người ngu si kia thấy rồi, tự suy nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, vua biết được bắt và khảo trị như thế. Ta cũng có vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết được ta cũng sẽ bị khảo trị như vậy." Đây là điều sầu khổ thứ hai mà thân tâm của kẻ ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si kia, thân hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, khi người ấy bệnh tật, chịu đau đớn, hoặc ngồi nằm trên giường, hoặc ngồi nằm trên

ván, hoặc ngồi nằm trên đất, thân sanh cực kỳ đau khổ, nhẫn đến mạng sống gần dứt. Bấy giờ những thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh của người đó treo ngược từ trên cao, như lúc xế chiều mặt trời lặn xuống núi cao, dốc ngược trên mặt đất. Cũng vậy, những thân ác hạnh, khẩu và ý ác hạnh của người ấy bây giờ đang treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: "Đó là những thân ác hạn hạnh, khẩu, ý ác hạnh của ta đang treo ngược từ trên cao. Ta xưa kia làm ác nhiều , không tạo phước, nếu có nơi nào cho những người làm ác, hung bạo, làm việc phi lý, không làm lành, không tạo phước, không làm nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, thì ta đến chỗ ác đó." Rồi do đó mà sanh hối hận và do hối hận mà chết không nhẹ nhàng, mạng chung chẳng an lành. Đây là điều sầu khổ thứ ba mà thân tâm của con người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại.

Lại nữa, người ngu si kia thân hành ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh, và sau khi thân hành ác hạnh, khẩu ý hành ác hạnh, do nhân duyên đó, thân hoại mạng chung, chắc đến đường ác, sanh vào địa ngục. Đã sanh vào đó, người ấy lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm. Nếu nói rằng cái gì hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm, thì

cái đó là địa ngục. Vì sao ? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, khả niệm vậy.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, sự khổ trong địa ngục như thế nào ?

Thế Tôn đáp:

— Này Tỳ-kheo, địa ngục không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, vì địa ngục chỉ có sự khổ mà thôi.

Tỳ-kheo lại hỏi:

— Đức Thế Tôn có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Này Tỳ-kheo, ví như người của nhà vua bắt kẻ giặc đem về chỗ vua Sát-lợi Đảnh Sanh tâu rằng:

"— Tâu Thiên vương, kẻ giặc nầy có tội, xin Thiên vương trị nó."

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo:

"— Các Ông đem đi trị tội người nầy, buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm."

Người của vua lãnh lệnh bèn đem đi trị. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi:

"— Người kia thế nào ?"

Người của vua đáp:

"— Tâu Thiên vương, người kia còn sống."

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo:

"— Buổi trưa các Ông cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm."

Người của vua thừa lệnh, giữa trưa dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi:

"— Người kia thế nào ?"

Người của vua đáp:

" — Tâu Thiên vương, kẻ kia còn sống."

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo:

"— Buổi chiều các Ông cũng hãy dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm."

Người của vua thừa lệnh, buổi chiều lại dùng

một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Kẻ kia vẫn còn sống, nhưng thân thể người đó bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tiền. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi:

"— Người kia thế nào ?"

Người của vua đáp:

"— Tâu Thiên vương, kẻ kia còn sống, nhưng thân thể người kia bị đâm thủng, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tiền."

Này Tỳ-kheo, ý Thầy nghĩ sao ? Nếu người kia một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm; người kia nhơn đó, thân tâm có chịu sự ưu não, sầu khổ cực kỳ không ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, bị một mũi giáo nhọn đâm còn chịu khổ lớn, huống nữa một ngày chịu ba trăm mũi giáo nhọn đâm. Thân tâm người kia há không chịu sự sầu khổ, ưu não rất lớn ?

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ như hạt đậu, hỏi Tỳ-kheo ấy:

— Thầy thấy tay Ta cầm viên đá nhỏ như hạt đậu chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Tỳ-kheo, ý Thầy nghĩ sao ? Viên đá Ta cầm nhỏ bằng hạt đậu nầy đem so sánh với Tuyết sơn vương, cái nào lớn hơn ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, viên đá cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu đem so sánh với Tuyết sơn vương, thì nhỏ thua gấp trăm, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn chẳng sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ, không thể so sánh được. Chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, cực lớn.

Thế Tôn bảo:

— Này Tỳ-kheo, nếu viên đá Ta cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu đem so sánh với Tuyết sơn vương nhỏ thua gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm, ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, cực lớn. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu người nầy một

ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm; do nhơn duyên đó, thân tâm người đó chịu ưu não, sầu khổ rất lớn; dù vậy, nếu đem so sánh với sự khổ ở trong địa ngục, thì không bằng trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể thí dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là trong địa ngục cực kỳ khổ sở mà thôi. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh trong địa ngục; đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt nung lửa đỏ rực mà róc thân thể. Chỗ để hành phạt tội nhân, hoặc xây tám góc, hoặc xây sáu góc, hoặc xây vuông vức, hoặc làm hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như vậy kẻ tội nhân bị khảo tra thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy tay, cầm búa sắt nung lửa đỏ rực mà róc thân thể. Chỗ để hình phạt hoặc xây tám góc, sáu góc, hoặc vuông vức, hoặc hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như vậy, tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm

cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt đốt cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, rồi lấy kềm sắt kẹp mở miệng tội nhân, lấy hòn sắt cháy hừng hực, bỏ vào miệng kẻ tội nhân, làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi chạy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy, tội nhân bị khảo trị, thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tối nắm lấy, rồi lấy cọc sắt nung cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, lấy kềm sắt, kẹp mở miệng tội nhân, lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân, làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy cổ, cháy răng, cháy tim, cháy bao tử, rồi chảy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy tội nhân bị khảo trị, thống khổ, bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ

vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi với đất bằng sắt đốt lửa đỏ rực, khiến nằm ngữa lên, trói thân thể lại, lấy đinh sắt đóng xuống hai tay và hai chân, dùng một cái đinh riêng đóng ở bụng tội nhân. Như vậy tội nhân bị khảo trị, đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng khổ, nhưng tội nhân không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt, đốt cháy đỏ rực, bắt tội nhân nằm sát đất, kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh căng thẳng, không nhăn không dùng, giống như da trâu dùng trăm đinh căng thẳng, không nhăn không dùn. Cũng như vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, bị ngục tốt nắm lấy với mặt đất bằng sắt, đốt cháy đỏ rực, khiến tội nhân nằm xuống đất, từ miệng kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh đóng, căng thẳng, không nhăn không dùn. Như

vậy, kẻ kia bị khảo trị, đau khổ đến cùng cực trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ đau khổ nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, bị ngục tốt nắm lấy đầu, lột da từ đầu đến chân, rồi lột ngược từ chân lên đầu, bèn dùng xe sắt, đốt lửa đỏ rực, buộc tội nhân vào, ở trên mặt đất bằng sắt, châm lửa cháy khắp, rồi bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Như vậy, kẻ kia bị tra khảo đau đớn đến cùng cực trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ đau khổ, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, lửa đốt cháy hừng hực rãi khắp trên đất, lại bảo tội nhân lấy tay bốc lửa vãi lên thân mình. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt lấy núi lửa, đốt cháy đỏ rực, bắt tội nhân leo lên, leo xuống trên núi đó. Khi tội nhân dẫm chân xuống thì máu, da, thịt của thân đều bị cháy sạch; nếu cất chân lên thì da, thịt, máu huyết của người đó hoàn lại như cũ. Như vậy, tội nhân bị hành hạ đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, dùng cái chảo lớn, đốt lửa cháy đỏ, xách ngược thân tội nhân, chân lên trời, đầu xuống đất, rồi quăng vào trong chảo; tội nhân trong chảo sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, tự thân chảy ra bọt trở lại nấu lấy thân. Cũng như các thứ đậu lớn, đậu nhỏ, đậu uẩn, đậu đắng, hạt cải, bỏ chung trong chảo có đổ đầy nước, đốt lửa cháy dữ, các hạt đậu trong chảo hoặc nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, đậu tự ra bọt rồi lại nấu lấy. Cũng vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy,

dùng chão bằng sắt lớn, đốt lửa cháy đỏ, dựng ngược thân tội nhân, chân quay lên trời, đầu quay xuống đất, rồi ném vào trong chão có nước đang sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, từ thân sanh ra bọt trở lại nấu lấy thân. Kẻ kia như vậy bị khảo trị thống khổ, cực kỳ thống khổ, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, những nỗi khổ cùng cực. Nhưng tội nhân không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục ? Trong địa ngục kia có ngục tên là Lục Xúc. Nếu chúng sanh sanh vào đó; khi đã sanh vào đó hoặc sắc được thấy bởi mắt không khả hỷ, không khả ý, không phải khả hỷ, khả ý, không nhuần ái, không phải nhuần ái, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc; hoặc tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, xúc chạm nơi thân, và pháp được biết bởi ý, không khả hỷ, không khả ý, không phải khả hỷ, khả ý, ý không nhuần lạc, không phải nhuần lạc, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc. Như vậy gọi là khổ địa ngục.

Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện nói cho các Thầy về địa ngục, về sự việc ở địa ngục,

song sự khổ ở địa ngục không thể nói hết được. Chỉ có thể nói, là địa ngục duy chỉ có khổ mà thôi.

Này Tỳ-kheo, có lúc người ngu si kia ra khỏi địa ngục, sanh làm súc sanh, thì súc sanh đó cũng rất khổ.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, tức loài sống trong tăm tối, lớn lên trong tăm tối và chết đi trong tăm tối. Nó là loài gì ? Là loài trùng sống trong đất. Người ngu si ấy, vì lúc xưa tham đắm thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, hành động với khẩu, ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, đến lúc thân hoại mạng chung, người đó sanh trong loài súc sanh tức là loài sống trong tăm tối, lớn lên trong tăm tối và chết đi trong tăm tối. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, tức sống trong thân, lớn lên trong thân và chết đi trong thân. Nó là loài gì ? Là loài vi trùng ghẻ chốc. Người ngu si ấy, vì lúc xưa tham trước thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ý ác hạnh rồi,

do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, tức là loài sống trong thân, lớn lên trong thân và chết trong thân. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, loài sống trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Nó là loài gì ? Là loài cá kình, rùa, cá sấu, bà-lưu-ni đẻ trứng, già-la. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, loài sống trong nước, lớn lên trong nước và rồi chết đi trong nước. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, loài có răng để cắn, sống ăn cỏ, cây lá. Chúng là loài gì ? Là voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, nai, trâu, và chó. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi đã hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, có răng để cắn, sống ăn cỏ, cây, lá. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh ? Nếu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, là loài súc sanh khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó, ăn loại đồ ăn đó. Cũng như trai, gái, nghe được mùi ẩm thực, liền chạy đến nơi và nói: "Đây là đồ ăn, đây là đồ ăn." Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh sanh vào súc sanh, tức loài súc sanh mà khi nghe mùi người ta đại tiểu tiện ra, liền chạy đến nơi đó, ăn loại đồ ăn đó. Chúng là loài gì ? Là gà, heo, chó, chó sói, quạ, câu-lâu-la, câu-lăng-già. Người ngu si ấy, vì lúc xưa tham đắm thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào súc sanh, tức loài ăn phân ô uế. Như vậy gọi là khổ súc sanh.

Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện để nói cho các Thầy về súc sanh, nói về sự việc của súc sanh, nhưng nỗi khổ của súc sanh không làm sao nói hết được. Chỉ nói là súc sanh duy có khổ mà thôi.

Này Tỳ-kheo, như nếu người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, trở lại sanh lên làm người, là việc cực kỳ khó khăn. Vì sao ? Vì kẻ kia trong loài súc sanh, không làm nhân nghĩa, không theo pháp tắc

lễ nghi, không làm việc lành, súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau; con mạnh ăn con yếu; con lớn ăn con nhỏ. Tỳ-kheo, như đất nầy tràn đầy những nước, có một con rùa đui, sống lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván nhỏ, nhẹ, chỉ có một lỗ duy nhất, bị gió thổi trôi. Này Tỳ-kheo, ý Thầy nghĩ sao ? Con rùa đui kia, đầu nó có thể chui vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ nhẹ, nhỏ kia chăng ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, có thể chui được nhưng thật lâu, thật lâu và rất khó.

Thế Tôn bảo:

— Này Tỳ-kheo, hoặc rùa đui kia trải qua một trăm năm, rồi nó từ phía Đông đến, ngóc đầu lên một lần; miếng ván nhỏ kia chỉ có một lỗ, lại bị gió thổi từ phương Đông dời qua phương Nam; hoặc lúc con rùa đui qua một trăm năm từ phương Nam đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván một lỗ kia, lại bị gió thổi từ phương Nam dời đến phương Tây; hoặc lúc con rùa đui đợi một trăm năm qua, từ phương Tây đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván có một lỗ kia, lại bị gió thổi từ phương Tây dời đến phương Bắc; hoặc lúc con rùa đui kia từ phương Bắc đến, ngóc đầu lên một lần, thì miếng ván có

một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Bắc dời tới các phương khác. Này Tỳ-kheo, ý Thầy nghĩ sao ? Con rùa đui kia có chui vào được lỗ ván ấy chăng ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, con rùa cũng có thể chui vào được lỗ ván ấy, nhưng thật lâu, thật lâu và khó lắm.

— Này Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si kia, từ súc sanh ra mà trở lại làm người, thì cũng khó lắm. Vì sao ? Kẻ kia trong súc sanh, không làm việc nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc tốt lành, súc sanh đó lại ăn nuốt lẫn nhau; con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con nhỏ.

Này Tỳ-kheo, nếu người ngu si, có khi ra khỏi súc sanh, sanh lên làm người hoặc sanh nhằm nhà thuộc giai cấp hạ tiện, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm thức ăn rất khó. Họ là hạng người nào ? Là ngục tốt, là thợ, nhà thủ công, nhà làm đồ gốm và các người hạ tiện khác, đại loại như vậy, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm ăn rất khó. Họ sanh nhằm những nhà như vậy. Khi sanh vào đó rồi, hoặc đui, hoặc què, hoặc khuỷu tay ngắn, hoặc gù, hoặc chỉ dùng tay trái, da xấu, mặt dê, xấu xí, đoản mạng, bị người khác sai sử. Người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi

hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó trở lại chỗ ác, sanh vào địa ngục. Cũng như hai người cùng đánh bạc, một trong hai người đó, canh bạc đầu mất tôi tớ, và mất cả vợ con; sau đó lại để thân mình bị treo ngược trong nhà khói. Người đó tự nghĩ: "Ta không ăn không uống, song canh bạc đầu ta mất tôi tớ, mất cả vợ con; canh bạc cuối, thân ta bị treo ngược trong nhà khói." Này Tỳ-kheo, canh bạc ấy thua rất ít, chỉ mất tôi tớ, mất vợ con, và sau đó thân bị treo ngược trong nhà khói. Này Tỳ-kheo, canh bạc nầy mới đáng kể. Đó là hành động của thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó trở lại chỗ ác, sanh vào địa ngục.

Này Tỳ-kheo, đối với các việc làm nầy, thật không thể vui, thật không thể thích, chẳng phải chỗ nghĩ đến.

Này Tỳ-kheo, được nói như vậy, há không đầy đủ về pháp ngu si chăng ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, thật sự như vậy đã nói hết các pháp ngu si kia.

Đức Thế Tôn bảo:

— Thế nào là pháp trí tuệ ? Là người trí tuệ có ba sự tướng, tiêu thức trí tuệ và ấn tượng trí tuệ, tức người đã thành tựu trí tuệ, nên được gọi là trí tuệ.

Những gì là ba ? Người trí suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc làm thiện. Vì là người trí tuệ, nên được gọi là trí tuệ vậy.

Nếu người trí tuệ chẳng nghĩ ý nghĩ thiện, nói không nói thiện và việc làm không làm thiện, thì người trí làm sao biết được họ là kẻ trí ? Và người có trí tuệ, nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện, nên người có trí nói là kẻ trí.

Người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm lãnh thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc ? Người trí tuệ có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc tại đường cái, đường hẻm, hoặc tại chợ quán hoặc đầu ngã tư đường, nói những sự việc thích hợp với người trí. Người có trí tuệ thì từ bỏ sát sanh, từ bỏ việc lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến mà được chánh kiến, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nếu đã thành tựu vô lượng pháp thiện, khi

người khác thấy được, bèn khen ngợi, người trí tuệ kia nghe được, tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy, bèn khen ngợi, thì ta cũng có vô lượng pháp thiện. Nếu có kẻ trí nào thấy, tất sẽ ngợi khen ta." Đây là điều hỷ lạc thứ nhất mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

Lại nữa, người trí kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp, như chặt tay, chặt chân, và chặt tay lẫn chân, xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai lẫn mũi, hoặc cắt từng miếng thịt, hoặc nhổ tóc, bứt râu, hoặc bứt cả râu tóc, hoặc bỏ vào cũi, trùm trong áo rồi đốt cháy, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào trong bụng lừa sắt, hoặc ném vào miệng con heo sắt, hoặc quẳng vào miệng cọp sắt, rồi đốt, hoặc bỏ vào chảo đồng, hoặc đôi vào chảo sắt, rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng dáo nhọn đâm, hoặc lấy móc câu móc, hoặc đặt nằm trên giường sắt, rồi lấy dầu sôi nhiễu, hoặc ngồi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc độc long mổ hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đâm chết bêu đầu. Người trí tuệ kia thấy rồi bèn nghĩ rằng: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác bất thiện, vua biết được, bắt và khảo tra như vậy.

Ta không làm vô lượng pháp ác bất thiện, nếu vua biết, thì ta hoàn toàn chẳng bị các loại khổ trị như vậy." Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được.

Lại nữa, người trí tuệ kia hành động với thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh. Người đó gặp lúc bệnh khổ, hoặc nằm, ngồi trên giường, hoặc nằm, ngồi trên ván, hoặc nằm, ngồi dưới đất, hoặc thân đau nhức rất khổ sở cho đến mạng sống gần dứt; những hành động với thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh của người kia, bấy giờ nơi họ các việc làm đó treo ngược trên cao. Ví như lúc xế chiều, mặt trời lặn xuống, bóng núi cao đổ ngược trên mặt đất. Cũng vậy, hành động với thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh của người kia, bấy giờ nơi họ các việc làm đó treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: "Đây là những hành động với thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, treo ngược từ trên cao. Vì ta làm phước nhiều, không làm ác, nếu có nơi nào cho những người không làm ác, không hung bạo, không làm điều phi lý, chỉ làm phước, chỉ làm thiện, tạo nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi, thì ta đến chỗ lành đó." Do vậy, không sanh tâm hối hận, do không hối hận, nên chết nhẹ nhàng, mạng chung an lành. Đây là điều lỷ lạc thứ ba mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được.

Lại nữa, người trí tuệ kia hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh. Người ấy sau khi hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng có nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm thì nơi đó được nói là thiện xứ. Vì sao ? Vì chốn lành kia hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào ?

Thế Tôn đáp:

— Này Tỳ-kheo, thiện xứ không thể nói hết, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ có thể nói rằng thiện xứ chỉ thuần hoan lạc.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví như Chuyển luân vương thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài Người. Này Tỳ-kheo, ý Thầy nghĩ sao ? Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài Người, thì nơi vua kia, nhơn đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thành tựu được một báu và một như ý túc của loài Người còn lãnh thọ được hỷ lạc cùng cực, huống nữa là Chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc của loài Người, há chẳng phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao ?

Bấy giờ Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo:

— Thầy có thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, có thấy.

Thế Tôn lại hỏi:

— Này Tỳ-kheo ý Thầy nghĩ sao, viên đá nhỏ

như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương, cái nào lớn hơn ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đem so với Tuyết sơn vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi.

Thế Tôn lại bảo:

— Này Tỳ-kheo, nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương, nó thật nhỏ, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài Người, thì vị vua kia, thân tâm lại lãnh thọ hỷ lạc cùng cực, nếu đem so sánh với các hỷ lạc ở cõi trời, thì thật kém gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, không thể sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ, không thể so sánh, nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ nói thiện xứ là hoàn toàn hoan lạc thôi.

Này Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ ? Có thiện xứ gọi là Lục Xúc, nếu chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được mắt thấy, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, thì đó là sự ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện lạc; thanh được nghe bởi tai; hương được ngửi bởi mũi; vị được nếm bởi lưỡi; sự xúc chạm nơi thân; pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ.

Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở thiện xứ cho các Thầy nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nói hết được, chỉ nói là ở nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc.

Này Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhằm nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy dẫy và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là hạng người nào ? Là nhà đại trưởng giả dòng Sát-lợi, nhà trưởng giả dòng Phạm chí, nhà trưởng giả Cư sĩ và các nhà đại phú gia khác, tiền của vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ, thực ấp, thóc lúa đầy dẫy, và biết bao thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhằm

nhà như vậy, đoan chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại thiện xứ, sanh lên thiện giới. Ví như hai người đánh bạc, trong đó một người ăn ván đầu và tiếp tục đánh, ăn được nhiều tiền tài. Người ấy nghĩ rằng: "Ta chẳng làm ruộng nhưng ván đầu ta ăn và tiếp tục canh bạc như vậy, ta lấy được nhiều tiền của." Này Tỳ-kheo, canh bạc đó quá nhỏ, mà người ấy lại bắt được nhiều tiền của. Này Tỳ-kheo, canh bạc nầy mới đáng kể, đó là hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, hành khẩu, ý diệu hạnh, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Tỳ-kheo, các việc làm nầy là sự việc rất đáng vui, rất đáng thích, rất đáng được thích ý.

Này Tỳ-kheo, các pháp của người trí tuệ được nói như vậy, há không đầy đủ chăng ?

Tỳ-kheo ấy đáp:

— Bạch Thế Tôn, thật sự các pháp của người trí tuệ kia được nói như vậy là đầy đủ.

Thế Tôn bảo:

— Đó là pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Các Thầy phải biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Đã biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ rồi, thì phải xả bỏ pháp của người ngu si và chọn lấy pháp của người trí tuệ. Các Thầy phải học như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

200. KINH A-LÊ-TRA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo A-lê-tra vốn là một người Già-đà-bà-lê, sanh ác kiến như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại.""

Các Tỳ-kheo nghe vậy, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi:

— Này A-lê-tra, thật Thầy có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại"" chăng ?

Khi ấy, A-lê-tra đáp:

— Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại."

Các Tỳ-kheo khiển trách A-lê-tra rằng:

— Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, Thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.

Tỳ-kheo A-lê-tra bị các Tỳ-kheo khiển trách, nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Đây là điều chơn thật, ngoài ra là hư vọng." Và lặp lại ba lần như vậy.

Chúng Tỳ-kheo không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về, về đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại."" Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra và hỏi:

"— Này A-lê-tra, Thầy thật có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: Hành dục không bị chướng ngại" chăng ?"

Tỳ-kheo A-lê-tra trả lời chúng con rằng:

"— Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại.""

Bạch Thế Tôn, chúng con khiển trách rằng:

"— Này A-lê-tra, chớ nói như vầy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, Thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi."

Chúng con khiển trách, nhưng Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Đây là điều chơn thật, ngoài ra là hư vọng, và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về.

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một thầy Tỳ-kheo:

— Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra, nói như vầy: "Đức Thế Tôn gọi Thầy."

Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra, thầy Tỳ-kheo ấy liền nói:

— Đức Thế Tôn gọi Thầy.

Tỳ-kheo A-lê-tra liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Này A-lê-tra, thật Thầy có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại"" chăng ?

A-lê-tra đáp:

— Bạch Thế Tôn, thật sự con hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại."

Đức Thế Tôn khiển trách:

— Này A-lê-tra, bằng cách nào mà Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy ? Thầy nghe từ miệng người nào mà nói Ta nói pháp như vậy ? Thầy quả là người mê mờ. Ta không nói một chiều mà Thầy lại đi nói một chiều. Thầy là người mê mờ. Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, bấy giờ Thầy phải đúng như pháp mà trả lời. Nay để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo.

Rồi đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy cũng hiểu Ta nói pháp như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại" chăng ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Các Thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Dục có chướng ngại, Thế Tôn nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Thế Tôn nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Thế Tôn nói dục như miếng thịt. Dục như cây đuốc trong tay, Thế Tôn nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Thế Tôn nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Thế Tôn nói dục như rắn độc. Dục như mộng, Thế Tôn nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Thế Tôn nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Thế Tôn nói dục như trái cây." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này các Tỳ-kheo,

các Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao ? Vì Ta cũng nói như vậy: Dục có chướng ngại, Ta nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Ta nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Ta nói dục như miếng thịt. Dục như cây đuốc trong tay, Ta nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa, ta nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Ta nói dục như rắn độc. Dục như mộng, ta nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn, Ta nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Ta nói dục như trái cây.

Đức Thế Tôn lại khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này các Tỳ-kheo, các Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng A-lê-tra là người mê mờ, ghi nhớ và hiểu biết điên đảo nghĩa và văn. Thầy nầy do tự ghi nhớ và hiểu biết điên đảo, cho nên xuyên tạc Ta để tự gây tổn hại cho mình, có phạm, có tội; đó là điều mà các vị Phạm hạnh có trí không hoan hỷ, và là một đại tội. Này Người mê mờ kia, có biết chỗ ác bất thiện nầy chăng ?

Lúc ấy Tỳ-kheo A-lê-tra bị đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Tỳ-kheo A-lê-tra rồi, nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ, tường tận, thì nên thọ trì đúng như vậy. Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đầy đủ, tường tận, thì phải hỏi lại Ta hay các vị Phạm hạnh có trí. Vì sao ? Có thể có những người mê mờ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Họ do tự mình ghi nhớ và hiểu biết điên đảo, cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Họ tranh luận rằng, mình hiểu ý nghĩa nầy, nhưng không chịu hiểu biết thấu đáo ý nghĩa nầy. Sự hiểu biết của họ về pháp này không đạt đến ý nghĩa nầy, chỉ chuốc lấy cực khổ, luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì họ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người đó đi vào rừng hoang, thấy con rắn rất lớn, bèn bước tới dùng tay nắm ở lưng rắn; con rắn ngóc đầu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Người đó làm công việc tìm bắt rắn, nhưng không đạt mục đích, chỉ chuốc lấy cực khổ, luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì người ấy không biết rõ phép bắt rắn. Cũng vậy, có thể có những người mê mờ ghi nhớ

và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Họ do tự mình ghi nhớ và hiểu biết điên đảo, cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Họ tranh luận rằng mình hiểu ý nghĩa nầy, nhưng không chịu hiểu biết thấu đáo ý nghĩa nầy. Sự hiểu biết của họ về pháp nầy không đạt đến ý nghĩa nầy, chỉ chuốc lấy cực khổ, luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì họ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

Hoặc có một Thiện nam tử ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo nghĩa và văn. Người ấy do ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo, cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không tranh luận là mình hiểu nghĩa nầy, nhưng hiểu biết thấu đáo ý nghĩa nầy. Sự hiểu biết về pháp của người ấy đạt đến ý nghĩa nầy, không chuốc lấy cực khổ, luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì người ấy ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

Cũng như có người muốn bắt rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay cầm gậy sắt, đi

trong rừng hoang, thấy một con rắn rất lớn, bèn lấy gậy sắt đè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Rắn tuy ngắt đuôi lại, hoặc quấn tay, chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người ấy làm công việc tìm bắt rắn, và đạt được mục đích, không chuốc lấy cực khổ, luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì người ấy khéo biết phép bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có một Thiện nam tử ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo nghĩa và văn. Người ấy do ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Người ấy không tranh luận là mình hiểu nghĩa nầy, nhưng hiểu biết thấu đáo ý nghĩa nầy. Sự hiểu biết về pháp của người ấy đạt đến ý nghĩa nầy, không chuốc lấy cực khổ, luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao ? Vì người ấy ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

Ta thường nói cho các Thầy nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các Thầy biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Thế nào là Ta thường nói cho các Thầy nghe về thí dụ chiếc bè để các Thầy biết xả bỏ, chứng không phải để chấp thủ ?

Cũng như con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa đó không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc nên cần qua bờ bên kia. Người ấy bèn nghĩ rằng: "Ở đây, con nước từ trên núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa không có thuyền, bè, cũng không có cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc cần phải qua bờ bên kia, phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn ?" Rồi người đó lại tự suy nghĩ: "Nay ở bờ bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột làm bè để bơi qua."

Người ấy bèn ở bờ bên này góp nhặt cỏ, cây cột lại làm bè, rồi bơi qua, đến bờ kia được yên ổn, bèn tự nghĩ rằng: "Chiếc bè nầy có nhiều ích lợi. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia qua đến bờ bên nầy. Nay Ta hãy vác nó lên vai phải hoặc đội trên đầu mà đi." Người ấy bèn vác chiếc bè trên vai phải, hoặc đội trên đầu mà đi. Ý các Thầy nghĩ sao ? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích gì đối với chiếc bè chăng ?

Bây giờ các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn lại nói:

— Người ấy phải làm thế nào mới có thể có ích lợi đối với chiếc bè ? Người ấy nghĩ như vầy: "Chiếc bè nầy có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta an ổn từ bờ kia qua đến bờ nầy. Nay ta nên thả chiếc bè nầy trở lại trong nước, hoặc để nó bên bờ rồi bỏ đi chăng ?" Người ấy mang chiếc bè nầy thả lại trong nước, hoặc để nó bên bờ rồi bỏ đi. Ý các Thầy nghĩ sao ? Người ấy làm như vậy, có thể có ích lợi gì đối với chiếc bè chăng ?

Bấy giờ các Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, có.

Đức Thế Tôn nói:

— Cũng vậy, Ta thường nói cho các Thầy nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các Thầy biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Nếu các Thầy biết Ta thường nói thí dụ về chiếc bè, thì đối với pháp còn cần phải xả bỏ, huống là phi pháp ?

Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu ? Tỳ-kheo, đối với những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa; "Tất cả sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không

là sở hữu của sắc ấy, sắc ấy không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về sắc. Những gì thuộc thọ, thuộc tưởng, những gì thuộc về kiến nầy, đều thấy: "Chúng không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Hãy với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến nầy, thấy, nghe, nhận thức, biết, sở đắc, sở quán, được tư niệm bởi ý, từ đời nầy đến đời kia, từ đời kia đến đời nầy; "Tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Hãy với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến nầy: "Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trú, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên trong mà có sợ hãi chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên trong mà có sợ hãi ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: "Nếu trước kia không giả thiết là tôi có, thì không thể được." Và do thấy như vậy, nói như vậy, vị ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên trong mà có sợ hãi.

Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn, rồi lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên trong mà không có sợ hãi chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên trong mà không có sợ hãi ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói như vầy: "Nếu trước kia không giả thiết là tôi có, thì không thể được." Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, vị ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên trong mà không có sợ hãi.

Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn, rồi lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên ngoài mà có sợ hãi chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà có sợ hãi ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: "Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau." Và do thấy như vậy, nói như vậy, khi gặp Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bấy giờ, Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, xả ly tất cả lậu, tất cả

ngã và hành vi của ngã, diệt trừ kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp, người ấy bèn ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si và nói như vầy: "Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa." Vì sao ? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài thường sống với những điều không khả ái, không khả lạc, không xứng ý niệm; cho nên người ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà có sợ hãi.

Tỳ-kheo ấy tán thán đức Thế Tôn, rồi lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên ngoài mà không có sợ hãi chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

— Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà không có sợ hãi ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói

như vầy: "Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau." Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, khi vị ấy gặp Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bấy giờ, Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp; người ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si, và không nói như vầy: "Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa." Vì sao ? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài thường sống với những điều khả ái, khả lạc, xứng ý niệm, cho nên không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi.

Bây giờ Tỳ-kheo ấy tán thán đức Thế Tôn:

— Lành thay ! Lành thay !

Tán thán lành thay rồi, vị ấy cẩn thận ghi nhớ, tụng tập những điều Phật dạy rồi im lặng.

Bấy giờ đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, Thầy thọ trì những điều đáng được thọ trì như vậy và thọ trì xong, không sanh ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng ? Các Thầy có thấy những điều thọ trì, những điều đáng được thọ trì ấy không sanh ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy y cứ vào tri kiến như vậy, mà tri kiến được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng ? Các Thầy có thấy y cứ vào tri kiến như vậy, mà tri kiến được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy có chấp thủ thân như vậy, mà thân sau khi được chấp thủ ấy là thường trú không biến dịch, là pháp không hoại diệt. Các Thầy có thấy chấp thủ thân như vậy, mà thân sau khi được chấp thủ ấy là thường trú, không biến dịch, là pháp không hoại diệt chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nói là do tự ngã mà có ta, không có tự ngã, thì không có ta; đó là tự ngã và sở hữu của tự ngã đều không thể nắm bắt được, không thể niệm được, và kiến xứ ràng buộc, với kiết sử tùy miên ở trong tâm, cũng không thể nắm bắt được, cũng không thể niệm được. Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến giống như Tỳ-kheo A-lê-tra vốn là một người Già-đà-bà-lê chăng ?

Tỳ-kheo đáp:

— Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như Tỳ-kheo A-lê-tra vốn là một người Già-đà-bà-lê.

— Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu ?

Tỳ-kheo, đối với những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa: "Tất cả sắc ấy không phải là là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, cũng không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy biết như thật về sắc. Những gì thuộc thọ, thuộc tưởng, những gì thuộc về kiến nầy đều thấy: "Chúng không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến nầy, thấy, nghe, nhận thức, biết, sở đắc, sở quán, được tư niệm bởi ý, từ đời nầy đến đời kia, từ đời kia đến đời nầy; "Tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến nầy: ""Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta là hiện hữu của đời sau, là pháp thường trú, không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại" tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng.

Này Tỳ-kheo những gì thuộc sáu kiến xứ ấy, mà thấy không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã, và do không kiến chấp như vậy bèn không chấp thủ thế gian nầy. Do không chấp thủ thế gian nầy mà không có sợ hãi. Do không sợ hãi mà chứng đắc bát Niết-bàn, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh." Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

Thế nào là Tỳ-kheo băng hào ? Hào vô minh đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được băng hào.

Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào ? Hào hữu ái đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã vượt hào.

Thế nào là Tỳ-kheo phá đổ thành quách ? Sanh tử vô cùng đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo phá đổ thành quách.

Thế nào là Tỳ-kheo không cửa ? Năm hạ phần kiết đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp

tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được không cửa.

Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ ? Ngã mạn đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được gương Thánh trí tuệ.

Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ.

Như Lai chánh giải thoát như vậy, dù Nhơn-đề-la dù Thiên-y-sa-na, dù Phạm thiên và quyến thuộc, không có ai có thể tìm thấy thức sở y của Như Lai. Như Lai là Phạm, Như Lai là lãnh, Như Lai là không phiền nhiệt, Như Lai là bất dị. Ta nói như vậy; các Sa-môn, Phạm chí xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng, không chơn thật, rằng: "Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô. Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương là đoạn tận, hủy diệt." Nhưng nếu trong đó không có, thì Ta đã không nói: "Như Lai trong đời hiện tại được nói là Không Ưu Phiền. Nếu có mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai; Như Lai trong trường hợp đó không sân hận, không thù hằn, không có hại tâm. Nếu có ai đánh đập, mạ lỵ, sân hận, trách mắng Như Lai, ý Như Lai như thế nào ? Như Lai tự nghĩ như vầy: "Có

hành vi tạo ác nào của Ta trong quá khứ để đưa đến sự kiện nầy." Đối với sự mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy. Nếu có ai cung kính, cũng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai; Như Lai không do đó mà vui thích, không do đó mà hoan hỷ, tâm không do đó mà hoan lạc. Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, thì ý Như Lai như thế nào ? Như Lai tự nghĩ: "Ta nay do những gì được biết, do những gì được đoạn trừ mà đưa đến sự kiện nầy." Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng các Thầy; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các Thầy; các Thầy nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm, cũng chớ vui thích hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao ? Hãy nghĩ rằng: "Ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã." Ví như nay đây ngoài cửa Thắng Lâm nầy có cỏ khô, cây khô; có một người mang đi đốt, tùy ý mà dùng. Ý các Thầy nghĩ sao ? Cây, cỏ khô kia lại nghĩ rằng: "Người ấy mang ta đi đốt, tùy ý mà dùng" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cũng vậy, nếu có ai mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng các Thầy; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các Thầy; các Thầy nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù ghét, chớ có hại tâm, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao ? Hãy nghĩ rằng: "Ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã."

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người như vậy; nếu có ai với chánh trí giải thoát mà mạng chung, với người ấy không giả thiết có luân hồi.

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống thuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời,

Người như vậy; nếu có ai hỏi năm hạ phần kết tận diệt mà mạng chung sẽ sanh ở trong chỗ kia mà vào Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian nầy.

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người như vậy; nếu có ai với kiết sử đã tận diệt, dâm nộ si đã mỏng, chứng đắc Nhất vãng lai, sau khi qua những nhơn gian, thiên thượng một lần, sẽ chứng đắc khổ biên.

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người như vậy; nếu có ai với ba kiết sử đã tận diệt, đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp ác, quyết định sẽ đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi Trời, cõi Người, sau bảy lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên.

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến Trời, Người như vậy; nếu có ai với tâm tín lạc nơi Ta mà mạng chung, chắc chắn sẽ sanh vào thiện xứ.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

201. KINH TRÀ-ĐẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử sanh ác kiến như vầy: "Tôi biểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác.""

Các Tỳ-kheo nghe vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế hỏi:

— Này Trà-đế, Thầy thật có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác"" chăng ?

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

— Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo khiển trách:

— Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức nầy do duyên mà sinh khởi; đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói thức nầy do duyên mà sinh khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, Thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi.

Tỳ-kheo Trà-đế bị các Tỳ-kheo khiển trách, nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Đây là điều chơn thật, ngoài ra là hư vọng" và lặp lại ba lần như vậy.

Các Tỳ-kheo không thể khuyên Trà-đế xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về, và đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trà-đế ác kiến như vầy: "Tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi

khác."" Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy và hỏi:

"— Này Trà-đế, thật Thầy có nói như vầy: "Tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác" chăng?"

Trà-đế trả lời chúng con rằng:

"— Này chư Hiền, tôi thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác.""

Chúng con khiển trách rằng:

"— Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Trà-đế, thức nầy do duyên mà sinh khởi, Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói thức nầy do duyên mà sinh khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, Thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi."

Chúng con khiển trách như vậy, nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Đây là điều chơn thật, ngoài ra là hư vọng", và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con

không thể khuyên Tỳ-kheo Trà-đế xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về.

Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một Tỳ-kheo:

— Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế nói như vầy: "Đức Thế Tôn gọi Thầy."

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy vâng lời đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi, đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế và nói lại lời Phật dạy:

"Đức Thế Tôn gọi Thầy."

Tỳ-kheo Trà-đế liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Thầy thật có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Ở đây, thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác"" chăng ?

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:

— Bạch Thế Tôn, con thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác."

Đức Thế Tôn hỏi:

— Thế nào là thức ?

Tỳ-kheo Trà-đề đáp:

— Thức nầy nói năng, cảm thọ, hành động và sai bảo hành động, đứng dậy và sai bảo đứng dậy. Nghĩa là nó tạo tác các nghiệp thiện ác chỗ nầy, chỗ kia để rồi thọ báo.

Đức Thế Tôn khiển trách:

— Này Trà-đề, do đâu mà Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy ? Thầy nghe từ miệng người nào mà nói Ta nói pháp như vậy ? Thầy là kẻ mê mờ ! Ta không nói một chiều mà Thầy lại nói một chiều. Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, Thầy bấy giờ đáng lẽ phải đúng như pháp mà trả lời. Nay Ta sẽ hỏi các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

— Các Thầy cũng hiểu Ta nói pháp như vầy: "Thức nầy luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác" chăng ?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Các Thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Thức do duyên mà sinh khởi. Thế Tôn nói thức do duyên mà sinh khởi. Thức có duyên thì sanh, không duyên thì diệt." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này các Tỳ-kheo, các Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao ? Ta cũng nói pháp như vậy: "Thức do duyên mà sinh khởi. Ta nói thức do duyên mà sinh khởi. Thức có duyên thì sanh, không duyên thì diệt." Và thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên ấy: duyên mắt và sắc mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy, duyên pháp và ý mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa, tùy theo những gì nói duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên đó. Lửa duyên cây mà sanh khởi được gọi là lửa cây. Lửa duyên cỏ, rác mà sanh khởi được gọi là lửa cỏ, lửa rác. Cũng vậy, thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi thì gọi tên theo duyên đó. Duyên mắt và sắc mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy

được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Duyên pháp và ý mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức.

Đức Thế Tôn lại khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng Tỳ-kheo Trà-đế nầy là người mê mờ, ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa, rồi do ghi nhớ và hiểu biết điên đảo, cho nên xuyên tạc Ta, để tự làm tổn thương, có phạm, có tội, là điều mà các vị Phạm hạnh có trí không hoan hỷ, và cũng là một đại tội. Này Người mê mờ, có biết chỗ ác, bất thiện nầy chăng ?

Bấy giờ Tỳ-kheo Trà-đế bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không có lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách trước mặt Tỳ-kheo Trà-đế, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng:

— Nay Ta sẽ nói pháp rốt ráo không phiền, không nhiệt, hằng hữu, bất biến cho các Thầy nghe. Những người có trí phải quán như vậy. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe ! Hãy khéo suy niệm !

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

— Đây là một chơn thể, các Thầy thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Như Lai là một chơn thể, các Thầy thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các Thầy thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Đây là một chơn thể, các Thầy đã thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Như Lai là một chơn thể, các Thầy đã thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các Thầy đã thấy chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đã thấy.

Đức Thế Tôn nói:

— Đây là một chơn thể, các Thầy có nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Như Lai là một chơn thể, các Thầy có nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các Thầy có nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Đấy là một chơn thể, do tuệ mà thấy chơn thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, tiêu diệt.

Đức Thế Tôn nói:

— Như Lai là một chơn thể, do tuệ mà thấy chơn thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, tiêu diệt.

Đức Thế Tôn nói:

— Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, do tuệ mà thấy chơn

thật như vậy, thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, tiêu diệt.

Đức Thế Tôn nói:

— Đây là một chơn thể, các Thầy đã không còn nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Như Lai là một chơn thể, các Thầy đã không còn nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các Thầy đã không còn nghi hoặc chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy thấy như vậy, biết như vậy, tức là nói: "Tri kiến nầy của tôi thanh tịnh như vậy, nên chấp trước nó, tiếc nuối nó, thủ trì nó, không muốn xả bỏ." Và các Thầy biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi biết rồi, những gì bị bịt kín có thể được mở cho chảy xuôi chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, tức là nói: "Tri kiến nầy của tôi thanh tịnh như vậy, nhưng không chấp trước nó, không tiếc nuối nó, không thủ trì nó, muốn xả bỏ nó." Và các Thầy biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi biết rồi, những gì bị bít kín có thể được mở cho chảy xuôi chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu có kẻ dị học

đến hỏi các Thầy: "Này Hiền giả, các Ngài nếu có tri kiến thanh tịnh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gì ?" Các Thầy sẽ trả lời như thế nào ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ dị học đến hỏi chúng con rằng: "Này Hiền giả, các Ngài nếu có tri kiến thanh tịnh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gì ?" thì chúng con sẽ đáp như sau: "Này chư Hiền, nghĩa lợi đó là yểm ly, nghĩa lợi đó là vô dục, nghĩa lợi đó là thấy biết như thật." Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ dị học đến hỏi, thì chúng con sẽ đáp như vậy.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu có kẻ dị học đến hỏi các Thầy, các Thầy nên đáp như vậy. Vì sao ? Đây được nói là sự quán sát: một là thực phẩm phần đoạn, thô hoặc tế, hai là xúc, ba là ý niệm, bốn là thức. Bốn loại thực phẩm nầy lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, do đâu mà có ? Bốn loại thực phẩm ấy, lấy ái làm nhân, do ái mà tập khởi, từ ái mà sanh, duyên ái mà có. Ái lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Ái ấy lấy thọ làm nhơn,

do thọ mà tập khởi, từ thọ mà sanh, duyên thọ mà có. Thọ lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Thọ lấy xúc làm nhơn, do xúc mà tập khởi, từ xúc mà sanh, duyên xúc mà có. Xúc lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Xúc lấy sáu xứ làm nhơn, do sáu xứ mà tập khởi, từ sáu xứ mà sanh, duyên sáu xứ mà có. Sáu xứ lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Sáu xứ lấy danh sắc làm nhơn, do danh sắc mà tập khởi, từ danh sắc mà sanh, duyên danh sắc mà có. Danh sắc lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Danh sắc lấy thức làm nhơn, do thức mà tập khởi, từ thức mà sanh, duyên thức mà có. Thức lấy gì làm nhơn, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Thức lấy hành làm nhơn, do hành mà tập khởi, từ hành mà sanh, duyên hành mà có. Hành lấy gì làm nhơn, lấy cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có ? Hành lấy vô minh làm nhơn, do vô minh mà tập khởi, từ vô minh mà sanh, duyên vô minh mà có. Đó là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ

có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn đau khổ phát sanh.

Duyên sanh mà có già, chết; ở đây nói là duyên sanh mà có già, chết, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên sanh mà có già, chết, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên sanh mà có già, chết.

— Duyên hữu mà có sanh, ở đây nói là duyên hữu mà có sanh, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên hữu mà có sanh, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên hữu mà có sanh.

— Duyên thủ mà có hữu, ở đây nói là duyên thủ mà có hữu, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên thủ mà có hữu, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên thủ mà có hữu.

— Duyên ái mà có thủ, ở đây nói là duyên ái mà có thủ, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên ái mà có thủ, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên ái mà có thủ.

— Duyên thọ mà có ái, ở đây nói duyên thọ mà có ái, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên thọ mà có ái, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên thọ mà có ái.

— Duyên xúc mà có thọ, ở đây nói là duyên xúc mà có thọ, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên xúc mà có thọ, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên xúc mà có thọ.

— Duyên sáu xứ mà có xúc, ở đây nói là duyên sáu xứ mà có xúc, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên sáu xứ mà có xúc, ý

chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên sáu xứ mà có xúc.

— Duyên danh sắc mà có sáu xứ, ở đây nói là duyên danh sắc mà có sáu xứ, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên danh sắc mà có sáu xứ, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên danh sắc mà có sáu xứ.

— Duyên thức mà có danh sắc, ở đây nói là duyên thức mà có danh sắc, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên thức mà có danh sắc, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên thức mà có danh sắc.

— Duyên hành mà có thức, ở đây nói là duyên hành có thức, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Duyên hành mà có thức, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên hành mà có thức.

— Duyên vô minh mà có hành, ở đây nói là duyên vô minh mà có hành, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, duyên vô minh mà có hành, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì duyên vô minh mà có hành.

Đây là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn đau khổ nầy phát sanh.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, các Thầy nói như vậy. Vì sao ? Ta cũng nói như vậy: duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ; duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau nầy phát sanh.

Sanh diệt thì già, chết diệt, ở đây nói là sanh diệt thì già, chết diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, sanh diệt thì già, chết diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì sanh diệt thì già, chết diệt.

— Hữu diệt thì sanh diệt, ở đây nói là hữu diệt thì sanh diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, hữu diệt thì sanh diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì hữu diệt thì sanh diệt.

— Thủ diệt thì hữu diệt, ở đây nói là thủ diệt thì hữu diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thủ diệt thì hữu diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì thủ diệt thì hữu diệt.

— Ái diệt thì thủ diệt, ở đây nói là ái diệt, thì thủ diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, ái diệt thì thủ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì ái diệt thì thủ diệt.

— Thọ diệt thì ái diệt, ở đây nói là thọ diệt thì ái diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thọ diệt thì ái diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì thọ diệt thì ái diệt.

— Xúc diệt thì thọ diệt, ở đây nói là xúc diệt thì thọ diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, xúc diệt thì thọ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì xúc diệt thì thọ diệt.

— Sáu xứ diệt thì xúc diệt, ở đây nói là sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì sáu xứ diệt thì xúc diệt.

— Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ở đây nói là danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, danh sắc diệt thì sáu xứ

diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.

— Thức diệt, thì danh sắc diệt, ở đây nói là thức diệt thì danh sắc diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, thức diệt thì danh sắc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì thức diệt thì danh sắc diệt.

— Hành diệt thì thức diệt, ở đây nói là hành diệt thì thức diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, hành diệt thì thức diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì hành diệt thì thức diệt.

— Vô minh diệt thì hành diệt, ở đây nói là vô minh diệt thì hành diệt, ý các Thầy nghĩ sao ?

Các Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, vô minh diệt thì hành diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao ? Vì vô minh diệt thì hành diệt.

Đây là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc

diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não diệt. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau nầy bị diệt.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Này Tỳ-kheo, các Thầy nói như vậy. Vì sao ? Ta cũng nói như vậy: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não diệt. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau nầy cũng diệt.

Đức Thế Tôn lại khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy đối với quá khứ có nghĩ rằng: "Ta có trong thời quá khứ, hay Ta không có trong thời quá khứ ? Ta có trong thời quá khứ như thế nào ? Do gì mà có trong thời quá khứ" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy đối với vị lai có nghĩ rằng: "Ta sẽ có trong đời vị lại hay ta sẽ không có trong đời vị lai ? Có trong đời vị lai như thế nào ? Do đâu mà có trong đời vị lai ?" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy đối với bên trong mà có nghi hoặc rằng: "Đây là thế nào ? Đây là cái gì ? Chúng sanh nầy từ đâu đến ? Sẽ đi về đâu ? Do nhân gì mà đã có ? Do nhơn gì mà sẽ có ?" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp :

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết

như vậy, thấy như vậy, các Thầy có giết cha mẹ, hại đệ tử Phật, A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, có ác ý đối với Phật, làm đổ máu Như Lai chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có phạm giới, xả giới, bỏ đạo chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy thấy như vậy, biết như vậy, các Thầy có bỏ nội đạo mà tìm đến ngoại đạo để tìm ruộng phước chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có đối với các Sa-

môn, Phạm chí mà nói như vầy: "Chư Tôn, các Ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có cho lễ cát tường là thanh tịnh chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có thấy những kiến chấp liên hệ đến lễ cát tường của các Sa-môn, Phạm chí xen lẫn khổ, xen lẫn độc hại, xen lẫn phiền nhiệt, xen lẫn ảo não, là chơn thật chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy khi thân thể bịnh

hoạn, rất là đau đớn, gần như tuyệt mạng, bèn bỏ nội đạo mà tìm đến ngoại đạo, tìm đến những Sa-môn, Phạm chí kia, những người trì loại chú một câu, chú hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm câu, nói rằng: "Xin trì chú nầy để tôi thoát khổ"; đó là tìm đến sự khổ, tập khởi sự khổ mà mong diệt tận khổ được chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có chấp thủ sự tái sanh chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Nếu các Thầy biết như vậy, thấy như vậy, các Thầy có nói như vầy: "Chúng ta cung kính Sa-môn, kính trọng Sa-môn Cù-đàm là bậc Tôn Sư của chúng ta" chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Các Thầy bằng sự tự biết, tự thấy, tự giác, đối với sự chứng đắc Tối chánh giác, các Thầy có tùy theo những điều được hỏi mà trả lời chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, có.

Thế Tôn khen:

— Lành thay ! Lành thay ! Ta chơn chánh điều ngự các Thầy đối với pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí. Vì lý do đó mà Ta đã nói: "Ta sẽ nói cho các Thầy nghe về pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí."

Lại nữa, có ba sự kiện hiệp hội để thác vào thai mẹ. Đó là, cha mẹ tụ tập một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai, và hương ấm đã đến. Do ba sự kiện nầy hiệp hội mà thác vào thai mẹ. Thai mẹ kéo dài chín tháng hay mười tháng rồi sanh. Sanh rồi, được nuôi dưỡng bằng máu; máu đó,

ở trong Thánh pháp gọi là sữa mẹ. Rồi thì, các căn lớn dần cho đến thành tựu, ăn cơm ăn cháo, dầu tô thoa mình, rồi mắt nó thấy sắc, ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu. Nó không lập niệm tại thân với một tâm nhỏ mọn. Nó không như thật biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát, những pháp ác bất thiện được sanh ra không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý biết pháp, ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu. Nó không lập niệm tại thân với một tâm nhỏ mọn. Nó không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện được sanh ra không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại không dư tàn. Nó tùy những gì ưa, ghét mà lãnh nạp cảm thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Nó hoan lạc cảm thọ ấy, tìm cầu, chấp trước chấp thủ cảm thọ ấy. Nó sau khi hoan lạc cảm thọ ấy, tìm cầu chấp trước chấp thủ cảm thọ ấy rồi, nếu đó là cảm thọ lạc, vì do chấp thủ và duyên thủ mà có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau nầy phát sanh.

Này Tỳ-kheo, vậy há không phải là đầy đủ để sự tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ để sự tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa Tử.

— Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; mắt vị ấy thấy sắc nhưng đối với sắc đẹp không hoan lạc chấp trước, đối với sắc xấu không ghét bỏ; vị ấy lập niệm tại thân với một tâm vô lượng, biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát; các pháp ác bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Ý biết pháp, đối với cái đẹp không hoan lạc chấp trước, đối với cái xấu không ghét bỏ; lập niệm tại thân với một tâm vô lượng; biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát; các pháp ác bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Vị ấy như vậy, diệt những gì yêu ghét được lãnh nạp bởi thọ, hoặc lạc hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Vị ấy không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ ấy. Do không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ theo cảm thọ ấy,

nếu có cảm thọ lạc, nó liền diệt, lạc diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu hiệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não cũng diệt. Như vậy toàn bộ khối lớn khổ đau nầy cũng diệt.

Này Tỳ-kheo, đây há chẳng phải là đầy đủ về ái tận giải thoát chăng ?

Các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ về ái tận giải thoát.

Khi nói pháp nầy, ba ngàn đại thiên thế giới ba lần chấn động, hết động lại động nữa, hết rung lại rung nữa, hết rền lại rền nữa; cho nên kinh nầy gọi là "Ái Tận Giải Thoát."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

XVIII. PHẨM BÔ-LỴ-ĐA

202. Kinh Trì trai.
203. Kinh Bô-ly-đa.
204. Kinh La-ma.
205. Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết.
206. Kinh Tam Uế.
207. Kinh Tiên Mao (A).
208. Kinh Tiến Mao (B).
209. Kinh Bê-ma-na-tu.
210. Kinh Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni.
211. Kinh Đại Câu-hy-la.

202. KINH TRÌ TRAI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong Đông Viên, Lộc tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ Lộc tử Mẫu Tỳ-xá-khư, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc chiếc áo trắng tinh, dẫn các con dâu với đoàn tùy tùng vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Nữ cư-sĩ, Bà vừa tắm gội chăng ?

Nữ cư sĩ thưa:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai. Bạch Thiện Thệ, hôm nay con trì trai.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Nữ cư-sĩ, hôm nay Bà trì loại trai nào ? Vì trai có ba loại. Những gì là ba ? Thứ nhất loại trai của mục đồng; thứ hai trai của Ni-kiền; và thứ ba, Tám chi Thánh trai.

Này Nữ cư-sĩ, thế nào là trai của mục đồng ? Mục đồng buổi sáng thả trâu trong đầm, buổi xế trưa dẫn về thôn; khi trở về đến thôn, nó nghĩ rằng: "Ngày hôm nay ta thả trâu ở chỗ nầy, ngày mai ta sẽ thả trâu ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho trâu uống nước tại chỗ nầy, ngày mai ta sẽ cho trâu uống nước tại chỗ kia. Hôm nay ta cho trâu ngủ đêm tại chỗ nầy, ngày mai ta sẽ cho trâu ngủ đêm tại chỗ kia." Này Nữ cư-sĩ, cũng vậy, nếu người trì trai nghĩ rằng: "Ngày hôm nay ta ăn đồ ăn như vậy, ngày mai ta sẽ ăn đồ ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vậy, ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta dùng thức ăn như vầy, ngày mai ta dùng thức ăn như thế kia." Người ấy ở trong những ngày và đêm hoan lạc, đắm trước trong dục vọng như vậy. Đó gọi là loại trai của mục đồng. Nếu trì loại trai mục đồng như vậy thì không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển.

Này Nữ cư sĩ, thế nào là loại trai của Ni-kiền ? Nếu có người xuất gia học theo Ni-kiền, vị ấy khuyên người rằng: "Ngươi đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy. Cũng vậy, đối với phương Nam, phương Tây, và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên mà có chúng sanh nào, vì để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy." Người ấy khuyến khích, sách tấn người khác như vầy: "Hoặc chúng sanh có tưởng, được thủ hộ, hoặc chúng sanh không tưởng, không được thủ hộ, Ngươi vào ngày mười lăm là ngày nói Biệt giải thoát, hãy cởi bỏ y phục, để mình trần truồng, đứng quay về hướng Đông, nói như vầy: "Ta không có cha mẹ, không thuộc về cha mẹ. Ta không vợ con, không thuộc về vợ con, Ta không nô tỳ, không thuộc về nô tỳ."" Này Nữ cư sĩ, người ấy không khuyến khích, sách tấn lời nói chân thật, nhưng ngược lại, khuyến khích, sách tấn bằng những lời hư đối. Người ấy ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng: "Đây là cha mẹ ta." Cha mẹ người ấy ngày ngày cũng thấy con mình và cũng nghĩ rằng: "Đây là con ta." Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng: "Đây là vợ con ta." Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: "Đây là tôn trưởng ta". Người ấy gặp mặt nô

tỳ cũng nghĩ rằng: "Đây là nô tỳ của ta." Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: "Đây là chủ của ta." Người ấy thọ dụng dục lạc nầy, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng. Đó gọi là loại trai của Ni-kiền. Nếu thọ trì loại trai Ni-kiền như vậy thì không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được đại công đức, không được phát triển.

Này nữ Cư sĩ, thế nào là Tám chi Thánh trai ? Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời không sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khách, cho nên nói là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời không lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho rồi mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí,

tâm vui thích sự phóng xả hoan hỷ, không bỏn xẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Vị ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bỏn xẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Đối với việc không cho mà lấy, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành tâm tịnh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với phi Phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm nầy xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành, tâm tịnh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Đối với phi Phạm hạnh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trú nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trú nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Đối với sự nói láo, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán chơn nhơn trọn đời xa lìa sự uống rượu, buông lung, đoạn trừ sự uống rượu, buông lung. Vị ấy đối với việc uống rượu, buông lung, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự uống rượu, buông lung, đoạn trừ sự uống rượu, buông lung. Đối với việc uống rượu, buông lung, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời xa lìa giường lớn, cao, rộng, đoạn trừ giường lớn, cao, rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc

giường hoặc trải cỏ. Vị ấy đối với giường lớn, cao, rộng, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm nầy xa lìa giường lớn, cao, rộng, đoạn trừ giường lớn, cao, rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Đối với giường lớn, cao, rộng, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán Chơn nhơn trọn đời xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Vị ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm nầy xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử

khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la-hán chơn nhơn trọn đời xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời, ngày ăn một bữa, không ăn đêm, vui thích sự ăn đúng thời. Vị ấy đối với sự ăn phi thời tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm nầy xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Đối với sự ăn phi thời, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi nầy như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.

Người ấy sau khi đến với Tám chi Thánh trai nầy rồi, để tiến lên, lại nên tu tập năm pháp.

Những gì là năm ? Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Như Lai rằng: "Đức Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư hiệu là Phật, Chúng Hựu." Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham lam nếu có liền bị tiêu diệt; những pháp ô uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt. Cũng như một người trên đầu có cấu bẩn, do mỡ, nước nóng, sức người tắm gội cho nên được sạch. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử

khi trì trai, niệm tưởng Như Lai rằng: "Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư hiệu là Phật, Chúng Hựu." Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng bị diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì phạm trai, cùng cọng hội với phạm, nhân phạm cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng diệt.

Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng pháp rằng: "Pháp nầy do Thế Tôn giảng thuyết, toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí." Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người trong mình có cáu

bẩn, nhờ bột tắm nước nóng, và sức người tắm gội kỹ cho nên liền được sạch sẽ. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng pháp rằng: "Pháp nầy do Thế Tôn giảng thuyết, toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí." Người ấy sau khi niệm tưởng pháp như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng diệt. Này Nữ cư sĩ, đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì pháp trai, cùng cọng hội với pháp, nhân pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chúng Tăng rằng: "Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng; đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ; đó là Tăng chúng đệ tử Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải

thoát, giải thoát tri kiến, đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho Trời và Người". Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người nơi áo có cấu bẩn, bất tịnh, nhờ tro, bột kết, bột giặt, nước nóng, sức người giặt giũ nên nó được sạch sẽ. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Tăng rằng: "Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú; trong Tăng chúng của Như lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú. Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng; đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ; đó là Tăng chúng của Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho Trời và Người. Người ấy niệm tưởng Tăng như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất

thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì Tăng trai, cùng Tăng cọng hội, nhân Tăng mà tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không uế, không ô, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng giới mình đang thọ rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi giới nên tâm tĩnh được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một tấm gương đóng bụi nhơ không sáng, nhờ đá, đá mài, ngọc oanh, và sức người lau chùi, mài dũa mà được minh tịnh. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không ô, không uế, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí

khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng giới mình đang thọ trì như vậy; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi giới, nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì giới trai. Cùng giới cọng hội, nhơn giới tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Lại nữa, này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chư Thiên rằng: "Thật sự có Tứ vương thiên nhơn ấy; nếu thành tựu tín, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tín ấy. Chư Thiên ấy nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Chư Thiên ấy thành tựu tín, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy; tôi cũng có tín ấy. Chư Thiên ấy nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy; tôi cũng có tuệ ấy." Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ; ác tham lam nếu có liền

được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Nữ cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi chư Thiên nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như vàng ròng thượng sắc bị bụi đóng, bất tịnh, nhờ lửa, bài, kèm, chùy, đất đỏ, sức người lau chùi, mài dũa mà được minh tịnh. Cũng vậy, Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chư Thiên rằng: "Thật sự có Tứ vương thiên, chư Thiên ấy nế thành tựu tín, mạng chung nơi nầy được sanh nơi kia; tôi cũng có tín ấy. Chư Thiên ấy nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi đây được sanh nơi kia; tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Chư Thiên ấy nếu thành tựu tín, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy; tôi cũng có tín ấy. Chư Thiên nhơn ấy nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi nầy được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy." Người ấy niệm tưởng như vậy, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Này Nữ cư sĩ, nếu hành trì Tám chi Thánh trai như vậy, và ở đây với mười sáu đại quốc nầy: Một là Ương-già, hai là Ma-kiệt-đà, ba là Ca-thi, bốn

là Câu-tát-la, năm là Câu-lâu, sáu là Ba-xà-la, bảy là A-nhiếp-bối, tám là An-hòa-đàn-đề, chín là Chi-đề, mười là Bạt-kỳ, mười một là Bạt-ta, mười hai là Bạt-la, mười ba là Tô-ma, mười bốn là Tô-la-tra, mười lăm là Dụ-ni, mười sáu là Kiếm-phù. Trong các nước nầy, những sở hữu tiền tài bảo vật, kim ngân, ma-ni, chơn châu, lưu ly, nẵng-già, bích ngọc, san hô, lưu thiệu, bệ-lưu, bệ-lặc, mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyền châu, và giả sử một người làm vua trong đó, sẽ được sử dụng tự tại tùy ý. Nhưng người ấy so với người thọ trì Tám chi Thánh trai hoàn toàn không bằng một phần mười sáu.

Này Nữ cư-sĩ, Ta nhơn đó mà nói như vầy: "Lạc thú của nhơn vương không bằng lạc thú của chư Thiên." Nếu ở nhân gian năm mươi năm, ở Tứ vương thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, năm trăm năm như vậy, là tuổi thọ của Tứ vương thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn, thọ trì Tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên Tứ vương thiên.

Này Nữ cư sĩ, do đó mà Ta nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư Thiên." Nếu nhân gian sống một trăm tuổi, thì ở Tam thập

tam thiên mới một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, và một nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Tam thập tam thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn thọ trì Tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên Tam thập tam thiên.

Này Nữ cư sĩ, Ta nhơn đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư Thiên." Nếu ở nhân gian hai trăm năm, ở Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, hai nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn thọ trì Tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên Diệm-ma thiên.

Này Nữ cư sĩ, Ta nhơn đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư Thiên." Nếu ở nhân gian bốn trăm năm, ở Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, bốn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suất-đà thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là một Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn thọ trì

Tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên Đâu-suất-đà thiên.

Này Nữ cư sĩ, Ta nhơn nơi đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư Thiên." Nhơn gian tám trăm tuổi, ở Hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm , tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa lạc thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn thọ trì Tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên trong Hóa lạc thiên.

Này Nữ cư sĩ, Ta nhơn đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư Thiên." Nhơn gian một ngàn sáu trăm năm, ở Tha hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha hóa lạc thiên. Này Nữ cư sĩ, tất có trường hợp nầy, là Thiện nam tử hay Thiện nữ nhơn thọ trì Tám chi Thánh Trai, thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên trong Tha hóa lạc thiên.

Lúc bấy giờ, Lộc tử Mẫu Tỳ-xá-khư chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, Tám chi Thánh trai thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại lợi, đại quả, có đại công đức, có đại quảng bố. Bạch Thế Tôn, con từ nay cho đến trọn đời xin thọ trì Tám chi Thánh trai nầy, tùy theo năng lực mà bố trí, tu phước.

Rồi Lộc tử Mẫu sai khi nghe những lời Phật dạy, khéo thọ trì, khéo tụng tập, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui về.

Đức Phật thuyết như vậy, Lộc tử Mẫu Tỳ-xá-khư và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

203. KINH BÔ-LỴ-ĐA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại Na-nan-đại, trong khu rừng xoài của Ba-hòa-ly.

Bấy giờ cư sĩ Bô-ly-đa mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù, mang guốc thế tục, đi từ vườn nầy sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí bèn nói rằng: "Chư Hiền nên biết, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự". Các Sa-môn, Phạm chí nói lại bằng những lời dịu dàng rằng:

"Vâng, cư sĩ Bô-ly-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự."

Rồi cư sĩ Bô-ly-đa trong khi du hành khắp nơi, thong dong tản bộ đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, chống gậy đứng ngay trước Phật.

Đức Thế Tôn nói:

— Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.

Cư sĩ Bô-ly-đa thưa:

— Thưa Cù-đàm, không thể như vậy, không nên như vậy. Vì sao ? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự. Sao Cù-đàm gọi tôi là cư-sĩ ?

Thế Tôn nói:

— Ông có hình tướng, tiêu thức như cư-sĩ, cho nên Ta gọi Ông là cư-sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.

Thế Tôn lại ba lần nói:

— Này Cư sĩ, có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.

Cư sĩ Bô-ly-đa cũng ba lần thưa:

— Thưa Cù-đàm, không thể như vậy, không nên như vậy. Vì sao ? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự. Sao Cù-đàm gọi tôi là cư sĩ ?

Thế Tôn trả lời:

— Ông có hình tướng, tiêu thức như cư sĩ, cho nên Ta gọi Ông là cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi.

Rồi Thế Tôn hỏi:

— Ông lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như thế nào ?

Cư sĩ Bô-ly-đa đáp:

— Tất cả những tài vật trong nhà, tôi đều mang cho hết rồi; tôi sống vô vi, vô cầu, chỉ đi lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi. Tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như vậy.

Thế Tôn nói:

— Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật, sự đoạn tuyệt các tục sự không phải như vậy. Này Cư sĩ, trong Thánh pháp luật có tám chi đoạn tuyệt tục sự.

Lúc bấy giờ cư sĩ Bô-ly-đa bèn bỏ gậy, xếp dù, cởi guốc tục, chấp tay hướng về đức Phật và thưa:

— Thưa Cù-đàm trong Thánh pháp luật, thế nào là tám chi đoạn tuyệt tục sự ?

Thế Tôn nói:

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên

sự xa lìa sát mà đoạn trừ trừ sát, ý cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho, y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo, y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước, y cứ trên sự không hại nhuế, mà đoạn trừ hại nhuế, y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch, y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai giết chóc, phải chịu ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai giết chóc như vậy chịu quả báo nầy, trong đời nầy và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy, là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ

lấy của không cho ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai lấy của không cho, tất phải chịu ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho. Như vậy, là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai tà dâm tất phải chịu ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta tà dâm, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương thảy đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác thú, sanh vào địa ngục. Ai tà dâm phải chịu ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như

vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. Như vậy, là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta nói láo, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, phỉ báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo. Như vậy, là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta tham trước, ấy là tự hại mà cũng là

xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước chăng ?" Rồi vị ấy ý cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy, là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta hại nhuế, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trê sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ sự đố kỵ, thù nghịch ? Đạ văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai đố kỵ, thù nghịch tất phải thọ ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta đố kỵ, thù nghịch, ấy là tự hại và cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai đố kỵ, thù nghịch tất phải thọ ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch.

Này Cư sĩ, thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạng ? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo trong đời nầy và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư Thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn

tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo nầy trong đời nầy và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng ?" Rồi vị ấy y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

Đó là tám chi đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp luật.

Cư sĩ Bô-lỵ-đa hỏi:

— Thưa Cù-đàm, trong Thánh pháp luật chỉ như vậy là đoạn tuyệt tục sự hay còn những điều khác nữa ?

Thế Tôn nói:

— Trong Thánh pháp luật không chỉ có chừng đó đoạn tuyệt tục sự, mà còn tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ.

Cư sĩ Bô-ly-đa nghe xong, bèn cởi khăn trắng, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Thưa Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh

pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ ?

Thế Tôn đáp:

— Này Cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó gặm khúc xương, rồi chạy đến chỗ nầy chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương tổn đến cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà hết đói. Này Cư-sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Dục vọng như khúc xương khô; đức Thế Tôn nói dục vọng như khúc xương khô, vui ít, khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây tất cả vật dục của thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện đó."

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rớt trên khoảng đất trống, hoặc quạ, hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những con quạ, con diều khác đuổi theo để tranh dành. Ý Cư-sĩ nghĩ sao ? Nếu quạ, diều ấy không chịu xả bỏ tức khắc miếng thịt nầy, thì các con quạ, con diều khác vẫn đuổi theo để giành giựt chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm.

— Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ, diều ấy có thể xả bỏ tức khắc miếng thịt nầy, thì các con quạ, con diều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm.

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy nên tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người ấy không liệng bỏ tức khắc thì nhất định sẽ bị cháy tay và các chi thể khác chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm.

— Ý Cư sĩ nghĩ sao, giả sử người ấy liệng bỏ

tức khắc, thì sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm.

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy rằng: "Dục vọng như bó đuốc đang cháy, Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi, đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau khổ, rất ghét sự đau khổ, muốn sống, chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ấy lại nhảy vào hầm lửa nầy chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao ? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng: "Nếu rơi

xuống hầm lửa, nhất định chết, chứ không nghi ngờ, dù không chết, nhất định phải chịu đựng đau đớn vô cùng." Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc lìa xa, ước mong sự xả ly.

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau khổ, rất ghét sự đau khổ, muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay, hay các chi thể khác cho con rắn, và nói rằng: "Này, mổ đi ! Này mổ đi !"

Cư sĩ đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao vậy ? Người ấy thấy con rắn độc bèn nghĩ rằng: "Nếu ta thò tay hay các chi thể khác cho con rắn mổ, nhất

định chết, chứ không nghi ngờ, dù không chết, thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng." Người ấy thấy con rắn độc bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói, dục vọng như rắn độc, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự ly dục, ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc năm thứ dục lạc thỏa thích, nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi, ngựa, xe cộ, hoặc chăn gấm

mền bông, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thương phục; nhiều người trông thấy, bèn ca ngợi rằng: "Như vậy tốt lành thay ! Như vậy sung sướng thay ! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy." Nhưng chủ nhân có thể lấy lại hay sai người lấy lại bất cứ lúc nào mà họ muốn. Chủ nhân bèn tự mình lấy lại hay sai người lấy lại; những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng: "Nó là người vay mượn, thật sự là lừa gạt, chứ không phải không vay mượn. Vì sao ? Vì chủ nhân của những thứ đó có thể lấy lại hay sai người khác lấy lại bất cứ lúc nào mà họ muốn; và họ sẽ tự mình lấy lại hay sai người khác lấy lại." Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như đồ vay mượn, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiệp pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon, đẹp mắt. Một người đi đến, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng: "Cây nầy thường có nhiều trái ngon, đẹp mắt. Ta

đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái và dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Nhưng ta biết leo cây. Bây giờ, ta có nên leo lên cây nầy chăng ?" Nghĩ xong, người đó bèn leo lên. Lại có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất bén, nghĩ rằng: "Cây nầy thường có nhiều trái ngon, đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta lại không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây nầy chăng ?" Người đó bèn đốn ngả cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ở trên cây nếu không xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm.

— Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo nhanh xuống, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng ?

Cư sĩ đáp:

— Không phải vậy, thưa Cù-đàm.

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục

vọng như trái cây, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp nầy, thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nầy."

Đó gọi là trong Thánh pháp luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đưa đến chứng ngộ.

Này Cư sĩ, rồi vị ấy, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Rồi vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm chánh trí, thân thọ lạc, điều mà Thánh gọi là Thánh sở xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Rồi vị ấy, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú.

Rồi vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trú, vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và chứng ngộ Lậu tận trí thông, biết như thật: "Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo", biết như thật: "Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo." Vị ấy biết như vậy,

thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."

Khi đức Phật nói pháp nầy, cư sĩ Bô-ly-đa viễn ly trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ cư sĩ Bô-ly-đa thấy pháp, đắc pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trú nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đảnh lễ chân Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, con nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc từ hôm nay đến suốt đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, trước đây con mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù và mang guốc tục, đi từ vườn nầy sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí, bèn nói như vầy: "Chư Hiền tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự." Các Sa-môn, Phạm chí ấy bằng những lời dịu dàng nói với con rằng: "Vâng, cư sĩ Bô-ly-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự."

Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ, các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay, chúng Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn đây, mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

Bạch Thế Tôn, nay con lại lần nữa, tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay đến suốt đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, trước kia con kính tín, kính trọng các Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo; kể từ hôm nay con đoạn tuyệt. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay đến suốt đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Bô-ly-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

204. KINH LA-MA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Đông viên, Lộc tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ đức Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, và nói với Tôn giả A-nan:

— Bây giờ Ta và Thầy đến sông A-di-la-bà-đề để tắm.

Tôn giả A-nan bạch:

— Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Rồi Tôn giả A-nan cầm then cửa, tản bộ đi đến khắp các cốc, gặp thầy Tỳ-kheo nào cũng nói rằng:

— Chư Hiền, hãy đi đến nhà Phạm chí La-ma.

Các Tỳ-kheo nghe nói, bèn cùng nhau đến Phạm chí La-ma.

Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-bà-đề, cởi y để trên bờ, rồi xuống nước tắm, tắm xong, trở lên lau mình, mặc y. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật. Rồi Tôn giả A-nan chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nhà của Phạm chí La-ma rất tốt, ngăn nắp, rất khả ái. Cúi mong Thế Tôn vì từ mẫn, đi đến nhà của Phạm chí La-ma.

Thế Tôn im lặng nhận lời của Tôn giả A-nan. Rồi Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến nhà của Phạm chí La-ma. Bấy giờ, tại nhà của Phạm chí La-ma, một số đông Tỳ-kheo đã tụ tập, ngồi lại để thuyết pháp. Đức Phật đứng ngoài cửa, đợi các Tỳ-kheo nói pháp xong. Khi số đông các Tỳ-kheo đã nói pháp xong, các vị ấy ngồi im lặng. Thế Tôn biết rồi, bèn lên tiếng gõ cửa.

Các Tỳ-kheo nghe, tức thì đi ra mở cửa. Đức Thế Tôn bước vào nhà Phạm chí La-ma, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi và hỏi:

— Các Thầy Tỳ-kheo vừa nói những gì vậy ? Vì sự việc gì mà các Thầy tụ tập, ngồi ở nơi nầy ?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp:

— Bạch Thế Tôn, vừa rồi, chúng con thuyết pháp, do pháp sự nầy mà tụ tập ngồi ở đây.

Thế Tôn khen:

— Lành thay, lành thay ! Tỳ-kheo khi tụ tập ngồi lại nên làm hai việc, một là thuyết pháp, hai là im lặng. Vì sao vậy ? Ta sẽ giảng pháp cho các Thầy. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe ! Hãy tư niệm kỹ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch:

— Chúng con kính vâng lời, lắng nghe.

Đức Phật dạy:

— Có hai loại tìm cầu, một là Thánh cầu, hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu ? Có một hạng người thật sự lệ thuộc tật bệnh nhưng lại tìm cầu sự tật bệnh, thật sự lệ thuộc sự chết, sầu, bi, ưu, não, thật sự lệ thuộc sự ô uế, nhưng lại tìm cầu sự ô uế. Thế nào là thật sự lệ thuộc tật bệnh nhưng lại tìm cầu tật bệnh ? Thế nào là tật bệnh ? Con cái, anh em, đó là bệnh vậy. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là bệnh hại. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo và lăn xả vào, thọ

dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Thế nào là sự già, sự chết, sự sầu, bi, ưu não, sự ô uế ? Con cái, anh em; đó là sự ô uế. Voi, ngựa, bò, dê, tiền tài, trân bảo, lúa gạo; đó là sự ô uế, là sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo, lăn xả, thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn vô thượng Niết-bàn, nhưng đạt được không tật bệnh vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, nhưng đạt được không già không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

Thế nào là Thánh cầu ? Có một hạng người suy nghĩ như thế nầy: "Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu bệnh tật. Ta thật sự lệ thuộc già, chết, sầu, bi, ưu, não, ô uế, nhưng không bỏ sự tìm cầu ô uế. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn." Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt

được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; đó là trường hợp có thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn; đó là trường hợp có thể có.

Ta trước khi chưa chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác cũng suy gẫm như vầy: "Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc già, chết, sầu, bi, ưu, não, ô uế, nhưng không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, ão, không ô uế. Vậy Ta có nên tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn chăng ?"

Ta vào thời thiếu niên, trong trắng, mái tóc xanh mướt cho đến thời tráng niên, năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, thích trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui, nhưng Ta cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thương an ổn Niết-bàn, sự không già,

không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm đến nơi A-la-la-già-la-ma, và hỏi rằng:

"— Này A-la-la, Tôi muốn theo pháp của Người để tu hành Phạm hạnh được chăng ?"

A-la-la trả lời:

"— Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành."

Ta lại hỏi:

"— Làm thế nào để pháp của Người được tự tri, tự giác, tự tác chứng ?"

A-la-la đáp:

"— Tôi vượt qua tất cả Thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Do đó, pháp của tôi được tự tri, tự giác, tự tác chứng."

Ta lại suy nghĩ như vầy: "Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin nầy; Ta cũng có niềm tin nầy, không chỉ riêng A-la-la mới có sự tinh tấn nầy; Ta cũng có sự tinh tấn nầy. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ nầy; Ta cũng có tuệ nầy. A-la-la đối với pháp nầy đã tự tri, tự giác, tự tác chứng." Ta muốn chứng pháp nầy, cho nên bèn sống cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng

dật, tu hành tinh cần. Sau khi ta sống cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la-già-la-ma, và hỏi:

"— Này A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú ?"

A-la-la trả lời Ta:

"— Này Hiền giả, đó là pháp tôi tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú."

A-la-la-già-la-ma lại nói với Ta:

"— Này Hiền giả, ấy là, cũng như sự tác chứng của tôi đối với pháp nầy, Hiền giả cũng vậy, cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp nầy, tôi cũng vậy. Này Hiền giả, Người hãy đến đây cùng tôi lãnh đạo đồ chúng nầy."

Đó là A-la-la-già-la-ma đối xử Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy: "Pháp nầy không đưa đến trí, không

đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp nầy, để tìm cầu thêm nữa sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không lìa, không chết, không sầu, bi, ưu não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn." Ta bèn xả bỏ pháp nầy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đầu-la La-ma Tử, hỏi rằng:

"— Uất-đầu-la, Tôi muốn ở trong pháp của Người mà học hỏi, có thể được chăng ?"

Uất-đầu-la La-ma tử trả lời Ta rằng:

"— Này Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học."

Ta lại hỏi:

"— Này La-ma Tử, Người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì ?"

Uất-đầu-la La-ma tử đáp.

"— Hiền giả, tôi vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Hiền giả, điều mà cha tôi là La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp nầy."

Ta lại suy nghĩ như vầy: "Không riêng chỉ La-ma mới có niềm tin nầy; Ta cũng có niềm tín nầy. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn nầy; Ta cũng có sự tinh tấn nầy. Không chỉ riêng La-ma mới có huệ nầy; Ta cũng có tuệ nầy. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp nầy. Tại sao Ta lại không được tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp nầy ?" Vì Ta muốn chứng pháp nầy, cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhàn, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đầu-la La-ma Tử và hỏi:

"— Này Uất-đầu-la, thân phụ Người là La-ma, phải chăng pháp nầy được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú ?"

Uất-đầu-la La-ma Tử trả lời Ta rằng:

"— Hiền giả, thân phụ tôi là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú."

Uất-đầu-la lại nói với Ta rằng:

"— Cũng như sự tác chứng của thân phụ tôi về pháp nầy, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả về pháp nầy, thân phụ tôi cũng vậy. Hiền giả, Người hãy đến đây cùng tôi lãnh đạo đồ chúng nầy."

Uất-đầu-la đối xử Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc thầy, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy: "Pháp nầy không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp nầy, để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn." Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

Rồi Ta đi về phía Nam núi Tượng Đảnh, đến tại Uất-bệ-la, một ngôi làng của Phạm chí tên là Tư-na; đây là một khoảnh đất xinh xắn, khả ái; núi rừng sầm uất; sông Ni-liên-thuyền với dòng nước trong xanh chảy tràn lên bờ. Ta thấy khoảng đất ấy, bèn nghĩ rằng: "Khoảnh đất nầy xinh xắn, khả ái; núi rừng sầm uất; sông Ni-liên-thuyền với dòng nước trong xanh chảy tràn lên bờ. Nếu một Thiện

nam tử muốn học đạo, nên ở nơi nầy mà học, Ta cũng học đạo. Vậy Ta hãy ở nơi nầy mà học." Rồi Ta ôm cỏ đến cây Giác. Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết-già, kỳ hẹn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc lậu tận.

Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Ta khi vừa chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, liền nghĩ như vầy: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất ?" Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la-gia-la-ma trước nhất chăng ?" Lúc bấy giờ có Thiên thần trú trong hư không, nói với Ta rằng: "Đại Tiên Nhơn, xin biết cho, A-la-la-già-la-ma, vừa mạng chung, đến nay đã được bảy ngày." Ta cũng tự biết A-la-la-già-la-ma

mạng chung đã được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vầy: "A-la-la-già-la-ma thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp nầy ! Nếu được nghe pháp nầy, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp.

Ta khi vừa chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, liền nghĩ như vầy: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất ?" Rồi ta lại nghĩ rằng: "Ta có nên thuyết pháp cho Uất-đầu-la La-ma Tử trước hết chăng ?" Thiên thần lại trú trong hư không, nói với Ta rằng: "Đại Tiên Nhơn, xin biết cho, Uất-đầu-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất." Ta cũng tự biết Uất-đầu-là La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vầy: "Uất-đầu-la La-ma Tử, thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp nầy, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp."

Ta khi vừa mới chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, liền suy nghĩ như vầy: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước hết ? Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Xưa kia, năm thầy Tỳ-kheo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm thầy Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta. Nay Ta có nên thuyết pháp cho năm thầy Tỳ-kheo trước chăng ? Rồi ta lại nghĩ rằng: "Năm thầy Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu ?" Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn

người thường, Ta thấy năm thầy Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại, chỗ Tiên nhơn trụ xứ, trong vườn Lộc Dã.

Ta tùy thuận trú dưới gốc cây Giác. Sau đó, Ta thu vén y, ôm bát, đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Ca-thi. Bấy giờ dị học Ưu-đà từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta:

"— Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng ! Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư ? Theo ai học đạo để tin tưởng thủ hộ pháp ?"

Ta lúc bấy giờ liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà:

"— *Ta tối thượng tối thắng,*
Không nhiễm trước tất cả,
Giải thoát, ái diệt tận,
Tự giác, ai Tôn sư ?
Bậc Vô Đẳng, Đại Hùng,
Tự giác, Vô thượng giác,
Như Lai, thầy Thiên Nhơn,
Biến tri, thành tựu lực,

Ưu-đà hỏi Ta:

"— Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng ?"

Ta lại nói bài kệ trả lời:

"— Đấng tối thắng như vậy,
Các lậu đã tận trừ;
Ta sát hại ác pháp,
Nên tối thắng là Ta.

Ưu-đà lại hỏi Ta rằng:

"— Hiền giả Cù-đàm, bây giờ muốn đi về đâu ?"

Ta bấy giờ nói bài kệ trả lời:

"— Ta đến Ba-la-nại,
Dóng trống dịu cam lồ,
Chuyển Pháp luân Vô thượng,
Chưa ai chuyển trong đời.

Ưu-đà nói với Ta:

"— Hiền giả Cù-đàm có thể làm như vậy."

Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui. Ta một mình đi đến Tiên nhơn trú xứ, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng: "Chư Hiền, nên biết đó là Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu ăn với loại ẩm thực thù diệu bằng cơm gạo trắng, thơm ngon cùng với bột, tô, mật và bôi xoa thân thể bằng dầu mè, nay lại đến đây. Các Người cứ ngồi, chớ nên đứng dậy tiếp đón, cũng đừng làm lễ, dành sẵn cho một chỗ đó,

nhưng đừng mời ngồi, đến rồi, hãy nói: "Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý."" Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng, thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy; người thì ôm y bát của Ta; người thì trải chỗ ngồi; người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng: "Những người mê mờ nầy sao lại không bền chí, đã tự mình ước lập điều ước hẹn, rồi lại làm trái điều giao hẹn !" Ta biết như vậy rồi, bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là "Bạn."

Ta nói với họ:

"— Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, các Thầy đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi ta là "bạn." Vì sao vậy ? Ta đã tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-ban; Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn; đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Họ nói với Ta:

"— Này bạn Cù-đàm, trước kia Bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy là còn chưa chứng được pháp Thượng nhơn, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến, huống gì ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu, với gạo trắng thơm ngon, cùng với bột, tô mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè ?"

Ta lại nói:

"— Này năm Tỳ-kheo, các Thầy trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chăng ?"

Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời Ta:

"— Trước kia chúng tôi chưa từng thấy Bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay Bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt sáng ngời." Ta lúc ấy nói với họ rằng:

"— Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu

cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa tạo thành minh, thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là Bát chánh đạo, chánh kiến, cho đến chánh định là tám."

Rồi ta lần lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai người, thì ba người khất thực. Ba người mang thức ăn về, đủ cho sáu người ăn. Khi giáo cho ba người, thì hai người đi khất thực. Hai người mang thức ăn về, đủ cho sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy; họ tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Rồi Thế Tôn lại nói với họ:

"— Này năm Tỳ-kheo, có năm thứ diệu dục, khả ái, khả lạc, khả ý, khả niệm, hoàn toàn tương ưng với dục; đó là sắc được biết bởi mắt, thanh được

biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, họ xúc chạm, đắm chiêu, tham ái, dính mắc, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng, không biết sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Niết-bàn, họ nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng bị dây buộc chặt, nên biết nói phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn, rơi vào tay thợ săn, bị lưới thợ săn quấn chặt; khi thợ săn đến, không thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp. Họ đối với năm thứ diệu dục và xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính mắc, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu; nên biết họ phải nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị dây ma trói siết, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh

pháp; những vị ấy đối với năm diệu dục không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, không kiêu ngạo, không lăn xả vào, không thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu; nên biết, họ không nghe theo ác ma, không làm theo ác ma, không rơi vào tay ác ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma buộc siết, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng thoát khỏi trói buộc, nên biết, nó không phải nghe theo thợi săn, không rơi vào tay thợ săn, không bị lưới thợ săn quấn chặt, không bị dây thợ săn trói siết; khi thợ săn đến, nó có thể trốn thoát. Cũng vậy, nầy năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, vị ấy đối với diệu dục không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, không kiêu ngạo, không lăng xả vào, không thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu; nên biết những người ấy không phải nghe theo ác ma, không phải làm theo ác ma, không rơi vào tay ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma buộc siết, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, nếu lúc Như Lai xuất hiện ở thế gian, là bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp

Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu an trú.

Vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trú vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và tác chứng lậu tận trí thông; vị ấy biết như thật: "Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo", biết như thật: "Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo; vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi, biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vị ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy ? Vị ấy tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vị ấy tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, cũng như trong khu rừng vắng, nơi không có bóng người, ở đó nai rừng tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy ? Nai rừng ấy không nằm trong cảnh giới của thợ săn; cho nên nó tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vị ấy lúc bấy giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy ? Vì vị ấy tự mình thấy vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận, cho nên tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, đó gọi là giải thoát vô dư; đó gọi là sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; đó gọi là sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KIẾT

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Ta đã từng nói năm hạ phần kiết, các Thầy có thọ trì chăng ?

Các Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Thế Tôn hỏi lại đến lần thứ ba:

— Ta đã từng nói năm hạ phần kiết, các Thầy có thọ trì chăng ?

Các Tỳ-kheo cũng im lặng, không trả lời đến lần thứ ba. Lúc bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật và bạch:

— Thế Tôn đã từng nói năm hạ phần kiết. Con có thọ trì.

Thế Tôn hỏi:

— Này Man Đồng tử, Ta đã từng nói năm hạ phần kiết, Thầy thọ trì chăng ?

Tôn giả Man Đồng tử đáp:

— Thế Tôn đã nói dục là hạ phần kiết thứ nhất, con thọ trì như vậy; sân nhuế, thân kiến, giới thủ, và nghi; Thế Tôn đã nói, nghi là hạ phần kiết thứ năm, con thọ trì như vậy.

Thế Tôn quở:

— Man Đồng tử, sao Thầy lại thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kiết như vậy ? Man Đồng tử, Thầy nghe từ miệng ai mà thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kiết như vậy ?

Này Man Đồng tử, không phải số đông các người học cật vấn, chỉ trích Thầy với thí dụ nầy chăng ?: "Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại tâm có triền phược nơi dục chăng ? Nhưng kiết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là dục sử. Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không

có, há lại có tâm về triền phược nơi sân nhuế chăng ? Nhưng do kiết sử nằm trong bản tánh của nó nên nói là nhuế sử. Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngữa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có tâm triền phược nơi thân kiến chăng ? Nhưng do kiết sử ở bản tánh của nó nên nói là thân kiến sử. Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngữa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm triền phược nơi giới thủ chăng ? Nhưng do kiết sử nơi bản tánh của nó nên nói là giới thủ sử. Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm triền phược nơi nghi pháp chăng ? Nhưng do kiết sử nơi bản tánh của nó nên nói là nghi sử." Không phải số đông các dị học đem thí dụ về con nít mới sanh nầy mà chỉ trích, cật vấn Thầy chăng ?

Lúc bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Man Đồng tử rồi, ngồi im lặng. Lúc ấy Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật. Rồi Tôn giả A-nan chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc, nếu nói cho các Tỳ-

kheo nghe năm hạ phần kiết; các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn, sẽ thọ trì cẩn thận.

Thế Tôn dạy:

— Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tu niệm.

Tôn giả A-nan bạch:

— Xin vâng lời lắng nghe.

Phật dạy:

— Này A-nan, ở đây có một hạng người bị dục triền phược, tâm dục sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do người đó không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết.

Này A-nan, ở đây có một hạng người bị nhuế triền phược, tâm nhuế sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do người đó không biết như thật về sự xả ly, nên sân nhuế càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết.

Này A-nan, ở đây có một hạng người bị thân kiến triền phược, tâm thân kiến sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do người đó không biết như thật về sự xả ly, nên thân kiến càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết.

Này A-nan, ở đây có một hạng người bị giới thủ triền phược, tâm giới thủ sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do người đó không biết như thật về sự xả ly, nên giới thủ càng tăng thạnh, không thể chế ngự, đoạn trừ; đó là hạ phần kiết.

Này A-nan, ở đây có một hạng người bị nghi triền phược, tâm nghi sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do người đó không biết như thật về sự xả ly, nên nghi càng tăng thạnh, không thể chế ngự, đoạn trừ; đó là hạ phần kiết.

Này A-nan, y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết. Nếu không y trên đạo nầy, không y trên tích nầy mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết; trường hợp nầy không thể có.

Này A-nan, cũng như một người muốn tìm lõi cây; vì để tìm lõi cây nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ thân, cành, lá, và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ, nơi thân, mà tìm được lõi cây mang về; trường hợp nầy không thể có. Cũng vậy, A-nan, phải y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết. Nếu không y trên đạo nầy, không y trên tích nầy mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết; trường hợp nầy không thể có.

Này A-nan, y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết. Nếu ai y trên đạo nầy, y trên tích nầy mà đoạn trừ năm hạ phần kiết; trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, cũng như một người muốn tìm lõi cây; vì để tìm lõi cây, nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ, nơi thân và được lõi cây để mang về; trường hợp nầy chắc có. Cũng vậy, A-nan, y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết. Nếu ai y trên đạo nầy, y trên tích nầy mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết; trường hợp nầy tất có.

Này A-nan, y trên đạo nào, y trên tích nào để đoạn trừ năm hạ phần kiết ? A-nan, hoặc một hạng người không bị dục triền phược, nếu dục triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, dục triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, ở đây là một người không bị nhuế triền phược, nếu nhuế triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly, biết như thật về sự xả ly rồi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, ở đây một người không bị thân kiến triền phược, nếu thân kiến triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy

liền diệt. Này A-nan, ở đây một người không bị giới thủ triền phược, nếu giới thủ triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, giới thủ triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, ở đây một người không bị nghi triền phược, nếu nghi triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, y trên đạo nầy, y trên tích nầy mà đoạn trừ năm hạ phần kiết.

Này A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bên bờ kia nên muốn qua sông. Người ấy suy nghĩ rằng: "Sông Hằng-già nầy nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia, nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lội sang bờ bên kia." Này A-nan, nên biết rằng người ấy không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn, mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trú nơi giải thoát; Này A-nan nên biết, người ấy cũng giống như người gầy yếu, không sức lực kia.

Này A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên muốn qua sông. Người ấy nghĩ rằng: "Sông Hằng-già nầy với nước chảy tràn

lên bờ. Ta có việc ở bờ bên kia. Tự thân ta đủ sức để bình an lội qua bờ bên kia." Này A-nan, nên biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm thú hướng, thanh tịnh mà an trú nơi giải thoát. Này A-nan nên biết, người nầy cũng như người có sức lực kia.

Này A-nan, cũng như dòng nước lũ rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ, mà ở quảng giữa không thuyền, không cầu. Giả sử có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên tìm cách để qua. Khi tìm cách để qua, người ấy suy nghĩ rằng: "Nay dòng nước lũ nầy rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ, ở quảng giữa lại không thuyền, không cầu để có thể qua. Ta có công việc ở bờ bên kia cần đi qua. Với phương tiện nào đó ta có thể bình an sang bờ bên kia ?" Rồi người đó lại nghĩ rằng: "Bây giờ, ở bờ bên nầy, ta hãy thu lượm cỏ , cây, buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang." Người ấy bèn ở bờ bên nầy thu lượm cỏ, cây, buộc lại làm thành chiếc bè, rồi bình an bơi sang bờ bên kia. Cũng vậy, này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trú nơi yểm ly, do chấm dứt thân ác hạnh do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly

dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì người đó tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cấu, an trú với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh sở xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn có cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Vị ấy vượt qua sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giải sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Vị ấy vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ nầy mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng

đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận, thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ ? Vị ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nơi vị ấy, nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc, không khổ; vị ấy quán sát cảm thọ nầy là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ nầy là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian nầy. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian nầy, vị ấy không sợ hãi, do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn và biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Cũng như cách thôn không xa, có một cây chuối lớn. Nếu có người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xẻ làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xẻ làm mười phần hay làm trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối không còn tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao ? Này A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ, không lạc;

vị ấy quán cảm thọ nầy là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả; vị ấy sau khi như vậy, quán sát thọ nầy là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian nầy. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian nầy, vị ấy không sợ hãi, do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn, và biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Bạch Thế Tôn, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, giảng thuyết về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận.

Thế Tôn dạy:

— Thật vậy, này A-nan, thật vậy, này A-nan! Thật là kỳ lạ, thật là hy hữu! Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc Vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao? Vì sự thắng, liệt nơi mỗi

người cho nên sự tụ đạo có tinh, có thô. Do sự tu đạo có tinh, có thô nên mỗi người có sự thắng, liệt khác nhau. Này A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng, liệt khác nhau.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

206. KINH TÂM UẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm, không cởi bỏ năm sự trói buộc trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối.

Thế nào là không nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm ?

Ở đây, có người nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín. Nếu hạng người nào nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ

nhập, không quyết đoán, không tịnh tín, thì người đó gọi là không nhổ sạch loại tâm uế thứ nhất, nghĩa là đối với Thế Tôn. Cũng vậy, ai đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn, hoặc đối với những vị đồng Phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà sân nhuế, mạ lỵ, lăng nhục, xúc não, xâm hại, không ngộ nhập, không quyết ý, không tịnh tín, thì đó là loại tâm uế thứ năm không được nhổ sạch, nghĩa là đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Thế nào là không cởi bỏ năm sự trói buộc trong tâm ?

Ở đây, có một hạng người thân chưa ly nhiễm, chưa ly dục, chưa ly khát, chưa ly ái. Nếu ai thân không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa, thì đó gọi là tâm phược thứ nhất, nghĩa là nơi thân.

Lại nữa, nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát. Nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không

ly ái, không ly khát, vị ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải, trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải, trong nỗ lực tinh tấn và chuyên tĩnh tọa; đó gọi là loại tâm phược thứ hai, nghĩa là nơi dục.

Lại nữa, có một hạng người đối với điều được nói tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi; những điều như vậy được Tỳ-kheo hay Sa-môn nói, nhưng người ấy tâm không thú hướng, không định tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải, không tinh tấn bỏ tĩnh tọa; đó gọi là loại tâm phược thứ ba, nghĩa là đối với thuyết.

Lại nữa, thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu sa, không học hỏi. Nếu ai thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu sa, không học hỏi, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh

tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh cần và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa; đó gọi là loại tâm phược thứ tư, nghĩa là đối với sự tụ hội.

Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại, không mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một chút sở đắc mà nửa đường dừng lại, không mong cầu thăng tiến, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa; đó gọi là loại tâm phược thứ năm, nghĩa là đối với sự thăng tiến.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm, và không cởi mở năm sự trói buộc trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối vậy.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh.

Thế nào là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm ? Ở đây, có một hạng người không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự những ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Nếu ai không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín; đó gọi là hạng người thứ nhất khéo nhổ sạch thứ ô uế trong tâm, nghĩa là đối với Thế Tôn. Cũng vậy, đối với Chánh pháp đối với học giới, đối với giáo huấn. Hoặc đối với những vị đồng Phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà không sân nhuế, không lăng nhục, không xúc não, không sân hại, có ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín; đó gọi là hạng người thứ năm khéo nhổ sạch ô uế trong tâm, nghĩa là đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Thế nào là khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm ?

Ở đây, có một hạng người thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa; đó gọi là hạng người thứ nhất khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, nghĩa là đối với thân.

Lại nữa, đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tịnh tọa, đó là hạng người thứ hai khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với dục vậy.

Lại nữa, có một hạng người đối với những điều được thuyết giảng, tương ưng thắng nghĩa nhu nhuyến, không triền cái nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tịnh tọa, nói về duyên khởi; những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo, mà người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng thứ ba khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với thuyết vậy.

Lại nữa, không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu sa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo

loạn, không kiêu sa nhưng học hỏi, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa, Nếu ai có tâm nầy, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa; đó gọi là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội,

Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại, nhưng mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm nầy, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa; đó gọi là hạng người thứ năm khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự thăng tiến vậy.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm, khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Vị ấy an trú nơi mười chi nầy rồi, lại tu tập thêm năm pháp. Thế nào là năm ?

Tu dục định tâm thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả thú hướng

phi phẩm. Tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm. Và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp nầy thành tựu tự thọ, chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh Đẳng Giác, đến cửa cam lồ, cận trú Niết-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

Cũng như con gà sanh mười trứng, hoặc mười hai trứng luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con nó sẽ lấy chân mà chọi, lấy mỏ và mổ vỏ trứng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con bậc nhất. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp nầy, tự thọ, chắc chắn đạt đến, tri kiến, đến Chánh Đẳng Giác, đến cửa cam lồ, cận trú Niết-bàn; Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

207. KINH TIỄN MAO (A)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa (Kalandakanivàpa), cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đang an cư mùa mưa.

Bấy giờ trải qua đêm, vừa lúc sáng, đức Thế Tôn mặc y, cầm bát vào thành Vương Xá để khất thực; khất thực xong thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn dị học trong rừng Khổng Tước. Tại rừng Khổng Tước, trong vườn dị học, bấy giờ có một người dị học tên là Tiễn Mao, là một vị danh đức, là bậc tông chủ, được mọi người tôn làm bậc thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông

đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị nầy đang ở giữa đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh tức là các vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, về ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về việc dưới biển và việc nước, việc nhân dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp bàn luận về những vấn đề y như súc sanh vậy.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn đồ chúng của mình rằng: "Này các Ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của Ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Nếu Ông ấy thấy chúng ta im lặng, có thể sẽ đến thăm." Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Đức Thế Tôn đi đến chỗ dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chấp tay và bạch Phật:

— Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngồi xuống chỗ nầy.

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi mà Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn sau khi cùng nhau chào hỏi, lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi:

— Ưu-đà-di, các Ông vừa bàn luận những gì ? Do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây ?

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề nầy. Vấn đề nầy không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề nầy, để sau nầy nghe cũng không khó gì.

Thế Tôn hỏi ba lần như vậy:

— Ưu-đà-di, vừa bàn luận những gì ? Do việc gì mà cùng nhóm họp nơi đây ?

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

— Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề nầy, nó không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe, sau nầy nghe cũng không khó. Nhưng Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói.

Bạch Cù-đàm, chúng tôi với số đông các Phạm chí nước Câu-tát-la cùng tụ tập ngồi ở học đường Câu-tát-la bàn luận như vầy: "Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương-già-ma-kiệt-đà ! Thật tốt đẹp và lợi ích cho người nước Ương-già-ma-kiệt-đà, chúng đại phước điền như thế cùng an cư mùa mưa tại thành Vương Xá.

Đó là ngài Phất-lan-ca-diếp. Vì sao ? Bạch Cù-đàm, Phất-lan-ca-diếp là bậc danh đức, Tông chủ, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, lãnh đầu đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá nầy.

Cũng vậy, Ma-tức-ca-lợi-cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã-bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú-ca-chiên, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi. Bạch Cù-đàm, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi là danh đức tông chủ, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều tôn trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá.

Vừa rồi chúng cùng bàn đến Sa-môn Cù-đàm, rằng: "Sa-môn Cù-đàm nầy là bậc danh đức tông chủ, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đại chúng Tỳ-kheo, được một ngàn hai trăm người tôn trọng, cùng nhau an cư mùa mưa tại thành Vương Xá nầy."

Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Nay trong các Sa-môn, Phạm chí được tôn sùng nầy, ai là người được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn thầy rằng: "Điều nầy hoàn

toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng." Họ nói rồi liền bỏ mà đi."

Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Phất-lan-ca-diếp nầy không được đệ tử hầu hạ, tôn kính, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử nạn vấn thầy rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng." Họ nói rồi liền bỏ đi."

Bạch Cù-đàm, thuở xưa Phất-lan-ca-diếp đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn: "Các Ông hãy đứng im, không có ai đến hỏi các Ông. Người ta hỏi ta. Các Ông không thể giải quyết việc nầy, nhưng ta có thể giải quyết được việc nầy." Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận những việc khác nữa, không chờ thầy nói xong vấn đề. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Như vậy, Phất-lan-ca-diếp nầy không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử nạn vấn ông ta rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng." Họ nói rồi liền bỏ đi."

Ma-tức-da-lợi-cù-xá-lợi Tử, Bà-nhã-bệ-la-vĩ Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú-ca-chiên, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi cũng vậy. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại

nghĩ: "A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử nạn vấn ông ta rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng." Họ nói rồi liền bỏ đi."

Bạch Cù-đàm, thuở xưa A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi đã có lần ở trong chúng đệ tử, giơ tay la lớn rằng: "Các Ông hãy đứng yên, không có ai đến hỏi các Ông; người ta hỏi ta, các Ông không thể giải quyết được việc nầy, chỉ ta mới giải quyết được việc nầy." Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận việc khác, không chờ thầy nói xong. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Như vậy, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, mà bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc,rất nhiều đệ tử vấn nạn ông ta rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng." Họ nói rồi liền bỏ đi."

Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm nầy được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng,

không chính đáng." Do đó không có sự việc họ nói rồi liền bỏ đi."

Bạch Cù-đàm, thuở xưa Sa-môn Cù-đàm đã có lần nói pháp tại đại chúng, vô lượng trăm ngàn người vây quanh. Ngay bấy giờ có một người ngủ mà ngáy; lại có một người bảo người kia rằng: "Đừng có ngủ ngáy, Ông không muốn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như cam lồ sao ?" Người đó liền im lặng, không gây tiếng động nữa.

Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm như vậy được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mạ để mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn thầy rằng: "Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng." Do đó không có sự việc họ nói rồi liền bỏ đi."

Thế Tôn nghe rồi liền hỏi Dị học Tiễn Mao rằng:

— Uu-đà-di, Ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng và cúng dường Ta, thường theo Ta không rời ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự,

thường theo không rời. Những gì là năm ? Sa-môn Cù-đàm tri túc về áo thô, khen ngợi tri túc về áo thô. Nếu Sa-môn Cù-đàm tri túc áo thô, khen ngợi tri túc về áo thô, thì đó là pháp thứ nhất mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, để khiến hàng đệ tử phụng sự, cung kính, tôn trọng, cúng dường, thường đi theo không rời.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc ăn uống đạm bạc. Nếu Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi tri túc về ăn uống đạm bạc, thì đó là pháp thứ hai mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Nếu Sa-môn Cù đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít, thì đó là pháp thứ ba mà Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi giường chõng thô sơ. Nếu Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi giường chõng thô sơ, thì đó là pháp thứ tư mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm

có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời.

Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tọa. Nếu Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tọa, thì đó là pháp thứ năm mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Đó là năm pháp mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời.

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, áo Ta mặc được cắt bởi con dao Thánh và nhuộm màu sắc xấu xa. Như vậy, áo Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Này Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta cũng có người trọn đời, chỉ mặc áo phấn tảo do người ta bỏ, và cũng nói thế nầy: "Đức Thế Tôn của ta tri túc về áo thô, khen ngợi sự tri túc về áo thô." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhân sự tri túc về áo thô mà khen ngợi Ta, thì người đó do sự kiện nầy đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn đồ ăn gạo nếp nấu chín và không có hạt lép, vô lượng tạp vị. Này Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta có người trọn đời khất thực, ăn đồ ăn đã bỏ, cũng lại nói: "Thế Tôn của ta tri túc về ăn đạm bạc, khen ngợi tri túc về ăn đạm bạc." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhơn sự tri túc về ăn uốngđạm bạc,mà khen ngợi Ta; người ấy do sự kiện nầy đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây bệ-la hoặc bằng nửa trái bệ-la; Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha hoặc bằng nửa câu-tha, cũng nói như vầy: "Thế Tôn của ta ăn ít, khen ngợi ăn ít." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhơn sự ăn ít nên khen ngợi Ta; người ấy do sự kiện nầy đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

Lại nữa, Này Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao, hoặc trên nhà rạp. Này Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mười tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời, cũng nói như vầy: "Thế Tôn của ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi giường chõng thô sơ." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhơn sự tri túc về nghỉ ngơi giường chõng thô sơ, nên khen

thì người ấy do sự kiện nầy đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

Lại nữa, này Uu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di. Nhưng đệ tử Ta có người qua nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh, cũng nói như vầy: "Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tọa." Này Uu-đà-di, nếu đệ tử Ta phân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta; vị ấy do sự kiện nầy đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

Này Uu-đà-di, Ta không có năm pháp nầy, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Này Uu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Những gì là năm ?

Này Uu-đà-di, Ta có đệ tử, do giới vô thượng, khen ngợi Ta: "Thế Tôn hành giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm; việc làm đúng như lời nói." Này Uu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta, thì vị ấy nhân điều nầy mà cung kính tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do vô thượng trí tuệ, khen ngợi Ta: "Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ. Nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp, thì Ngài đều khuất phục được." Nghĩa là đối với Chánh pháp, luật không thể nói; đối với điều chính mình nói, cũng không thể nói. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử do vô thượng trí tuệ mà khen ngợi Ta; vị ấy nhân sự kiện nầy mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, theo Ta không rời.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến, khen ngợi Ta rằng: "Thế Tôn biết khắp, chứ không phải không biết, thấy khắp, chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chứ không phải không duyên, có thể đáp, chứ không phải không thể đáp, có xả ly, chứ không phải không xả ly. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta; người ấy nhân sự kiện nầy mà tôn kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do nhàm chán mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về Khổ là khổ, Tập là tập, Diệt là diệt, Đạo là đạo. Ta liền trả lời về Khổ là khổ, Tập là tập, Diệt là diệt, Đạo là đạo. Ưu-đà-di, nếu có đệ tử đến hỏi Ta, được Ta trả lời

xứng ý, khiến được hoan hỷ; người đó nhân sự kiện nầy mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử, hoặc nói Túc mạng trí thông tác chứng, hoặc nói Lậu tận trí thông tác chứng minh đạt. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta ở trong Chánh pháp, luật nầy, được thọ, được độ, được đến bờ bên kia, không nghi không hoặc ở trong thiện pháp không có do dự; người ấy nhân sự kiện nầy mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

Này Ưu-đà-di, đó là năm pháp mà Ta có khiến các đệ tử cung kính, cúng dường, tôn trọng, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

Bấy giờ dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Kỳ diệu thay, hy hữu thay ! Ngài khéo nói những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể con, cũng như cam lồ. Bạch Cù-đàm, cũng như mưa lớn, cõi đất nầy từ cao đến thấp đều được thấm nhuần khắp cả. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm nói cho chúng con những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể chúng con cũng như cam lồ. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch

Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay đến trọn đời, con tự quy y cho đến mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy, dị học Tiễn Mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

208. KINH TIỄN MAO (B)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở Trúc Lâm vườn Ca-lan-đa.

Bây giờ đêm đã qua, lúc vừa sáng, đức Thế Tôn mặc y cầm bát, vào thành Vương xá để khất thực; khất thực xong, thu dọn y, bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn dị học, trong rừng Khổng Tước. Tại rừng Khổng Tước, trong vườn dị học, bấy giờ có một người dị học tên là Tiễn Mao, là một danh đức, là bậc tông chủ, được mọi người tôn làm thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị nầy đang ở giữa một đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn

tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức các vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con cái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về dưới biển và việc nước, việc nhân dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp, ngồi bàn luận về những vấn đề y như súc sanh vậy.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn đồ chúng của mình rằng: "Này các Ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm, đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Nếu thấy chúng ta im lặng, ông ấy có thể đến thăm." Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng và chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Đức Thế Tôn đi đến chỗ dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

— Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngồi xuống chỗ nầy.

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi mà Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn, sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui một bên.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, các Ông vừa bàn luận những gì ? Do việc gì mà cùng nhóm họp, ngồi ở đây ?

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề nầy, vấn đề nầy không hay ho gì, Sa-môn Cù-đàm muốn nghe vấn đề nầy, để sau nầy nghe cũng không khó.

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần:

— Này Ưu-đà-di, các Ông vừa bàn luận những gì ? do việc gì mà cùng nhóm họp, ngồi ở đây ?

Dị học Tiễn Mao cũng lại đáp ba lần:

— Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề nầy, nó không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề nầy, để sau nầy nghe cũng không khó. Nhưng nếu Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói.

Bạch Cù-đàm, tôi có sách lự, có tư duy, trú trong trạng thái sách lự,trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, khi nghe có người nói: "Thật sự có Tát-vân-nhiên, thấy tất cả, biết tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy". Tôi liền hỏi vị ấy, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy: "Đây là thế nào ?"

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, Ông có sách lự, có tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Nhưng ai nói: "Thật sự có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy", nhưng khi Ông đến vấn sự thì vị ấy không biết ?

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Cù-đàm, đó là Phất-lan-ca-diếp. Vì sao ? Bạch Cù-đàm, vì Phất-lan-ca-diếp tự cho là thật có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy trú trong trạng thái sách lự, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Tôi đến vấn sự, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế nầy: "Việc nầy thế nào ?" Ma-tức-ca-lợi-cù-xá-lợi Tử, Bà-nhã-bệ-la-vĩ Tử, Ni-kiền Tử, Ba-phú-ca-chiên, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi, các vị nầy cũng vậy. Bạch Cù-đàm, A-di-đa-kê-xá-kiếm-bà-lợi tự cho thật có Tát-vân nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trú trong trạng thái sách lự, trú trong trạng thái tư duy có trí tuệ, có biện tài. Tôi đến vấn sự, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi khởi ý nghĩ thế nầy: "Đây là thế nào ?"

Bạch Cù-đàm, tôi lại suy nghĩ: "Như vậy ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ. Sa-môn Cù-đàm ắt có thể đáp những việc quá khứ của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi những việc vị lai. Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ đáp những việc vị lai của ta. Lại nữa, ta tùy những việc mà hỏi Sa-môn Cù-đàm, ắt Sa-môn Cù-đàm cũng tùy mà trả lời những việc ta hỏi."

Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-đà-di, thôi ! Thôi ! Ông luôn luôn dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, dị dục, dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành, bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy, chết ở chỗ nầy, sanh ở chỗ kia, chết ở nơi kia, sanh ở nơi nầy. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ chung như vậy. Người ấy đến hỏi Ta việc quá khứ; Ta đáp việc quá khứ cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc quá khứ; người ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta theo

việc người đó hỏi mà đáp; người ấy cũng tùy sự việc Ta hỏi mà đáp.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, ta có đệ tử với thiên nhãn thanh tịnh, vượt quá người thường, thấy chúng sanh nầy khi sanh, khi chết, sắc đẹp, sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh nầy mà thấy họ đúng như vậy. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; người ấy do nhân duyên nầy, khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; người nầy do duyên nầy, khi thân hoại mạng chung, ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên cõi trời. Người ấy đến hỏi Ta việc vị lai; Ta đáp việc vị lai cho người ấy. Ta cũng đến hỏi việc vị lai. Người ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp. Người ấy cũng tùy việc Ta hỏi mà đáp.

Dị học Tiến Mao bạch:

— Bạch Cù-đàm, nếu như vậy, tôi trở thành không biết, không thấy, trở thành ngu si, rớt vào

ngu si; nghĩa là, vì Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: "Này Ưu-đà-di, thôi ! Thôi ! Ông luôn luôn dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, dị dục và dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành, bại kiếp, chúng sanh có tên như vậy, ta từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, mạng chung như vậy, chết ở đây sanh ra ở kia, chết ở kia sanh ra ở đây, Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ chung như vậy. Người ấy đến hỏi Ta việc quá khứ, ta đáp việc quá khứ cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc quá khứ; người ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta tùy theo sự việc người đó hỏi mà đáp. Người ấy cũng tùy sự việc Ta hỏi mà đáp.

Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, với thiên nhãn thanh tịnh, vượt quá người thường, thấy chúng sanh nầy khi chết, khi sanh, sắc đẹp, sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay chỗ bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh nầy

mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; người ấy do nhân duyên nầy, khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nầy thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân chánh kiến; người nầy do duyên nầy khi thân hoại mạng chung, ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên cõi trời. Người ấy đến hỏi Ta việc vị lai; Ta đáp việc vị lai cho ấy người. Ta cũng đến hỏi người ấy việc vị lai; người ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta; Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp; người ấy cũng tùy việc Ta hỏi mà đáp."

— Bạch Cù-đàm, tôi đối với đời sống nầy làm những gì đã làm, được những gì đã được, còn không thể nhớ được thì làm sao nhưng có thể nhớ sự việc trong vô lượng đời sống về trước, có nhân, có duyên ! Bạch Cù-đàm, tôi còn không thể thấy con quỷ phiêu phong, thì làm gì mà được thiên nhãn thanh tịnh vượt quá người thường, thấy chúng sanh nầy khi chết, khi sống, sắc tốt, sắc xấu, đẹp hoặc không đẹp, đưa đến chỗ thiện hoặc chỗ bất thiện, tùy sự tạo nghiệp của chúng sanh mà thấy họ đúng như thật !

Bạch Cù-đàm, tôi lại nghĩ như vầy: "Nếu Sa-

môn Cù-đàm hỏi ta vấn đề theo thầy học pháp, hoặc giả ta có thể đáp, khiến Ngài vừa ý."

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, Ông theo thầy học những pháp gì ?

Dị học Tiễn Mao đáp :

— Bạch Cù-đàm, người đó nói: "Sắc vượt quá sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thượng."

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, những sắc gì ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng, tối diệu, là tối thắng. Vậy sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.

Thế Tôn bảo:

— Này Ưu-đà-di, cũng như có người nói như vầy: "Nếu trong nước nầy có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó." Nếu có người hỏi người đó như vầy: "Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào, là cao, thấp, thô, tế, là trắng, đen, là không trắng, không đen, là con gái Sát-lợi,

là con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc ?" Người đó đáp rằng: "Tôi không biết". Người kia lại hỏi người đó: "Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, cao thấp, thô tế, trắng, đen, không trắng, không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, hay phương Bắc, mà lại nói như vầy "Ta muốn được người con gái đó," được ư ?"

Cũng vậy, này Ưu-đà-di, Ông nói như vầy: "Người đó nói sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Nhưng khi được hỏi sắc đó thì Ông lại không biết.

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Cù-đàm, cũng như tử ma, là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng bạch luyện đem để giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói: "Sắc đó vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng."

Thế Tôn bảo:

— Này Ưu-đà-di, nay Ta hỏi Ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Này Ưu-đà-di, ý Ông nghĩ sao ? Vàng

ròng tử ma nhờ dùng bạch luyện để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu, chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào hơn ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma, thì ánh sáng đom đóm sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông nghĩ sao, ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy cái nào sáng hơn ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh đèn dầu sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông nghĩ sao, ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa cây lớn đối với

ánh sáng đèn dầu, thì ánh sáng lửa đống cây lớn sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông thế nào, ánh sáng của lửa đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào sáng hơn hết ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng lửa đống cây lớn, thì ánh sáng sao Thái bạch sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông nghĩ sao, ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trăng đối với ánh sáng sao Thái bạch, thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông thế nào, ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng, nửa đêm không u ám, và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời trong suốt, không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với sánh sáng mặt trăng, thì ánh sáng mặt trời sáng hơn.

Thế Tôn bảo:

— Này Ưu-đà-di, có rất nhiều chư Thiên, nay ánh sáng mặt trời và ánh sáng mặt trăng nầy tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng chư Thiên. Ta ngày xưa đã cùng chư Thiên tụ tập luận sự, những điều Ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: "Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Này Ưu-đà-di, còn Ông, với ánh sáng lửa đom đóm, lửa sắc rất tệ, rất xấu mà nói: "Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng", và khi được hỏi lại không biết.

Dị học Tiễn Mao thưa:

— Bạch Thế Tôn, tôi xin hối lỗi về lời nói nầy. Bạch đức Thiện Thệ, tôi hối lỗi về lời nói nầy.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, ý Ông thế nào mà nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, xin hối lỗi về lời nói nầy, bạch đức Thiện Thệ, tôi xin hối lỗi về lời nói nầy !" ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, nói như vầy: "Sắc kia vượt sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thượng." Sa-môn Cù-đàm nay khéo tra xét tôi, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến sự hư vọng của tôi không còn nữa. Bạch Cù-đàm, vậy nên nói như vầy: "Bạch đức Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói nầy. Bạch đức Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói nầy."

Dị học Tiễn Mao lại thưa:

— Bạch Cù-đàm, hậu thế tuyệt đối lạc, có một đạo tích để chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, thế nào gọi là hậu thế tuyệt đối lạc ? Thế nào là có một đạo tích để chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, giả sử có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa trộm cắp, tà dâm,

nói láo, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Bạch Cù-đàm, đó gọi là đời sau tuyệt đối lạc, đó gọi là chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc.

Thế Tôn lại bảo:

— Này Ưu-đà-di, nay Ta hỏi Ông, theo sự hiểu biết mà đáp. Này Ưu-đà-di, ý Ông nghĩ thế nào ? Nếu có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; người ấy là tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ.

— Nếu có một người xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến, có chánh kiến; người đó tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ vậy.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, như vậy há không phải rằng, hỗn tạp khổ lạc là đạo tích chứng đắc hậu thế ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, như vậy thì hỗn tạp khổ lạc là đạo tích chứng đắc thế giới vậy.

Dị học Tiễn Mao lại thưa:

— Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói nầy ! Bạch đức Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói nầy !

Thế Tôn hỏi:

— Này Ưu-đà-di, Ông nghĩ thế nào mà nói như vầy: "Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói nầy ! Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói nầy !" ?

Dị học Tiễn Mao đáp:

— Bạch Cù-đàm, con vừa nói: "Đời sau tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc." Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và quở trách con, khiến sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm, do đó, con nói như vầy: "Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói nầy ! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi lời nói nầy !"

Thế Tôn bảo:

— Này Ưu-đà-di, đời quả có tuyệt đối an lạc có một đạo tích chứng đắc hậu thế tuyệt lạc.

Dị học Tiễn Mao hỏi:

— Bạch Cù-đàm, vì sao thế giới quả có tuyệt đối lạc, vì sao có một đạo tích chứng đắc tuyệt đối lạc ?

Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-đà-di, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu Phật, Chúng Hựu; Người ấy đoạn trừ năm triền cái, chúng làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất thành tựu an trú, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm,và về kiến vậy. Người ấy giác quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Người đó ly hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú thất, chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú, không cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến. Này Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc.

Dị học Tiễn Mao hỏi:

— Bạch Cù-đàm,thế giới tuyệt đối lạc nầy là cao nhất chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Thế giới tuyệt đối lạc nầy chưa phải là cao nhất, lại còn có một đạo tích để chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc khác.

Dị học Tiễn Mao lại hỏi:

— Thế nào là còn có một đạo tích để chứng đắc tuyệt đối lạc ?

Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm, về kiến... Vị Tỳ-kheo kia, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến... Vị Tỳ-kheo đó ly hỷ dục; xả, vô cấu, chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba thành tựu an trú, cùng với chư Thiên kia tương đồng về tâm, về giới, về kiến... Này Ưu-đà-di, đó gọi là có đạo tích để chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc.

Dị học Tiễn Mao hỏi:

— Bạch Cù-đàm, phải chăng đệ tử của Sa-môn

Cù-đàm vì thế giới tuyệt đối lạc, và vì đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới tuyệt đối lạc và vì có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo học Phạm hạnh. Nhưng còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác để chứng đắc nữa mà đệ tử Ta theo Ta học Phạm hạnh.

Bấy giờ cả đại chúng nầy cùng lớn tiếng nói:

— Chính vì sự tối thượng, tối diệu, tối thắng kia mà đệ tử của Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh !

Bấy giờ dị học Tiễn Mao bảo đại chúng của mình im lặng, rồi lại thưa:

— Bạch Cù-đàm, thế nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh ?

Thế Tôn đáp:

— Này Ưu-đà-di, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu đã có từ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư thành tựu an trú. Này Ưu-đà-di, đó gọi là tối thượng, tối

diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo Ta học Phạm hạnh.

Bấy giờ dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn cúi đầu sát chân Phật; ngay lúc đó các đệ tử dị học Phạm hạnh của dị học Tiễn Mao thưa với dị học Tiễn Mao rằng:

— Tôn giả nay đáng làm bậc thầy, mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư ? Khi nào Tôn giả không đồng ý làm thầy, rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm.

Đó là các đệ tử của dị học Tiễn Mao làm chướng ngại dị học Tiễn Mao đối với sự tu học Phạm hạnh, nghĩa là theo Thế Tôn học Phạm hạnh.

Đức Phật thuyết như vậy; dị học Tiễn Mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

209. KINH BỆ-MA-NA-TU

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ dị học Bệ-ma-na-tu, sau giờ ngọ, thung dung đến chỗ Phật, chào hỏi xong, lại hỏi rằng:

— Bạch Cù-đàm, sắc nầy hơn, sắc nầy hơn. Bạch Cù-đàm, sắc nầy hơn !

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên (Kaccana), đó là những sắc nào ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc

khác tối thượng, tối diệu, tối thắng hơn; bạch Cù-đàm, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thượng.

Thế Tôn bảo:

— Ca-chiên, cũng như có người nói như vầy:

"— Trong nước nầy có một người con gái rất đẹp. Ta muốn được người con gái ấy."

Nếu có người hỏi người ấy như vầy:

"— Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì không ? Là cao thấp, thô, tế, là trắng, đen, hoặc không trắng, không đen ? Là con gái Sát-lợi, là con gái của Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc ?"

Người đó đáp:

"— Tôi không biết."

Người kia lại hỏi người đó rằng:

"— Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, cao, thấp, thô, tế, trắng, đen hoặc không trắng, không đen, con gái Sát-lợi, hoặc con gái Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam,

hay phương Bắc mà lại nói như vầy: "Tôi muốn người con gái ấy" được ư ?

Cũng vậy, Ca-chiên, Ông nói như vầy: "Người đó nói sắc vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Nhưng khi được hỏi sắc đó, thì Ông lại không biết.

Dị học Bệ-ma-na-tu thưa:

— Bạch Cù-đàm, cũng như tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang, khiến cho trong suốt, nhờ dùng bạch luyện đem để giữa nắng sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói: "Sắc đẹp đó vượt hơn sắc đẹp, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng."

Thế Tôn bảo:

— Này Ca-chiên, nay Ta hỏi Ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Này Ca-chiên, ý Ông nghĩ sao ? Vàng ròng tử ma nhờ dùng bạch luyện để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu, chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu lấp lánh; trong hai ánh sáng đó, cái nào sáng hơn ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối

với ánh sáng của vàng ròng tử ma, thì ánh sáng đom đóm sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên, ý Ông nghĩ sao ? ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối; hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh sáng đèn dầu sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên, ý Ông nghĩ sao ? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đống cây lớn trong đêm tối; trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đống cây lớn đối với ánh sáng đèn dầu, thì ánh sáng lửa đống cây lớn sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên, ý Ông nghĩ thế nào ? Ánh sáng của lửa đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không

u ám; trong hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào sáng hơn hết ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng lửa đống cây lớn, thì ánh sáng sao Thái bạch sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên, ý Ông nghĩ sao ? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm, trời không u ám; trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trăng đối với ánh sáng sao Thái bạch, thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn.

Thế Tôn hỏi:

— Này Ca-chiên, ý Ông thế nào ? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời, trong suốt, không u ám; trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn ?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

— Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng, thì ánh sáng mặt trời sáng hơn.

Thế Tôn bảo:

— Này Ca-chiên, có rất nhiều chư Thiên, nay ánh sáng mặt trời và ánh sáng mặt trăng nầy tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng chư Thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư Thiên tụ tập luận sự. Những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, nhưng Ta không nói: "Sắc đẹp đó vượt qua sắc đẹp, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Này Ca-chiên, còn Ông, với lửa đốm, lửa sâu, sắc rất tệ, rất xấu, mà nói: "Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Và khi được hỏi, Ông lại không biết.

Ngay lúc đó, dị học Bệ-ma-na-tu bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không còn lời nào biện bạch, nghĩ ngợi bung lung.

Sau khi Thế Tôn quở trách, muốn khiến cho ông ta hoan hỷ, nên bảo:

— Này Ca-chiên, có năm lạc tánh dục, khả hỷ,

khả ái, khả niệm, khả lạc, tương ưng, lạc dục. Mắt nhận biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương, lưỡi biết mùi vị và thân biết cảm xúc. Này Ca-chiên, sắc hoặc có ái hoặc không ái, nếu có một người đối với sắc nầy mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý; người ấy đối với các sắc khác dù tối thượng, tối thắng, vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cầu; người đó cho sắc nầy là tối thượng, tối thắng. Này Ca-chiên, thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy. Này Ca-chiên, xúc hoặc có ái hoặc không ái, nếu có một người đối với xúc nầy mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý; người đó đối với những xúc khác dù tối thượng, tối thắng, vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cầu; người đó cho xúc nầy là tối thượng, tối thắng vậy.

Bây giờ, dị học Bệ-ma-na-tu chấp tay hướng Phật và bạch:

— Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu thay ! Hy hữu thay ! Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói: "Dục lạc, dục lạc đệ nhất." Bạch Cù-đàm, cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây; do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm vì tôi dùng vô lượng phương tiện, nói: "Dục lạc, dục lạc đệ nhất."

Đức Thế Tôn bảo:

— Thôi ! Thôi ! Này Ca-chiên, Ông là người vì luôn luôn theo dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, dị dục, dị ý, cho nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói.

Này Ca-chiên, đệ tử Ta đầu hôm và cuối đêm thường không nằm ngủ, chánh định, chánh ý, tu tập đạo phẩm, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Những người ấy biết thấu triệt được những điều Ta nói.

Ngay lúc đó dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn. Và ông vu báng Thế Tôn như vầy, hạ nhục Thế Tôn như vầy:

— Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng, mà tự cho là chứng đắc cứu cánh trí, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy: "Vì sao Sa-môn, Phạm chí nầy không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc cứu cánh trí, biết như thật: Sự

sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh ?"

Lúc đó Thế Tôn liền nghĩ rằng: "Dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Ta, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Ta, muốn hạ nhục Ta, và vu báng Ta như vầy, hạ nhục Ta như vầy, nói với Ta rằng: "Cù-đàm, có một loại Sa-môn, Phạm chí không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng, mà tự cho là chứng được cứu cánh trí, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Cù-đàm, Ta nghĩ như vầy: Vì sao Sa-môn, Phạm chí nầy không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng được cứu cánh trí, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh ?"

Thế Tôn biết rồi, bảo rằng:

— Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng, mà tự cho là chứng được cứu cánh trí, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh, thì người đó phải nói như vầy:

"Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau." Nhưng, này Ca-chiên, Ta cũng nói như vầy: "Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau, dẫu một đời cũng không nên nhớ." Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt, mà thẳng thắn, thì Ta giáo hóa họ, Nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy, thì nhất định biết được Chánh pháp.

Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yếu, nằm ngữa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa trẻ đó sau lớn lên, các căn thành tựu; cha mẹ lại cởi trói tay chân nó ra; nó chỉ nhớ khi được cởi trói, chứ không nhớ khi bị trói. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy: "Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, dẫu một đời cũng không nên nhớ." Khi đệ tử Tỳ-kheo đến, không nịnh hót, không lừa gạt, mà thẳng thắn, thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy, thì nhất định biết được Chánh pháp.

Này Ca-chiên, cũng như dầu, do tim mà đốt đèn, không có người thêm dầu, không đổi tim; dầu trước đã hết, sau không rót thêm, thì lửa không thể còn mà chóng tự tắt vậy. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy: "Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, dù một đời cũng không nên

nhớ." Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt mà thẳng thắn, thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy, thì nhất định biết được Chánh pháp.

Này Ca-chiên, cũng như có mười đống cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đống cây, dùng lửa mà đốt; tất cả cùng bừng cháy, bèn thấy ngọn lửa. Đống lửa ấy nếu không có người thêm cỏ, cây, hoặc đổ thêm vỏ trấu vào, củi trước đã hết, sau không thêm nữa, thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

Này Ca-chiên, Ta nói như vầy: "Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, dù một đời cũng không nên nhớ." Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt mà thẳng thắn, thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy, thì nhất định biết được Chánh pháp.

Khi bài pháp nầy được thuyết, dị học Bệ-ma-na-tu xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc đó, dị học Bệ-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng, đối với pháp

của Thế Tôn, chứng được vô sở úy, cúi đầu sát chân Phật và thưa:

— Bạch Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh.

Đức Thế Tôn dạy:

— Thiện lai Tỳ-kheo ! Hãy hành Phạm hạnh !

Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh. Tôn giả Bệ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc rồi, biết pháp, thấy pháp, cho đến chứng được quả vị A-la-hán.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Bệ-ma-na-tu và chư Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

210. KINH PHÁP LẠC TỲ-KHEO-NI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở rừng Thắng Lâm vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc cúi đầu lễ dưới chân, rồi lui ngồi một bên, và thưa với Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc:

— Bạch Ni sư, tôi có điều muốn hỏi; mong Ni sư nghe tôi hỏi.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-xá-khư, có điều gì xin cứ hỏi, sau khi nghe xong, tôi sẽ suy nghĩ.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư liền hỏi:

— Thưa Ni sư, tự thân, nói là tự thân, thế nào là tự thân ?

Tỳ-kheo ni Pháp Lạc đáp:

— Thế Tôn nói năm thạnh ấm; tự thân là sắc thạnh ấm, là thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Đó là năm thạnh ấm, được Thế Tôn nói.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

— Bạch Ni sư, sao gọi là tự thân kiến ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết Thánh pháp, không chế ngự Thánh pháp; kẻ ấy thấy sắc là ngã, thấy ngã có sắc, thấy trong ngã có sắc, thấy trong sắc có ngã, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã; đó gọi là thân kiến.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

— Bạch Ni sư, sao gọi là không thân kiến ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo léo chế ngự trong Thánh pháp; kẻ ấy không thấy sắc là ngã, không thấy ngã có sắc, không thấy trong ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã, không thấy thọ, tưởng, hành, thức, là ngã, không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã; đó gọi là không có thân kiến.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, sao gọi là tự thân diệt ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Sắc thạnh ấm bị đoạn trừ hoàn toàn, xả, nhổ sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh, thọ, tưởng, hành thức, cũng đoạn trừ hoàn toàn, xả, nhổ sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh; đó là tự thân diệt.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, ấm gọi là ấm thạnh ; ấm gọi là thạnh ấm, ấm tức là thạnh ấm; thạnh ấm tức là ấm. Ấm khác, thạnh ấm khác chăng ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Hoặc ấm tức là thạnh ấm, hoặc ấm chẳng phải là thạnh ấm. Sao gọi ấm tức là thạnh ấm ? Nếu sắc hữu lậu, hữu thọ, thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, hữu thọ, thì ấm tức là thạnh ấm. Sao gọi ấm chẳng phải là thạnh ấm ? Sắc vô lậu, vô thọ, thọ, tưởng, hành, thức vô lậu, vô thọ, thì ấm chẳng phải là thạnh ấm.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, thế nào gọi là Tám chi Thánh đạo ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tám chi Thánh đạo là: từ chánh kiến cho đến chánh định là tám; đó gọi là Tám chi Thánh đạo.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Tám chi Thánh đạo là hữu vi chăng ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Đúng vậy, Tám chi Thánh đạo là hữu vi.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, có bao nhiêu tụ ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Có ba tụ: là giới tụ, định tụ và tuệ tụ.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Tám chi Thánh đạo nhiếp ba tụ, hay là ba tụ nhiếp Tám chi Thánh đạo ?

Tỳ-kheo-ni Pháp lạc đáp:

— Không phải Tám chi Thánh đạo nhiếp ba tụ, mà ba tụ nhiếp Tám chi Thánh đạo. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo nầy được thâu nhiếp vào Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi Thánh đạo nầy được thâu nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, ba chi Thánh đạo nầy được thâu nhiếp vào Thánh huệ tụ. Đó là nói rằng, không phải Tám chi Thánh đạo nhiếp ba tụ, mà ba tụ nhiếp Tám chi Thánh đạo.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư, nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hanh, lại thưa:

— Bạch Ni sư, diệt là hữu đối chăng ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Diệt là vô đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Thiền thứ nhất có năm chi: là giác, quán, hỷ, lạc, và nhất tâm; đó là năm chi ở Thiền thứ nhất.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, sao gọi là đoạn ? Sao gọi là tướng ? Sao gọi là định lực ? Sao gọi là định công ? Sao gọi là tu định ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Nếu thiện tâm thuần nhất thì được gọi là định. Tứ niệm xứ được gọi là định tướng. Tứ chánh đoạn được gọi là định lực. Tứ như ý túc được gọi là định công. Nếu tu tập các thiện pháp nầy, rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần; đó gọi là tu định.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, có bao nhiêu sự kiện mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bị liệng ngoài gò nống như cây gỗ vô tình ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Có ba sự kiện khiến sanh thân sau khi chết, thân bị liệng ngoài gò nống như cây gỗ vô tình. Những gì là ba ? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến sanh thân sau khi chết, thân liệng ngoài gò nống như cây gỗ vô tình.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, người chết và người nhập diệt tận định khác nhau như thế nào ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Chết là mạng đã dứt, hơi ấm đã rời thân, các căn hư hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định, thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân,

các căn không hư hoại. Đó là sự khác biệt giữa người chết và người nhập Diệt tận định.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, người nhập Diệt tận định và người nhập Vô tưởng định khác nhau như thế nào ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và tri đều diệt; còn người nhập Vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa người nhập Diệt tận định và người nhập Vô tưởng định.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, một người từ Diệt tận định ra và từ Vô tưởng định ra, khác nhau như thế nào ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-kheo khi từ Diệt tận định ra, không khởi

sự suy nghĩ nầy: "Ta từ Diệt tận định ra ." Tỳ-kheo khi từ Vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ nầy: "Ta là hữu tưởng, ta là vô tưởng." Đó là sự khác nhau giữa người từ Diệt tận định ra và người từ Vô tưởng định ra.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định có khởi ý nghĩ như vầy: "Ta nhập Diệt tận định" không ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định, không khởi ý nghĩ rằng: "Ta nhập Diệt tận định", nhưng do theo tâm đã tu tập từ trước, y như vậy tiến tới.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ Diệt tận định ra có khởi ý nghĩ rằng: "Ta từ Diệt tận định ra" không ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-kheo khi từ Diệt tận định ra không khởi ý niệm: "Ta từ Diệt tận định ra", nhưng bởi thân nầy và sáu xứ duyên mạng căn, cho nên từ định mà ra.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ Diệt tận định ra tâm lạc những gì ? Thú hướng những gì ? Và thuận những gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Tỳ-kheo từ Diệt tận định ra xong, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và thuận viễn ly.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, có bao nhiêu giác ?

Tỳ-khep-ni Pháp Lạc đáp:

— Có ba giác là cảm giác lạc, cảm giác khổ,

và cảm giác không khổ không lạc. Chúng duyên vào đâu mà có ? Duyên vào cánh lạc.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, thế nào là cảm giác lạc ? Thế nào là cảm giác khổ ? Và thế nào là cảm giác không khổ không lạc ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Nếu lạc được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc, thì giác nầy gọi là cảm giác lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác khổ, không khoái lạc, thì giác nầy gọi là cảm giác khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác không khổ không lạc, không phải khoái hay không khoái cảm, thì cảm giác nầy gọi là cảm giác không khổ không lạc.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, đối với cảm giác lạc, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử ? Đối với cảm giác khổ, thế nào là lạc, thế nào khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử ? Đối với cảm giác không khổ không lạc, thế nào là lạc, thế nào khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Đối với cảm giác lạc, sanh là lạc, trụ là lạc, biến dịch là khổ, vô thường tức là tai hoạn, vô dục là sử vậy. Đối với cảm giác khổ, sanh là khổ, trú là khổ, biến dịch là vui, vô thường tức là tai hoạn, giận dữ là sử vậy. Đối với cảm giác không khổ không lạc, khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là biến dịch, và vô minh là sử vậy.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, phải chăng đối với tất cả cảm

giác lạc, tất cả thì dục là sử ? Tất cả cảm giác thì nhuế là khổ sử ? Tất cả cảm giác không khổ không lạc, thì vô minh là sử ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Không phải tất cả cảm giác lạc, thì dục là sử. Không phải tất cả cảm giác khổ, thì nhuế là sử. Không phải tất cả cảm giác không lạc không khổ, thì vô minh là sử. Vì sao dục không phải là sử của tất cả cảm giác lạc ? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác và bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Cảm giác lạc nầy không phải là dục sử. Vì sao vậy ? Vì nó đoạn dục. Vì sao cảm giác khổ không phải là nhuế sử ? Như mong cầu thượng giải thoát lạc, do sự mong cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Cảm giác khổ nầy chẳng phải nhuế sử vậy. Vì sao ? Vì nó đoạn sân nhuế. Vì sao cảm giác không khổ, không lạc chẳng phải là vô minh sử ? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã có trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Cảm giác không khổ, không lạc nầy chẳng phải vô minh sử. Vì sao ? Vì nó đoạn vô minh.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành lại hỏi:

— Bạch Ni sư, cảm giác lạc đối đãi với cái gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Cảm giác lạc lấy cảm giác khổ làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, cảm giác khổ đối đãi với cái gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

Cảm giác khổ lấy cảm giác lạc làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, vừa cảm giác lạc vừa cảm giác khổ đối đãi với cái gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Cảm giác lạc cảm giác khổ lấy không khổ không lạc làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá khư khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, không khổ không lạc đối đãi với cái gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Không khổ không lạc lấy vô minh làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, vô minh đối đãi với gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Vô minh lấy minh làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen:

— Hay thay ! Hay thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, minh đối đãi với gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Minh lấy Niết-bàn làm đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen:

— Lành thay ! Lành thay, bạch Ni sư !

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Bạch Ni sư, Niết-bàn đối đãi với cái gì ?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

— Bà muốn hỏi những việc vô cùng, nhưng việc bà hỏi không thể vô cùng tận giới hạn của tôi được. Niết-bàn không có đối đãi. Niết-bàn không có quái ngại, vượt qua quái ngại, diệt trừ quái ngại. Do nghĩa nầy nên tôi theo Thế Tôn hành Phạm hạnh.

Bấy giờ Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư, khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc nói, khéo léo thọ trì, khéo tụng tập, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu lễ dưới chân Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiễu ba vòng và lui về.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc sau khi đưa tiễn

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư đi, cách đó không lâu, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng một bên, đem hết những điều vừa thảo luận với Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư bạch lại với Phật, chấp tay thưa rằng:

— Bạch Thế Tôn, con nói như vầy, đáp như vầy, không vu báng Thế Tôn chăng ? Nói chân thật, nói đúng pháp, nói pháp theo thứ lớp của pháp, đối với sự như pháp, không có trái nhau, không có tranh cãi, nhầm lẫn chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Tỳ-kheo-ni, Ngươi nói như vậy, đáp như vậy là không vu báng Ta. Ngươi nói chân thật, nói như pháp, nói theo thứ lớp của pháp; đối với như pháp, không chống trái nhau, không tranh, không lỗi vậy. Này Tỳ-kheo-ni, nếu Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư đến hỏi Ta, Ta cũng bằng những văn cú như vậy, Ta cũng trả lời Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư bằng nghĩa nầy, bằng văn cú nầy. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa nầy đúng như Ngươi đã nói, Ngươi cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao ? Những lời nói nầy tức là giáo nghĩa vậy.

Phật thuyết như vậy; Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la, chào hỏi nhau xong, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

— Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, tôi có điều muốn hỏi. Hiền giả nghe cho chăng ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la thưa:

— Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, muốn hỏi, xin cứ hỏi. Tôi nghe xong, sẽ suy nghĩ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

— Hiền giả Câu-hy-la, bất thiện được nói là bất thiện; bất thiện căn được nói là bất thiện căn. Thế nào là bất thiện ? Thế nào là bất thiện căn ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Thân ác hành, khẩu và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó gọi là bất thiện và bất thiện căn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Câu-hy-la, thiện được nói là thiện; thiện căn được nói là thiện căn. Thế nào là thiện ? Thế nào là thiện căn ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn. Đó gọi là thiện và thiện căn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Trí tuệ được nói là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Biết như vậy, cho nên nói là trí tuệ. Biết những gì ? Biết như thật: "Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo." Biết như vậy cho nên được nói là trí tuệ.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Tôn giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, thức được nói là thức. Thế nào là thức ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Thức là nhận thức cho nên nói là thức. Nhận thức những gì ? Nhận thức sắc, nhận thức

thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức là nhận thức, cho nên được nói là thức.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ và thức, hai pháp nầy hiệp nhất hay riêng rẽ ? Có thể cho rằng hai pháp nầy riêng rẽ chăng ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Hai pháp ấy hiệp nhất chứ không riêng rẽ. Không thể cho rằng hai pháp ấy riêng rẽ. Vì sao vậy ? Những gì được biết bởi trí tuệ, thì cũng được nhận thức bởi thức. Cho nên hai pháp nầy hiệp nhất chứ không riêng rẽ, và không thể cho rằng hai pháp nầy riêng rẽ.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, biết, Hiền giả lấy gì để biết ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Biết, tôi do trí tuệ mà biết.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen :

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa lợi gì ? Có sự thù thắng gì ? Có công đức gì ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Trí tuệ có nghĩa lợi nhàm chán, có nghĩa lợi vô dục, có nghĩa lợi thấy như thật.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là chánh kiến ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo. Đó gọi là chánh kiến.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiên nhân, có bao nhiêu duyên để sanh ra chánh kiến ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có hai nhân, có hai duyên sanh ra chánh kiến. Những gì là hai ? Một là nghe từ người khác; hai là nội tâm tư duy. Đó gọi là có hai nhân, có hai duyên sanh ra chánh kiến.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu chi

thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có năm chi thâu nhiếp chánh kiến, để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm ? Một là sự thâu nhiếp bởi sự thật; hai là được thâu nhiếp bởi giới; ba là được thâu nhiếp bởi bác văn; bốn là được thâu nhiếp bởi chỉ; năm là được thâu nhiếp bởi quán.

Đó gọi là có năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, vì sao phát sanh sự hữu trong tương lai ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Phàm phu ngu si, vô tri, không đa văn, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói chặt, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không được điều ngự bởi Thánh pháp; đó gọi là làm phát sanh sự hữu trong tương lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là không sanh sự hữu trong tương lai ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh, tất diệt tận khổ. Đó gọi là không phát sanh sự hữu trong tương lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, và không khổ không lạc thọ. Thọ nầy duyên đâu mà có ? Duyên xúc mà có.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la thọ, tưởng, tư, ba pháp nầy hiệp nhất hay riêng biệt ? Có thể cho rằng ba pháp nầy riêng biệt chăng ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Thọ, tưởng, tư, ba pháp nầy hiệp nhất, không riêng biệt, không thể cho ba pháp nầy là riêng biệt. Vì sao ? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng và cũng được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp nầy hiệp nhất, không riêng biệt, và không thể cho rằng ba pháp nầy riêng biệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Diệt có sự đối ngại gì ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Diệt không có sự đối ngại.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại nói:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có năm căn, với hành tướng dị biệt, cảnh giới dị biệt; mỗi căn nạp thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn nầy với hành tướng dị biệt, với cảnh giới dị biệt; mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng; vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng ? Cái gì làm sở y cho chúng ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Năm căn với hành tướng dị biệt, với cảnh giới dị biệt; mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn nầy với hành tướng riêng biệt; mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng;

ý căn lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng; ý căn làm sở y cho chúng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Ý nương vào đâu mà tồn tại ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Ý nương vào tuổi thọ, nương vào tuổi thọ mà tồn tại.

Tôn giả Xá-lợi-phất khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tuổi thọ nương vào hơi ấm, nương vào hơi ấm mà tồn tại.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp nầy hiệp nhất hay riêng biệt ? Có thể cho rằng hai pháp nầy riêng biệt chăng ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp nầy hiệp nhất, không riêng biệt. Không thể cho rằng hai pháp nầy riêng biệt. Vì sao ? Nhơn tuổi thọ mà có hơi ấm; nhơn hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ, thì không có hơi ấm; nếu không có hơi ấm, thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu, do bấc mà đốt được đèn. Và ở đây, do ngọn mà có ánh sáng; do ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng; không có ánh sáng, thì không có ngọn. Cũng vậy, nhơn tuổi thọ mà có hơi ấm; nhơn hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ, thì không có hơi ấm; nếu không có hơi ấm, thì không có tuổi thọ. Cho nên, hai pháp nầy hiệp nhất, không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp nầy riêng biệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có ba pháp, sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba ? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp nầy sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập Diệt tận định khác nhau như thế nào ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Chết là thọ mạng đã diệt, hơi ấm đã đi, các căn tan rã. Còn Tỳ-kheo nhập Diệt tận định, thì tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa đi, các căn không tan rã. Chết và nhập Diệt tận định khác nhau như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, nhập Diệt tận định vì nhập Vô tưởng định khác nhau như thế nào ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và thọ đều diệt. Tỳ-kheo nhập Vô tưởng định thì tưởng và thọ không diệt. Nhập Diệt tận định và nhập Vô tưởng định khác nhau như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, ra khỏi Diệt tận định và ra khỏi Vô tưởng định khác nhau như thế nào ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định không nghĩ như vầy: "Ta ra khỏi Diệt tận định." Tỳ-kheo khi ra khỏi Vô tưởng định, suy nghĩ như vầy: "Ta có tưởng hay ta không có tưởng." Ra khỏi Diệt tận định và Vô tưởng định khác nhau như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả, Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo nhập Diệt tận định trước hết diệt pháp nào, thân hành, khẩu hành hay ý hành ?

Tôn giả Đại câu-hy-la đáp:

— Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định trước hết diệt thân hành, kế đến khẩu hành và sau hết là ý hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại-câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phấtkhen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, pháp nào phát sanh trước hết ? Thân hành, khẩu hành hay ý hành ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, trước hết sanh ý hành, kế đến sanh khẩu hành và sau cùng sanh thân hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, xúc bao nhiêu loại xúc ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, xúc ba loại xúc. Những gì là ba ? Một là xúc không di động;

hai là xúc vô sở hữu; ba là xúc vô tướng. Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định xúc ba loài xúc nầy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp nầy khác nghĩa, khác văn hay cùng một nghĩa mà khác văn ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp nầy khác nghĩa, khác văn.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh Bất động định ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh Bất động định. Những gì là bốn ? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là có bốn nhân, bốn duyên phát sanh Bất động định.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh Vô sở hữu định ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có ba nhân, ba duyên phát sanh Vô sở hữu định. Những gì là ba ? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng, cho đến chứng đắc Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên phát sanh Vô sở hữu định.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh Vô tưởng định ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có hai nhân, hai duyên phát sanh Vô tưởng định. Những gì là hai ? Một là không suy niệm tất cả tưởng; hai là suy niệm vô tưởng giới. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên phát sanh Vô tưởng định.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên Vô tưởng định ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có hai nhân, hai duyên trú Vô tưởng định. Những gì là hai ? Một là không niệm tất cả tưởng; hai là niệm vô tưởng giới. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên trú Vô tưởng định.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la !

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành, lại hỏi:

— Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên ra khỏi Vô tưởng định ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

— Có ba nhân, ba duyên ra khỏi Vô tưởng định. Những gì là ba ? Một là niệm tất cả tưởng; hai là không niệm vô tưởng giới; ba là do thân nầy và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên ra khỏi Vô tưởng định.

Như vậy, hai vị Tôn giả tán thán lẫn nhau rằng: "Lành thay ! Lành thay !" Và với những điều được thảo luận, hoan hỷ phụng hành, rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

XIX. PHẨM LỆ

212. Kinh Nhất Thiết Trí.
213. Kinh Pháp Trang Nghiêm
214. Kinh Bệ-ha-đề.
215. Kinh Đệ Nhất Đắc.
216. Kinh Ái Sanh.
217. Kinh Bát Thành.
218. Kinh A-na-luật-đà (A)
219. Kinh A-na-luật-đà (B)
220. Kinh Kiến.
221. Kinh Tiễn Dụ.
222. Kinh Lệ.

212. KINH NHÚT THIẾT TRÍ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ-cức-thích.

Bấy giờ vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ-cức-thích. Sau khi nghe như vậy, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc bảo một người rằng: "Ông đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà thăm hỏi: "Thánh thể khang cường, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?" Rồi nói như thế nầy: "Vua nước Câu-tát-la, là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi, Thánh thể được khang cường, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?" Ông lại nói thêm: "Vua nước Câu-

tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp gỡ"". Người ấy lãnh giáo rồi đến chỗ Phật, cùng Ngài chào hỏi, rồi lui ngồi một bên, và thưa:

— Bạch Cù-đàm, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Thánh thể được khang cường, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ? Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp gỡ Ngài.

Đức Thế Tôn đáp:

— Mong Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc được an ổn, khoái lạc ! Mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát, và mọi loài khác cũng được an ổn, khoái lạc ! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nếu muốn đến, cứ tự tiện, tùy ý.

Lúc đó, sứ giả nghe Phật nói, ghi nhớ kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau lưng đức Thế Tôn, quạt hầu Phật. Sau khi người sứ giả đi rồi, Thế Tôn lại bảo:

— Này A-nan, Thầy cùng Ta sang phía Đông, ngôi nhà lớn, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, vào trong chỗ kín đáo ấy. Hôm nay vua Ba-tư-nặc nước

Câu-tát-la nhất tâm, không loạn động, muốn nghe và thọ lãnh Chánh pháp.

Tôn giả A-nan bạch:

— Kính vâng !

Rồi đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan sang phía Đông ngôi nhà lớn, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn chỗ ngồi ở chỗ kín đáo, trải ni-sư-đàn và ngồi kiết-già.

Lúc đó sứ giả trở về chỗ vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, thưa:

— Tâu Thiên vương, tôi đã thông báo cho Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đang chờ Thiên vương, cúi xin Thiên vương nên biết đúng giờ.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bảo người đánh xe:

— Ông hãy sửa soạn xa giá. Hôm nay ta muốn đến thăm Sa-môn Cù-đàm.

Người đánh xe lãnh giáo, tức thì sửa soạn xa giá.

Bấy giờ chị em Hiền và Nguyệt đang ngồi ăn với vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, nghe nói hôm

nay vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, sẽ đến thăm Phật, liền tâu:

— Tâu Đại vương, nếu hôm nay Ngài đến thăm đức Thế Tôn, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Đại vương nói như vầy: "Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?"

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la im lặng nhận lời của chị em Hiền và Nguyệt.

Lúc đó người đánh xe sửa soạn xa giá đã xong, đến tâu:

— Tâu Thiên vương, xa giá đã trang hoàng xong, xin tùy ý Thiên vương.

Vua nghe xong, liền lên xe, từ Uất-đầu-tùy-nhã, đi đến rừng Phổ-cúc-thích.

Lúc đó ngoài rừng Phổ-cúc-thích, một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành trên khoảng đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến hỏi các Tỳ-kheo:

— Bạch chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm hôm nay ở đâu ? Tôi muốn đến thăm.

Các Tỳ-kheo đáp:

— Tâu Đại vương, nơi phía Đông kia, tại ngôi nhà lớn có cửa sổ mở và cửa lớn đóng, đức Thế Tôn đang ở trong đó. Đại vương muốn thăm thì đến nhà ấy, đứng ngoài mà tằng hắng và gõ cửa, đức Thế Tôn ắt sẽ mở cửa.

Vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, liền xuống xe, với người tùy tùng vây quanh, đi bộ đến phía Đông ngôi nhà lớn ấy. Đến nơi, vua đứng phía ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, liền mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, vào trong ngôi nhà ấy, đến trước và bạch:

— Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn: "Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?"

Thế Tôn hỏi:

— Chị em Hiền và Nguyệt không có người sai sao ?

Vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, bạch:

— Bạch Cù-đàm, mong Ngài biết cho, hôm nay chị em Hiền và Nguyệt cùng ngồi ăn với con, nghe con muốn đến thăm Phật, bèn thưa rằng: "Đại

vương, nếu Ngài đến thăm Phật, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng." Nên con bạch lại như vậy cùng Thế Tôn rằng: "Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng ?" Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn: " Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như bình chăng ?"

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, mong cho chị em Hiền và Nguyệt an ổn, khoái lạc, mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát cùng mọi loài khác an ổn, khoái lạc !

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, nói lời thăm hỏi Phật, rồi lui ngồi một bên và bạch:

— Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, có điều gì muốn hỏi, cứ tự ý mà hỏi.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào khác là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến." Ngài có nhớ là đã nói như vậy chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến."

Lúc đó đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Rồi vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, quay lại nói với đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

— Hôm trước, ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến" ?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

— Tâu Thiên vương, có Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử là người đầu tiên nói như vậy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, nghe xong, bảo một người:

— Ông đến chỗ Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử nói như vầy: "Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, cho gọi Ông."

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử bảo như vầy: "Này Niên thiếu, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, cho gọi ông."

Sau khi người ấy đi, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn:

— Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được hiểu khác. Bạch Sa-môn Cù-đàm, Ngài có nhớ đã nói những gì chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vầy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào trong một thời biết tất cả, trong một thời thấy tất cả." Này Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán:

— Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép hỏi.

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, hỏi:

— Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư. Bốn chủng tộc nầy có sự hơn kém nào chăng ? Và có sự sai biệt nào chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư, có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lợi và Phạm chí ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng Cư sĩ và Công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong bốn hạng nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư có sự hơn kém và có sự sai biệt.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen:

— Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy. Những gì Sa-môn Cù-đàm nói ra như bậc thầy giỏi.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, lại bạch:

— Bạch Cù-đàm, con không những hỏi vấn đề trong hiện tại mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa. Ngài nghe con hỏi chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, hỏi:

— Bạch Cù-đàm, ở đây, có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư có sự hơn kém nào, và có sự sai biệt nào ở đời sau chăng ?

Thế Tôn đáp:

— Bốn hạng nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư có sự hơn kém, và có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư nếu thành tựu được năm đoạn chi nầy, chắc chắn sẽ được gặp bậc thầy tốt là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác; chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Những gì là năm chi ? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, quyết định vững bền,

không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất.

Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử ít bệnh, không bệnh, thành tựu sự điều hòa thực đạo, không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bực dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng, an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai.

Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử không nịnh hót, không dối gạt, thẳng thắng, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vị Phạm hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba.

Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, thường tự khởi ý, chuyên nhất, kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ bốn.

Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chánh diệt tận khổ. Đó gọi là đoạn chi thứ năm.

Có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và

Công sư, bốn hạng nầy nếu thành tựu được năm đoạn chi nầy, nhất định được gặp bậc thầy giỏi, là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc.

Có bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Đó gọi là hơn kém, đó gọi là sự sai biệt ở đời sau vậy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán:

— Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy giỏi. Con lại muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Cù-đàm, có bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư; bốn hạng nầy có sự hơn kém và có sự sai biệt nào đối với đoạn hành chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, bốn hạng nầy có sự sai biệt và hơn kém đối với đoạn hành. Này Đại vương, Đại vương

nghĩ sao ? Những gì được đoạn trừ bởi bất tín; trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn trừ bởi ít bệnh, mà chúng cũng được đoạn trừ bởi nhiều bệnh; trường hợp đó hoàn toàn không có. Những gì nếu được đoạn trừ bởi sự siểm nịnh, không lừa dối, mà chúng cũng được đoạn trừ bởi siểm nịnh, lừa dối; trường hợp nầy không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi tinh cần, mà cũng được đoạn trừ bởi giải đãi; trường hợp nầy không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi trí tuệ, mà cũng đoạn trừ bởi ác tuệ; trường hợp nầy không thể có. Cũng như chế ngự bốn thứ, là chế ngự voi, chế ngự ngựa, chế ngự trâu, chế ngự người. Trong đó, có hai trường hợp không thể điều phục, không thể chế ngự, và hai trường hợp có thể điều ngự. Đại vương, ý Đại vương nghĩ sao ? Hai trường hợp không thể điều phục, không thể chế ngự ấy, mà lại đi đến chỗ được điều phục, được chế ngự, thọ nhận sự điều ngự; trường hợp nầy không thể có. Nếu hai trường hợp có thể điều phục, có thể chế ngự và đi đến chỗ được điều phục, được chế ngự, thọ nhận sự điều ngự, thì việc nầy có thể vậy.

Cũng vậy, này Đại vương, Đại vương nghĩ sao ? Nếu những gì được đoạn trừ bởi tín mà cũng được đoạn trừ bởi bất tín chăng ? Việc nầy không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi ít bệnh mà cũng

được đoạn trừ bởi nhiều bệnh chăng ? Việc nầy không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi sự không siểm nịnh, không dối trá, mà cũng được đoạn trừ bởi siểm nịnh, dối trá chăng ? Việc nầy không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi tinh cần mà cũng được đoạn trừ bởi giải đãi chăng ? Việc nầy không thể có. Nếu những gì do trí tuệ đoạn mà cũng do ác tuệ đoạn chăng ? Việc nầy không thể có. Như vậy, bốn hạng nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, đó là sự hơn kém, là sai biệt về đoạn hành.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen:

— Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như bậc thầy, những điều Ngài nói như bậc thầy giỏi. Con lại muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Đại Vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Sa-môn Cù-đàm, có bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, bốn hạng nầy có sự hơn kém, có sự sai biệt đối với đoạn chăng ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Có bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, họ bình đẳng đối với đoạn, không hơn kém, không sai biệt đối với đoạn vậy. Này Đại vương, cũng như một đứa nhỏ dòng Sát-lợi từ phương Đông đến, lấy sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát bốc lửa. Một đứa dòng Phạm chí từ phương Nam đến, nó lấy cây sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Cư sĩ từ phương Tây đến, nó lấy chiên-đàn làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa bé dòng Công sư từ phương Bắc đến, nó lấy cây bát-đầu-ma khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Này Đại vương, ý Ngài nghĩ sao ? Những người khác chủng tộc kia mang các loại cây khác nhau làm mồi lửa, cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm vào cây cỏ khô, làm bốc khói, bốc lửa ngọn, và phát sanh màu lửa. Này Đại vương, giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa sắc lửa với sắc lửa, có những sai biệt nào chăng ?

Vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la đáp:

— Bạch Cù-đàm, những người khác chủng tộc đó lấy các thứ cây khác nhau làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm lửa vào cỏ cây khô làm bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Bạch Cù-đàm con không nói rằng giữa khói

và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt.

— Cũng vậy, này Đại vương, bốn chủng tộc nầy: Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư họ hoàn toàn bình đẳng đối với đoạn, không có hơn kém, không có sai biệt đối với đoạn.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong khen:

— Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như bậc thầy. Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như bậc thầy giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng ?

Thế Tôn đáp ?

— Nếu Ngài có điều muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Cù-đàm, có chư Thiên chăng ?

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Đại vương, Ngài hỏi có chư Thiên không với ý gì ?

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đáp:

— Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào có não hại, ưa não hại, thì chư Thiên ấy phải sanh lại thế gian

nầy; nếu chư Thiên nào không có não hại, không ưa não hại thì sẽ không sanh lại thế gian nầy.

Bấy giờ đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua; đại tướng Bệ-lưu-la bạch:

— Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào không có não hại, không ưa não hại, thì không đến thế gian nầy. Hãy gác lại chư Thiên đó. Giả như chư Thiên nào có não hại, ưa não hại, thì đến thế gian nầy. Sa-môn Cù-đàm tất phải nói rằng, chư Thiên đó có phước hơn, có Phạm hạnh hơn. Chư Thiên nầy được tự tại, nên đẩy lui chư Thiên kia, đuổi chư Thiên kia đi vậy.

Lúc đó Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm phất trần hầu Phật. Tôn giả A-nan nghĩ rằng: "Đại tướng Bệ-lưu-la nầy là con của vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, còn ta là con của đức Thế Tôn; bây giờ chính là lúc con và con thảo luận." Rồi Tôn giả A-nan nói với đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

— Tôi muốn hỏi Ngài. Xin tùy theo sự hiểu biết mà Ngài trả lời: Thưa Đại tướng, Ngài nghĩ thế nào ? Trong phần ranh giới thuộc về vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la được tự do đuổi đi những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng ?

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

— Này Sa-môn, trong phần ranh giới thuộc về vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, thì vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la được quyền tự do đuổi những vị có phước hơn và có Phạm hạnh hơn đi khỏi vậy.

— Này Đại tướng, Ngài nghĩ sao ? Nếu không phải trong ranh giới của vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh không thể truyền đến, thì vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được tự ý đuổi những vị có phước hơn, có Phạm hạnh hơn đi khỏi chăng ?

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

— Này Sa-môn, nếu không phải ranh giới thuộc về vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh không thể truyền đến, thì vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la không được tự do xua đuổi những vị có phước hơn và có Phạm hạnh hơn đi khỏi vậy.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

— Này Đại tướng, Ngài có nghe nói đến chư Thiên ở Tam thập tam thiên chăng ?

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

— Khi tôi cùng vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la

dạo chơi, có nghe nói chư Thiên trên Tam thập tam thiên.

— Này Đại tướng, Ngài nghĩ thế nào ? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được tự do xua đuổi chư Thiên có phước hơn, và có Phạm hạnh hơn ở Tam thập tam thiên khỏi chỗ ấy chăng ?

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

— Này Sa-môn, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư Thiên ở Tam thập tam thiên, huống gì lại đuổi họ ra khỏi ? Đuổi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, việc ấy chắc chắn không thể có vậy.

— Cũng vậy, này Đại tướng, nếu có chư Thiên nào không não hại, không ưa não hại, không đến thế gian nầy, thì chư Thiên ấy có phước đức hơn và Phạm hạnh hơn. Nếu chư Thiên nào có não hại, ưa não hại, sanh đến thế gian nầy, thì chư Thiên nầy đối với chư Thiên kia còn không thể thấy được, huống gì lại đánh đuổi ư ? Việc đánh đuổi chư Thiên kia chắc chắn không thể có.

Lúc đó vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Cù-đàm, Sa-môn nầy tên gì ?

Đức Thế Tôn đáp:

— Này Đại tướng, Tỳ-kheo nầy tên A-nan, là thị giả của Ta.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán :

— Những điều A-nan nói như bậc thầy; những điều A-nan nói như bậc thầy giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Này Đại vương, nếu Ngài có điều muốn hỏi, cứ tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Bạch Cù-đàm, có Phạm thiên chăng ?

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Đại vương, Đại vương hỏi có Phạm thiên không với ý gì ? Này Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên, thì đó là Phạm thanh tịnh.

Trong lúc đức Thế Tôn cùng vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đang luận việc nầy nửa chừng, thì người sứ giả dẫn Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử trở lại, đến chỗ vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, thưa:

— Tâu Thiên vương, Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử đã đến đây.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe nói, liền hỏi Tưởng niên thiếu Cát Tường tử:

— Hôm trước ta cùng đại chúng đang hội tọa, ai là người trước tiên nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến ?"

Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử đáp:

— Tâu Thiên vương, chính đại tướng Bệ-lưu-la là người đã nói trước tiên.

Đại tướng Bệ-lưu-la nghe xong, thưa:

— Tâu Thiên vương, chính Tưởng niên thiếu Cát Tường Tử nầy là người nói trước.

Cứ như vậy, hai người đó cãi nhau về vấn đề nầy. Ngay trong lúc đó, người đánh xe liền sửa soạn xa giá, đến chỗ vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, tâu:

— Tâu Thiên vương, nghiêm giá đã đến. Tâu Thiên vương, mong Ngài biết đã đến thời.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, bạch với Thế Tôn:

— Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về vấn đề nhất thiết trí, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về vấn đề

nhất thiết trí. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm bốn chủng tánh thanh tịnh, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về vấn đề bốn chủng tánh thanh tịnh. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về sở đắc. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời cho con, có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cù-đàm các vấn đề khác, chắc Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời con các vấn đề ấy.

Bạch đức Cù-đàm, hôm nay con có nhiều việc phải trở về, xin kiếu từ Ngài.

Đức Thế Tôn đáp:

— Đại vương, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là đúng lúc. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la sau khi nghe những gì Thế Tôn nói, ghi nhớ kỹ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Phật dạy như vậy; vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa giữa những người họ Thích, trú tại một đô ấp của Thích gia, tên là Di-lũ-ly.

Bấy giờ, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc và Trường Tát, vì có những việc cần làm, nên cùng đi đến một thị trấn tên là Thành. Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, đến một khu vườn nơi ấy, nhìn thấy những gốc cây vắng vẻ, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Sau khi nhìn thấy như vậy, nghĩ nhớ đức Thế Tôn, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói:

— Này Trường Tát, ở đây, những gốc cây nầy

vắng vẻ, không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Tại chỗ nầy, ta đã nhiều lần đến thăm viếng đức Thế Tôn. Này Trường Tát, đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu ? Ta muốn đến thăm.

Trường Tát trả lời:

— Tôi nghe nói đức Thế Tôn đang du hóa giữa những người họ Thích, trú tại một đô ấp của Thích gia, tên là Di-lũ-ly. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này Trường Tát, Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia, cách đây bao xa ?

Trường Tát đáp:

— Tâu Thiên vương, cách đây ba cu-lô-xá.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói:

— Này Trường Tát, Ông hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn.

Trường Tát vâng lời, ra lệnh cho sửa soạn xa giá, rồi tâu:

— Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong. Xin vâng ý Thiên vương.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn lên xe, đi

ra khỏi thành ngoài, đi đến Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia.

Bấy giờ, ngoài cổng Di-lũ-ly, một số đông các Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên một khoảng đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến nơi các Tỳ-kheo và hỏi:

— Thưa các Tôn giả, đức Thế Tôn hiện đang nghỉ ban ngày ở đâu ?

Một số đông các Tỳ-kheo ấy trả lời:

— Thưa Đại vương, ngôi nhà lớn hướng Đông kia, với cửa sổ mở và cửa lớn đóng ấy, đức Thế Tôn hiện đang nghỉ ban ngày trong đó. Đại vương, nếu muốn đến thăm, có thể đi đến nơi đó, đến nơi, hãy đứng bên ngoài, rồi tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, tất sẽ mở cửa.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn xuống xe. Khi một vị vua Sát-lợi Đảnh Sanh xuất hiện để cai trị nhân dân và ban hành giáo lệ cho cõi đất, thì có năm nghi trượng. Đó là kiếm, lọng, tràng hoa, phất cán ngọc và giày thêu. Vua cởi bỏ tất cả, trao cho Trường Tát. Trường Tát nghĩ rằng: "Thiên vương nay tất chỉ đi vào một mình. Chúng ta nên đứng ở đây mà đợi vậy."

Rồi vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la với đám tùy tùng vây quanh, bước tới ngôi nhà hướng Đông kia. Đến nơi, vua đứng ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe rồi, bèn mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đi vào trong nhà, đến trước đức Phật cúi đầu lễ sát chân, rồi ba lần tự xưng tên họ:

— Con là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la ! Con là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la !

Đức Thế Tôn đáp:

— Như vậy, Đại vương, Ngài là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la ! Ngài là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la !

Sau ba lần tự xưng tên họ, vua Ba-tư-nặc đảnh lễ dưới chân Phật và lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Đại vương, Đại vương thấy Ta có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đảnh lễ dưới chân và cúng dường cung kính như vậy ?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

— Bạch Thế Tôn, con có pháp tịnh đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là

toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo léo thú hướng."

Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đô tọa, con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh dành lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu. Cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiều tranh chấp, xả giới, bỏ đạo cũng không nói Phật xấu xa, không nói Pháp xấu xa, không nói chúng Tăng xấu xa, mà chỉ tự chê trách rằng: "Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy ? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành Phạm hạnh." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí khác đã ít nhiều học hành Phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại

xả bỏ để theo sắc phục trước kia, rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập Phạm hạnh cho đến ức số. Ngoài đây ra, con không thấy ở đâu có Phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí thân thể gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vầy trắng; không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng: "Các Tôn giả nầy, vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vầy trắng; không ai muốn nhìn ? Các Tôn giả nầy ắt không tu hành Phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa. Cho nên các Tôn giả nầy thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vầy trắng, không ai muốn nhìn." Con đến hỏi họ:

— "Các Tôn giả, vì sao các Tôn giả có thân

thể gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn ? Có phải các Tôn giả không thích tu hành Phạm hạnh chăng ? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả có thân thể gầy còm, tiều tụy ?"

Những vị ấy đáp:

— "Đại vương, đây là bệnh trắng. Đại vương, đây là bệnh trắng".

Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cấu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng: "Các Tôn giả nầy vì sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cấu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh ? Các Tôn giả nầy hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú, chứng đạt dễ dàng, không khó. Cho nên các Tôn giả nầy mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cấu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân

hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan, đoan chánh ấy. Vì sao ? Vì ta hưởng thụ đủ năm thứ diệu dục, được một cách dễ dàng, không khó. Nhưng các Tôn giả nầy đạt đến sự ly dục, chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng, không khó. Vì vậy, các Tôn giả nầy sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí, thông minh, trí tuệ, tự xưng mình thông minh, trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng: "Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm mà hỏi Ông những điều như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế nầy, thì ta lại vặn hỏi thế kia; nếu Ông không trả lời được, ta cũng vặn hỏi rồi bỏ

đi." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào, huống nữa là vấn nạn. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí, thông minh, trí tuệ, tự xưng là thông minh, trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi Ông những điểm như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế nầy, ta lại vặn hỏi Ông cách kia. Nếu Ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi Ông rồi bỏ đi." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong các Sa-môn, Phạm chí nầy rất vui mừng, phấn khởi, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật

là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí khác, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi Ông những điều như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế nầy, ta lại vặn hỏi Ông cách kia. Nếu Ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi Ông rồi bỏ đi." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, các Sa-môn, Phạm chí nầy vui mừng, phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, được Thế Tôn thu nhận làm Ưu-bà-tắc trọn đời, tự quy y cho đến mạng chung. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí khác tự xưng là thông minh trí tuệ,

bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, lập luận điểm của mình mà nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi Ông những điều như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế nầy, ta lại vặn hỏi Ông cách kia. Nếu Ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi Ông, rồi bỏ đi." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong các Sa-môn, Phạm chí vui mừng, phấn khởi, bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia, thọ giới cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Các Tôn giả ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh

đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán, chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng: "Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong, gần bị hủy diệt. Vì sao vậy ? Trước kia tôi không phải là Sa-môn, lại tự xưng là Sa-môn, không phải Phạm hạnh, tự xưng Phạm hạnh, không phải A-la-hán, tự xưng A-la-hán. Bấy giờ tôi mới thật sự là Sa-môn, thật sự là Phạm hạnh, thật sự là A-la-hán." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, nếu muốn giết kẻ có lỗi lầm, thì ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đô tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vầy: "Các Khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các Khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các Khanh không thể quyết đoán việc nầy, chỉ ta mới có thể quyết đoán việc nầy." Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi những việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây

quanh; bấy giờ có một người ngủ gật mà ngáy. Thấy gây tiếng động, một người khác bèn nói rằng: "Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chăng ?" Người kia nghe rồi, tức thì im lặng. Con nghĩ rằng: "Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, là bậc Điều ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay ! Thật hy hữu thay ! Vì sao vậy ? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá, Tiên Dư và Túc Cựu được con ban phát tiền tài. Và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá nầy hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cựu, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết-già, im lặng, tĩnh tọa. Đến nửa đêm họ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ rằng: "Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu nầy không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt. Cho nên họ không hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự ta như họ hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là pháp vương. Con thuộc dòng Sát-đế-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-đế-lợi. Con là người Câu-tát-la, Thế Tôn cũng là người Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Bạch Thế Tôn, vì lẽ đó con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, hôm nay con có nhiều công việc, con xin phép lui về.

Đức Thế Tôn bảo:

— Đại vương, mong Đại vương tự biết đúng thời.

Rồi Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, sau khi nghe những lời Phật nói, khéo léo ghi nhớ, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui về.

Lúc đó Tôn giả A-nan cầm quạt, đứng hầu sau Phật. Thế Tôn bảo:

— Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đang sống tại rừng Di-lũ-ly nầy, Thầy hãy tập họp tất cả về giảng đường.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, nếu gặp Tỳ-kheo đang sống tại rừng Di-lũ-ly đều bảo họ tụ họp về giảng đường, rồi trở lại chỗ Phật, bạch rằng:

— Bạch Thế Tôn, những Tỳ-kheo tại rừng Di-lũ-ly nầy, tất cả đều đã tụ tập tại giảng đường rồi. Mong Thế Tôn biết thời.

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến

giảng đường. Đến nơi, Ngài trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng và nói:

— Này các Tỳ-kheo, hôm nay vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đã ở trước Ta nói kinh Pháp Trang Nghiêm xong, liền đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Này các Tỳ-kheo, các Thầy nên thọ trì kinh Pháp Trang Nghiêm đó, hãy khéo léo tụng đọc. Vì sao vậy ? Này các Tỳ-kheo, vì kinh Pháp Trang Nghiêm nầy là như pháp, là như nghĩa, là căn bản của Phạm hạnh, dẫn đến trí tuệ, dẫn đến giác ngộ, dẫn đến Niết-bàn. Nếu một Thiện nam tử đã chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thọ trì, hãy khéo tụng tập kinh Pháp Trang Nghiêm nầy.

Đức Phật thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

214. KINH BỆ-HA-ĐỀ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan trú tại Xá-vệ, có chút việc tại Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường. Lúc đó Tôn giả A-nan dẫn một thầy Tỳ-kheo ra khỏi Xá-vệ đến Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường. Công việc xong, Tôn giả dẫn thầy Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm.

Khi ấy Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, cỡi trên con voi Nhất-bôn-đà-lợi cùng với đại thần Thi-lợi-a-đồ từ thành Xá-vệ đi ra. Tôn giả A-nan khi ấy nhìn thấy vua Ba-tư-nặc từ xa đi đến, bèn hỏi vị Tỳ-kheo đồng hàng rằng:

— Có phải là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, đấy không ?

Vị nầy đáp:

— Đúng vậy.

Tôn giả A-nan liền rẽ xuống đường, lánh vào một gốc cây. Vua Ba-tư-nặc từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan nơi gốc cây bèn hỏi:

— Này Thi-lợi-a-đồ, có phải là Sa-môn A-nan ấy không ?

Thi-lợi-a-đồ đáp:

— Đúng vậy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bảo đại thần Thi-lợi-a-đồ:

— Khanh hãy giục voi đến chỗ Sa-môn A-nan.

Thi-lợi-a-đồ vâng lệnh, bèn giục voi đến chỗ A-nan. Rồi vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, vui mừng hỏi:

— Này A-nan, từ đâu đến đây và muốn đi đâu bây giờ ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Này Đại vương, tôi từ Đông Viên Lộc Mẫu

giảng đường đến, và muốn trở về vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thắng Lâm.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói:

— Này A-nan, nếu tại Thắng Lâm không có việc gì gấp, xin Ngài từ mẫn đi cùng tôi đến sông A-di-la-bà-đề.

Tôn giả A-nan nhận lời vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la. Tôn giả A-nan đi trước, cùng vua đến sông A-di-la-bà-đề. Đến nơi, vua bước xuống, lấy yên voi gấp làm tư, trải lên đất và mời Tôn giả A-nan:

— Này A-nan, xin mời ngồi trên chỗ ngồi nầy.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đáp:

— Thôi được rồi, Đại vương ! Trong lòng thỏa mãn là đủ.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại ba lần mời Tôn giả A-nan:

— Này A-nan, xin mời ngồi lên chỗ nầy.

Tôn giả A-nan cũng đáp lại ba lần:

— Thôi được rồi, Đại vương ! Trong lòng thỏa mãn là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ. Tôi sẽ ngồi nơi đây.

Nói xong Tôn giả A-nan trải tọa cụ và ngồi kiết-già.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chào hỏi A-nan rồi ngồi xuống một bên và nói:

— Này A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép.

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại vương, Ngài muốn hỏi điều gì cứ hỏi. Tôi nghe rồi, sẽ suy nghĩ.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:

— Này A-nan, đức Thế Tôn có hành những thân hành như vầy, tức thân hành bị hàng Sa-môn, Phạm chí gớm ghét chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Này Đại vương, Như Lai không có thân hành như vậy, tức thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và hàng thế gian khác gớm ghét.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen:

— Lành thay ! Lành thay ! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh trí tuệ, và những hàng thế gian khác, thì A-

nan đủ khả năng để nói. Này A-nan, nếu ai không nhận định kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi thì tôi không coi đó là chân thật. Này A-nan, nếu ai đã nhận định kỹ rồi mới chê bai hay khen ngợi, thì tôi coi đó là chân thật. Này A-nan, đức Thế Tôn có hành những thân hành như vầy, những thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác gớm ghét chăng ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Này Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác gớm ghét.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là thân hành ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đó là những thân hành bất thiện.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Thế nào là thân hành bất thiện ?

A-nan đáp:

— Đại vương, đó là những thân hành có tội.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là thân hành có tội ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đại vương, đó là những thân hành bị người trí gớm ghét.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là thân hành bị người trí gớm ghét ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành, không biết như thật; đối với pháp không nên hành, không biết như thật. Khi đối với pháp không nên hành đã không biết như thật và đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật, người ấy đối với pháp nên thủ không biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối pháp nên thủ đã không biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật, người ấy đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật và đối với pháp

không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật, người ấy đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật, người ấy đối với pháp nên hành lại không hành và đối với pháp không nên hành lại hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì không hành và đối với pháp không nên hành lại hành, người ấy đối với pháp nên thủ lại không thủ và đối với pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ lại không thủ và đối với pháp không nên thủ lại thủ, người ấy đối với pháp nên đoạn trừ lại không đoạn trừ và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ lại không đoạn trừ và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ, người ấy đối với pháp nên thành tựu lại không thành tựu và đối với pháp không nên không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu không thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu, pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, tại sao Như Lai lại không bao giờ hành những pháp ấy ?

Tôn giả A-nan, đáp:

— Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất các pháp thiện, là bậc Thầy khuyến giác, bậc Thầy vi diệu, bậc Thầy khéo tùy thuận, là vị Dẫn dắt Điều ngự, Tùy thuận Điều ngự, là vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận, cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi:

— Lành thay ! Lành thay ! A-nan, Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy ? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, là bậc Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ngài là đệ tử của đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn, an ổn vô thượng, mà còn không hành các pháp ấy, huống nữa đức Như Lai lại hành các pháp ấy sao ?

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, Như Lai có hành những thân

hành như vầy, tức thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và các hàng thế gian khác không gớm ghét chăng ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại Vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và các hàng thế gian khác không gớm ghét.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thân hành đó là thế nào ?

Tôn giả A-nan đáp;

— Đại vương, đó là những thân hành thiện.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là thân hành thiện ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại vương, đó là thân hành không có tội.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, thế nào là thân hành không có tội ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại vương, đó là những thân hành mà kẻ trí không ghê tởm.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi;

— Này A-nan, thế nào là những thân hành mà kẻ trí không ghê tởm ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đối với pháp nên hành, vị ấy biết như thật và đối với pháp không nên hành, cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp không nên hành đã biết như thật và đối với pháp không nên hành cũng biết như thật, vị ấy đối với pháp nên thủ biết như thật và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật, vị ấy đối với pháp nên đoạn trừ, biết như thật và pháp không nên đoạn trừ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp đoạn trừ đã biết như thật và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng biết như thật, vị ấy đối với pháp nên thành tựu biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng biết như thật. Sau

khi đối với pháp nên thành tựu đã biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, vị ấy đối với pháp nên hành thì hành và đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành và đối với pháp không nên hành thì không hành, vị ấy đối với pháp nên thủ thì thủ và pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ và pháp không nên thủ, thì không thủ, vị ấy đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, vị ấy đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp không nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

— Này A-nan, tại sao Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy ?

Tôn giả A-nan trả lời:

— Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly

nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đã thành tựu tất cả các pháp thiện và đoạn trừ tất cả pháp bất thiện. Ngài là bậc Thầy khuyến giáo, bậc Thầy vi diệu, bậc Thầy khéo tùy thuận, là vị Tướng điều ngự, và tùy thuận Điều ngự, là vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận, cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi:

— Hay thay ! Hay thay ! A-nan, Như Lai tất nhiên hành những pháp nên hành. Vì sao vậy ? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, là bậc Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ngài là đệ tử của đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn, vô thượng, mà còn hành những pháp ấy; huống nữa Như Lai lại không hành những pháp ấy sao ? A-nan nói khéo léo, khiến tôi hoan hỷ ! A-nan nói thật là thích thú, khiến tôi rất hoan hỷ. Nếu A-nan được phép thâu nhận thuế tô trong làng thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí thuế tô đó. Nếu A-nan được phép thâu nhận voi, ngựa, trâu, dê thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí voi, ngựa, trâu, dê đó. Nếu A-nan được phép thâu nhận đàn bà, con gái thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí đàn bà, con gái. Nếu A-nan được phép thâu nhận vàng bạc, châu báu thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí vàng bạc, châu báu.

Nhưng A-nan không được phép thâu nhận những việc như thế. Vương gia Câu-tát-la tôi có một chiếc áo tên là Bệ-ha-đề rất tốt. Tôi đặt nó trong ống cán dù, được gởi đến để làm tín. Trong các loại áo kiếp-bối của vương gia Câu-tát-la, áo nầy là bậc nhất trong tất cả. Vì sao vậy ? Áo Bệ-ha-đề dài mười sáu khủy tay, rộng tám khủy tay. Tôi nay vì pháp đem chiếc áo nầy bố thí cho A-nan. Ngài sẽ dùng nó mà may thành ba y để vương gia Câu-tát-la được mãi mãi tăng ích phước lành.

Tôn giả A-nan đáp:

— Thôi đủ rồi đại vương ! Trong tâm thỏa mãn là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa:

— Này A-nan, xin nghe tôi nói một ví dụ; người có trí tuệ nghe ví dụ, sẽ thấu rõ ý nghĩa. Ví như sau trận mưa lớn, nước đầy cả sông A-di-la-bà-đề, ngập cả hai bên bờ và chảy tràn ra ngoài. A-nan có thấy vậy không ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đại vương, tôi có thấy.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa:

— Cũng thế, này A-nan, nếu có ba y thì hãy

đem cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hay các vị tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly. Còn A-nan đem Bệ-ha-đề nầy làm thành ba y để dùng, khiến vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành.

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi biết Tôn giả A-nan chấp nhận rồi, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la y theo pháp bố thí chiếc y Bệ-ha-đề. Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Sau khi trở về không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đem chiếc y Bệ-ha-đề đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng một bên và thưa:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la vì pháp mà bố thí chiếc y Bệ-ha-đề. Vậy con xin Thế Tôn đặt đôi chân lên y Bệ-ha-đề để vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành.

Khi ấy Tôn giả để hai chân lên y Bệ-ha-đề, rồi bảo:

— Này A-nan, Thầy đã bàn luận những gì với vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì hãy kể lại cho Ta nghe.

Khi ấy Tôn giả A-nan kể lại hết những điều đã luận bàn cùng vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe, rồi chấp tay thưa:

— Con nói như vậy không xuyên tạc Thế Tôn chăng ? Con nói đúng như thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm chăng ?

Đức Thế Tôn bảo:

— Thầy nói như vậy là không xuyên tạc Ta, là nói sự thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm. Này A-nan, nếu vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi Ta bằng nghĩa nầy, với câu nầy, với văn nầy, thì Ta cũng trả lời bằng nghĩa nầy, với câu nầy, với văn nầy mà trả lời cho nhà vua. Này A-nan, nghĩa ấy đúng như những điều Thầy đã nói, Thầy nên theo đúng như thế mà thọ trì. Vì sao vậy ? Vì nói như vậy chính là nghĩa như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy; Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Trong cảnh giới nào mà giáo lệnh của vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có thể ban hành đến, trong cảnh giới đó vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la là đệ nhất. Tuy vậy, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cũng lệ thuộc sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm chán cái đệ nhất ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không ham muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

Những cảnh giới mà ánh sáng của mặt trời,

mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến, tức thế giới ngàn, trong thế giới ngàn đó có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn phất-vu-đãi, một ngàn Diêm-phù châu, một ngàn Câu-đà-ni châu, một ngàn Uất-đơn-việt, một ngàn Tu-di sơn, một ngàn Tứ đại vương thiên, một ngàn Tứ thiên vương tử, một ngàn Tam thập tam thiên, một ngàn Thích thiên Nhân-đà-la, một ngàn Diệm-ma thiên, một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử, một ngàn Đâu-suất-đà thiên, một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử, một ngàn Hóa lạc thiên, một ngàn Thiên hóa lạc thiên tử, một ngàn Tha hóa lạc thiên, một ngàn Tự tại thiên tử, một ngàn Phạm thế giới, và một ngàn Biệt phạm. Trong đó, có Phạm đại phạm là đấng phú hựu, là Tạo hóa tôn, là Tổ phụ các loài chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Nhưng Đại phạm ấy cũng lệ thuộc biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm chán cái đệ nhất ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất không còn ham muốn, huống là cái hạ tiện.

Một thời gian sau, thế giới nầy hủy diệt. Khi thế giới nầy hủy diệt, chúng sanh sanh lên cõi trời Quang Âm. Trong ấy chỉ có sắc nương theo ý mà sanh, các chi thể đầy đủ, không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực, hình sắc thanh

tịnh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài. Nhưng cõi trời Quang Âm cũng lệ thuộc biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sinh ra nhàm chán sự ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là hạ tiện.

Lại nữa, có bốn sự tưởng. Tỳ-kheo suy tưởng về tiểu tưởng, về đại tưởng, về vô lượng tưởng và vô sở hữu. Chúng sanh có thắng ý nơi lạc tưởng như vậy cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sinh nhàm chán đối với sự ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

Lại có tám thắng xứ. Thế nào là tám ? Tỳ-kheo bên trong đó có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ nhất thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ nhị thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp, hoặc

sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ tam thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ tứ thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang. Cũng như hoa thanh thủy màu xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang; cũng như áo bằng lụa ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng, tươi mát, hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc không ghê tởm; đối các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ ngũ thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang. Cũng như hoa tần-đầu-ca-la màu vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang; cũng như chiếc áo bằng thứ lụa ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ cho đến sạch tinh, sắc

sáng, tươi mát, màu vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ lục thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng như hoa ca-ni-ca-la màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang; cũng như chiếc áo bằng thứ lụa ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ, cho đến sạch tinh, sắc sáng, tươi mát, màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ thất thắng xứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc trắng, trắng hiển, trắng hiện, trắng quang. Cũng như sao Thái bạch màu trắng, trắng hiển, trắng hiện, trắng quang; cũng như chiếc áo bằng thứ lụa ba-la-nại, được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ, cho đến sạch tinh, sắc sáng, tươi mát, màu trắng, trắng hiển, trắng

hiện, trắng quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, sắc trắng, trắng hiển, trắng hiện, trắng quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ bát thắng xứ.

Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy cũng lệ thuộc sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt sanh ra nhàm chán sự ấy; nhàm chán rồi, đối với các đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

Lại nữa, có mười biến xứ. Thế nào là mười ? Các Tỳ-kheo tu tập nơi một địa biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là vô nhị, vô lượng. Tu tập nơi một thủy biến xứ, một hỏa biến xứ, một phong biến xứ, một xanh biến xứ, một vàng biến xứ, một đỏ biến xứ, một trắng biến xứ, một không biến xứ, một thức biến xứ, là thứ mười; tu tập một biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là vô nhị, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thắng ý nơi biến xứ lạc nầy cũng lệ thuộc sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy, ắt sanh ra nhàm chán sự ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

Và đây là thuyết thanh tịnh đệ nhất, là sự thi thiết tối đệ nhất, tức là "ta không có, ta không hiện hữu" và để chứng đắc điều nầy mà thiết lập nơi đạo.

Và đây là đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối y kiến xứ, tức là vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú.

Và đây là đệ nhất thú hướng Niết-bàn ngay trong hiện tại, là thi thiết tối thượng về Niết-bàn ngay trong hiện tại, tức là sáu xúc xứ, sự tập khởi, hoại diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất ly của chúng được thấy như thật bằng tuệ và để chứng đắc điều nầy mà thi thiết nơi đạo.

Lại nữa, có bốn thông hành. Thế nào là bốn ? Có lạc trì thông hành, có lạc tốc thông hành, có khổ trì thông hành, có khổ tốc thông hành. Trong đó, lạc trì thông hành là lạc đưa đến đoạn trừ chậm chạp, cho nên nói là thấp kém.

Trong đó, lạc tốc thông hành là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng, cho nên thông hành nầy cũng được nói là thấp kém.

Trong đó, khổ trì thông hành là khổ, đưa đến đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên thông hành nầy cũng được nói là thấp kém.

Trong đó, khổ tốc thông hành là khổ nầy đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng, cho nên thông hành nầy không phải là sự phát triển, không được lưu bố, cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng không tán thán và phát triển. Thông hành của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, phát triển.

Thế nào là thông hành của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố ? Đó là Tám chi Thánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là thông hành của Ta được phát triển, được lưu bố, cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố.

Ta như vậy. Nhưng các Sa-môn, Phạm chí hư ngụy, nói láo, bất thiện, không chân thật, xuyên tạc và hủy báng Ta rằng: "Quả thật có chúng sanh chủ trương sự đoạn hoại; Sa-môn Cù-đàm không có chủ trương gì." Quả thật có chúng sanh chủ trương sự đoạn hoại; nếu không, Ta đã không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết-bàn tịch tĩnh, diệt tận.

Đức Phật thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

216. KINH ÁI SANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một người Phạm chí, chỉ có độc nhất một đứa con, trong lòng hết sức yêu thương, tâm ý khắng khít, chìu chuộng. Sau khi đứa con mạng chung, người Phạm chí ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, quên cả áo chăn, quên cả trang sức, chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

— Ông nay sao hình như các căn không trú tự tâm ?

Phạm chí đáp:

— Tôi làm sao các căn có thể an trú tự tâm được ? Vì sao vậy ? Tôi chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức thương yêu, tâm ý khắng khít, chìu chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu, không thể ăn uống được, quên cả áo chăn, quên cả trang sức, chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm.

Thế Tôn hỏi:

— Thật vậy, này Phạm chí. Thật vậy, này Phạm chí. Nếu khi ái sanh, thì phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Phạm chí nói:

— Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não ? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc.

Thế Tôn đến ba lần nói như vậy.

— Thật vậy, này Phạm chí. Thật vậy, này

Phạm chí. Khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Phạm chí cũng đến ba lần nói:

— Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não ? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc.

Lúc bấy giờ, khi Phạm chí nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà lại bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi, đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

Bấy giờ ở trước cổng Thắng Lâm, có một số người thị dân đang đánh bạc. Phạm chí từ xa trông thấy, bèn nghĩ rằng: "Trong đời, nếu có những người thông minh, trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-đàm, ta sẽ kể lại hết cho họ nghe." Rồi Phạm chí đi đến số đông những người đang đánh bạc ấy, và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại hết cho họ nghe. Những người thị dân đang đánh bạc nầy nghe xong, nói rằng: "Này Phạm chí, sao lại nói khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não ? Phạm chí bên biết, khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Phạm chí nghe xong, bèn nghĩ rằng: "Điều mà người đánh bạc nói thật hết sức phù hợp với ta." Rồi ông gật đầu và đi.

Rồi vấn đề nầy lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào vương cung. Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não." Vua bèn nói với hoàng hậu Mạt-lỵ rằng:

— Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu nghe xong, thưa:

— Thật vậy, Đại vương. Thật vậy, Đại vương. Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói với hoàng hậu Mạt-ly:

— Nghe Tôn sư nói gì, thì đệ tử nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn sư của Khanh cho nên Khanh nói như vậy. Khanh là đệ tử của Ngài nên Khanh nói như vầy: "Nếu khi ái sanh, thì liền

phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu Mạt-ly thưa:

— Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hoặc hãy sai sứ đi.

Rồi vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn gọi Phạm chí Na-ly-ương-già đến và bảo:

— Ông đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà chào hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bịnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Rồi nói như vầy: "Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, có lời thăm hỏi Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bịnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng: "Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não" chăng ?" Này Na-ly-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì. Ông hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao ? Vì những người như vậy không bao giờ nói láo.

Phạm chí Na-ly-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch:

— Bạch Cù-đàm, vua Ba-tư-nặc, nước Câu-tát-la, có lời thăm hỏi Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bịnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường

chăng. Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vầy: "Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chăng ?"

Thế Tôn nói:

— Này Na-ly-ương-già, Ta nay hỏi Ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Na-ly-ương-già, Ông nghĩ sao ? Giả sử một người có mẹ đã chết; người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo, cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngỏ đường và nói như vầy: "Này các Người, có thấy mẹ tôi chăng ? Nầy các Người có thấy mẹ tôi chăng ?" Này Na-ly-ương-già, do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo, cởi quần, trần truồng chạy rong khắp các ngỏ đường, và nói rằng: "Này các Người, có thấy vợ con tôi chăng ? Này các Người, có thấy vợ con tôi chăng ?" Này Na-ly-ương-già, do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Này Na-ly-ương-già, thuở xưa, có một người đàn bà về thăm gia đình, các thân tộc của người nầy muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức

tốc trở về với bên nhà chồng, nói với chồng rằng: "Này Ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp đoạt vợ của Ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chăng ?" Người ấy bèn nắm cánh tay bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng: "Chết chung, sang đời khác với nhau ! Chết chung, sang đời khác với nhau !", rồi lấy con dao bén chém chết vợ, và mình cũng tự sát luôn. Này Na-ly-ương-già, do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Phạm chí Na-ly-ương-già, sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng, rồi trở về. Về đến chỗ vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la tâu:

— Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói như vầy: "Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe rồi, nói với hoàng hậu Mạc-ly:

— Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói như vầy: "Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não".

Hoàng hậu Mạt-ly tâu:

— Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao ? Đại vương có thương yêu đại tướng Bệ-lưu-la chăng ?

— Thật sự có yêu thương.

Mạt-ly lại hỏi:

— Nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, thì Đại vương sẽ như thế nào ?

— Mạt-ly, nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, thì tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-ly tâu:

— Do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-ly lại hỏi:

— Vương có yêu đại thần Thi-ly-a-đồ, yêu con voi Nhất-bôn-đà-ly, yêu đồng nữ Bà-di-ly, yêu Vũ-nhật-cái, yêu nước Ca-thi và Câu-tát-la chăng ?

— Thật sự có yêu thương.

Mạt-ly lại hỏi:

— Nếu nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác, thì Vương sẽ ra sao ?

— Mạt-ly, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ diệu dục là do ở hai nước nầy. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác, thì mạng sống của tôi cũng không còn, nói gì đến những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-ly tâu:

— Do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-ly lại hỏi vua:

— Ý Đại vương nghĩ sao ? Đại vương có yêu thương thần thiếp chăng ?

Vua lại đáp:

— Thật sự tôi yêu thương Khanh.

Mạt-ly lại hỏi:

— Nếu thần thiếp bất thần bị biến dịch, đổi khác, thì Vương sẽ ra sao ?

— Mạt-ly, nếu Khanh bất thần bị biến dịch, đổi khác, thì tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Mạt-ly tâu:

— Do sự kiện nầy mà biết rằng: Nếu khi ái sanh, thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói:

— Này Mạt-ly, kể từ hôm nay Sa-môn Cù-đàm do sự kiện nầy là thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-ly, tôi nay tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay trọn, đời tự quy y cho đến mạng chung.

Đức Phật thuyết như vậy; vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la và hoàng hậu Mạt-ly sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

217. KINH BÁT THÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, một số lớn các Tỳ-kheo danh đức, thượng tôn đến thành Ba-lợi Tử, trú tại Kê Viên.

Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành mang nhiều hàng hóa quí đến thành Ba-la-lị-phất để buôn bán, đổi chác. Số hàng hóa đó bán hết rất mau, được lời lớn, cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, hết sức vui mừng, bèn rời Ba-la-lị-phất, đến Kê Viên, tìm đến các Tỳ-kheo thượng tôn danh đức, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên. Các Tỳ-kheo thượng tôn danh đức thuyết pháp cho cư sĩ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành

tựu hoan hỷ, các Ngài ngồi im lặng. Rồi cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, bạch rằng:

— Bạch chư Thượng tôn, Tôn giả A-nan hiện giờ ở đâu ? Con muốn được gặp.

Các Tỳ-kheo thượng tôn đáp:

— Này Cư sĩ, Tôn giả A-nan đang ở tại thành Bệ-xá-li, bên bờ sông Di-hầu, tại Cao Lâu đài quán. Nếu muốn thăm, thì có thể đi đến đó.

Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân các Tỳ-kheo thượng tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi đi.

Cư sĩ tìm đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Bạch Tôn giả A-nan, con có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng ?

— Cư sĩ cứ hỏi. Tôi nghe rồi, sẽ suy nghĩ.

Cư sĩ hỏi:

— Bạch Tôn giả, đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, bậc đã thành tựu tuệ nhãn, thấy đệ nhất nghĩa, Ngài có dạy một pháp nào mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó, sẽ đoạn trừ các lậu được tâm giải thoát chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Đúng vậy, đức Thế Tôn có dạy pháp ấy.

Cư sĩ hỏi:

— Đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, bậc đã thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, Ngài dạy như thế nào về pháp ấy mà Thánh đệ tử nếu an trú ở đó, sẽ dứt sạch các lậu được tâm giải thoát ? Pháp ấy như thế nào ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu, thì nhờ nơi pháp nầy, do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời nầy.

Lại nữa, này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tâm cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn phương bàn, phương trên và phương dưới khắp cả mọi nơi, tâm cùng đi đôi với từ, không kết, không oán, không

nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm cùng đi đôi với bi, hỷ và xả, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy có thể an trú vào đó mà dứt sạch được các lậu hoặc. Nhưng nếu chưa dứt sạch các lậu, hoặc nhờ pháp nầy, do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn tái sanh lại đời nầy nữa.

Đây là pháp mà đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, bậc đã thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trú đó, sẽ dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Lại nữa, này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu hoặc. Nhưng nếu không dứt sạch các lậu hoặc, thì nhờ pháp nầy,

do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc, hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời nầy nữa.

Đây là pháp mà đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác, bậc đã thành tựu tuệ nhãn đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chấp tay và bạch:

— Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Tôn giả A-nan ! Con chỉ hỏi một cánh cửa cam lồ, nhưng Tôn giả đã nói cho con nghe một lần đến mười hai pháp môn cam lồ. Y theo pháp môn nào trong mười hai pháp môn ấy mà tu tập cũng đều được giải thoát an ổn.

Bạch Tôn giả A-nan, cũng như cách làng không xa, có một ngôi nhà lớn, được mở ra với mười hai cánh cửa. Một người có việc cần nên đã vào trong nhà ấy. Lại có một người khác đứng đó, nhưng không muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muốn sự an ổn cho người ấy, nên nổi lửa đốt nhà. Bạch Tôn giả A-nan, người ấy có thể theo một trong

mười hai cửa mà ra khỏi ngôi nhà bị cháy một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa cam lồ mà Ngài nói cho con nghe một lần đến mười hai cửa pháp cam lồ. Y theo một trong mười hai cửa pháp cam lồ nầy thì có thể được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong pháp luật của Phạm chí nói về pháp luật bất thiện mà còn có sự cúng dường thầy của họ, huống chi con lại không cúng dường bậc Đại sư Tôn giả A-nan.

Rồi ngay trong đêm ấy, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành bày dọn các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải dọn chỗ ngồi, cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê Viên và thành Tỳ-xá-ly hợp lại, rồi tự tay mình dâng nước rửa, dâng các thức ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; tự tay mời mọc cho đến khi chúng Tăng no đủ, phân chia các thức ăn đầy đủ cho chúng Tăng. Sau khi chúng Tăng thọ thực, thâu bát, rửa tay, cư sĩ đem năm trăm vật phẩm mua một ngôi nhà cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh, sau đó cúng cho chiêu-đề Tăng.

Tôn giả A-nan thuyết như vậy; cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ phụng hành.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (A)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong nghe Ngài cho mới dám trình bày.

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

— Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong, sẽ suy nghĩ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn bạch:

— Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ kheo chứng đắc như ý túc về Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời nầy mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng và lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (B)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa, từ Thiền tọa dậy đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên và bạch:

— Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày.

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

— Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

Khi ấy các Tỳ-kheo hỏi:

— Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán như thọ, tâm, pháp như pháp, thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ kheo cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không

phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả; tâm tương ưng với từ, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy với bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kiết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thành tựu an trú, thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng ?

Tôn giả A-nan-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng thọ diệt, thân chứng, thành tựu an trú, và do tuệ quán mà các lậu diệt tận, thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

— Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng ?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

— Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ

xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

220. KINH KIẾN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi Phật Niết-bàn không lâu; Tôn giả A-nan trú tại thành Vương Xá, trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Lúc bấy giờ có một Phạm chí dị học, vốn là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia, sau giữa trưa, thong dong tản bộ, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và nói với Tôn giả A-nan:

— A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Phạm chí, muốn hỏi cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

Phạm chí dị học bèn hỏi:

— Sự kiện nầy, những quan điểm nầy bị gác lại, bị loại bỏ, không được giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Sa-môn Cù-đàm biết rõ các quan điểm nầy đúng như lý cần phải biết chăng ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Phạm chí, đối với những quan điểm nầy, Thế Tôn, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đã gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, biết quan điểm nầy đúng như lý cần phải biết.

Phạm chí dị học lại hỏi:

— Những quan điểm nầy Sa-môn Cù-đàm gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Sa môn Cù-đàm biết rõ các quan điểm nầy đúng như lý cần phải biết như thế nào ?

Tôn giả A-nan đáp:

— Phạm chí, những quan điểm nầy được đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Này Phạm chí dị học, kiến như vậy, thủ như vậy, sanh như vậy, đến đời sau như vậy, những vấn đề như vậy là điều mà Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận;

đó là: "Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Những quan điểm ấy được biết như vậy. Các quan điểm ấy phải được biết như vậy.

Phạm chí dị học bạch:

— Nay tôi tự quy y Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan nói:

— Phạm chí, Ông đừng tự qui y nơi tôi. Cũng như tôi tự qui nơi Phật, Ông cũng nên tự quy như vậy.

Phạm chí dị học nói:

— A-nan, nay tôi tự qui y Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay đến trọn đời, con tự qui y cho đến mạng chung.

Tôn giả A-nan thuyết giảng như vậy; Phạm chí dị học nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ phụng hành.

221. KINH TIỄN DỤ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử sống một mình tại một nơi yên tĩnh, Thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Sự kiện như vầy : những quan điểm nầy bị đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt ?" Ta không hài lòng với điều nầy; ta không

nhẫn khả với điều nầy. Nếu đức Thế Tôn xác quyết cho ta biết rằng: "Thế giới hữu thường", thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho Ta biết rằng: "Thế giới hữu thường", thì ta sẽ cật vấn Ngài, rồi bỏ Ngài mà đi. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Nếu đức Thế Tôn xác quyết cho ta biết rằng: "Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng", thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: "Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng", thì ta sẽ cật vấn Ngài, rồi bỏ Ngài mà đi.".

Rồi Tôn giả Man Đồng tử, vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên và bạch:

— Bạch Thế Tôn, hôm nay con sống một mình tại một nơi yên tĩnh, Thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Sự kiện như vầy: Những quan điểm nầy bị đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay

vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt ?" Ta không hài lòng với điều nầy; ta không nhẫn khả với điều nầy." Nếu Thế Tôn biết rõ thế giới hữu thường, thì bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không biết rõ thế giới hữu thường, thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy với "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt." Nếu Thế Tôn xác quyết biết rõ rằng: Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng, thì bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết; còn nếu Thế Tôn không xác quyết biết rõ rằng: Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng, thì Ngài hãy nói thẳng là không biết.

Đức Thế Tôn hỏi:

— Này Man Đồng tử, trước kia Ta có nói với Thầy rằng: "Hãy đến đây ! Hãy theo Ta tu học

Phạm hạnh, rồi Ta sẽ nói cho nghe: "Thế giới hữu thường"" chăng ?

Man Đồng tử đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cũng vậy, với "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt." Trước kia Ta có nói với Thầy rằng: "Hãy nghe đây ! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh, rồi Ta sẽ nói cho nghe: "Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng"" chăng ?

Man Đồng tử đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Này Man Đồng tử, trước kia Thầy có nói với Ta rằng: "Nếu Thế Tôn xác quyết cho con biết "Thế giới hữu thường", thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạnh" chăng ?

Man Đồng tử đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

— Cũng vậy với "Thế giới vô thường; thế giới

hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt." Này Man Đồng tử, trước kia Thầy có nói với Ta rằng: "Nếu Thế Tôn xác quyết cho con biết rằng: "Điều nầy là chơn thật; ngoài ra đều hư vọng", thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạnh" chăng ?

Man Đồng tử đáp:

— Bạch Thế Tôn, không.

Đức Thế Tôn nói:

— Này Man Đồng tử, trước kia Ta không có nói với Thầy và Thầy cũng không có nói với Ta; Thầy quả là kẻ mê mờ; vì sao lại hư vọng xuyên tạc Ta ?

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị đức Thế Tôn khiển trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng tử, nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy:"Đức

Thế Tôn không xác quyết cho Ta biết rằng: "Thế giới hữu thường", thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh." Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

Cũng vậy với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt." Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: "Nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: "Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng", thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh." Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

Ví như một người bị trúng tên độc; do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc khởi tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc, nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng người ấy lại nói rằng: "Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Phạm

chí, Cư sĩ hay là Công sư, là người ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ hay làm bằng sừng. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu nai hay làm bằng tơ. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vàng. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng vỏ gai. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên nầy làm bằng gỗ hay bằng tre. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai hay làm bằng tơ. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên nầy kết bằng lông chim phiêu lăng, lông kên kên, lông gà trống hay lông hạc. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên nầy thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn hay mũi hình phi đao. Hãy khoan nhổ tên ! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên nầy họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc." Nhưng người ấy chưa biết được gì thì nữa chừng đã mạng chung.

Cũng vậy, nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: "Nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: "Thế giới hữu thường"thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh." Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

Cũng vậy với "Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt, vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt." Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: "Nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: "Điều nầy là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng", thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh."" Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Thế giới hữu thường", nhơn nơi quan điểm nầy mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy với "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên, hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt, vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt

diệt." Nhơn nơi những quan điểm nầy mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy.

"Thế giới hữu thường", vì có quan điểm nầy mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy với "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân, hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt." Vì có những quan điểm nầy mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy.

"Thế giới hữu thường", vì không có quan điểm nầy mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy với "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt." Vì không có quan điểm nầy mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy.

"Thế giới hữu thường," vì không có quan điểm nầy mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy với "Thế giới vô thường,

thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân, hay sinh mạng khác với thân Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt." Vì không có những quan điểm nầy mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy.

Dù "Thế giới hữu thường", thì vẫn có sự sanh, có già, có bịnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn khối lớn khổ đau nầy phát sanh. Cũng vậy, dù "Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt", thì vẫn có sanh, có già, có bịnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau nầy phát sanh.

"Thế giới hữu thường", Ta không xác quyết nói điều nầy. Vì sao ta không xác quyết nói điều nầy ? Vì điều nầy không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Vì thế Ta không xác quyết nói điều nầy. Cũng vậy, "Thế giới vô thường; thế

giới hữu biên, hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt": Ta không xác quyết nói những điều nầy. Vì sao Ta không xác quyết nói những điều nầy ? Vì những điều nầy không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Vì thế Ta không xác quyết nói những điều nầy.

Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến ? Đây là Khổ. Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích: Ta xác quyết nói. Vì sao Ta xác quyết nói những điều nầy ? Vì những điều nầy tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Vì thế Ta xác quyết nói những điều nầy.

Đó là những gì nên nói thì Ta nói, những gì không nên nói thì Ta không nói. Hãy thọ trì như vậy; hãy học như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

222. KINH LỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

— Nếu muốn đoạn trừ vô minh, thì nên tu bốn Niệm xứ.

Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn Niệm xứ ? Nếu khi đức Như Lai xuất thế, là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như

thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh, thì nên tu bốn Niệm xứ. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh, thì nên tu bốn Niệm xứ. Thế nào gọi là biệt tri vô minh thì nên tu bốn Niệm xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là, nếu muốn biệt tri vô minh, thì nên tu bốn Niệm xứ.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn Chánh đoạn ? Nếu khi đức Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; Vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện

chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh; vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là, muốn đoạn trừ minh, thì nên tu bốn Chánh đoạn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh, thì nên tu bốn Chánh đoạn.

Thế nào là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn Chánh đoạn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và

kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh; vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là, nếu muốn biệt tri vô minh, thì nên tu bốn Chánh đoạn.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn Như ý túc. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn Như ý túc ? Nếu Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu Dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu Tinh tấn định, Tâm định, tu Tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục,

y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn Như ý túc. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn Như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn Như ý túc ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn

trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu Dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu Tinh tấn định, Tâm định, tu Tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn Như ý túc.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tứ Thiền. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tứ Thiền ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp

Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu an trú. Đó gọi là, nếu muốn được đoạn trừ vô minh thì nên tu tứ Thiền. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tứ Thiền. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu tứ Thiền ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư thành tựu và an trú. Đó gọi là nếu muốn biệt trị vô minh thì nên tu tứ Thiền.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh, thì nên tu năm Căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì tu năm Căn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn

trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm Căn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Căn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là, nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Căn.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm Lực. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm Lực ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì

nên tu năm Lực. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Lực ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm Lực.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy Giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy Giác chi ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác,Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô

dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy Giác chi. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bảy Giác chi. Thế nào gọi là, nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bảy Giác chi ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu Niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm; đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bảy Giác chi.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh, thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh

kiến, cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến, cho đến tu chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Biến xứ. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Biến xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác,Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; thứ nhất là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng;

tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu vô lượng thức biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Biến xứ. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Biến xứ. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Biến xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; thứ nhất là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không biến xứ; thứ mười là tu vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Biến xứ.

Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Pháp vô học. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Pháp vô học. Nếu khi Như Lai xuất

thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác,Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí; đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười Pháp vô học. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Pháp vô học. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Pháp vô học ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười Pháp vô học.

Như vô minh, hành cũng như vậy. Như hành, thức cũng như vậy. Như thức, danh sắc cũng như vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như

vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, là bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm cho tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ. Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư. Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Niệm xứ.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy, đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ là tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Chánh đoạn.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì

nên tu bốn Như ý túc ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu Dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu Tinh tấn định, Tâm định, tu Tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Như ý túc. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Như ý túc ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu Dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu Tinh tấn định, Tâm định; tu Tư duy định như ý túc, thành tựu

đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Như ý túc.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Thiền. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Thiền ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn Thiền. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Thiền. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Thiền ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn Thiền.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Căn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Căn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử, thì nên tu năm Căn. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm Căn ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm Căn.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Lực. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Lực ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm Lực. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm Lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm Lực ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm Lực.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy Giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy Giác chi ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu niệm giác chi, y trên

viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy Giác chi. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ. Đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bảy Giác chi. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu bảy Giác chi ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bảy Giác chi.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác,

Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến, cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ. Đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười Biến xứ. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười Biến xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế,

tuệ yếu kém: thứ nhất là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu, vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy; trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì tu mười Biến xứ. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ. Đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Biến xứ. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Biến xứ ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; thứ nhất là tu, địa biến xứ, tứ duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu, vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Biến xứ.

Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười

Pháp vô học. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười Pháp vô học ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử, thì nên tu mười Pháp vô học. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó gọi là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Pháp vô học ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ là tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười Pháp vô học.

Đức Phật thuyết như vậy; các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TRUNG A-HÀM TRỌN BỘ

MỤC LỤC
KINH TRUNG A-HÀM-TẬP IV

XIV. PHẨM TÂM

STT	Tên kinh	Số trang
172.	KINH TÂM	11
173.	KINH PHÙ-DI	19
174.	KINH THỌ PHÁP (A)	33
175.	KINH THỌ PHÁP (B)	41
176.	KINH HÀNH THIỀN	51
177.	KINH THUYẾT	69
187.	KINH LẠP SƯ	85
179.	KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ	97
180.	KINH-CÙ-ĐÀM-DI	109
181.	KINH ĐA GIỚI	119
	XV. PHẨM SONG (Phần trên)	
182.	KINH MÃ ẤP (A)	135
183.	KINH MÃ ẤP (B)	143
184.	KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A)	151
185.	KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B)	169
186.	KINH CẦU GIẢI THOÁT	181

XVI. PHẨM SONG (Phần dưới)

187. KINH THUYẾT TRÍ 189
188. KINH A-DI-NA 205
189. KINH THÁNH ĐẠO 215
190. KINH TIỂU KHÔNG 225
191. KINH ĐẠI KHÔNG 233

XVII. PHẨM ĐẠI

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI 255
193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA 277
194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI 295
195. KINH A-THẤP-BỐI 317
196. KINH CHÂU-NA 339
197. KINH ƯU-BA-LY 363
198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA 373
199. KINH SI TUỆ ĐỊA 389
200. KINH A-LÊ-TRA 419
201. KINH TRÀ-ĐẾ 445

XVIII. PHẨM BÔ-LỴ -ĐA

202. KINH TRÌ TRAI 477
203. KINH BÔ-LỴ-ĐA 495
204. KINH LA-MA 515
205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KIẾT 539

206. KINH TÂM UẾ 553
207. KINH TIỄN MAO (A) 561
208. KINH TIỄN MAO (B) 573
209. KINH BỆ-MA-NA-TU 593
210. KINH PHÁP LẠC TỲ-KHEO-NI 605
211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA 623

XIX. PHẨM LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ 645
213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM 667
214. KINH BỆ-HA-ĐỀ 683
215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC 699
216. KINH ÁI SANH 707
217. KINH BÁT THÀNH 717
218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (A) 723
219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (B) 727
220. KINH KIẾN 733
221. KINH TIỄN DỤ 737
222. KINH LỆ 749

KINH TRUNG A-HÀM TRỌN BỘ

MỤC LỤC TƯƠNG ĐƯƠNG

Giữa Kinh Trung A-hàm và các Kinh Nikàya

KINH TRUNG A-HÀM		CÁC KINH NIKÀYA		
		KINH TRUNG BỘ		CÁC KINH KHÁC
Số TT	TÊN KINH	Số TT	TÊN KINH	
1	Kinh Thiện Pháp			Dhammannu-Sutam Kinh Tàng Chi
2	Kinh Trú Độ Thọ			Dàrichattaka-Sutta Kinh Tăng Chi
3	Kinh Thành Dụ			Nagara-Sutta Kinh Tăng Chi
4	Kinh Thuỷ Dụ			Udakùpama - Sutta Kinh Tăng Chi
5	Kinh Mộc Tích Dụ			Aggikkhandhopama-Sutta Kinh Tăng Chi
6	Kinh Thiện Nhân Văng			Purisagati-sutta Kinh Tăng Chi
7	Kinh Thế Gian Phước			
8	Kinh Thất Nhật			Satasuriya-sutta Kinh Tăng Chi
9	Kinh Thất Xa	24	Kinh Trạm Xe	
10	Kinh Lậu Tận	02	Kinh Tất Cả Lậu Hoặc	
11	Kinh Ví Dụ Hạt Muối			Lonaphala-Sutta Kinh Tăng Chi
12	Kinh Hòa-phá			Vappa-Sutta Kinh Tăng Chi
13	Kinh Độ			Titthàyatana-Sutta Kinh Tăng Chi
14	Kinh La-vân	61	Kinh Giáo Giới La-hầu-la ở rừng Am- bà-la	
15	Kinh Tư			
16	Kinh Già -lam			Kesaputtiyà-sutta Kinh Tăng Chi

17	Kinh Ca-di-ni			Pacchabhùmana-Sutta Kinh Tương Ưng
18	Kinh Sư Tử			Sìha-Sutta Kinh Tăng Chi
19	Kinh Ni-kiền	101	Kinh Devadaha	
20	Kinh Ba-la-lao			Pataliya-Sutta Kinh Tương Ưng
21	Kinh Đẳng Tâm			Kinh Tăng Chi
22	Kinh Thành Tựu Giới			Nirodha - Sutta Kinh Tăng Chi
23	Kinh Trí			Kalàrakatthiya-sutta Kinh Tương Ưng
24	Kinh Sư Tử Hống			Sìhanàda-sutta Kinh Tăng Chi
25	Kinh Thủy Dụ			Àghàtavinaya-Sutta Kinh Tăng Chi
26	Kinh Cù-ni-sư	69	Kinh Gulissàni	
27	Kinh Phạm chí Đà-nhiên	97	Kinh Dhananjani-sutta	
28	Kinh Giáo Hóa Bệnh	143	Kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc	
29	Kinh Đại Câu-hy-la			
30	Kinh Tượng Tích Dụ	28	Đại Kinh Dụ Dấu Chân Voi	
31	Kinh Phân Biệt Thánh Đế	141	Kinh Phân Biệt Về Sự Thật	
32	Kinh Vị Tằng Hữu Pháp	123	Kinh Hy Hữu Vị Tằng Hữu Pháp	
33	Kinh Thị Giả			
34	Kinh Bạc-câu-la	124	Kinh Bạc-câu-la	
35	Kinh A-tu-la			Pahàràda-sutta Kinh Tăng Chi
36	Kinh Địa Động			Bhùmicàla-sutta Kinh Tăng Chi
37	Kinh Chiêm-ba			Uposatha-sutta Kinh Tăng Chi

38	Kinh Úc-già Trưởng Gia (A)			Ugga-sutta Kinh Tăng Chi
39	Kinh Úc-già Trưởng Gia (B)			Ugga-sutta Kinh Tăng Chi
40	Kinh Thủ Trưởng Giả (A)			Hatthaka-sutta Kinh Tăng Chi
41	Kinh Thủ Trưởng Giả (B)			Hatthaka-sutta King Tăng Chi
42	Kinh Hà Nghĩa			Kimatthiya-sutta Kinh Tăng Chi
43	Kinh Bất Tư			Cetanà-sutta Kinh Tăng Chi
44	Kinh Niệm			Satisampajanna-sutta Kinh Tăng Chi
45	Kinh Tàm Quí(A)			
46	Kinh Tàm Quí (B)			
47	Kinh Giới (A)			
48	Kinh Giới (B)			Upanisà-sutta Kinh Tăng Chi
49	Kinh Cung Kính (A)			Gàrava-sutta Kinh Tăng Chi
50	Kinh Cung Kính (B)			nt
51	Kinh Bốn Tế			Avija-sutta, Tanhà-sutta Kinh Tăng Chi
52	Kinh Thức Ăn (A)			nt
53	Kinh Thức Ăn (B)			nt
54	Kinh Tận Trí			
55	Kinh Niết-bàn			
56	Kinh Di-hê			Meghiya-sutta Kinh Tăng Chi
57	Kinh Vị Tỳ-kheo Thuyết			Sambodhi-sutta Kinh Tăng Chi
58	Kinh Thất Bảo			Cakkavatti-sutta Kinh Tương Ưng
59	Kinh Tam Thập Nhị Tướng			Lamkkhana-sutta Kinh Trường Bộ
60	Kinh Tứ Châu			

61	Kinh Ngưu Phấn Dụ			Gomayapinda-sutta Kinh Tương Ưng
62	Kinh Tần-bệ-ta-la Vương			
63	Kinh Bệ-bà-lăng-kỳ	81	Kinh Ghatikara	
64	Kinh Thiên Sứ	130	Kinh Thiên Sứ	
65	Kinh Ô Điểu Dụ			
66	Kinh Thuyết Bổn			
67	Kinh Đại Thiên Nại Lâm	83	Kinh Makhadeva	
68	Kinh Đại Thiện Kiến Vương			Mahàsudassana-sutta Kinh Trường Bộ
69	Kinh Tam Thập Dụ			
70	Kinh Chuyển Luân Vương			Cakkavati-Sihanàda-sutta Kinh Trường Bộ
71	Kinh Bệ tứ			Pàyàsi-suttanta Kinh Trường Bộ
72	Kinh Trưởng Thọ Vương Bổn Khởi	128	Kinh Tùy Phiền Não	
73	Kinh Thiên			Gàyasi-sutta Kinh Tăng Chi
74	Kinh Bát Niệm			Anurudha-sutta Kinh Tăng Chi
75	Kinh Tịnh Bất Động Đạo	106	Kinh Bất Động Lợi Ích	
76	Kinh Úc-già-chi-la.			Bhikkhu-sutta Kinh Tương Ưng
77	Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử	68	Kinh Nalakapana	
78	Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật	49	Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh	
79	Kinh Hữu Thắng Thiên	127	Kinh A-na-luật	
80	Kinh Ca-hy-na			
81	Kinh Niệm Thân	119	Kinh Thân Hành Niệm	

82	Kinh Chi-ly-di-lê			Hatthisàriputta-sutta Kinh Tăng Chi
83	Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thùy Miên			Pacalàyamàna-sutta Kinh Tăng Chi
84	Kinh Vô Thích			Kanthaka-sutta Kinh Tăng Chi
85	Kinh Chân Nhân	113	Kinh Chân Nhân	
86	Kinh Thuyết Xứ	148	Kinh Sáu Sáu	
87	Kinh Uế Phẩm	5	Kinh Không Uế Nhiễm	
88	Kinh Cầu Pháp	3	Kinh Thừa Tự Pháp	
89	Kinh Tỳ-kheo Thỉnh	15	Kinh Tư Lượng	
90	Kinh Tri Pháp			Maha-Cunda-Sutta Kinh Tăng Chi
91	Kinh Châu-na Vấn Kiến	8	Kinh Đoạn Giảm	
92	Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ			
93	Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí	7	Kinh Ví Dụ Tấm Vải	
94	Kinh Hắc Tỳ-kheo			Adhikarana-sutta Kinh Tăng Chi
95	Kinh Trụ Pháp			Thiti-sutta Kinh Tăng Chi
96	Kinh Vô			
97	Kinh Đại Nhân			Maha-Nidàna-Suttanta Kinh Trường Bộ
98	Kinh Niệm Xứ	10	Kinh Niệm Xứ	
99	Kinh Khổ Ấm (A)	13	Đại Kinh Khổ Uẩn	
100	Kinh Khổ Ấm (B)	14	Tiểu Kinh Khổ Uẩn	
101	Kinh Tăng Thượng Tâm	20	Kinh An Trú Tầm	
102	Kinh Niệm	19	Kinh Song Tầm	
103	Kinh Sư Tử Hống	11	Tiểu Kinh Sư Tử Hống	

104	Kinh Ưu-đàm-bà-la			Udumbarika-Sìhanàda suttanta Kinh Trường Bộ
105	Kinh Nguyện	6	Kinh Ước Nguyện	
106	Kinh Tưởng	1	Kinh Pháp Môn Căn Bản	
107	Kinh Lâm (A)	17	Kinh Khu Rừng	
108	Kinh Lâm (B)		nt	
109	Kinh Tự Quán Tâm (A)			Sacittavagga-sutta Kinh Tăng Chi
110	Kinh Tự Quán Tâm (B)			nt
111	Kinh Đạt Phạm Hạnh			Nibbedhika - sutta Kinh Tăng Chi
112	Kinh A-nô-đa			Purisin-dgiyañana-sutta Kinh Tăng Chi
113	Kinh Chư Pháp Bổn			Mùlaka-Sutta Kinh Tăng Chi
114	Kinh Ưu-đà-la			Uddaka-sutta Kinh Tương Ưng
115	Kinh Mật Hoàn Dụ	18	Kinh Mật Hoàn	
116	Kinh Cù-đàm-di			Gotamì-sutta Kinh Tăng Chi
117	Kinh Nhu Nhuyến			Sukhumàla-sutta Kinh Tăng Chi
118	Kinh Long Tượng			Nàga-sutta Kinh Tăng Chi
119	Kinh Thuyết Xứ			Kathavatthu-sutta Kinh Tăng Chi
120	Kinh Thuyết Vô Thường			Arahanta-sutta Kinh Tương Ưng
121	Kinh Thỉnh Thỉnh			Pavàrana-Sutta Kinh Tương Ưng
122	Kinh Chiêm-ba			Kàrandava-sutta Kinh Tương Ưng
123	Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức			Sona-sutta Kinh Tăng Chi
124	Kinh Bát Nạn			Akkhanà-sutta Kinh Tăng Chi

125	Kinh Bần Cùng			Dàlidya-sutta Kinh Tăng Chi
126	Kinh Hành Dục			Kàmabbogi-sutta Kinh Tăng Chi
127	Kinh Phước Điền			Sammacitta-Nagga-sutta Kinh Tăng Chi
128	Kinh Ưu-bà-tắc			Gihìutta Kinh Tăng Chi
129	Kinh Oán Gia			Kodhana-sutta Kinh Tăng Chi
130	Kinh Giáo Đàm-di			Dhammika-sutta Kinh Tăng Chi
131	Kinh Hàng Ma	50	Kinh Hàng Ma	
132	Kinh Lại-tra-hòa-la	82	Kinh Ratthapàla	
133	Kinh Ưu-ba-ly	56	Kinh Ưu-Ba-ly	
134	Kinh Thích Vấn			Sakkapañha -sutta
135	Kinh Thiện Sanh			Singalovàda-Suttata Kinh Trường Bộ
136	Kinh Thương Nhơn Cầu Tài			Valàhassa
137	Kinh Thế Gian			Loka-sutta Kinh Tăng Chi
138	Kinh Phước			Pacala-sutta Kinh Tăng Chi
139	Kinh Tức Chỉ Đạo			Vijaya-sutta Sn
140	Kinh Chí Biện			Jìvika-sutta It
141	Kinh Dụ			Appamàda-sutta Kinh Tương Ưng
142	Kinh Vũ Thế			Vassakàra-sutta Kinh Tăng Chi
143	Kinh Thương-ca-la			Sangarava-sutta Kinh Tăng Chi
144	Kinh Toán Số Mục-kiền-liên	107	Kinh Ganakamoggallana	
145	Kinh Cù-mặc Mục-kiền-liên	108	Kinh Gopakamoggallana	

146	Kinh Tượng Tích Dụ	27	Tiểu Kinh Dụ Dấu Chân Voi	
147	Kinh Văn Đức			
148	Kinh Hà Khổ			Sumanà-sutta Kinh Tăng Chi
149	Kinh Hà Dục			Khattiya-sutta Kinh Tăng Chi
150	Kinh Uất-sậu-ca-la	96	Kinh Esukari	
151	Kinh Phạm Chí A-nhiếp-hòa	93	Kinh Assalàyana	
152	Kinh Anh Võ	99	Kinh Subha	
153	Kinh Man-nhàn-đề	75	Kinh Magandiya	
154	Kinh Bà-la-bà-đường			Aggañña-suttanta Kinh Trường Bộ
155	Kinh Tu-đạt-đa			Valàma-sutta Kinh Tăng Chi
156	Kinh Phạm Ba-la-diên			Bramanadhammika-Cutta Sn II
157	Kinh Hoàn Lô Viên			Veranja-sutta Kinh Tăng Chi
158	Kinh Đầu-na			Dona-sutta Kinh Tăng Chi
159	Kinh A-già-la-ha-na			
160	Kinh A-lan-na			Araka-sutta Kinh Tăng Chi
161	Kinh Phạm Ma	91	Kinh Brahmàyu	
162	Kinh Phân Biệt Lục Giới	140	Kinh Giới Phân Biệt	
163	Kinh Phân Biệt Lục Xứ	137	Kinh Phân Biệt Sáu Xứ	
164	Kinh Phân Biệt Quán Pháp	138	Kinh Tổng Thuyết Và Biệt Thuyết	
165	Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiền	133	Kinh Đại Ca chiên-diên Nhất Dạ Hiền Giả	
166	Kinh Thích Trung Thiền Thất Tôn	134	Kinh Lomasakangiya Nhất Dạ Hiền Giả	

167	Kinh A-nan Thuyết	132	Kinh A-nan Nhất Dạ Hiền Giả	
168	Kinh Ý Hành	120	Kinh Hành Sanh	
169	Kinh Câu-lâu-sấu Vô Tránh		Kinh Vô Tránh Phân Biệt	
170	Kinh Anh Vũ	135	Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt	
171	Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp	136	Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt	
172	Kinh Tâm			Ummagga-sutta Kinh Tăng Chi
173	Kinh Phù-di	126	Kinh Phù-di	
174	Kinh Thọ Pháp (A)	45	Tiểu Kinh Pháp Hành	
175	Kinh Thọ Pháp (B)	46	Đại Kinh Pháp Hành	
176	Kinh Hành Thiền			
177	Kinh Thuyết			
178	Kinh Lạp Sư	25	Kinh Bẫy Mồi	
179	Kinh Ngũ Chi Vật Chủ	78	Kinh Samanamandika	
180	Kinh Cù-đàm-di	142	Kinh Phân Biệt Cúng Dường	
181	Kinh Đa Giới	115	Kinh Đa Giới	
182	Kinh Mã Ấp (A)	39	Đại Kinh Xóm Ngựa	
183	Kinh Mã Ấp (B)	40	Tiểu Kinh Xóm Ngựa	
184	Kinh Ngưu Giác Sa-la-Lâm (A)	32	Đại Kinh Rừng Sừng Bò	
185	Kinh Ngưu Giác Sa-la-Lâm (B)	31	Tiểu Kinh Rừng Sừng Bò	
186	Kinh Cầu Giải	47	Kinh Tư Sát	
187	Kinh Thuyết Trí	112	Kinh Sáu Thanh Tịnh	
188	Kinh A-di-na			Ajina-sutta Kinh Tăng Chi

189	Kinh Thánh Đạo	117	Đại Kinh Bốn Mươi	
190	Kinh Tiểu Không	121	Kinh Tiểu Không	
191	Kinh Đại Không	122	Kinh Đại Không	
192	Kinh Ca-lâu-ô-đà-di	66	Kinh Ví dụ Con Chim Cáy	
193	Kinh Mâu-lê-phá-quần-na	21	Kinh Ví Dụ Cái Cưa	
194	Kinh Bạt-đà-hòa-lợi	65	Kinh Bhaddali	
195	Kinh A-thấp-bối	70	Kinh Kitagira	
196	Kinh Châu-na	104	Kinh Làng Soma	
197	Kinh Ưu-ba-ly			
198	Kinh Điều Ngự Địa	125	Kinh Điều Ngự Địa	
199	Kinh Si tuệ Địa	129	Kinh Hiền Ngu	
200	Kinh A-lê-tra	22	Kinh Ví Dụ Con Rắn	
201	Kinh Trà-đế	38	Đại Kinh Đoạn Tận Ái	
202	Kinh Trì Trai			Visàkhà-sutta Kinh Tăng Chi
203	Kinh Bô-ly-đa	54	Kinh Potaliya	
204	Kinh La-ma	26	Kinh Thánh Cầu	
205	Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết	64	Kinh Mahà-Malunkya	
206	Kinh Tâm Uế	16	Kinh Tâm Hoang Vu	
207	Kinh Tiễn Mao (A)	77	Kinh Mahà-Sakuludàyi	
208	Kinh Tiễn Mao (B)	79	Tiểu Kinh Thiện Sanh Ưu-đà-di	
209	Kinh Bệ-ma-na-tu	80	Kinh Vekhanassa	
210	Kinh Pháp Lạc Tỳ-kheo ni	44	Tiểu Kinh Phương Quảng	
211	Kinh Đại-câu-hy-la	43	Đại Kinh Phương Quảng	
212	Kinh Nhất Thiết Trí	90	Kinh Kannakatthala	
213	Kinh Pháp TrangNghiêm	89	Kinh Pháp Trang Nghiêm	

214	Kinh Bệ-ha-đề	88	Kinh Bahitika	
215	Kinh Đệ Nhất Đắc			Kosana-sutta Kinh Tăng Chi
216	Kinh Ái Sanh	87	Kinh Ái Sanh	
217	Kinh Bát Thành	52	Kinh Bát Thành	
218	Kinh A-na-luật-đà (A)			
219	Kinh A-na-luật-đà (B			
220	Kinh Kiến			Avyàkata-sutta Kinh Tăng Chi
221	Kinh Tiễn Dụ	63	Tiểu Kinh Malunkya	
222	Kinh Lệ			

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM

KINH TRUNG A HÀM

TẬP IV

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4 – Lô 11 - Trần Duy Hưng – Hà Nội
ĐT: 04.5566701 – Fax: 04.5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập	:	Nguyễn Thị Hà
Ban thực hiện		
Thượng Toạ	:	Thích Thiện Minh
Đại Đức	:	Thích Bửu Chánh
Đại Đức	:	Thích Viên Trí
Đại Đức	:	Thích Tâm Minh

Liên doanh thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm – Phú Nhuận- Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 8448893 _ FAX: 08. 9974447

Số lượng in: 500 bản. Khổ 14.5 x 20.5cm
Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
Số xuất bản: 78 – 131 / XB – QLXB. Ngày 3-2-2005
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2005.


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
VIỆT-NAM